NGUYỄN THÀNH LÊ

CUỘC ĐÀM PHÁN PARI VỀ VIỆT NAM (1968-1973)

(Xuất bản lần thứ hai có sửa chữa, bổ sung)

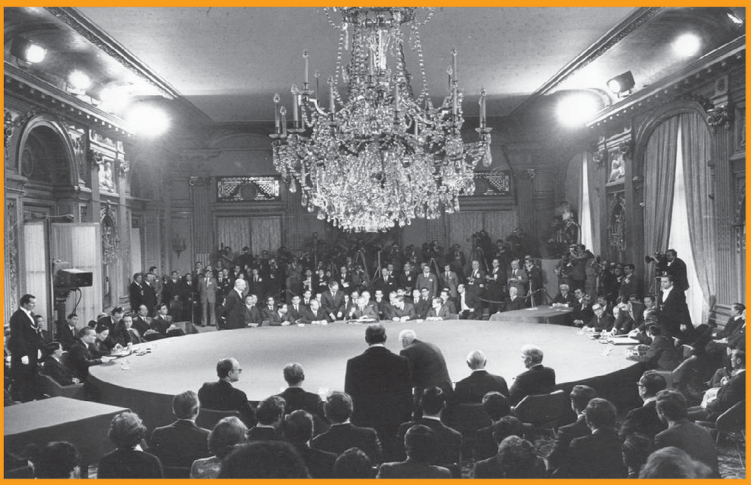

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM CHÍ THÀNH

Chịu trách nhiệm nội dung:
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. ĐỖ QUANG DŨNG

Biên tập nội dung:	ThS. CÙ THỊ THÚY LAN
	ThS. NGUYỄN THỊ HẢI BÌNH
	NGUYỄN THỊ THÀNH GIANG
	TRẦN PHAN BÍCH LIỄU
Trình bày bìa:	ĐƯỜNG HỒNG MAI
Chế bản vi tính:	BÙI THỊ TÁM
Đọc sách mẫu:	PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
	BÙI BỘI THU

Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 1360-2020/CXBIPH/2-301/CTQG.

Số quyết định xuất bản: 4998-QĐ/NXBCTQG, ngày 09/6/2020.

Nộp lưu chiểu: tháng 6 năm 2020.

Mã số ISBN: 978-604-57-5655-3.

CUỘC ĐÀM PHÁN PARI VỀ VIỆT NAM (1968-1973)

Biên mục trên xuất bản phẩm
của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Nguyễn Thành Lê

Cuộc đàm phán Pari về Việt Nam (1968-1973)/ Nguyễn Thành Lê. - H. : Chính trị Quốc gia, 2018. - 318tr. ; 24cm

1. Lịch sử 2. 1968-1973 3. Hiệp định Pari 4. Hòa bình 5. Việt Nam

959.7043 - dc23

CTF0318p-CIP

NGUYỄN THÀNH LÊ

CUỘC ĐÀM PHÁN PARI VỀ VIỆT NAM (1968-1973)

(Xuất bản lần thứ hai có sửa chữa, bổ sung)

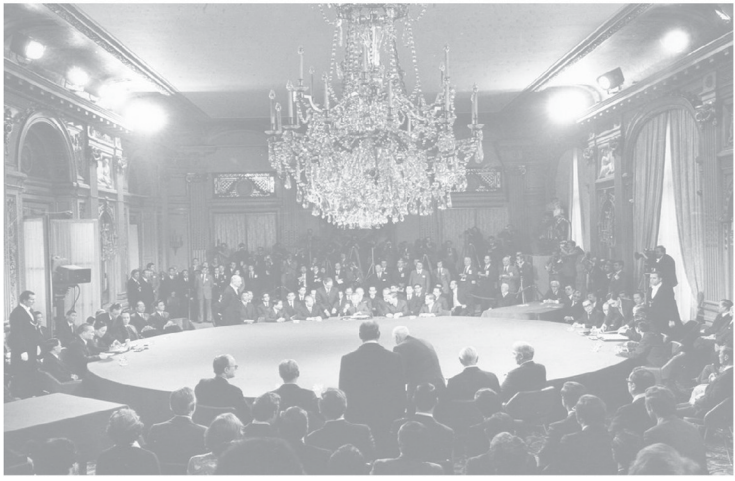

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2018

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Cách đây 50 năm, sau những thắng lợi vang dội của quân dân ta và những thất bại liên tiếp của Mỹ - ngụy, cuộc đàm phán để bàn về giải pháp hòa bình cho cuộc chiến tranh Việt Nam giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hợp chúng quốc Hoa Kỳ đã được tổ chức tại Pari (Pháp).

Cuộc đàm phán Pari về Việt Nam kéo dài gần năm năm thực sự là cuộc đấu tranh vô cùng gay go, phức tạp, đầy kịch tính trên mặt trận ngoại giao của chúng ta và cuối cùng đã đi đến thắng lợi, góp phần quan trọng vào chiến thắng chung của dân tộc.

Xoay quanh cuộc đàm phán lịch sử này có biết bao nhiêu sự kiện, bao nhiêu diễn biến phức tạp... mà đến nay chưa có cuốn sách nào đề cập một cách có hệ thống, đầy đủ.

Nhằm đáp ứng mong mỏi của bạn đọc quan tâm đến quá trình diễn biến của cuộc đàm phán, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật tái bản cuốn sách ***Cuộc đàm phán Pari về Việt Nam (1968-1973)*** của đồng chí Nguyễn Thành Lê, người đã có vinh dự là nhân chứng lịch sử, thành viên kiêm phát ngôn báo chí của Đoàn đàm phán đại diện Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Hội nghị Pari. Trong lần xuất bản này, chúng

tôi có bổ sung thêm hai bài của tác giả cuốn sách viết về cuộc đàm phán Pari, đăng trên báo *Nhân dân* để bạn đọc có thêm tài liệu tham khảo.

Có thể nội dung cuốn sách chưa phản ánh được đầy đủ mọi khía cạnh, diễn biến phức tạp của cuộc đàm phán, nhưng chúng tôi hy vọng nó sẽ cung cấp thêm một số thông tin và tư liệu bổ ích để bạn đọc tìm hiểu và nghiên cứu vấn đề này.

Xin giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 01 năm 2018

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

LỜI NÓI ĐẦU

Từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, hoạt động ngoại giao của ta phong phú, đa dạng. Nhà nước ta đã cử đại biểu dự nhiều hội nghị quốc tế như Hội nghị Đà Lạt, Hội nghị Phôngtennơblô, Hội nghị Giơnevơ (1954) về Đông Dương, Hội nghị Giơnevơ (1961-1962) về Lào, Cuộc đàm phán Pari về Việt Nam (1968-1973), v.v..

Hình như chưa một hội nghị nào kể trên được thuật lại từ đầu chí cuối và in thành sách. Những người quan tâm đến hoạt động đối ngoại cho đó là một thiệt thòi lớn.

Nhiều bạn đọc gặp anh chị em đã tham gia đàm phán Pari, thúc giục viết sách. Đã có những đáp ứng bước đầu. Tuy nhiên viết chi tiết, đầy đủ về cuộc đàm phán, đòi hỏi nhiều điều kiện, nhiều công phu, nhiều thời giờ.

Cuốn sách nhỏ này chỉ mới là một phác thảo, chắc chắn còn nhiều khuyết điểm, nhược điểm. Rất mong được sự góp ý kiến của bạn đọc.

Chúng tôi chân thành cảm tạ nhiều đồng chí đã tận tình giúp đỡ chúng tôi về nhiều mặt trong việc viết cuốn sách nhỏ này.

NGƯỜI VIẾT

Phần thứ nhất

CUỘC ĐẤU TRANH TẠI BÀN ĐÀM PHÁN ĐÒI MỸ CHẤM DỨT NÉM BOM VÀ CÁC HÀNH ĐỘNG CHỐNG VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA

(Từ ngày 10-5-1968 đến 31-10-1968)

Chương I

BỐI CẢNH CHÍNH TRỊ, QUÂN SỰ DẪN ĐẾN CUỘC ĐÀM PHÁN Ở PARI

Ngay từ cuối những năm 1940, Mỹ đã can thiệp vào Việt Nam và cả Đông Dương bằng cách chi viện ngày càng nhiều cho thực dân Pháp trong cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất (1945-1954). Mỹ đã lập ra phái đoàn viện trợ quân sự Mỹ đông tới mấy trăm người để giúp thực dân Pháp. Vào những năm 1952-1953, Mỹ đài thọ tới 80% chi phí chiến tranh của Pháp ở Đông Dương.

Sáu đời Tổng thống Mỹ kế tiếp nhau đã dính líu ngày càng sâu vào Việt Nam (kể từ H. Tơruman đến G. Pho).

Mỹ đã phá hoại Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương, âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam. Mỹ đã lần lượt tiến hành nhiều chiến lược như chiến lược "Chiến tranh đặc biệt", chiến lược "Chiến tranh cục bộ"... chống Việt Nam.

Cùng với các phương tiện chiến tranh hiện đại và những khoản tiền khổng lồ đổ vào miền Nam Việt Nam,

từ đầu những năm 1960, Mỹ đã không ngừng đưa quân Mỹ vào miền Nam Việt Nam. Năm 1961, số nhân viên quân sự Mỹ ở Nam Việt Nam là 700 người, năm 1962 lên tới 3.400 người, đến cuối năm 1964 lên đến 23.000 người. Tháng 7-1965, số nhân viên này là 75.000 người, cuối năm 1965: 184.000 người, năm 1966: 383.500 người, giữa năm 1967: 420.000 người, tháng 6-1968 lên tới 525.000 người. Tiếp theo sự kiện Vịnh Bắc Bộ do Mỹ dàn dựng (tháng 8-1964), Mỹ đã leo thang chiến tranh bằng cách tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc Việt Nam, chủ yếu bằng không quân và hải quân.

Tiến hành chiến tranh phá hoại, ném bom miền Bắc Việt Nam, chính quyền Mỹ nuôi ảo tưởng có thể khuất phục được nhân dân Việt Nam bằng sức mạnh của bom đạn và bạo tàn. Theo báo cáo của Oétmolen, chính quyền Mỹ hy vọng có thể rút quân vào cuối năm 1965. Nhưng càng đánh, Mỹ càng sa lầy, nội bộ Mỹ càng mâu thuẫn.

Báo cáo của Taylo, Đại sứ Mỹ bên cạnh chính quyền ngụy Sài Gòn gửi Tổng thống Giônxơn đầu năm 1965 viết: "Hiện nay chúng ta đã bị cuốn vào một quá trình thất bại và chúng ta phải mạo hiểm tiến hành một sự thay đổi. Bây giờ mà không tiến hành những hoạt động tích cực thì phải chấp nhận sự thất bại trong một tương lai tương đối gần"[1].

---

1. Giônxơn: *Hồi ký về cuộc đời làm tổng thống,* Nxb. Buchet - Chastel, Pari, 1972, tr. 157.

Tháng 7-1965, Mắc Namara (McNamara) đã đề ra ba phương án sau khi đi khảo sát ở miền Nam Việt Nam:

1. Rút khỏi Việt Nam.

2. Duy trì cơ bản hiện trạng.

3. Tăng cường can thiệp, tăng quân, tránh thất bại, cố đi tới một giải pháp thuận lợi về lâu về dài.

Trong hồi ký của mình, Giônxơn đã thổ lộ rằng nhiều lúc cảm thấy ngán ngẩm về cuộc chiến tranh này. Chiến tranh xâm lược Việt Nam càng kéo dài, càng leo thang thì tổn thất của Mỹ về người và của càng lớn, phong trào chống chiến tranh ở Mỹ phát triển ngày càng sâu rộng, nội bộ chính quyền Mỹ ngày càng mâu thuẫn, lục đục. Tháng 7-1965, G. Bôn - Thứ trưởng Ngoại giao Mỹ - nói với Giônxơn: "Tôi nhìn thấy một cuộc du hành nguy hiểm, tôi rất lo trong điều kiện như vậy làm sao có thể thắng được đối phương"[1].

Clípphót lúc đó là Chủ tịch Ủy ban tư vấn thông tin về nước ngoài, về sau làm Bộ trưởng Quốc phòng, nói: "Tôi không tin rằng chúng ta có thể thắng được ở miền Nam Việt Nam"[2].

Thượng nghị sĩ Menphin bày tỏ sự hoài nghi và chống đối. Nhiều nhân vật trong chính giới Mỹ nhận định cuộc chiến tranh của Mỹ tiến hành ở Việt Nam là cuộc chiến tranh nguy hiểm, tốn kém và mất lòng dân. Mặc dù sự chống đối trong nhân dân Mỹ và chính giới

---

1, 2. Giônxơn: *Hồi ký về cuộc đời làm tổng thống, Sđd,* tr. 184, 186.

Mỹ ngày càng tăng, Giônxơn và tập đoàn hiếu chiến ở Mỹ vẫn lao sâu vào cuộc chiến. Tháng 10-1966, tại Manila (Philíppin), Giônxơn đã đưa ra cái gọi là "Học thuyết Giônxơn", gồm bốn điểm:

- Chống lại "kẻ xâm lược" (ý nói chống lại Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa).

- Chống đói nghèo, ngu dốt, bệnh tật.

- Hợp tác kinh tế.

- Tìm kiếm hòa bình.

Giônxơn tóm tắt bốn điểm đó trong công thức "tay phải tiến công, tay trái đưa ra đề nghị hòa bình".

Giônxơn luôn luôn nói đến tìm kiếm hòa bình nhằm che giấu cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam, xoa dịu dư luận Mỹ không ngớt đòi chính quyền Mỹ phải lập lại hòa bình ở Việt Nam. Một mục đích khác của Giônxơn là mở ra một lối thoát cho cuộc chiến tranh mà Mỹ nhận thấy không có hy vọng thắng. Trong hồi ký, Giônxơn kể lại rằng chính quyền Mỹ đã thông qua nhiều nước, nhiều nhân vật để tìm kiếm hòa bình với Việt Nam nhưng không mang lại kết quả. Theo Giônxơn, năm 1965 đã có 17 cuộc vận động hòa bình, năm 1966 có 21 cuộc, năm 1967 có 21 cuộc và đầu năm 1968 có 3 cuộc. Giônxơn cũng thường hay nói Mỹ sẵn sàng ngồi vào bất cứ bàn đàm phán nào, thảo luận mọi vấn đề về chiến tranh Việt Nam.

Trước tình hình Mỹ ngày càng leo thang, dấn sâu vào cuộc chiến tranh ở Việt Nam, nhân dân ta đã kiên cường chống lại đế quốc Mỹ xâm lược, không quản hy sinh gian khổ. Đi đôi với đấu tranh quyết liệt và thắng lợi to lớn, liên tiếp trên mặt trận quân sự, Đảng và Nhà nước ta ngày càng chú trọng nâng cao vị trí và vai trò của đấu tranh ngoại giao. Ngày 22-3-1965, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đã đưa ra lập trường năm điểm. Ngày 08-4-1965, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa công bố lập trường bốn điểm. Hội nghị Trung ương lần thứ 12 (khóa III) họp tháng 12-1965 đã đề ra nhiệm vụ đẩy mạnh đấu tranh chính trị và ngoại giao. Hội nghị Trung ương lần thứ 13 họp tháng 01-1967 nhấn mạnh đấu tranh ngoại giao giữ một vai trò quan trọng, tích cực và chủ động trên cơ sở nắm vững những phương châm: Phát huy thế mạnh, thế thắng của ta, chủ động tiến công địch; giữ vững tính độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các nước xã hội chủ nghĩa trên cơ sở giữ vững các quyền dân tộc cơ bản, cần vận dụng sách lược ngoại giao khôn khéo. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 14 họp tháng 01-1968 nêu rõ: Công tác ngoại giao phải nhằm tiến công địch trong lúc chúng đang lúng túng về quân sự và chính trị, đồng thời mở đường cho địch đi vào thương lượng theo hướng có lợi nhất cho ta.

Đêm 30 rạng ngày 31-01-1968, quân và dân ta mở đầu cuộc tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt ở miền Nam Việt Nam. Theo hồi ký của Giônxơn, quân dân ta đã đánh

vào 35 trên 44 tỉnh lỵ, 5 trên 6 thành phố lớn, 25% tổng số huyện lỵ. Thông cáo của ta cho biết trong 45 ngày đêm tổng tiến công và nổi dậy, quân và dân ta đã diệt và bắt gọn 145.000 tên địch, bắn rơi và phá hủy 2.200 máy bay, phá 2.500 xe quân sự.

Chính Giônxơn cũng phải thừa nhận: "Cố gắng của đối phương đã gây ra một hậu quả tác động xấu đến một số người trong và ngoài Chính phủ", "nhân dân Mỹ và một số nhân vật trong chính quyền bắt đầu nghĩ rằng chúng ta (Mỹ) đã thất bại"[1]. Dù cố biện bạch nhằm làm giảm tác động của cuộc tổng tiến công, nhưng Giônxơn vẫn phải thừa nhận tổng tiến công Tết Mậu Thân là "một sự choáng váng đối với tất cả người Mỹ"[2].

Hămphơrây, Phó Tổng thống Mỹ, thú nhận: "Tổng tiến công Tết đã giáng cho chúng ta một đòn đích đáng"[3].

Trong khi ở miền Nam quân và dân ta giành được những thắng lợi vang dội thì ở miền Bắc, chúng ta đã bắn rơi 2.479 máy bay địch (tính đến ngày 31-10-1967). Mắc Namara và nhiều tướng Mỹ đã thú nhận: Ném bom miền Bắc không ngăn cản được đối phương thâm nhập miền Nam.

Chính trong tình hình đó, ngày 31-3-1968, Giônxơn đã đọc diễn văn nêu ra ba điểm:

1. Không tiến công miền Bắc Việt Nam bằng máy bay và tàu chiến, trừ khu vực phía Bắc khu phi quân sự;

1, 2, 3. Giônxơn: *Hồi ký về cuộc đời làm tổng thống, Sđd,* tr. 64, 504 và 125.

2. Hy vọng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có bước nhân nhượng để có thể chấm dứt hoàn toàn việc ném bom miền Bắc Việt Nam;

3. Hy vọng đi tới hội nghị hòa bình với tinh thần "tìm kiếm một nền hòa bình trong danh dự" dù phải trả giá như thế nào, dù phải cố gắng như thế nào, dù phải hy sinh như thế nào để đáp ứng đòi hỏi của nhiệm vụ đó[1].

Cũng trong diễn văn ngày 31-3-1968, Giônxơn tuyên bố sẽ không ra ứng cử tổng thống nhiệm kỳ tới.

Tuyên bố của Giônxơn thực chất là sự công khai thừa nhận đế quốc Mỹ và trực tiếp là chính quyền Giônxơn đã thất bại nặng nề trong chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Ngày 03-4-1968, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra tuyên bố nêu rõ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẵn sàng cử đại diện tiếp xúc với Mỹ để xác định việc Mỹ chấm dứt hoàn toàn và không điều kiện việc Mỹ ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Việt Nam đã chủ động đưa ra đề nghị về địa điểm họp là Phnôm Pênh.

Trước sách lược ngoại giao linh hoạt, sắc bén và kịp thời của ta, đối phương rất lúng túng, bị động đồng thời cũng tỏ ra rất ngoan cố. Vì thế, phải mất 30 ngày hai bên mới thỏa thuận được về địa điểm họp ở Pari, theo sáng kiến của ta.

---

1. Giônxơn: *Hồi ký về cuộc đời làm tổng thống, Sđd,* tr. 125.

Tình hình thế giới trước ngày diễn ra cuộc hội đàm chính thức giữa ta và Mỹ hết sức phức tạp. Sự đối đầu giữa hai hệ thống xã hội trên thế giới, giữa hai cực Liên Xô và Mỹ rất sâu sắc và toàn diện. Nét nổi bật nhất của sự đối đầu thể hiện ở cuộc chạy đua vũ trang, phát triển vũ khí hạt nhân. Những cuộc xung đột khu vực cũng là thể hiện sự đối đầu giữa hai hệ thống chính trị xã hội trên thế giới, giữa phong trào đấu tranh giành và giữ độc lập dân tộc với chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân do Mỹ đứng đầu. Nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới, nhiều giới chính trị, kinh tế, xã hội ở các nước đế quốc lo ngại trước nguy cơ của cuộc chiến tranh thế giới mới; lo ngại nguy cơ chiến tranh hạt nhân; lo ngại chiến tranh khu vực phát triển thành chiến tranh thế giới. Do đó, dư luận rộng rãi trên thế giới một mặt ủng hộ mạnh mẽ cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược, mặt khác mong muốn Việt Nam ngồi vào bàn thương lượng để giải quyết chiến tranh Việt Nam bằng phương pháp hòa bình.

Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế cũng như hệ thống xã hội chủ nghĩa xuất hiện những mâu thuẫn, bất đồng. Quan hệ Xô - Trung ngày càng xấu, dẫn đến cuộc xung đột quân sự đầu năm 1969 ở Uxuri. Hai nước xã hội chủ nghĩa lớn nhất đã dành cho ta sự giúp đỡ rất to lớn nhưng lại theo đuổi những chiến lược và sách lược khác nhau. Liên Xô mong muốn chúng ta

sớm ngồi vào bàn hội nghị để sớm giải quyết vấn đề Việt Nam bằng thương lượng hòa bình. Có lúc Liên Xô muốn cùng Anh triệu tập tại Hội nghị Giơnevơ về Việt Nam.

Cho tới cuối năm 1968, Ban lãnh đạo Trung Quốc không tán thành ta thương lượng với Mỹ, không tán thành ta tiếp xúc với Mỹ để đòi Mỹ chấm dứt hoàn toàn ném bom miền Bắc. Lập luận của lãnh đạo Trung Quốc là đòi chấm dứt ném bom miền Bắc rồi ngồi vào thương lượng là tách hai vấn đề Nam Bắc Việt Nam một cách nguy hiểm; rằng ngồi vào đàm phán bốn bên là trao quyền chủ lực cho Mỹ...

Đứng trước tình hình phức tạp kể trên, Đảng và Nhà nước ta phải phát huy tinh thần độc lập và tự chủ, phối hợp chặt chẽ các hình thức đấu tranh chính trị, quân sự, ngoại giao; đồng thời tranh thủ đến mức cao nhất sự ủng hộ của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác, cũng như sự ủng hộ tinh thần và vật chất của nhân dân thế giới. Chúng ta quyết tâm giành những thắng lợi to lớn ở chiến trường, đồng thời giương cao ngọn cờ hòa bình và thiện chí, phân hóa và cô lập đối phương.

Chương II

CUỘC ĐÀM PHÁN CHÍNH THỨC GIỮA VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA VÀ MỸ

(Từ ngày 10-5-1968 đến 31-10-1968)

Từ đầu tháng 4-1968, Đảng và Nhà nước ta đã cử đồng chí Xuân Thủy, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ trưởng, làm đại diện của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong cuộc đàm phán giữa ta và Mỹ. Tham gia đàm phán cùng với đồng chí Xuân Thủy còn có một số cố vấn. Đến đầu tháng 5-1968, Đảng ta cử đồng chí Lê Đức Thọ, Ủy viên Bộ Chính trị, làm cố vấn đặc biệt cho đồng chí Xuân Thủy (thực tế đồng chí Lê Đức Thọ là người lãnh đạo cao nhất của đoàn đàm phán ta). Theo sự phân công, đồng chí Lê Đức Thọ chuyên trách công tác nghiên cứu và đặc trách những cuộc gặp bí mật với đối phương; đồng chí Xuân Thủy phụ trách những cuộc họp công khai với đối phương, công tác tuyên truyền báo chí, vận động dư luận thế giới.

Ngày 09-5-1968, đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đến Pari (đồng chí Lê Đức Thọ đến Pari ngày 03-6-1968).

Đoàn Mỹ do Hariman, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao là trưởng đoàn. Hariman là người đã từng dự những cuộc đàm phán giữa Liên Xô, Mỹ, Anh ở Têhêran và Yanta. Phó Trưởng đoàn Mỹ là Venxơ - Thứ trưởng Bộ Quốc phòng Mỹ.

Trong hai ngày 10 và 11-5-1968, chuyên viên của hai đoàn đã gặp nhau bàn và thỏa thuận về thủ tục của cuộc nói chuyện chính thức giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ. Ngày 13-5-1968, đã tiến hành phiên họp chính thức giữa hai bên.

Cuộc đàm phán chính thức giữa hai bên để xác định việc Mỹ chấm dứt hoàn toàn và không điều kiện ném bom miền Bắc Việt Nam đã trải qua 28 phiên họp chính thức, 21 cuộc gặp riêng, bí mật. Cuộc đấu tranh ngoại giao này đã diễn ra dưới ba hình thức chủ yếu là:

+ Đấu tranh trong các phiên họp công khai, chính thức;

+ Đấu tranh và thương lượng trong các cuộc gặp riêng, bí mật;

+ Đấu tranh bằng dư luận thông qua các cuộc họp báo, trả lời phỏng vấn các phương tiện thông tin đại chúng, các cuộc gặp với nhiều đoàn thể và tổ chức chính trị, xã hội, văn hóa của Pháp, Mỹ và nhiều nước khác.

Cuộc nói chuyện chính thức đã diễn ra qua bốn bước:

Bước thứ nhất: từ ngày 13-5-1968 đến 12-6-1968

Trong bước này ta tập trung lên án chiến tranh xâm lược của Mỹ ở hai miền Việt Nam; lên án Mỹ phá hoại Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương; lên án những tội ác chiến tranh tày trời của Mỹ; đòi Mỹ phải rút quân Mỹ và quân chư hầu về nước; phải chấm dứt hoàn toàn và không điều kiện ném bom Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; đòi Mỹ phải từ bỏ ngụy quyền Sài Gòn tay sai của Mỹ; đòi Mỹ đáp ứng lập trường bốn điểm của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và lập trường năm điểm của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Phía Mỹ cố tình tìm cách biện hộ cho chính sách xâm lược của mình, đòi có đi có lại; hứa sẽ chấm dứt ném bom hoàn toàn miền Bắc với điều kiện ta không tăng cường chiến sự ở miền Nam Việt Nam, không bắn phá vào các thành phố lớn ở miền Nam, lập lại khu phi quân sự, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ cùng rút quân ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Bước thứ hai: từ ngày 17-6-1968 đến 07-9-1968

Đặc điểm của bước này là ngoài những phiên họp công khai chính thức, đã diễn ra nhiều cuộc tiếp xúc riêng giữa cố vấn của đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với phó đoàn và một số phụ tá của đoàn Mỹ để thăm dò ý đồ của nhau. Qua những cuộc tiếp xúc riêng, bí mật, chúng ta thấy Mỹ có những yêu cầu sau đây:

1. Khôi phục khu phi quân sự.

2. Không tiến công vào các đô thị ở miền Nam.

3. Giữ mức hoạt động quân sự bình thường ở miền Nam Việt Nam.

4. Thăm dò khả năng hai bên cùng rút quân.

5. Yêu cầu để chính quyền Sài Gòn được tham gia hội đàm.

Trong bước này vì bị phê phán nhiều, phía Mỹ ít dùng hay không dùng khái niệm *có đi có lại* mà thay bằng công thức *tạo ra hoàn cảnh* để Mỹ chấm dứt hoàn toàn ném bom Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Vào giữa tháng 7-1968, phía Mỹ thay khái niệm *tạo ra hoàn cảnh* để chấm dứt ném bom hoàn toàn bằng khái niệm *cho biết điều gì sẽ xảy ra sau khi chấm dứt ném bom.*

Qua những cuộc tiếp xúc với phía Mỹ trong bước này, ta thấy rõ về cơ bản âm mưu, ý đồ của Mỹ đối với miền Nam Việt Nam vẫn chưa thay đổi, song tình thế và thời gian thôi thúc Mỹ phải tính đến chuyện chấm dứt hoàn toàn ném bom miền Bắc, tiến tới việc *giải quyết cả gói* vấn đề Việt Nam trước ngày bầu cử tổng thống ở Mỹ (ngày 05-11-1968).

Bước thứ ba: từ ngày 08-9-1968 đến 14-10-1968

Đặc biệt của bước này là có ít nhất năm cuộc gặp riêng cấp cao của hai đoàn. Ngày 08-9-1968, các đồng chí Lê Đức Thọ và Xuân Thủy gặp Hariman và Venxơ. Tiếp theo là các cuộc gặp vào các ngày 12, 15, 20 tháng 9 và 14-10-1968. Trong những cuộc gặp riêng ấy,

Mỹ vẫn cố sử dụng con bài chấm dứt hoàn toàn ném bom miền Bắc để thực hiện xuống thang ở miền Nam, đi vào kế hoạch cả gói. Phía Mỹ nhấn mạnh phương án "hai bên cùng rút quân".

Về chính trị, ngày 20-9-1968, Mỹ chính thức đưa ra yêu cầu đại diện chính quyền Sài Gòn được tham gia đàm phán sau khi chấm dứt ném bom miền Bắc, coi đó là "yếu tố quan trọng làm dễ dàng cho việc chấm dứt ném bom miền Bắc". Phía Mỹ cho đây là đề nghị mới của Mỹ. Trong những ngày cuối của bước này, phía Mỹ tạm ngừng các yêu sách của họ về quân sự như "cùng xuống thang", "cùng rút quân" ra khỏi miền Nam Việt Nam. Ngày 11-10-1968, ta hé ra khả năng đồng ý cho đại diện chính quyền Sài Gòn tham gia đàm phán. Phía Mỹ cho đây là một sự đột phá bế tắc.

Bước thứ 4: từ ngày 15 đến 31-10-1968

Trong cuộc tiếp xúc riêng ngày 15-10-1968, ta đã chính thức thông báo cho Mỹ biết là ta đồng ý cho đại diện chính quyền Sài Gòn tham gia đàm phán sau khi Mỹ chấm dứt hoàn toàn ném bom miền Bắc; đồng thời ta đòi chính quyền Sài Gòn phải thay đổi chính sách, phải tán thành nói chuyện với Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, tán thành miền Nam trung lập, tán thành thành lập Chính phủ liên hiệp.

Trong bước này, cuộc đàm phán giữa ta và Mỹ tập trung vào một số vấn đề như sau:

- Mỹ phải chính thức chấm dứt hoàn toàn và không điều kiện việc ném bom và các hoạt động chiến tranh khác chống Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

- Hai bên ra một văn kiện chung về việc Mỹ chấm dứt hoàn toàn và không điều kiện việc ném bom Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

- Cuộc đàm phán sau khi Mỹ chấm dứt hoàn toàn và không điều kiện ném bom Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẽ là giữa bốn bên hay là giữa hai phía.

Chủ trương của ta là cuộc đàm phán có bốn bên tham gia: Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Mỹ, chính quyền Sài Gòn.

Quan điểm của Mỹ là cuộc đàm phán sẽ là hai phía: Một phía là Mỹ và chính quyền Sài Gòn, một phía là Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam hoặc ai đó là tùy ta. Ý đồ của Mỹ là nhằm hạ thấp và phủ nhận địa vị và vai trò của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Phía Mỹ cố tránh ra một văn kiện chung của hai đoàn về việc Mỹ chấm dứt ném bom hoàn toàn và không điều kiện.

Qua những cuộc đàm phán, đến những ngày cuối tháng 10-1968, chúng ta đã đạt được hai yêu cầu cơ bản là:

1. Buộc Mỹ trên thực tế phải chấp nhận chấm dứt ném bom hoàn toàn và không điều kiện Việt Nam

Dân chủ Cộng hòa. Đêm 30 rạng ngày 31-10-1968, Hariman và Venxơ đã gặp các đồng chí lãnh đạo đoàn ta thông báo miệng quyết định của Tổng thống Giônxơn về việc Mỹ chấm dứt hoàn toàn ném bom và các hành động chiến tranh khác chống Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, kể từ ngày 01-11-1968.

2. Buộc Mỹ phải ngồi vào đàm phán với Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam trong một hội nghị bốn đoàn (Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, Mỹ và chính quyền Sài Gòn).

Cũng trong đêm 30 rạng ngày 31-10-1968, Hariman và Venxơ đề nghị phiên đầu tiên của Hội nghị bốn bên không họp sớm hơn ngày 06-11-1968. Trước đó, phía Mỹ đề nghị họp sớm hơn nhưng không thực hiện được vì Thiệu - Kỳ phá rối. Trong hồi ký, Giônxơn tiết lộ rằng tập đoàn Thiệu - Kỳ âm mưu cố kéo dài thời gian để chờ đợi kết quả bầu cử tổng thống ở Mỹ. Họ hy vọng Níchxơn sẽ trúng cử và sẽ là chỗ dựa của chúng. Giônxơn than vãn chính quyền Sài Gòn "đã làm cho tôi bị hụt hẫng"[1]. Giônxơn còn nhận định rằng nếu đạt được một bước thật sự trong con đường hòa bình ở Việt Nam, thì ứng cử viên của Đảng Dân chủ có thể khắc phục được tất cả các trở lực khác. Tâm trạng của Giônxơn là hối tiếc việc chậm đạt được thỏa thuận về chấm dứt hoàn toàn

1. Giônxơn: *Hồi ký về cuộc đời làm tổng thống, Sđd,* tr. 629.

ném bom miền Bắc và họp Hội nghị bốn bên. Giônxơn oán thán "một số người nhân danh Níchxơn khuyến khích chính quyền Sài Gòn không đi Pari. Họ hứa nếu Níchxơn trúng cử, sẽ thực hiện chính sách gần với nguyện vọng của chính quyền Sài Gòn"[1].

Việc Mỹ phải chấm dứt hoàn toàn và không điều kiện khi ném bom và các hành động chiến tranh khác chống Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, cùng với việc Mỹ phải ngồi vào bàn đàm phán trong Hội nghị bốn bên là thắng lợi quan trọng của quân và dân cả nước ta, là một thành tích to lớn trên mặt trận đấu tranh ngoại giao, là một kết quả đáng kể của sự phối hợp chặt chẽ đấu tranh quân sự, chính trị và ngoại giao.

Việc Giônxơn đơn phương tuyên bố ném bom hạn chế miền Bắc từ ngày 31-3-1968 và việc Giônxơn phải tuyên bố chấm dứt hoàn toàn và không điều kiện ném bom miền Bắc kể từ ngày 01-11-1968, đánh dấu một bước ngoặt mở ra quá trình Mỹ phải xuống thang chiến tranh không gì cưỡng lại được.

Nhân dịp này, ngày 03-11-1968, Hồ Chủ tịch kêu gọi: "Chúng ta đã đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc. Song đó chỉ mới là thắng lợi bước đầu. Đế quốc Mỹ rất ngoan cố và xảo quyệt. Chúng nói "hòa bình", "thương lượng" nhưng vẫn chưa chịu từ bỏ dã tâm xâm lược của chúng...

---

1. Giônxơn: *Hồi ký về cuộc đời làm tổng thống, Sđd,* tr. 657.

Vì vậy, nhiệm vụ thiêng liêng của toàn dân ta lúc này là phải nâng cao *tinh thần quyết chiến quyết thắng, quyết tâm giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc.*

Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi"[1].

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011, t.15, tr. 512.

Phần thứ hai

HỘI NGHỊ BỐN BÊN VÀ HIỆP ĐỊNH PARI VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH LẬP LẠI HÒA BÌNH Ở VIỆT NAM

(Từ ngày 18-01-1969 đến 27-01-1973)

Chương I

CHUẨN BỊ HỘI NGHỊ BỐN BÊN VỀ VIỆT NAM

Theo thỏa thuận giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ, sau khi chấm dứt không điều kiện việc ném bom và các hành động chiến tranh khác chống Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Hội nghị bốn bên sẽ họp (theo đề nghị của Mỹ sẽ không họp sớm hơn ngày 06-11-1968).

Ngày 04-11-1968, đồng chí Nguyễn Thị Bình - Phó Trưởng đoàn của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đã đến Pari, nhưng đoàn của chính quyền Sài Gòn vẫn chưa chịu đến. Hội nghị bốn bên chậm khai mạc do mấy nguyên nhân chính sau đây:

1. Níchxơn trúng cử tổng thống nhưng đến ngày 20-01-1969 mới nhậm chức. Giônxơn tuy còn làm tổng thống nhưng chỉ giải quyết những việc sự vụ. Chính quyền Giônxơn muốn Hội nghị họp sớm để vớt vát phần nào uy tín nhưng gặp nhiều trở ngại.

2. Chính quyền Sài Gòn là tập đoàn hiếu chiến, rất sợ đàm phán. Họ trù trừ chậm đến Pari để trông chờ Níchxơn mà họ tin là sẽ tăng cường che chở cho họ.

3. Mỹ và chính quyền Sài Gòn đều ngoan cố không chịu thừa nhận Mặt trận Dân tộc giải phóng Việt Nam là một bên đàm phán, cố tình hạ thấp vai trò và vị trí của Mặt trận.

Vì những nguyên nhân kể trên, đại diện Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đại diện Mỹ trong suốt hai tháng rưỡi (từ tháng 11-1968 đến giữa tháng 01-1969), qua 14 cuộc họp mất nhiều thời gian bàn về thủ tục, chủ yếu là trao đổi về lựa chọn hình dáng kiểu bàn để ngồi đàm phán, cuối cùng đi đến thỏa thuận về kiểu bàn tròn, hai đầu có hai bàn thư ký.

Việc chọn kiểu bàn để ngồi đàm phán tuy chỉ là vấn đề thủ tục nhưng có liên quan đến vấn đề chính trị trọng yếu là vị trí, vai trò của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Thời gian cuối năm 1972 đầu năm 1973, Hội nghị cũng mất nhiều thời gian bàn về vấn đề cách ký của bốn bên, chủ yếu là cách ký của Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam và của chính quyền Sài Gòn.

Có thể chia Hội nghị bốn bên làm hai thời kỳ:

1. Thời kỳ thứ nhất, từ đầu năm 1969 đến hết năm 1971. Trong thời kỳ này đàm phán hầu như giẫm chân tại chỗ. Hai bên thăm dò nhau và tìm mọi cách thay đổi so sánh lực lượng ở chiến trường.

2. Thời kỳ thứ hai, từ đầu năm 1972 đến tháng 01-1973. Hội nghị chuyển mạnh từ mùa Thu năm 1972,

trải qua nhiều khúc khuỷu và đọ sức tại chiến trường, cuối cùng đã đi đến ký kết Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam ngày 27-01-1973.

Tình hình và một số chủ trương lớn của đối phương và của ta trong thời kỳ 1969-1971

1. Tình hình và chủ trương của chính quyền Níchxơn

Trong hồi ký, Níchxơn đã kể khá chi tiết sự bàn giao giữa hai chính quyền của Tổng thống Giônxơn cho Níchxơn. Níchxơn viết: "Chủ đề chủ yếu là vấn đề Việt Nam. Sự vất vả trong cuộc chiến tranh lâu dài ấy đã để lại nhiều nếp nhăn trên các khuôn mặt ngồi trước tôi. Họ đã thiết tha mong mỏi chấm dứt chiến tranh trước khi từ chức nhưng không thành công. Hình như họ đã cạn kiệt các nguồn lực. Họ không giới thiệu được phương pháp mới nào với chúng tôi.

Tôi nhận thấy tuy họ chán nản với những thất bại nhưng họ cũng tự an ủi là đã chuyển được cái vũng lầy cho người khác"[1]. Trong một đoạn khác, Níchxơn viết: "Khi tôi trở thành tổng thống, vấn đề đối ngoại cấp bách nhất là chiến tranh Việt Nam"[2].

1, 2. *Hồi ký Níchxơn,* tiếng Pháp, Nxb. Stanké, Pari, 1978, tr. 244-251.

Trong hồi ký của mình, Kítxinhgiơ viết: "Dù mục đích ban đầu của chúng ta trong cuộc chiến tranh là như thế nào đi nữa, nhưng đến năm 1969 sự tín nhiệm của chúng ta ở bên ngoài biên giới, lòng tin ở sự cam kết của chúng ta và sự đoàn kết dân tộc của chúng ta bị uy hiếp bởi cuộc chiến đấu mà chúng ta tiến hành chống lại một nước ở tận đầu bên kia của thế giới... Năm 1969, nước chúng ta bị rung chuyển bởi những làn sóng phản đối, trong nhiều trường hợp có tính chất bạo động và nguy hiểm... Không chính phủ nào có thể hoạt động được nếu không có được sự tín nhiệm tối thiểu. Thế mà sự tín nhiệm đối với chúng ta ngày càng mất đi..."[1].

Nói về tinh thần chiến đấu và sự dũng cảm của nhân dân Việt Nam, Kítxinhgiơ viết: "Việt Nam là một nước xa xôi có núi đồi và những cánh đồng xanh tươi bên cạnh biển xanh da trời, từ mấy nghìn năm nay đã có tác động như một kim nam châm đối với những người nước ngoài đến Việt Nam để tìm vinh quang nhưng chỉ thấy vỡ mộng...".

Điều gì đã cổ vũ dân tộc này làm bùng lên những ngọn lửa anh hùng và sự kiên trì làm cho nhiều người từ các chân trời khác nhau đến Việt Nam để khám phá

---

1. *Hồi ký Kítxinhgiơ: Những năm tháng ở Nhà Trắng, 1968-1973,* tiếng Pháp, Nxb. Fayard, Pari, 1979, tr. 235.

những bí ẩn nhưng đã bị đẩy lùi với sự kiên quyết mãnh liệt, làm thất bại những cố gắng của những người nước ngoài..."[1].

Mặc dù chính quyền Níchxơn thừa nhận Mỹ đã thất bại ở Việt Nam, chiến tranh Việt Nam làm mất lòng dân, thừa nhận chủ nghĩa anh hùng bất khuất và tinh thần đấu tranh kiên cường của quân dân Việt Nam nhưng họ vẫn nuôi tham vọng và ảo tưởng khuất phục Việt Nam.

Níchxơn phê phán cách tiến hành chiến tranh của Giônxơn và phê phán Giônxơn đã để mất thế chủ động trong đàm phán. Chính quyền Níchxơn đã đề ra những chủ trương chính sau đây:

1. Chủ trương "chấm dứt chiến tranh bằng cách này hay bằng cách khác, hoặc bằng một hiệp định thương lượng, hoặc bằng dùng vũ lực"[2].

2. Tháng 3-1969, Níchxơn cử Létđơ, Bộ trưởng Quốc phòng, đi khảo sát tại miền Nam Việt Nam. Trên cơ sở báo cáo của Létđơ, chính quyền Níchxơn quyết định chính sách *Việt Nam hóa chiến tranh,* đó là chủ trương chuyển giao nhiệm vụ chiến đấu của quân Mỹ cho quân ngụy, tăng cường trang bị cho quân ngụy. Quân Mỹ đảm đương trách nhiệm hỗ trợ về hậu cần,

---

1. *Hồi ký Kítxinhgiơ: Những năm tháng ở Nhà Trắng, 1968-1973, Sđd,* tr. 235, 224.

2. *Hồi ký Níchxơn, Sđd,* tr. 224.

hỗ trợ về không quân và pháo binh, giúp chính quyền Sài Gòn mạnh về chính trị, quân sự, kinh tế. Níchxơn gọi quyết định này: "là một bước ngoặt trong chiến lược Việt Nam của tôi"[1]. Tháng 7-1969, Níchxơn đã đưa ra Học thuyết Guam sau gọi là Học thuyết Níchxơn - học thuyết này chủ trương Mỹ giúp đồng minh chiến đấu chứ không chiến đấu thay, giúp về trang bị vũ khí, không giúp quân đội trừ trường hợp một đồng minh của Mỹ bị một cường quốc hạt nhân xâm lược thì Mỹ mới giúp toàn diện. Học thuyết Níchxơn rõ ràng là đường lối chỉ đạo cho chiến lược *Việt Nam hóa chiến tranh,* còn *Việt Nam hóa chiến tranh* là xương sống của Học thuyết Níchxơn. Học thuyết Níchxơn và chính sách *Việt Nam hóa chiến tranh* ra đời trong hoàn cảnh Mỹ dùng hơn nửa triệu quân xâm lược Việt Nam mà vẫn bị thất bại nặng nề, thế nhưng Mỹ lại nuôi ảo tưởng dùng quân ngụy để mưu cầu thắng lợi. Đó là mâu thuẫn cơ bản của Học thuyết Níchxơn và chiến lược *Việt Nam hóa chiến tranh*.

3. Níchxơn vẫn ngoan cố duy trì chính quyền Nguyễn Văn Thiệu, tay sai đắc lực của Mỹ. Tháng 6-1969, Níchxơn đã gặp Thiệu - Kỳ ở Mítuây để trấn an. Trong hồi ký, Níchxơn viết: "Tôi bảo đảm riêng với Thiệu và thông qua đại sứ Bâncơ rằng chúng tôi kiên quyết ủng hộ ông ta"[2].

1, 2. *Hồi ký Níchxơn, Sđd,* tr. 283, 274.

4. Mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương. Ngày 17-3-1969, chỉ hơn hai tháng sau khi lên làm tổng thống, Níchxơn đã ký quyết định cho dùng B.52 bí mật ném bom Campuchia. Trong hồi ký, Níchxơn viết: "Đây là bước ngoặt đầu tiên trong sự lãnh đạo chiến tranh của chính quyền tôi"[1].

Tháng 3-1970, chính quyền Níchxơn đã chỉ đạo cuộc đảo chính Xihanúc và đưa Lonon lên cầm quyền. Ngày 30-4-1970, Mỹ - ngụy đã mở cuộc hành quân lớn và dài ngày sang Campuchia. Ngày 08-02-1971, Mỹ - ngụy quyền Sài Gòn đã mở cuộc hành quân Lam Sơn 719 đánh sang đường 9 - Nam Lào, nhằm chia cắt chiến trường Đông Dương thành hai khu vực. Với hành động quân sự mạnh nhằm biến Đông Dương thành một chiến trường, chính quyền Níchxơn tỏ ra hiếu chiến hơn và đi xa hơn chính quyền Giônxơn trong chiến tranh xâm lược ba nước Đông Dương.

5. Chính quyền Níchxơn tăng cường phối hợp ba sức ép hòng khuất phục Việt Nam. Đó là sức ép quân sự, sức ép ngoại giao, sức ép công luận. Trong hồi ký, Níchxơn viết: "Qua nhiều phiên họp dài, Kítxinhgiơ và tôi chuẩn bị một sự phối hợp cẩn thận những sức ép ngoại giao, quân sự và công luận để chúng tôi đè bẹp Hà Nội"[2].

1, 2. *Hồi ký Níchxơn, Sđd,* tr. 274, 234.

Riêng về ngoại giao, chính quyền Níchxơn đã trừng phạt những nước có tàu chuyên chở hàng hóa cho Việt Nam. Chính quyền Níchxơn đặc biệt chú trọng đến việc gây sức ép đối với Liên Xô và Trung Quốc. Níchxơn viết: "Người ta thường nói rằng chìa khóa để giải quyết vấn đề Việt Nam là ở Mátxcơva và Bắc Kinh chứ không phải ở Hà Nội. Không có sự viện trợ liên tục và to lớn của hai nước cộng sản khổng lồ, thì những người lãnh đạo Bắc Việt Nam không thể tiến hành chiến tranh được qua mấy tháng... Tôi có dự án gây sức ép tối đa với họ trong lĩnh vực này"[1].

Còn trong hồi ký của mình, Kítxinhgiơ viết: "Một sự mở cửa về phía Trung Quốc có thể giúp chúng ta chấm dứt cuộc chiến tranh đau khổ này"[2].

Chính sách ngoại giao ba chiều của chính quyền Níchxơn nhằm nhiều mục đích, trong đó mục đích chủ yếu là gây sức ép với Liên Xô và Trung Quốc trong vấn đề Việt Nam nhằm cô lập Việt Nam. Năm 1971, Kítxinhgiơ hai lần đi thăm Trung Quốc. Tháng 02-1972, Níchxơn đi thăm chính thức Trung Quốc và tháng 5-1972 đi thăm chính thức Liên Xô không ngoài mục đích kể trên.

6. Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời ngày 02-9-1969 là tổn thất to lớn của Đảng ta, dân tộc ta.

---

1. *Hồi ký Níchxơn, Sđd,* tr. 249.

2. *Hồi ký Kítxinhgiơ: Những năm tháng ở Nhà Trắng, 1968-1973, Sđd,* tr. 200.

Chính quyền Níchxơn nuôi ảo tưởng là có thể xảy ra mâu thuẫn trong nội bộ ta. Do đó, chính quyền Níchxơn cũng không vội đàm phán, nhân nhượng.

Ngày 02-10-1969, Bộ Chính trị điện cho đoàn ta ở Pari như sau: Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh mất, trong giới cầm quyền Mỹ có hai xu hướng: 1) Chờ đợi một tình hình không ổn định ở Việt Nam; 2) Cho đây là cơ hội tốt để giải quyết vấn đề Việt Nam. Níchxơn đi theo xu hướng chờ đợi và ép ta là chính.

7. Chiến tranh xâm lược Việt Nam bị nhân dân Mỹ, nhiều chính giới Mỹ, kể cả nhiều binh sĩ Mỹ ngày càng lên án nghiêm khắc, đòi rút quân Mỹ về nước.

Trước tình hình đó và nhằm một bước thực hiện *Việt Nam hóa chiến tranh,* chính quyền Níchxơn đã buộc phải rút dần quân Mỹ về nước. Đầu tiên họ rút nhỏ giọt, nhưng nhân dân và binh sĩ Mỹ đòi rút nhiều, rút nhanh. Đây là một quá trình không thể đảo ngược. Năm 1969, chính quyền Níchxơn đã rút hai đợt, tổng cộng 60 nghìn quân. Năm 1970, rút thêm mấy đợt nữa và đến ngày 01-12-1971, số quân Mỹ còn ở Nam Việt Nam là 184 nghìn (quân số Mỹ cao nhất ở miền Nam là 541 nghìn - tính đến tháng 3-1969). Đến cuối năm 1972, Mỹ đã rút hơn 90% số quân đóng tại miền Nam Việt Nam.

2. Một số nhận định và chủ trương lớn của ta

Trước khi bước vào Hội nghị bốn bên, ngày 01-01-1969, Đảng và Chính phủ đã điện cho lãnh đạo của đoàn, nói

rõ một số nhận định của Đảng ta, đại ý như sau: Chiều hướng của Mỹ là phải chấm dứt chiến tranh, Níchxơn cũng phải theo chiều hướng đó, nhưng Mỹ muốn rút lui trong danh dự. Níchxơn muốn đàm phán trên thế mạnh, rút quân Mỹ nhưng phải giữ ngụy quyền làm công cụ tiếp tục thực hiện chính sách thực dân mới ở miền Nam. Chủ trương của ta là phải ra sức đấu tranh trên ba mặt: quân sự, chính trị, ngoại giao, để ép Mỹ phải rút sớm khỏi Việt Nam. Đấu tranh ngoại giao phải kiên trì và tích cực góp phần thực hiện quyết tâm đó. Ta tỏ thiện chí nhưng không để bị hiểu lầm là nôn nóng muốn giải quyết gấp chiến tranh, đồng thời không được bỏ lỡ thời cơ. Bức điện trên cũng cho biết tình hình chiến trường có nhiều khó khăn đối với ta. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 thu được thắng lợi vang dội, gây tác động tâm lý lớn đến các chính giới Mỹ, đối với dư luận Mỹ, nhưng ta cũng bị tổn thất. Sau đợt tấn công của ta đầu năm 1969, địch phản kích ác liệt. Cho đến giữa năm 1969, chủ lực ta đã phải dạt ra xa, nhiều thành thị, nhiều vùng nông thôn bị địch "bình định" trở thành "khu trắng". Ta chỉ làm chủ được ở một số vùng.

Tình hình quốc tế lại càng phức tạp. Mâu thuẫn Xô - Trung gay gắt. Mỹ - Xô - Trung đang điều chỉnh chiến lược toàn cầu của mình, không lợi cho cuộc kháng chiến của ta.

Trước tình hình đó, Đảng và Chính phủ ta đề ra bốn mục tiêu lớn của mặt trận đấu tranh ngoại giao là:

1. Đẩy địch xuống thang một bước trên chiến trường miền Nam, ép Mỹ đơn phương rút một bộ phận quân Mỹ.

2. Khoét sâu mâu thuẫn, khó khăn nội bộ Mỹ, nội bộ ngụy, mâu thuẫn Mỹ - ngụy.

3. Đề cao vị trí quốc tế của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (từ ngày 05-6-1969 là Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam). Củng cố và tăng cường uy tín quốc tế, vị trí pháp lý của Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam là đập mạnh vào âm mưu tạo thế hợp pháp cho ngụy quyền của Mỹ. Củng cố và đề cao Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam là tạo thế chính trị vững chắc cho ta trong cuộc đấu tranh cho giải pháp chính trị ở miền Nam Việt Nam, nhất là việc thành lập Chính phủ Liên hiệp lâm thời miền Nam Việt Nam.

4. Tranh thủ các nước xã hội chủ nghĩa, nhất là Liên Xô, Trung Quốc, tiếp tục ủng hộ và giúp đỡ ta về vật chất và chính trị. Ta tranh thủ sự ủng hộ ngày càng mạnh mẽ và có hiệu quả của nhân dân thế giới trong đó có cả nhân dân Mỹ. Hình thành mặt trận nhân dân thế giới, bao gồm cả nhân dân Mỹ, đấu tranh đòi Mỹ rút nhanh, rút hết và rút không điều kiện quân Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Tháng 4-1969, Bộ Chính trị đã họp nhận định về tình hình *Việt Nam hóa chiến tranh* của Níchxơn. Đại ý

như sau: *Việt Nam hóa chiến tranh* là một chủ trương của chính quyền Níchxơn đề ra trong tình thế thất bại và chứa đầy mâu thuẫn không thể khắc phục được.

1. Vì thất bại và suy yếu, Mỹ buộc phải xuống thang, song lại muốn xuống thang một cách chủ động và trong thế mạnh. Muốn rút bớt lực lượng và giảm chi phí chiến tranh nhưng lại muốn tạo ra sức mạnh.

2. Bị buộc phải xuống thang và rút dần quân nhưng lại muốn quân ngụy mạnh lên thay thế được Mỹ, một việc mà Mỹ đã không thể làm được khi Mỹ còn hơn 50 vạn quân.

3. Quân ngụy quá yếu, muốn tăng lực lượng phải có thời gian. Nhưng càng kéo dài chiến tranh, thương vong của Mỹ - ngụy càng nhiều, khó khăn các mặt của Mỹ sẽ lên đến mức Mỹ không chịu nổi. Mỹ không rút quân, thì mâu thuẫn nội bộ Mỹ càng trầm trọng, rút quân Mỹ thì ngụy sụp đổ. Mâu thuẫn nội bộ Mỹ, mâu thuẫn Mỹ - ngụy, mâu thuẫn giữa các phe phái càng gay gắt.

4. Trong những năm 1960, Mỹ đã thi hành chiến lược tiến công và chiến lược phản công nhưng đều bị đánh bại; nay thực hiện chiến lược phòng ngự thì càng không thực hiện được mục đích xâm lược.

Từ sự phân tích kể trên, Bộ Chính trị khẳng định, Học thuyết Níchxơn, chiến lược *Việt Nam hóa chiến tranh* là không thể thực hiện được, tuy rất xảo quyệt, thâm độc nhưng chỉ phản ánh thế bí, thế thua của Mỹ.

Đầu tháng 5-1969, Hội nghị Trung ương Đảng ra Nghị quyết nhấn mạnh đấu tranh ngoại giao cần phối hợp với tiến công quân sự và chính trị. Tấn công liên tục và sắc bén, kiên trì nguyên tắc, vận dụng khéo léo chiến lược, vừa kiên quyết vừa mềm dẻo, vừa buộc Mỹ rút quân, vừa đạt được giải pháp về chính trị đáp ứng yêu cầu cơ bản của ta.

Trước tình hình chính quyền Níchxơn tiếp tục chiến tranh, ngày 20-7-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra lời kêu gọi nhân ngày kỷ niệm ký kết Hiệp định Giơnevơ. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Đế quốc Mỹ thất bại đã rõ ràng nhưng chúng chưa chịu từ bỏ dã tâm bám lấy miền Nam nước ta. Quân và dân cả nước ta, triệu người như một, nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng, không sợ hy sinh, không sợ gian khổ, quyết kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến, quyết chiến quyết thắng, đánh cho quân Mỹ phải rút hết sạch, đánh cho ngụy quân và ngụy quyền sụp đổ hết, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà"[1].

Tháng 01-1970, Hội nghị Trung ương lần thứ 18 của Đảng đã phân tích tình hình năm 1969, đề ra những chủ trương nhiệm vụ lớn. Hội nghị nhận định đặc điểm của giai đoạn hiện nay là lâu dài, hết sức gay go, quyết liệt, phức tạp; và nhận định thời gian có tính quyết định là cuối năm 1970, đầu năm 1971.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.15, tr. 593.

Hội nghị chủ trương phải kiên trì và đẩy mạnh cuộc kháng chiến, đẩy mạnh tiến công quân sự, chính trị và kinh tế kết hợp với tiến công ngoại giao, đánh bại chiến lược *Việt Nam hóa chiến tranh* của Níchxơn, tạo ra cục diện mới làm biến chuyển chiến tranh, giành thắng lợi từng bước đi đến giành thắng lợi quyết định, đánh cho Mỹ phải rút hết quân, cho ngụy phải suy sụp...

Sau khi Mỹ - ngụy quyền Sài Gòn đánh vào Campuchia, Bộ Chính trị đã nhận định: địch phiêu lưu vào Campuchia là khâu yếu nhất của chúng trên toàn bộ chiến trường Đông Dương. Đây là một sai lầm nghiêm trọng của Mỹ.

Bộ Chính trị chủ trương tranh thủ thời gian chuẩn bị lực lượng và kế hoạch để cùng với bạn mở rộng vùng giải phóng trong bảy tỉnh giáp với Việt Nam. Đồng thời giúp bạn lập khu du kích ở bắc và đông bắc Campuchia. Tính đến tháng 11-1970, có 54.785 tên địch bị diệt ở Campuchia.

Tháng 02-1971, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 19 tiếp tục khẳng định nhiệm vụ chống đế quốc Mỹ, cứu nước vẫn là nhiệm vụ hàng đầu, kêu gọi toàn Đảng, toàn dân ra sức thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quyết chiến, quyết thắng tiến tới giành thắng lợi hoàn toàn, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà.

Sau khi địch mở rộng chiến dịch Lam Sơn 719 đánh vào đường 9 - Nam Lào, ta và bạn phối hợp chiến đấu,

đập tan những hành động phiêu lưu quân sự của Mỹ và tay sai. Bộ Chính trị đánh giá thắng lợi ở đường 9 - Nam Lào là thắng lợi có ý nghĩa chiến lược, đánh bại một bước quan trọng và mở ra triển vọng hiện thực đánh bại hoàn toàn chiến lược *Việt Nam hóa chiến tranh* và Học thuyết Níchxơn ở Đông Dương. Ta đã tạo được thế trận mới, tạo được thời cơ chiến lược mới, phối hợp chặt chẽ cuộc chiến đấu của ba dân tộc Việt Nam - Lào - Campuchia theo tinh thần Đông Dương là một chiến trường.

Tháng 5-1971, Bộ Chính trị họp và nhận định: Kịp thời nắm lấy thời cơ lớn, trên cơ sở phương châm, chiến lược đánh lâu dài, đẩy mạnh tiến công quân sự, chính trị và ngoại giao, phát triển thế chiến lược tiến công mới trên toàn chiến trường miền Nam và Đông Dương, đánh bại chiến lược *Việt Nam hóa chiến tranh* của Mỹ, đánh bại một bước quan trọng kế hoạch xâm lược của chúng ở Campuchia và Lào *giành thắng lợi quyết định trong năm 1972,* buộc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh bằng thương lượng trên thế thua, đồng thời sẵn sàng chuẩn bị, kiên trì và đẩy mạnh kháng chiến trong trường hợp chiến tranh còn kéo dài.

Ngày 29-11-1971, trong thư gửi Trung ương Cục miền Nam, đồng chí Lê Duẩn nhấn mạnh: Năm 1972 là năm cách mạng miền Nam có thời cơ lớn để chuyển sang bước ngoặt mới. Trong thời gian sắp tới, chúng ta nêu bật mục tiêu *"đuổi Mỹ về nước, đánh đổ Thiệu"*

phá bỏ về cơ bản chế độ kìm kẹp bằng quân sự và cảnh sát của tập đoàn tay sai phát xít, nhằm đập tan âm mưu kéo dài *Việt Nam hóa chiến tranh* của Níchxơn, lập Chính phủ vãn hồi hòa bình, hòa hợp dân tộc, giành độc lập, dân chủ, cơm áo và quyền sống cho nhân dân.

Về việc chính quyền Níchxơn thi hành chính sách ngoại giao ba chiều, lãnh đạo ta đã nhiều lần nói với lãnh đạo Liên Xô, lãnh đạo Trung Quốc là cần nêu cao cảnh giác đối với những hoạt động của Mỹ chia rẽ các nước xã hội chủ nghĩa, nhất là chia rẽ Xô - Trung, âm mưu cô lập Việt Nam.

Lãnh đạo Đảng ta nhiều lần đề nghị với Liên Xô, Trung Quốc không nên đón Níchxơn trong lúc Mỹ vẫn tăng cường chiến tranh xâm lược chống Việt Nam. Lãnh đạo ta cũng đã khẳng định với ban lãnh đạo Liên Xô, ban lãnh đạo Trung Quốc rằng giải quyết vấn đề Việt Nam là thẩm quyền của người Việt Nam, đồng thời không ngừng bày tỏ lòng biết ơn chân thành về sự giúp đỡ to lớn của Liên Xô, Trung Quốc đối với cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, cứu nước của chúng ta.

Chương II

ĐÀM PHÁN TRONG NĂM 1969

Xuất phát từ tình hình so sánh lực lượng ở miền Nam Việt Nam, từ tình hình chính trị trong nước và quốc tế của mỗi bên, ta và Mỹ thấy chưa có khả năng giải quyết vấn đề Việt Nam trong năm 1969. Hơn nữa, Níchxơn mới lên cầm quyền, còn đang phải từng bước hình thành chính sách về vấn đề Việt Nam. Về phía ta cũng cần có thời gian để tìm hiểu đối phương, do đó cả ta và địch đều đưa ra những phương án cao nhất trong đàm phán. Cho tới giữa năm 1969, lập trường đàm phán của ta (đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đoàn Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam) dựa vào giải pháp năm điểm do Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đề ra ngày 03-11-1968:

1. Miền Nam Việt Nam quyết phấn đấu thực hiện độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập, phồn vinh, tiến tới thống nhất Tổ quốc.

2. Đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút hết quân Mỹ, quân chư hầu và các phương tiện

chiến tranh ra khỏi miền Nam, hủy bỏ các căn cứ quân sự ở miền Nam.

3. Công việc nội bộ của miền Nam phải do nhân dân miền Nam Việt Nam tự giải quyết theo cương lĩnh chính trị của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, không có sự can thiệp của nước ngoài. Thành lập Chính phủ liên hiệp dân tộc, dân chủ rộng rãi, tổ chức tổng tuyển cử tự do ở miền Nam.

4. Thống nhất Việt Nam sẽ do nhân dân hai miền giải quyết từng bước, bằng phương pháp hòa bình, trên cơ sở bàn bạc và thỏa thuận giữa hai miền, không có sự can thiệp của nước ngoài.

5. Miền Nam Việt Nam thực hiện chính sách ngoại giao, hòa bình, trung lập, không liên minh quân sự với nước ngoài, quan hệ hữu nghị với tất cả các nước trên cơ sở năm nguyên tắc chung sống hòa bình; quan hệ láng giềng tốt với Campuchia và Lào.

Trong phiên họp thứ 16 của Hội nghị Pari vào ngày 08-5-1969, đoàn Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đưa ra giải pháp toàn bộ 10 điểm:

1. Tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam: độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.

2. Mỹ rút hết quân đội, vũ khí và dụng cụ chiến tranh cùng với nhân viên quân sự, vũ khí và dụng cụ chiến tranh của các nước thuộc phe Mỹ ra khỏi miền Nam một cách vô điều kiện, hủy bỏ các căn cứ quân sự ở

miền Nam, từ bỏ mọi hành động xâm phạm chủ quyền, lãnh thổ và an ninh của miền Nam và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

3. Quyền của nhân dân Việt Nam chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc mình, vấn đề các lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam do các bên Việt Nam cùng nhau giải quyết.

4. Nhân dân miền Nam Việt Nam tự giải quyết công việc nội bộ của mình, tự quyết định chế độ chính trị, thông qua bầu cử tự do, sẽ bầu quốc hội, xây dựng hiến pháp và lập Chính phủ liên hiệp chính thức của miền Nam Việt Nam.

5. Trong khi chờ đợi tổng tuyển cử, không bên nào được cưỡng ép nhân dân miền Nam Việt Nam phải chấp nhận chế độ chính trị của mình.

6. Miền Nam Việt Nam thực hiện chính sách ngoại giao trung lập, thiết lập quan hệ ngoại giao, kinh tế, văn hóa với tất cả các nước, kể cả Mỹ theo năm nguyên tắc chung sống hòa bình.

7. Thống nhất Việt Nam sẽ thực hiện từng bước bằng phương pháp hòa bình trên cơ sở bàn bạc và thỏa thuận giữa hai miền. Trong khi chờ đợi thống nhất, hai miền lập lại quan hệ bình thường về mọi mặt trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau.

8. Trong khi chờ đợi thống nhất, hai miền không tham gia liên minh quân sự với nước ngoài, không cho phép nước ngoài có căn cứ quân sự, quân đội trên đất mình.

9. Giải quyết các hậu quả của chiến tranh: Những người bị bắt, thiệt hại do Mỹ gây ra ở cả hai miền.

10. Thành lập sự giám sát quốc tế đối với việc rút quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí và dụng cụ chiến tranh của Mỹ và các nước thuộc phe Mỹ ra khỏi miền Nam.

Về phía Mỹ, ngày 27-01-1969, Níchxơn họp báo lần đầu tiên sau khi nhậm chức, nêu ba vấn đề:

1. Hai bên cùng rút quân trên cơ sở có bảo đảm.

2. Bảo đảm quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam, không có sự can thiệp của nước ngoài.

3. Trao đổi tù binh.

Ngày 14-5-1969, Níchxơn đề ra giải pháp tám điểm về Việt Nam:

1. Sau khi đạt được thỏa thuận, tất cả các lực lượng không phải Nam Việt Nam (ý nói quân Mỹ và quân miền Bắc Việt Nam) phải rút khỏi miền Nam Việt Nam.

2. Các lực lượng Mỹ và đồng minh của Mỹ sẽ rút khỏi miền Nam Việt Nam trong 12 tháng.

3. Số còn lại phải hoàn thành việc rút quân và miền Bắc cũng phải rút quân của mình.

4. Lập cơ quan giám sát quốc tế để giám sát việc rút quân.

5. Cơ quan này hoạt động theo thời gian biểu và tham gia vào việc dàn xếp ngừng bắn tại Việt Nam.

6. Sau khi cơ quan quốc tế hoạt động, sẽ tổ chức bầu cử dưới sự giám sát quốc tế.

7. Nhanh chóng thả tù binh hai bên.

8. Tôn trọng các Hiệp định Giơnevơ năm 1954 và năm 1962 về rút các lực lượng của hai bên và về bầu cử tự do.

Ngoài các cuộc họp công khai, trong năm 1969 có một số cuộc họp bí mật, giữa lãnh đạo đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gồm các đồng chí Lê Đức Thọ, Xuân Thủy với lãnh đạo đoàn Mỹ là Cabốt Lốt. Trong cuộc họp ngày 07-5-1969 và ngày 08-7-1969, các đồng chí lãnh đạo của đoàn ta đã tố cáo chính sách can thiệp và xâm lược của Mỹ ở Việt Nam; nghiêm khắc lên án các tội ác chiến tranh của Mỹ đối với hai miền. Ta nhấn mạnh vào hai yêu cầu cơ bản là:

1. Mỹ xâm lược Việt Nam thì Mỹ phải chấm dứt không điều kiện chiến tranh xâm lược và phải rút không điều kiện quân Mỹ và quân đồng minh của Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam.

2. Mỹ phải từ bỏ chính quyền Thiệu - Kỳ - Hương, phải tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam.

Cabốt Lốt đã nêu ra những vấn đề sau đây: Hai bên cùng rút quân ra khỏi miền Nam Việt Nam, lập lại khu phi quân sự. Trao trả tù binh. Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam cần nói chuyện với chính quyền Sài Gòn.

Lực lượng quân sự nước ngoài rút ra khỏi Lào và Campuchia.

Trong năm 1969, ngoài những phiên họp công khai mà Níchxơn rất sợ vì "những phiên họp công khai tạo cho người Bắc Việt Nam một diễn đàn hằng tuần trên vô tuyến và tác hại rất lớn đối với Mỹ ở tại ngay nước Mỹ" và ngoài một số cuộc họp bí mật, chính quyền Níchxơn đã sử dụng thêm ba kênh mới:

Kênh thứ nhất là tăng sức ép ngoại giao với Liên Xô. Giữa tháng 4-1969, Níchxơn chỉ thị cho Kítxinhgiơ đưa cho Đại sứ Liên Xô ở Mỹ xem một quyết định gồm ba điểm có chữ ký của Níchxơn. Điểm thứ nhất, nói rằng tổng thống mong muốn một nền hòa bình công bằng. Điểm thứ hai, Níchxơn đề nghị tìm những con đường khác ngoài khuôn khổ đàm phán hiện nay, ví dụ Mỹ và Bắc Việt Nam gặp nhau riêng ngoài khuôn khổ Hội nghị Pari để bàn nguyên tắc chung của một giải pháp, khi nào đi đến thỏa thuận về nguyên tắc mới trở lại Hội nghị Pari để giải quyết những vấn đề kỹ thuật. Điểm thứ ba, Níchxơn có vẻ dọa dẫm rằng các bên đang ở ngã ba đường và những biện pháp đặc biệt có thể được dùng đến để làm đảo ngược xu thế của chiến tranh.

Sau khi đưa cho Đại sứ Liên Xô xem quyết định ba điểm đó, Kítxinhgiơ nói thêm rằng những quan hệ Mỹ - Xô sẽ bị cản trở và không thể nói đến tiến bộ trong các lĩnh vực khác được, khi chưa giải quyết vấn đề

Việt Nam vì "thỏa thuận về Việt Nam là chìa khóa của mọi vấn đề"[1].

Ngày 02-8-1969, Níchxơn thăm Rumani và nhờ lãnh đạo Rumani làm trung gian.

Kênh thứ hai, Níchxơn đã gửi thư cho Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 16-7-1969, đại ý nói chính quyền Mỹ long trọng khẳng định mong muốn đi tới một nền hòa bình công bằng; Mỹ "cởi mở và thành thật" trong cố gắng chung nhằm đem lại những lợi ích của hòa bình cho nhân dân Việt Nam dũng cảm. Lịch sử hãy ghi thời khắc gay gắt này, cả hai phía đều hướng về hòa bình hơn là về xung đột và chiến tranh[2].

Chúng ta thấy rõ những lời nói hoa mỹ đó của Níchxơn chỉ nhằm che giấu việc Mỹ tiếp tục chiến tranh xâm lược, không chịu rút quân Mỹ và chư hầu về nước, không chịu từ bỏ ngụy quyền Sài Gòn.

Ngày 25-8-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trả lời Níchxơn, nội dung chủ yếu là: nghiêm khắc lên án chiến tranh xâm lược của Mỹ đã chà đạp các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam; lên án các tội ác chiến tranh của Mỹ; nêu rõ chiến tranh kéo dài làm cho nước Mỹ hao người, tốn của. Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu bật lòng thiết tha yêu chuộng hòa bình trong độc lập và tự do của nhân dân Việt Nam. Nhân dân Việt Nam quyết chiến đấu đến cùng không sợ hy sinh gian khổ để bảo vệ

1, 2. *Hồi ký Níchxơn, Sđd,* tr. 283, 285.

Tổ quốc và các quyền dân tộc thiêng liêng của mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định giải pháp toàn bộ 10 điểm của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam và Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam là cơ sở hợp tình hợp lý để giải quyết vấn đề Việt Nam. Cuối cùng Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: để đạt được một nền hòa bình công bằng, "Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược và rút quân ra khỏi miền Nam Việt Nam, tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam và dân tộc Việt Nam, không có sự can thiệp của nước ngoài...

Đó là con đường để Mỹ rút khỏi cuộc chiến tranh trong danh dự"[1].

Kênh thứ ba là cuộc gặp ngày 04-8-1969 giữa đồng chí Xuân Thủy, trưởng đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với Kítxinhgiơ, cố vấn Hội đồng an ninh quốc gia của Mỹ tại nhà ông Giăng Xanhtơny, nguyên Tổng đại diện của Chính phủ Pháp tại Việt Nam. Cuộc gặp này do Kítxinhgiơ nhờ ông Xanhtơny dàn xếp. Trong cuộc gặp, Kítxinhgiơ kể những việc Mỹ đã làm nhằm "tỏ thiện chí" của Mỹ. Kítxinhgiơ đề nghị đàm phán trên cơ sở 10 điểm (ngày 08-5-1969) của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và tám điểm (ngày 14-5-1969) của Níchxơn.

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.15, tr. 603.

Kítxinhgiơ yêu cầu hai bên cùng rút quân. Về vấn đề chính trị, Mỹ sẵn sàng chấp nhận bất cứ quá trình chính trị nào được tự do tổ chức. Kítxinhgiơ nêu nguyên tắc đàm phán là không được đòi bên này hay bên kia phải từ bỏ ở bàn đàm phán những gì không đạt được ở chiến trường. Do đó, đàm phán phải dựa vào so sánh lực lượng quân sự và chính trị. Kítxinhgiơ đề nghị mở một kênh mới để hai đoàn tiếp xúc, tức là kênh tiếp xúc giữa Kítxinhgiơ và các đồng chí lãnh đạo đoàn ta. Kítxinhgiơ dọa dẫm rằng: "Nếu đến ngày 01-11-1969 mà không đạt được tiến bộ nào thì Mỹ sẽ tính đến thực hiện những biện pháp có hậu quả nghiêm trọng"[1].

Ngày 04-12-1969, Cabốt Lốt từ chức, đoàn Mỹ không có trưởng đoàn trong nhiều tháng. Đây là một thực tế chứng tỏ chính quyền Níchxơn cố tình hạ thấp Hội nghị Pari. Để phản đối chủ trương này của Mỹ, trưởng đoàn ta cũng không tham gia họp trong 19 phiên. Tóm lại, trong năm 1969 cuộc đàm phán ở Pari không có chuyển biến. Kítxinhgiơ cũng thừa nhận với nhiều nhà báo rằng: "Ở Pari, chưa có thương lượng".

---

1. *Hồi ký Kítxinhgiơ: Những năm tháng ở Nhà Trắng, 1968-1973, Sđd,* tr. 283.

Chương III

ĐÀM PHÁN TRONG NĂM 1970

Ngày 11-3-1970 và ngày 30-3-1970, lãnh đạo Đảng và Chính phủ đã gửi điện cho đoàn ta ở Pari, nêu một số ý kiến như sau: Mỹ vẫn ngoan cố bám vào *Việt Nam hóa chiến tranh,* rút quân nhỏ giọt (thực tế đến ngày 30-12-1970, Mỹ còn 280 nghìn quân ở miền Nam Việt Nam sau ba đợt rút quân trong năm).

Mỹ vẫn ngoan cố duy trì bọn Thiệu, Kỳ, Khiêm. Việc Mỹ tăng cường xâm lược Campuchia chứng tỏ Mỹ kéo dài chiến tranh. Lãnh đạo ta chỉ thị cho hai đoàn: kiên trì tố cáo địch, tích cực tranh thủ dư luận quốc tế và dư luận Mỹ; nhận định tình hình trước mắt chưa thuận lợi để đề ra giải pháp gì mới.

Cuộc chiến tranh xâm lược Campuchia của Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn đã phủ thêm bóng đen lên Hội nghị Pari. Ta đã bỏ không họp phiên thứ 66 (ngày 06-5-1970), để phản đối Mỹ xâm lược Campuchia.

Cùng với việc lên án chính sách xâm lược của Mỹ đối với Việt Nam, trong nhiều tháng hai đoàn Nam, Bắc

đã tập trung vạch trần chiến tranh xâm lược của Mỹ, ngụy ở Campuchia, đòi chúng rút khỏi Campuchia, tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Campuchia. Hai đoàn bày tỏ sự ủng hộ chí tình đối với Chính phủ đoàn kết dân tộc Campuchia (GRUNK) và Mặt trận đoàn kết dân tộc Campuchia (FUNK).

Do đó, trong năm 1970 ta hầu như không đưa giải pháp gì mới trong các phiên họp công khai. Ngày 17-9-1970, đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam đưa ra tám điểm nói rõ thêm và ngày 10-12-1970, đồng chí Nguyễn Thị Bình, trưởng đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam, đưa ra đề nghị ba điểm:

1. Nếu Mỹ tuyên bố rút hết quân khỏi miền Nam Việt Nam trước ngày 30-6-1971 thì sẽ ngừng bắn giữa quân giải phóng với quân Mỹ;

2. Sẽ ngừng bắn giữa quân giải phóng với các lực lượng của một chính quyền Sài Gòn không có Thiệu, Kỳ, Khiêm và tán thành hòa bình, độc lập, trung lập, dân chủ và thỏa thuận lập một Chính phủ liên hiệp lâm thời ba thành phần ở Nam Việt Nam;

3. Các bên cùng nhau định ra những biện pháp nhằm thi hành những điều đã thỏa thuận.

Về phía Mỹ, một mặt chính quyền Níchxơn đẩy mạnh *Việt Nam hóa chiến tranh* và mở rộng chiến tranh sang Campuchia, đe dọa đánh phá lại miền Bắc Việt Nam; mặt khác cố làm ra vẻ có thiện chí.

Ngày 08-5-1970, Níchxơn họp báo khoe rằng Mỹ tìm kiếm một giải pháp chính trị phản ánh ý nguyện của nhân dân Nam Việt Nam. Ngày 30 tháng 7, Níchxơn họp báo chống lại yêu cầu đòi lập Chính phủ liên hiệp ở miền Nam Việt Nam. Ngày 07 tháng 10, Níchxơn đọc diễn văn đưa ra giải pháp năm điểm:

1. Ngừng bắn và giữ nguyên trạng trên toàn Đông Dương.

2. Họp hội nghị hòa bình về Đông Dương.

3. Thương lượng rút hết quân Mỹ trong một giải pháp toàn bộ.

4. Giải pháp chính trị ở miền Nam Việt Nam phải dựa trên hai nguyên tắc: ý chí của nhân dân và tương quan lực lượng hiện nay ở Nam Việt Nam.

5. Trao trả không điều kiện tù binh và những người của hai bên.

Giải pháp năm điểm này của Níchxơn có điểm đáng chú ý: Níchxơn không công khai đòi hai bên cùng rút quân. Nguyên nhân của chủ trương này theo Níchxơn viết trong hồi ký là do kết quả cuộc hành quân của Mỹ vào Campuchia. Níchxơn viết: Do kết quả cuộc hành quân vào Campuchia, lần đầu tiên tôi có thể đề nghị ngừng bắn tại chỗ ở Nam Việt Nam, thay vì trước kia đòi trước hết Bắc Việt Nam phải rút quân của họ ra khỏi Nam Việt Nam.

Thực tế là trong năm 1969 và năm 1970, quân chủ lực của ta ở miền Nam Việt Nam không nhiều.

Một nhận xét khác về giải pháp năm điểm của Níchxơn là đề nghị của ông ta về hội nghị toàn Đông Dương. Đây là một âm mưu phá Hội nghị Pari bốn bên về Việt Nam và thay nó bằng một kiểu Hội nghị Giơnevơ năm 1954. Chúng ta kiên quyết lên án âm mưu này.

Về họp công khai trong năm 1970, cũng cần nêu thêm một chi tiết là trước sự phản đối mạnh mẽ của ta, của dư luận Mỹ và quốc tế, tháng 7-1970, chính quyền Níchxơn đã cử Đêvít Bruyxơ làm trưởng đoàn thay Cabốt Lốt.

Theo đề nghị của Kítxinhgiơ khi gặp Bộ trưởng Xuân Thủy ngày 04-8-1969, kênh gặp riêng bí mật giữa lãnh đạo đoàn ta và Kítxinhgiơ được mở ra từ ngày 21-02-1970. Đây là lần gặp đầu tiên giữa cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ và Kítxinhgiơ.

Theo như Kítxinhgiơ thuật lại thì, sở dĩ có cuộc gặp này là vì ông ta luôn luôn nghĩ rằng thời cơ tốt nhất để đàm phán là lúc mọi việc chạy tốt.

Kítxinhgiơ cho rằng vị thế của chính quyền Níchxơn vào cuối năm 1969 đã trở nên mạnh. Chính quyền Níchxơn đã chống đỡ được cuộc tiến công quân sự của quân giải phóng và chống đỡ được phong trào phản chiến trong nước. Trong cuộc gặp riêng ngày 21-02-1970, Kítxinhgiơ khoe thế vững vàng của chính quyền Níchxơn, so sánh lực lượng tại miền Nam không chứng tỏ ưu thế chính trị của cách mạng. Kítxinhgiơ còn nói:

Do những sự phức tạp của tình hình quốc tế, nhiều nước có thể không nhìn vấn đề Việt Nam với con mắt trước đây và Việt Nam có thể không được sự ủng hộ hoàn toàn của một số nước đang ủng hộ hiện nay. Trong hồi ký, Kítxinhgiơ cũng viết trắng ra rằng đó là một sự hàm ý thô bạo đến sự xung đột Xô - Trung, đến sự ủng hộ có hạn của Liên Xô, Trung Quốc đối với Việt Nam.

Kítxinhgiơ đề nghị hai bên cùng rút quân, nhưng không cùng trên một cơ sở pháp lý, có nghĩa là việc rút quân Mỹ và quân chư hầu thì ghi vào hiệp định, còn việc rút quân miền Bắc thì cần thực hiện trên thực tế.

Trong cuộc gặp này, đồng chí Lê Đức Thọ đã phát biểu ý kiến phê phán Mỹ, đồng thời đọc một bản cáo trạng lên án quá trình Mỹ xâm lược Việt Nam, vạch rõ chiến lược *Việt Nam hóa chiến tranh* của Mỹ đang thất bại. Đồng chí nhấn mạnh dù Mỹ có tiếp tục chiến tranh như thế nào thì cũng không thể thay đổi được chiều hướng thất bại của Mỹ. Đồng chí nói: Nếu Mỹ thật sự nói chuyện nghiêm chỉnh thì chúng tôi sẵn sàng nói chuyện nghiêm chỉnh. Đồng chí nhắc lại hai yêu cầu cơ bản của ta: *một là,* Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược, rút hết quân Mỹ và quân chư hầu ra khỏi miền Nam Việt Nam không điều kiện; *hai là*, Mỹ phải từ bỏ Thiệu, Kỳ, Khiêm, thành lập chính quyền liên hiệp gồm ba thành phần.

Ngày 20-3-1970 và ngày 04-4-1970, các đồng chí lãnh đạo đoàn ta lại gặp Kítxinhgiơ. Trong hai cuộc họp

này, Kítxinhgiơ lại đưa ra đề nghị hai bên cùng rút quân trong 16 tháng, hai bên cùng giảm hoạt động quân sự ở miền Nam Việt Nam và trên toàn Đông Dương; thành lập Ủy ban liên hiệp để tổ chức bầu cử ở miền Nam Việt Nam. Đoàn ta đã phê phán và bác bỏ những đề nghị đó của đối phương. Đồng chí Lê Đức Thọ đã nghiêm khắc lên án Mỹ xâm lược Campuchia.

Trong hồi ký, Kítxinhgiơ viết: Đợt đầu đàm phán với Lê Đức Thọ đã thất bại vì đàm phán luôn luôn phản ánh trên một mức độ nào đó căn cứ so sánh lực lượng và phía Việt Nam đã không nhầm về vấn đề này. Kítxinhgiơ thừa nhận phía Việt Nam đã đánh giá tương đối đúng là *Việt Nam hóa chiến tranh* của Mỹ vấp phải nhiều vấn đề, nội bộ chính quyền Mỹ có nhiều bất đồng, dư luận Mỹ ngày càng đòi chấm dứt chiến tranh.

Vào mùa Thu năm 1970 có cuộc gặp riêng giữa lãnh đạo đoàn ta với Kítxinhgiơ (ngày 10 và 27-9-1970). Trong những cuộc gặp này, Kítxinhgiơ đưa ra lịch rút quân trong 12 tháng, không nhấn mạnh đến việc rút quân miền Bắc ra khỏi miền Nam. Về giải pháp chính trị, Kítxinhgiơ nêu ra ba nguyên tắc: phản ánh nguyện vọng của nhân dân Việt Nam; phản ánh tương quan lực lượng ở miền Nam Việt Nam; không thay đổi chính quyền Sài Gòn trước khi có tuyển cử.

Tóm lại, trong các cuộc họp công khai cũng như trong các cuộc họp riêng, bí mật, nói chung tình hình

đàm phán vẫn giẫm chân tại chỗ. Tuy nhiên, cũng như một vài điều hé mở như đề nghị của Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam về việc lập Chính phủ liên hiệp ba thành phần, hay việc Mỹ không nhấn mạnh đến việc rút quân miền Bắc.

Chương IV

ĐÀM PHÁN TRONG NĂM 1971

Năm 1971 là năm bản lề, vì năm 1972 là năm bầu cử tổng thống và Quốc hội ở Mỹ. Muốn thắng cử, Níchxơn phải giải quyết chiến tranh Việt Nam. Ngay từ giữa tháng 7-1970, Níchxơn đã thổ lộ riêng với Kítxinhgiơ rằng: "chiến tranh làm sụp đổ sự ủng hộ mà Níchxơn thu được trong nước", do đó "phải chấm dứt chiến tranh trước năm 1972"[1].

Tháng 11-1970, Níchxơn bàn với Kítxinhgiơ phương án ba điểm:

1. Rút gần hết quân Mỹ trong năm 1971, chỉ để lại một lực lượng hạn chế khoảng 50.000 người.

2. Phong tỏa miền Bắc Việt Nam.

3. Ném bom trở lại miền Bắc Việt Nam.

Thực hiện phương án đó, chính quyền Níchxơn đã mở chiến dịch đường 9 - Nam Lào từ đầu tháng 02-1971. Đó là một sức ép quân sự.

---

1. *Hồi ký Kítxinhgiơ: Những năm tháng ở Nhà Trắng, 1968-1973, Sđd,* tr. 1024.

Về sức ép ngoại giao, nửa đầu tháng 7-1971, Kítxinhgiơ đi thăm bí mật Trung Quốc, sau đó Níchxơn công bố việc đi thăm Trung Quốc và đi thăm Liên Xô hòng gây khó khăn cho cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Trong hồi ký, Kítxinhgiơ viết: "Hà Nội bị tác động mạnh do việc hai đồng minh cộng sản lớn của họ cải thiện quan hệ với Oasinhtơn mặc dù có chiến tranh Đông Dương. Điều đó chỉ làm lợi cho thế đàm phán của Mỹ"[1].

Về sức ép công luận, chính quyền Níchxơn, từ những năm 1969-1970, đã tập trung sức cố dấy lên một phong trào đòi thả tù binh Mỹ nhằm tập hợp lực lượng và gây khó khăn cho ta. Sang năm 1971, chính quyền Níchxơn khuấy mạnh phong trào này để gây sức ép với ta.

Về phía ta, trong năm 1971, nhân dân ba nước Đông Dương, đông đảo nhân dân Mỹ, trong đó có nhiều nghị sĩ Mỹ, các lực lượng hòa bình trên toàn thế giới tiếp tục tăng cường sức ép nhiều mặt đối với chính quyền Níchxơn.

Trên chiến trường, quân và dân ba nước Đông Dương giành được nhiều thắng lợi lớn, đặc biệt là thắng lợi đường 9 - Nam Lào có ý nghĩa chiến lược quan trọng. Chiến lược *Việt Nam hóa chiến tranh* của Mỹ gặp nhiều khó khăn và thất bại. Chính Kítxinhgiơ cũng đã

1. *Hồi ký Kítxinhgiơ: Những năm tháng ở Nhà Trắng, 1968-1973, Sđd,* tr. 897.

lưu ý Níchxơn là không nên quá tin vào *Việt Nam hóa chiến tranh*. Trong nội bộ chính quyền Mỹ bộc lộ nhiều mâu thuẫn. Níchxơn chủ trương ném bom thật mạnh *Việt Nam hóa chiến tranh* để rút quân Mỹ nhanh. Kítxinhgiơ thì chủ trương không nên rút nhanh vì rút nhanh sẽ không có con bài để mặc cả.

Phong trào chống chiến tranh ở Mỹ ngày càng phát triển. Quốc hội Mỹ ngày càng nghiêng về phía đòi rút nhanh quân Mỹ về nước miễn là tù binh Mỹ được thả sớm.

Như đã nói ở phần trên, tháng 5-1971, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã đề ra nhiệm vụ khẩn cấp: trên cơ sở phương châm, chiến lược đánh lâu dài, kịp thời nắm lấy thời cơ, *giành thắng lợi quyết định trong năm 1972.*

Như vậy, có sự trùng hợp ngẫu nhiên giữa ta và đối phương trong chủ trương giải quyết chiến tranh trong năm 1972, vì thế năm 1971 là năm bản lề. Những cuộc đàm phán trong năm 1971 diễn ra trong bối cảnh đó.

Trong năm 1971 có tới sáu cuộc gặp riêng giữa các đồng chí lãnh đạo đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với Kítxinhgiơ. Trong cuộc gặp riêng ngày 31-5-1971, Kítxinhgiơ đưa ra giải pháp bảy điểm:

1. Mỹ sẵn sàng đề ra thời hạn cuối cùng để rút hết quân Mỹ và đồng minh của Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam.

2. Những người Việt Nam và người Đông Dương sẽ bàn nhau cách rút quân nước ngoài ra khỏi Đông Dương;

3. Ngừng bắn tại chỗ trên toàn Đông Dương;

4. Sau khi ngừng bắn, không một lực lượng nước ngoài nào được thâm nhập vào bất cứ nước nào ở Đông Dương;

5. Ngừng bắn có giám sát và kiểm soát quốc tế;

6. Hai bên cam kết thực hiện Hiệp định Giơnevơ năm 1954 và năm 1962, tôn trọng trung lập, toàn vẹn lãnh thổ và độc lập của Lào và Campuchia;

7. Thả tù binh và dân thường bị bắt của hai bên trên toàn Đông Dương.

Kítxinhgiơ cho rằng đây là giải pháp mà Mỹ đi xa nhất từ trước tới nay. Trong giải pháp bảy điểm này, Kítxinhgiơ không đòi hai bên cùng rút quân. Một điều đáng chú ý nữa trong giải pháp là Mỹ không đề cập vấn đề chính trị ở miền Nam Việt Nam.

Trong cuộc gặp riêng ngày 26-6-1971, lãnh đạo đoàn ta đưa cho Kítxinhgiơ giải pháp chín điểm:

1. Rút hết quân Mỹ và phe Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam và các nước Đông Dương khác trong năm 1971;

2. Thả hết quân nhân và dân thường bị bắt; việc này tiến hành song song với việc quân Mỹ và đồng minh của Mỹ rút khỏi miền Nam Việt Nam;

3. Lập chính quyền mới ở Sài Gòn, tán thành hòa bình, độc lập, trung lập, dân chủ; Chính phủ Cách mạng

lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam sẽ nói chuyện với chính quyền ấy;

4. Mỹ phải bồi thường chiến tranh do Mỹ gây ra ở hai miền Việt Nam;

5. Mỹ phải tôn trọng Hiệp định Giơnevơ năm 1954 và năm 1962, chấm dứt xâm lược và can thiệp vào các nước Đông Dương;

6. Những vấn đề liên quan đến các nước Đông Dương sẽ do các nước Đông Dương giải quyết trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau;

7. Ngừng bắn sau khi ký kết các hiệp định;

8. Giám sát quốc tế đối với việc ngừng bắn;

9. Bảo đảm quốc tế đối với các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Đông Dương, đối với trung lập của Việt Nam, Lào và Campuchia.

Sau này, Kítxinhgiơ đã thừa nhận trong giải pháp chín điểm của ta có một số điểm tích cực, nhưng có hai điểm khó chấp nhận: *thứ nhất* là vấn đề từ bỏ Thiệu, lập chính quyền mới ở Sài Gòn; *thứ hai* là vấn đề bồi thường chiến tranh. Kítxinhgiơ nói rằng vấn đề bồi thường chiến tranh có thể giải quyết bằng cách giúp đỡ hàn gắn vết thương chiến tranh chứ Mỹ không chấp nhận bồi thường chiến tranh.

Ngày 01-7-1971, trong phiên họp công khai lần thứ 119, đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam đã công khai hóa giải pháp chín điểm

ngày 26-6-1971 bằng cách đưa ra lập trường bảy điểm, trong đó có một số điểm đáng chú ý như sau:

1. Lập Chính phủ hòa hợp dân tộc rộng rãi gồm ba thành phần làm nhiệm vụ trong thời gian từ hòa bình lập lại đến tổng tuyển cử.

2. Vấn đề các lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam Việt Nam sẽ do các bên Việt Nam cùng nhau giải quyết.

Giải pháp bảy điểm của Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam được dư luận thế giới, nhất là dư luận Mỹ nhiệt liệt hoan nghênh. Nhiều nghị sĩ Mỹ lên tiếng ủng hộ lập trường bảy điểm như các ông M. Menphin, G. Pho, E. Métxki, W. Môngđên, M. Gavơn.

Trong các phiên họp riêng bí mật ngày 12 và 26-7-1971, ta tập trung đòi Mỹ phải từ bỏ Nguyễn Văn Thiệu, đồng thời ta cũng nói lên rằng hai bên đã có những điểm gần nhau. Đồng chí Lê Đức Thọ nói: Nhìn lại bảy điểm của các ông, có những điểm chúng tôi đồng ý về nguyên tắc, nhưng đi vào cụ thể, có những điểm về nguyên tắc chúng tôi cũng chưa đồng ý. Trong cuộc gặp ngày 12 và 26 tháng 7 hai bên đã bước đi vào thảo luận cụ thể, nhất là vấn đề chính trị ở miền Nam Việt Nam.

Trong cuộc gặp riêng ngày 16-8-1971, Kítxinhgiơ đưa ra lập trường tám điểm, trong đó có những điểm đáng chú ý như sau: Rút hết quân Mỹ trước ngày 01-8-1972 nếu ký được hiệp định trước ngày 01-11-1971 (như vậy là

rút hết quân trong chín tháng kể từ khi ký hiệp định); ngừng bắn trên toàn Đông Dương; thả tù binh và nhân viên dân sự bị bắt trên toàn Đông Dương; các vấn đề tồn tại giữa các nước Đông Dương do các bên Đông Dương giải quyết, hai bên tôn trọng Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương và Hiệp định năm 1962 về Lào, trong đó có vấn đề lập lại khu phi quân sự. Về vấn đề bồi thường chiến tranh, Kítxinhgiơ không chấp nhận từ "bồi thường" mà thay thế bằng cụm từ "góp vào việc khôi phục kinh tế".

Kítxinhgiơ thừa nhận vấn đề chính trị ở miền Nam Việt Nam là vấn đề phức tạp khó giải quyết nhất.

Sau khi bàn bạc với Níchxơn và trao đổi ý kiến với Nguyễn Văn Thiệu, Kítxinhgiơ đã đưa ra tám điểm mới và ngày 11-10-1971 đã chuyển đến đoàn ta toàn văn tám điểm mới như sau:

1. Mỹ sẽ rút hết quân Mỹ và đồng minh của Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam trước ngày 01-7-1972 nếu đạt được hiệp định trước ngày 01-12-1971 (rút hết trong 7 tháng).

2. Thả hết nhân viên quân sự và dân sự bị bắt trên toàn Đông Dương cùng với việc rút quân Mỹ và đồng minh của Mỹ nói ở điểm 1.

3. Tương lai chính trị của miền Nam Việt Nam được quy định bởi những nguyên tắc sau đây: Tương lai chính trị của miền Nam Việt Nam do nhân dân miền Nam tự quyết định không có sự can thiệp của

nước ngoài; Bầu cử tổng thống ở miền Nam Việt Nam trong vòng 6 tháng sau khi đạt được thỏa thuận. Sẽ thành lập một ủy ban bầu cử độc lập đại diện cho tất cả các lực lượng chính trị ở miền Nam Việt Nam. Tổng thống và phó tổng thống miền Nam sẽ từ chức trước khi tổ chức tuyển cử một tháng. Chủ tịch Thượng nghị viện sẽ tạm thời điều hành những công việc sự vụ. Mỹ cam kết không ủng hộ ứng cử viên nào, bảo đảm trung lập, tôn trọng kết quả bầu cử. Miền Nam Việt Nam và các nước Đông Dương khác thi hành chính sách ngoại giao trung lập. Sự thống nhất Việt Nam sẽ do hai miền bàn bạc thỏa thuận, không có sự cưỡng bức hoặc thôn tính của bên này hay bên kia, không có sự can thiệp của nước ngoài.

4. Hai bên tôn trọng Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương và Hiệp định năm 1962 về Lào;

5. Những vấn đề tồn tại giữa các nước Đông Dương sẽ do các bên Đông Dương giải quyết trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Trong những vấn đề phải giải quyết, có việc thực hiện nguyên tắc các lực lượng vũ trang của các nước Đông Dương phải đồn trú ở bên trong biên giới quốc gia của mình.

6. Thực hiện ngừng bắn trên toàn Đông Dương kể từ khi ký hiệp định chính thức. Kể từ khi ngừng bắn, không một lực lượng nước ngoài nào được thâm nhập vào bất cứ nước nào ở Đông Dương.

7. Thực hiện giám sát quốc tế đối với việc ngừng bắn, đối với việc trao trả tù binh và dân thường bị bắt, đối với việc triệt thoái các lực lượng của nước ngoài.

8. Có bảo đảm quốc tế đối với quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Đông Dương, đối với trung lập của các nước Đông Dương cũng như bảo đảm lâu dài hòa bình ở khu vực này của thế giới[1]. Kế hoạch tám điểm mới so với tám điểm cũ rõ ràng có một số chuyển biến.

Cuộc gặp gỡ riêng ngày 13-9-1971 giữa đồng chí Xuân Thủy và Kítxinhgiơ không có tiến bộ gì.

Nhìn chung, cuộc đàm phán ở Pari bước vào năm 1971 đã có những biến chuyển nhất định, đã có một bước đi vào đàm phán thực chất, nhưng cả hai bên vẫn chưa tung ra con chủ bài của mình. Về phía ta, ngày 17-7-1971, lãnh đạo Đảng và Chính phủ điện cho đoàn ta nội dung chủ yếu như sau: Yêu cầu cơ bản trong đấu tranh ngoại giao là phải bảo đảm cho được việc thực hiện các nhiệm vụ chiến lược quân sự, có như vậy mới phá được chiến lược *Việt Nam hóa chiến tranh.*

Vì phải phục vụ mục đích này, trước mắt chưa phải là thời gian giải quyết. *Không đưa ra gì thêm ngoài chín điểm đã đưa.*

Do đó, trong các cuộc gặp riêng ngày 26 tháng 7, ngày 16 tháng 8 và ngày 13 tháng 9, ta tập trung giải

---

1. *Hồi ký Kítxinhgiơ: Những năm tháng ở Nhà Trắng, 1968-1973, Sđd,* tr. 1538-1539.

thích, bảo vệ chín điểm của ta, đồng thời phê phán bảy điểm và tám điểm của Mỹ.

Trong những cuộc gặp riêng, Kítxinhgiơ một mặt cố tỏ vẻ có thiện chí, một mặt dọa dẫm. Trong cuộc gặp riêng ngày 12-7-1971, Kítxinhgiơ nói: "Chúng tôi tin rằng mùa hè này là cơ hội cuối cùng để chúng ta đạt được hòa bình bằng thương lượng... Nếu không đạt được kết quả thì chúng tôi sẽ tiếp tục *Việt Nam hóa chiến tranh,* đổ máu sẽ tiếp tục kéo dài... Tôi xin nói thành thật với các ngài rằng Tổng thống Níchxơn bây giờ sốt ruột lắm rồi, chắc ông ta không thể để tôi cứ tiếp tục như thế này mãi".

Các đồng chí lãnh đạo đoàn ta đã kiên quyết bác bỏ và phê phán sự dọa dẫm của đối phương.

Chương V

TÌNH HÌNH VÀ MỘT SỐ CHỦ TRƯƠNG LỚN CỦA TA VÀ CỦA ĐỐI PHƯƠNG TRONG THỜI KỲ NĂM 1972 - ĐẦU NĂM 1973

I. TÌNH HÌNH VÀ CHỦ TRƯƠNG LỚN CỦA TA

Như phần trên đã nói, Đảng và Nhà nước ta chủ trương tranh thủ giải quyết chiến tranh trong năm 1972. Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 20 ngày 17-3-1972 nêu rõ: Năm 1972 là năm hết sức quan trọng trong cuộc đấu tranh giữa ta và địch trên cả ba mặt trận: quân sự, chính trị, ngoại giao. Ta đoàn kết và phối hợp chiến đấu với quân và dân Lào, quân và dân Campuchia anh em, đẩy mạnh tiến công địch trên các chiến trường Đông Dương. Đồng thời sẵn sàng kiên trì và đẩy mạnh kháng chiến trong trường hợp chiến tranh kéo dài.

Ngày 24-4-1972, đồng chí Nguyễn Duy Trinh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, trình bày trong Hội nghị ngoại giao một số vấn đề nêu trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 19 và lần thứ 20.

Nói về vị trí của năm 1972, đồng chí nêu bật tính chất đấu tranh quyết liệt của năm 1972 trên cả ba mặt trận: chính trị, quân sự, ngoại giao. Ta có khả năng đánh bại chiến lược *Việt Nam hóa chiến tranh.* Phong trào nổi dậy của quần chúng và phong trào thành thị có tiến bộ nhưng cần có thời gian để củng cố và phát triển.

Trong khi đó, hoạt động quân sự của Mỹ được đẩy mạnh và quyết liệt. Mỹ tăng cường sử dụng B.52 nhiều hơn trước và đánh phá có tính hủy diệt những vùng Mỹ phải bỏ. Mỹ chưa cam chịu thất bại một cách dễ dàng, chúng cố tìm mọi cách cứu vãn chiến lược *Việt Nam hóa chiến tranh* và Học thuyết Níchxơn. Do đó trên chiến trường, Mỹ - ngụy củng cố thế phòng ngự, ngăn chặn nổi dậy của nhân dân miền Nam Việt Nam.

Đối với miền Bắc, địch tăng cường tiến công bằng không quân, hải quân, tăng cường sử dụng biệt kích. Cần phải đề phòng địch đổ bộ hạn chế bằng bộ binh lên miền Bắc để chặn tiến công của ta ở trong Nam; đề phòng Mỹ có thể cho lính thủy đánh bộ đổ bộ lên miền Bắc để cứu vãn sự suy sụp của chúng ở miền Nam.

Ở Lào và Campuchia, địch ra sức tăng cường quân ngụy, tăng cường sử dụng quân Thái Lan.

Về hoạt động quốc tế, Mỹ đặc biệt sử dụng xu thế hòa hoãn Mỹ - Xô, Mỹ - Trung, khoét sâu mâu thuẫn Xô - Trung, phá mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ ta chống Mỹ, ép ta đi vào đàm phán có lợi cho Mỹ.

Hoàn cảnh quốc tế căn bản có lợi cho ta nhưng cũng có mặt phức tạp. Một số nước anh em dao động, muốn hòa hoãn với Mỹ để bảo vệ lợi ích dân tộc của họ.

Ta cố gắng cao độ nhằm giải quyết chiến tranh trong năm 1972, nhưng cũng sẵn sàng kiên trì kháng chiến. Hai khả năng này phải nắm vững.

Do đó, tình hình ngoại giao và hoạt động quốc tế của ta phải phục vụ cho tốt mục đích đấu tranh quân sự, chính trị trong nước, hạn chế phản công quân sự của địch, nhất là đối với miền Bắc.

Khi có chuyển biến mới, khi so sánh lực lượng có lợi cho ta thì dùng ngoại giao buộc địch đàm phán nghiêm chỉnh, buộc địch chấp nhận thất bại, do đó cần chuẩn bị phương án cả những vấn đề nguyên tắc và những vấn đề sách lược.

Về giải pháp cho vấn đề Việt Nam, tinh thần cơ bản là Mỹ phải rút hết quân, miền Nam Việt Nam phải độc lập, tự do thực sự. Mỹ phải chấm dứt chiến lược *Việt Nam hóa chiến tranh.* Chấm dứt chiến lược *Việt Nam hóa chiến tranh* là làm cho ngụy quân, ngụy quyền suy sụp một bước nghiêm trọng.

Về vấn đề chính trị, xóa ngụy quyền từng bước bằng biện pháp ba thành phần, Thiệu phải từ chức, xóa cả thể chế, hiến pháp và bộ máy ngụy quyền.

Về ngụy quyền ở cơ sở, phải làm cho nó sụp hết, như thế mới giải quyết được tận gốc.

Sách lược Chính phủ liên hiệp ba thành phần là ở bên trên, còn chính quyền bên dưới chúng ta phải nắm. Về thống nhất Tổ quốc, nguyên tắc là thống nhất; về sách lược thì ta nói tiến tới thống nhất trên cơ sở hai miền bàn bạc với nhau.

Chủ trương của ta là kiên trì bảy điểm và hai điểm đã nói rõ thêm. Ta nhấn mạnh đến điểm thứ hai nhiều hơn nhưng vẫn đòi Mỹ rút hết quân, xóa bỏ căn cứ quân sự ở miền Nam Việt Nam, chấm dứt các hoạt động không quân, hải quân, chống phá miền Bắc.

Căn cứ vào phát biểu của đồng chí Nguyễn Duy Trinh, phương án của ta như vậy vẫn là phương án cao nhất, tuy có một vài điểm mềm dẻo về sách lược.

Thực hiện Nghị quyết 19 và 20 của Trung ương, ngày 30-3-1972, quân và dân ta mở cuộc tiến công chiến lược trên nhiều mặt trận, nhưng hướng chủ yếu là chiến trường Trị - Thiên. Sau ba tháng tiến hành cuộc tiến công chiến lược trên toàn miền Nam, ta đã tiêu diệt khoảng 20 vạn tên địch, giải phóng toàn bộ tỉnh Quảng Trị, phần lớn tỉnh Kon Tum[1], phía Bắc tỉnh Bình Định, một khu vực rộng lớn ở miền Đông Nam Bộ, mở ra nhiều vùng quan trọng ở đồng bằng khu V và đồng bằng Cửu Long, giải phóng trên 1 triệu dân.

Ở Lào, bạn và ta đã đuổi địch ra khỏi bàn đạp chiến lược Cánh đồng Chum, diệt gần 6.000 tên, đánh

1. Bao gồm hai tỉnh Gia Lai và Kon Tum hiện nay *(BT)*.

thiệt hại nặng 3 binh đoàn cơ động và 3 tiểu đoàn lính Thái Lan.

Đồng chí Lê Duẩn nhận định: Diễn biến của bốn tháng đầu năm 1972 chứng tỏ bộ đội chủ lực ta hoàn toàn có thể tiêu diệt hoàn toàn sư đoàn chủ lực ngụy[1], "... Thế và lực của ta đã tốt hơn, mạnh hơn nhiều so với trước. Phần lớn các đơn vị chủ lực đã trở về miền Nam, chủ động tiến công địch trên những địa bàn chiến lược quan trọng"[2].

Ngày 01-6-1972, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 220/NQ-TU về chuyển hướng đẩy mạnh công tác mọi mặt ở miền Bắc để tiếp tục đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Nghị quyết có hai phần:

1. Về tình hình có nhận định như sau: trong thế thua, đế quốc Mỹ còn tiếp tục đẩy mạnh chiến tranh phá hoại đối với miền Bắc. Chúng ra sức ngăn chặn viện trợ vật chất của các nước anh em cho ta, ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam, phá hoại tiềm lực quân sự và kinh tế của ta ở miền Bắc, gây thương vong lớn cho nhân dân, đẩy mạnh chiến tranh tâm lý. Phải đặc biệt cảnh giác đề phòng địch có thể tiến hành đổ bộ đánh phá một số nơi ở miền Bắc.

1, 2. Xem Lê Duẩn: *Thư vào Nam,* Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr. 296, 302.

2. Từ nhận định trên, Bộ Chính trị đề ra bốn nhiệm vụ đối với miền Bắc:

(1) Kiên quyết chiến đấu và chuẩn bị chiến đấu về mọi mặt, đánh bại chiến tranh của đế quốc Mỹ, đập tan mọi hành động phiêu lưu quân sự của chúng, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

(2) Bảo đảm trong mọi tình huống chi viện sức người, sức của cho miền Nam.

(3) Chuyển hướng kinh tế cho thích hợp với điều kiện thời chiến.

(4) Tiếp tục chuẩn bị mọi mặt để có điều kiện thì đẩy mạnh khôi phục và phát triển kinh tế, văn hóa, xây dựng chủ nghĩa xã hội được nhanh chóng.

Cuối tháng 6, đầu tháng 7, Bộ Chính trị đã bàn về tình hình trong nước, tình hình quốc tế và chủ trương đàm phán. Bộ Chính trị nhận định cả nước đã chuyển sang thời chiến, chiến tranh ác liệt ở cả ba nước Đông Dương, gay go nhất là ở miền Nam Việt Nam. Ở miền Nam Việt Nam, sau khi ta giải phóng Quảng Trị, Mỹ dùng không quân và hải quân đánh phá ác liệt, ta phải chuyển hướng tập trung vào việc tiêu diệt sinh lực địch. Ở Trị - Thiên, địch tập trung quân lớn hơn cho chiến dịch Lam Sơn 719 (tháng 2-1971) ở đường 9 - Nam Lào.

Phong trào đô thị ở Đà Nẵng lúc đầu có nổi dậy sau phải tạm lắng xuống. Tình hình đồng bằng khu V

tương đối khá. Nhưng tình hình ở đồng bằng Cửu Long chưa được như ý muốn của ta.

Thắng lợi của ta ở miền Nam năm 1972 là rất to lớn. Tết Mậu Thân ta làm xoay chuyển tình hình, buộc địch phải đàm phán. Trong sự kiện Campuchia năm 1970 và sự kiện đường 9 - Nam Lào năm 1971, địch tiến công, ta phản công giành thắng lợi có ý nghĩa chiến lược. Lần này ta tiến công giành lại nhiều địa bàn, nhiều vùng, tạo thành thế liên hoàn. Hạn chế của ta là đồng bằng Cửu Long và phong trào thành thị còn yếu, kết hợp chưa tốt.

Về tình hình quốc tế, Liên Xô, Trung Quốc có tăng sự ủng hộ vật chất cho ta nhưng ủng hộ chính trị thì có mức độ. Cả Liên Xô và Trung Quốc đều muốn giải quyết sớm vấn đề Việt Nam.

Trước những diễn biến của tình hình trên chiến trường và tình hình quốc tế, chủ trương của ta là nắm vững hai khả năng:

- Tranh thủ giải quyết một bước.

- Kiên trì chiến đấu lâu dài.

Đảng và Chính phủ ta đưa ra một chương trình đàm phán gồm chín mục:

1. Thảo luận việc thực hiện cam kết chấm dứt không điều kiện việc ném bom và các hành động chiến tranh khác chống Việt Nam Dân chủ Cộng hòa theo thỏa thuận ngày 31-10-1968.

2. Chấm dứt dính líu quân sự của Mỹ ở miền Nam Việt Nam và thả quân nhân bị bắt.

3. Thực hiện quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam và tổ chức tổng tuyển cử tự do ở miền Nam Việt Nam.

4. Vấn đề chính quyền ở miền Nam Việt Nam từ khi hòa bình lập lại đến khi tổ chức tổng tuyển cử.

5. Vấn đề thống nhất hai miền Việt Nam.

6. Vấn đề hậu quả chiến tranh.

7. Vấn đề bảo đảm quốc tế và giám sát quốc tế.

8. Vấn đề ngừng bắn.

9. Vấn đề quan hệ Mỹ và Việt Nam sau chiến tranh[1].

Ta chủ trương: trong mấy tháng tới, buộc Mỹ phải đi vào đàm phán và chấp nhận một giải pháp vững chắc đối với ta. Giải pháp của ta nhằm mục tiêu chủ yếu là buộc Mỹ chấm dứt dính líu quân sự ở miền Nam Việt Nam, duy trì được lực lượng vũ trang cách mạng và chính quyền cách mạng ở miền Nam. Còn về những vấn đề chính trị nội bộ miền Nam Việt Nam ta chỉ có thể đạt được mức độ nhất định. Cùng với hai yêu cầu cơ bản kể trên, ta coi trọng vấn đề đòi đối phương bồi thường chiến tranh.

Đầu tháng 10-1972, Bộ Chính trị lại họp và có quyết định quan trọng về yêu cầu và sách lược đàm phán (nội dung hội nghị này sẽ được trình bày sau).

Những nhận định, những chủ trương và những tình hình nói ở trên là cơ sở chỉ đạo những cuộc đàm

1. Ghi theo *Báo cáo* của đồng chí Xuân Thủy.

phán cụ thể của ta với đối phương trong cả năm 1972 và nhất là trong ba quý đầu năm 1972.

II. TÌNH HÌNH VÀ CHỦ TRƯƠNG LỚN CỦA CHÍNH QUYỀN NÍCHXƠN

Năm 1972 là năm bầu cử tổng thống và Quốc hội Mỹ, vì thế là năm có ý nghĩa quyết định đối với chính quyền Níchxơn.

Thế và lực của chính quyền Níchxơn trên nhiều mặt yếu hơn trước. Về quân sự, trên các chiến trường Đông Dương, Mỹ - ngụy đều thất bại nặng nề. Quân đội Mỹ tiếp tục phải rút khỏi miền Nam Việt Nam. Trong năm 1972, Níchxơn rút ba đợt, đến ngày 01-12-1972 Mỹ chỉ còn 27.000 quân ở miền Nam.

Về chính trị, sau này Kítxinhgiơ thú nhận chính quyền Níchxơn gặp rất nhiều khó khăn về tâm lý và chính trị. Phong trào chống chiến tranh của nhân dân Mỹ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, đặc biệt là sau khi Níchxơn ra lệnh thả mìn phong tỏa miền Bắc Việt Nam. Đáng chú ý là đòi hỏi của các nghị sĩ Mỹ cả hai viện của Quốc hội đòi chấm dứt chiến tranh ngày càng nhiều. Từ ngày 01-4-1972 đến cuối năm 1972, các nghị sĩ đưa ra 22 dự luật đòi rút hết quân Mỹ về nước miễn là đưa được tù binh Mỹ trở về. Chỉ riêng trong ba tháng 5, 6 và 7-1972 đã có 19 lần biểu quyết ở Quốc hội Mỹ đòi chấm dứt chiến tranh, đòi hạn chế quyền tiến hành chiến tranh của Tổng thống. Ngày 22-6-1972, Thượng viện Mỹ

biểu quyết dự luật của Menphin với số phiếu 57/42 đòi phải rút sớm nhất các lực lượng của Mỹ ra khỏi Đông Dương không chậm quá chín tháng, miễn là tù binh Mỹ được thả. Ngày 28-6-1972, Thượng viện Mỹ thông qua với số phiếu 49/47 dự luật của Thượng nghị sĩ E. Brúckơ (E. Brooke), theo đó tất cả các chi phí quân sự đã được duyệt chỉ được dùng cho việc rút hết quân Mỹ ra khỏi Đông Dương trong vòng bốn tháng tới, với điều kiện là tù binh được thả.

Kítxinhgiơ khẳng định dù Níchxơn có trúng cử tổng thống thì chính quyền Níchxơn vẫn và sẽ gặp nhiều khó khăn vì những nghị sĩ "bồ câu" ở hai viện đông hơn trước.

Trước diễn biến của tình hình và yêu cầu trong nội bộ chính quyền Níchxơn trong năm 1972, ngày 02-01-1972 Níchxơn phải tuyên bố trên truyền hình tiếp tục thương lượng ở Pari. Ngày 25-01-1972, Níchxơn công bố kế hoạch hòa bình tám điểm, thực chất là công khai hóa kế hoạch tám điểm mà Kítxinhgiơ chuyển cho ta ngày 11-10-1971.

Ngày 21-3-1972, Níchxơn tuyên bố đình chỉ Hội nghị Pari, vu cáo ta gây ra bế tắc cho Hội nghị, không đàm phán nghiêm chỉnh.

Ngày 06-4-1972, Níchxơn cho máy bay đánh phá một vùng rộng ở phía Bắc khu phi quân sự. Đây là lần đầu tiên Mỹ ném bom trở lại miền Bắc kể từ ngày 31-10-1968.

Ngày 15-4-1972, Níchxơn thi hành kế hoạch *Freedom Porch Bravo* dùng B.52 đánh phá ác liệt Hà Nội, Hải Phòng và các khu vực khác.

Cũng trong tháng 4-1972, Mỹ đưa sang Vịnh Bắc Bộ 6 tàu sân bay, 5 tuần dương hạm, 40 khu trục hạm, đồng thời đưa 100 máy bay B.52 đến Guam, 53 máy bay B.52 và 224 máy bay chiến thuật đến Utapao (Thái Lan) để đánh phá miền Bắc Việt Nam.

Ngày 08-5-1972, Níchxơn đọc diễn văn ra lệnh cho các lực lượng vũ trang Mỹ thi hành bốn biện pháp:

- Thả mìn tất cả các cửa biển và các cảng của miền Bắc Việt Nam.

- Thi hành mọi biện pháp đối với các sông ngòi và vùng biển của Việt Nam nhằm ngăn chặn mọi sự tiếp tế của Bắc Việt Nam.

- Đánh phá tới mức tối đa các đường xe lửa và đường giao thông của Bắc Việt Nam.

- Tiếp tục đánh phá bằng máy bay và tàu chiến vào các mục tiêu quân sự của Bắc Việt Nam.

Cũng trong bài diễn văn này, Níchxơn đưa ra những đề nghị sau đây:

- Thả tất cả tù binh Mỹ;

- Ngừng bắn trên toàn Đông Dương có giám sát quốc tế;

- Khi các tù binh Mỹ đã được thả và sự giám sát quốc tế đã bắt đầu thì Mỹ sẽ ngừng tất cả các hành

động vũ lực trên toàn Đông Dương và lúc đó sẽ rút toàn bộ lực lượng Mỹ ra khỏi Việt Nam trong vòng bốn tháng.

Đề nghị này của Mỹ có mấy điểm đáng chú ý:

- Ngừng bắn trên toàn Đông Dương có giám sát quốc tế;

- Rút hết quân Mỹ trong vòng bốn tháng;

- Thả tù binh Mỹ.

Níchxơn không hề nói đến vấn đề chính trị ở miền Nam và cũng không đề cập việc đòi rút quân miền Bắc ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Theo Kítxinhgiơ, vào khoảng tháng 8-1972, chính quyền Níchxơn đứng trước ba sự lựa chọn chiến lược sau đây:

1. Đạt được giải pháp trước bầu cử (Kítxinhgiơ nói rằng ông ta chọn giải pháp này).

2. Đi đến kết thúc bằng cách leo thang nhanh liền ngay sau bầu cử (theo Kítxinhgiơ, Níchxơn chọn giải pháp này).

3. Cứ để tình hình chiến tranh diễn biến, Hà Nội buộc phải nhân nhượng.

Đi đôi với sức ép quân sự hết sức ác liệt, đặc biệt là bằng không quân và hải quân, chính quyền Níchxơn tiếp tục gây sức ép về ngoại giao.

Ngày 21-02-1972, Níchxơn đi thăm Trung Quốc và ngày 22-5-1972 thăm Liên Xô. Trong hồi ký, Kítxinhgiơ viết: "Đối với Bắc Kinh ưu tiên không phải là chiến tranh

ở biên giới phía nam Trung Quốc, mà là quan hệ Trung Quốc với Mỹ... Mátxcơva cũng bộc lộ những ưu tiên giống như thế. Mátxcơva và Bắc Kinh tuy căm ghét nhau và có lẽ do căm ghét nhau, nên cả hai cùng giống nhau về việc này: họ không để cho Việt Nam chặn sự quan tâm địa lý - chính trị của họ. Vượt trên dự kiến của chúng ta, nền ngoại giao của chúng ta đang đi đến chỗ cô lập Việt Nam"[1].

1. *Hồi ký Kítxinhgiơ: Những năm tháng ở Nhà Trắng, 1968-1973, Sđd,* tr. 1145.

Chương VI

NHỮNG CUỘC ĐÀM PHÁN HÈ - THU NĂM 1972

Vì ta và địch đều nhận định năm 1972 là năm có vị trí quyết định cho nên các cuộc đàm phán dần dần đi vào thực chất, càng về sau càng có những chuyển biến quan trọng. Tuy nhiên, trong sáu tháng đầu năm 1972, hai bên chưa thật sự đi vào đàm phán, vẫn tăng cường nỗ lực tại chiến trường, và thăm dò nhau trên bàn hội nghị.

1. Cuộc đàm phán bí mật ngày 02-5-1972

Cuộc đàm phán này diễn ra theo đề nghị của Kítxinhgiơ trong hoàn cảnh sau đây:

- Sau cuộc tiến công chiến lược của ta mở ra từ ngày 30-3-1972;

- Những cuộc họp chính thức ở Kléber bị đình hoãn từ ngày 21-3-1972 do quyết định đơn phương của Níchxơn;

- Sau chuyến đi thăm Trung Quốc của Níchxơn, ngày 21-02-1972, và trước chuyến thăm Liên Xô, ngày 22-5-1972;

- Ngày 02-02-1972, Chính phủ Cách mạng lâm thời ra tuyên bố nêu rõ thêm hai điểm:

1. Mỹ phải định thời hạn rút hết quân, nhân viên quân sự, dụng cụ chiến tranh và đồng minh của Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam.

2. Thiệu phải từ chức ngay. Chính quyền Sài Gòn phải thay đổi chính sách hiếu chiến, phá bỏ các trại tập trung, tôn trọng tự do dân chủ, v.v..

Trong cuộc gặp riêng, Kítxinhgiơ yêu cầu ta rút quân về vị trí trước ngày 29-3-1972, yêu cầu ta rút các đơn vị mới đưa vào Nam trước ngày 30-3-1972. Về giải pháp, Kítxinhgiơ không đưa vấn đề gì mới ngoài những vấn đề đã nói trong giải pháp tám điểm ngày 11-10-1971.

Đại diện đoàn ta đã kiên quyết bác bỏ yêu cầu của đối phương đòi giảm hoạt động quân sự, đòi ta trở lại vị trí cũ trước ngày 29-3-1972; đồng thời ta bác bỏ việc đàm phán qua trung gian. Dụng ý của ta là phê phán âm mưu của Mỹ định nhờ Liên Xô, Trung Quốc làm môi giới. Trong cuộc gặp, ta nói rõ thêm về hai điểm ngày 02-02-1972 của Chính phủ Cách mạng lâm thời. Đối phương tỏ ra chú ý đến điểm mới là ta chỉ đòi Thiệu từ chức và hỏi nhiều về thay đổi chính sách là thế nào. Đối phương cũng dọa dẫm ta phải chịu "hậu quả" chiến tranh kéo dài và ác liệt, hàm ý đến những biện pháp mà Níchxơn sẽ thi hành ngày 08-5-1972.

Tóm lại, cuộc gặp riêng ngày 02-5-1972 giống như các cuộc gặp riêng trước đây, chưa đi vào thực chất.

2. Cuộc gặp riêng ngày 19-7-1972

Cuộc gặp riêng này diễn ra sau cuộc gặp riêng ngày 02-5-1972 và sau khi chính quyền Níchxơn đã thi hành những biện pháp chiến tranh quyết liệt nhất từ trước đến nay đối với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nhưng đã thất bại nặng nề.

Trong cuộc gặp, Kítxinhgiơ đưa ra đề nghị ngừng bắn tại chỗ. Đây là một điểm khác căn bản so với cuộc gặp ngày 02-5-1972, khi đó Kítxinhgiơ đòi ta ngừng bắn và phải trở về vị trí cũ trước ngày 29-3-1972. Trong cuộc gặp ngày 19-7-1972, Kítxinhgiơ không đòi quân đội miền Bắc phải rút ra khỏi miền Nam. Trong hồi ký, Kítxinhgiơ viết, sở dĩ không yêu cầu việc này với dụng ý để cho quân miền Bắc bị mòn mỏi ở trong Nam do việc thực hiện thỏa thuận cấm thâm nhập miền Nam. Trong cuộc gặp, Kítxinhgiơ để lộ ý đồ muốn giải quyết sớm vấn đề Việt Nam bằng cách gợi ý định ra một thời gian biểu, một lịch trình cụ thể giải quyết các vấn đề. Đây là lần đầu tiên phía Mỹ nêu ra vấn đề này. Trong cuộc gặp riêng này, Kítxinhgiơ thanh minh với ta rằng Mỹ vẫn chủ trương giải quyết vấn đề Việt Nam ở Pari chứ không phải ở thủ đô nào khác.

Trong cuộc gặp riêng, ta kiên quyết đòi Mỹ chấm dứt ném bom miền Bắc, gỡ mìn ở các hải cảng, các sông ngòi miền Bắc. Về chính trị, ta giải thích về việc thành lập chính phủ ba thành phần ở miền Nam trong đó vẫn giữ toàn bộ chính quyền Sài Gòn, trừ Nguyễn Văn Thiệu.

Kítxinhgiơ rất quan tâm đến điểm này và đánh giá đây là một biểu hiện tích cực của ta.

3. Các cuộc tiếp xúc bí mật trong tháng 8 và tháng 9-1972

Từ cuộc gặp riêng ngày 19-7-1972, đặc biệt từ cuộc gặp riêng ngày 01-8-1972 trở đi, đàm phán đi dần vào thực chất do việc ta đưa ra phương án trung bình nhằm thực hiện quyết định của Bộ Chính trị và Chính phủ cuối tháng 6, đầu tháng 7 như phần trên đã nói.

Trong cuộc gặp riêng ngày 01-8-1972, ta đưa ra đề nghị hòa bình 10 điểm sau đây:

1. Mỹ cam kết tôn trọng hòa bình, độc lập, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam như Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Việt Nam đã công nhận; cam kết chấm dứt mọi sự dính líu của Mỹ ở Việt Nam; không can thiệp công việc nội bộ của Việt Nam, không sử dụng các lực lượng quân sự, hải lục không quân để xâm phạm chủ quyền lãnh thổ và an ninh của hai miền Nam, Bắc Việt Nam.

Mỹ chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam, chấm dứt mọi hoạt động quân sự của Mỹ ở miền Nam Việt Nam, chấm dứt việc ném bom bắn phá miền Bắc Việt Nam và việc thả mìn phong tỏa các hải cảng của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

2. Rút hết quân, cố vấn, nhân viên quân sự, nhân viên kỹ thuật quân sự, vũ khí và dụng cụ chiến tranh của Mỹ và của các nước ngoài thuộc phe Mỹ ra khỏi

miền Nam Việt Nam, hủy bỏ các căn cứ quân sự Mỹ ở miền Nam Việt Nam; hoàn thành những việc trên trong vòng một tháng sau khi ký hiệp định. Chấm dứt viện trợ quân sự Mỹ cho chính quyền Sài Gòn khi bắt đầu thực hiện ngừng bắn ở miền Nam.

3. Việc thả hết quân nhân và dân thường của các bên bị bắt trong chiến tranh, kể cả những phi công Mỹ bị bắt ở miền Bắc Việt Nam sẽ tiến hành song song và hoàn thành cùng ngày với việc rút quân nói trên.

4. Quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam phải được thực sự tôn trọng:

a) Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định chế độ chính trị của mình thông qua tổng tuyển cử thực sự tự do và dân chủ, bầu ra quốc hội lập hiến, xây dựng hiến pháp và thành lập chính phủ chính thức ở miền Nam, tiêu biểu cho nguyện vọng và ý chí hòa bình, độc lập, trung lập và hòa hợp dân tộc.

b) Thành lập Chính phủ hòa hợp dân tộc lâm thời ba thành phần ở miền Nam Việt Nam để làm nhiệm vụ trong thời gian từ hòa bình đến tổng tuyển cử và để tổ chức tổng tuyển cử ở miền Nam Việt Nam.

Chính phủ hòa hợp dân tộc gồm ba thành phần sau đây:

- Những người thuộc Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam; những người thuộc chính quyền Sài Gòn (trừ Nguyễn Văn Thiệu); những

người thuộc các xu hướng chính trị và tôn giáo ở miền Nam Việt Nam kể cả những người vì lý do chính trị mà phải cư trú ở nước ngoài không phải của Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam, mà cũng không phải của chính quyền Sài Gòn, tán thành một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, trung lập và dân chủ. Ba thành phần trên đây đều bình đẳng và chiếm tỷ lệ ngang nhau.

Những người thuộc thành phần thứ ba do Chính phủ Cách mạng lâm thời và chính quyền Sài Gòn cùng thỏa thuận đề nghị. Chính phủ hòa hợp dân tộc lâm thời có đầy đủ quyền lực về đối nội, đối ngoại.

c) Ngay sau khi ký kết hiệp định toàn bộ, Nguyễn Văn Thiệu từ chức, và Chính phủ hòa hợp dân tộc ba thành phần nhậm chức.

5. Vấn đề lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam Việt Nam do Chính phủ Cách mạng lâm thời và chính quyền Sài Gòn giải quyết trên tinh thần hòa hợp dân tộc, không có sự can thiệp của nước ngoài.

6. Nước Việt Nam là một, giới tuyến quân sự ở vĩ tuyến 17 chỉ có tính chất tạm thời:

a) Việc thống nhất nước Việt Nam sẽ được thực hiện từng bước bằng phương pháp hòa bình do hai miền cùng bàn bạc;

b) Trong khi Việt Nam còn tạm thời chia làm hai miền, hai miền không tham gia liên minh quân sự với

nước ngoài, không cho phép nước ngoài có nhân viên quân sự trên đất mình, v.v..

7. Chính phủ Mỹ có trách nhiệm đóng góp vào việc xây dựng lại hai miền Nam, Bắc Việt Nam để hàn gắn những vết thương chiến tranh.

8. Sẽ thực hiện ngừng bắn tại chỗ ở miền Nam Việt Nam có kiểm soát và giám sát quốc tế.

9. Quy định việc kiểm soát và giám sát quốc tế, thành phần, nhiệm vụ của Ủy ban kiểm soát và giám sát sẽ do các bên thỏa thuận. Có bảo đảm quốc tế đối với việc tôn trọng các quyền cơ bản của nhân dân Việt Nam, nền trung lập ở miền Nam. Các bên sẽ thỏa thuận về thành phần những nước tham gia bảo đảm quốc tế và hình thức bảo đảm.

10. Các Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương và Hiệp nghị Giơnevơ năm 1962 về Lào phải được tôn trọng. Nhân dân mỗi nước Đông Dương tự giải quyết công việc nội bộ của mình không có sự can thiệp của nước ngoài. Về các việc liên quan đến nội bộ các nước Đông Dương sẽ do các bên Đông Dương giải quyết trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

Trong cuộc gặp riêng này, ta đề nghị mở ra bốn diễn đàn đàm phán:

1. Diễn đàn giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ.

2. Diễn đàn giữa Chính phủ Cách mạng lâm thời và chính quyền Sài Gòn.

3. Diễn đàn giữa Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời và chính quyền Sài Gòn.

4. Diễn đàn bốn bên.

Trong quá trình đàm phán, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ có trách nhiệm cùng giải quyết các mắc mứu khó khăn xảy ra giữa các bên. Sau khi ký kết hiệp nghị sẽ ngừng bắn ngay.

Sau này, Kítxinhgiơ thừa nhận cuộc gặp riêng ngày 01-8-1972 là cuộc gặp riêng lý thú nhất từ trước cho tới bấy giờ, Kítxinhgiơ vẫn cố tách vấn đề quân sự và vấn đề chính trị, đề nghị vấn đề chính trị giải quyết càng chậm, càng lâu bao nhiêu càng tốt bấy nhiêu.

Đề nghị hòa bình 10 điểm là một đòn tấn công ngoại giao mạnh của ta. Tuy nhiên, cuộc gặp chưa có chuyển biến rõ rệt. Sau cuộc gặp, ta nhận định vẫn còn có hai khả năng:

1. Đối phương phải giải quyết theo yêu cầu tối đa, tối thiểu nào đó.

2. Tìm mọi cách vượt qua tổng tuyển cử và chiến tranh vẫn kéo dài.

Ngày 14-8-1972, ta và Mỹ lại gặp riêng nhưng tình hình vẫn giẫm chân tại chỗ.

Cuộc gặp riêng ngày 15-9-1972: Trong cuộc gặp này, ta lại mở đợt tấn công ngoại giao mới nằm trong phương án trung bình.

Ta nói rõ thêm về 10 điểm ngày 01-8-1972 và nêu một số sáng kiến mới đáng chú ý như sau:

1. Trong đề nghị 10 điểm ngày 01-8-1972 ta đòi Mỹ rút quân trong vòng một tháng, nay ta nói rút quân Mỹ trong vòng 45 ngày sau khi ký kết hiệp định.

2. Tổng tuyển cử sẽ tiến hành sáu tháng sau khi ký hiệp định và ngừng bắn.

3. Về quyền hạn của Chính phủ hòa hợp lâm thời ta đưa ra cũng giảm so với đề nghị ngày 01-8-1972. Ta nhấn mạnh chính sách đối nội và đối ngoại của Chính phủ hòa hợp dân tộc lâm thời là nhằm thực hiện độc lập, trung lập, dân chủ ở miền Nam Việt Nam, nhiệm vụ chủ yếu là thực hiện tổng tuyển cử tự do ở miền Nam Việt Nam.

4. Trong khi chờ đợi tổng tuyển cử tự do ở miền Nam Việt Nam, Chính phủ Cách mạng lâm thời và chính quyền Sài Gòn tạm thời tồn tại để quản lý các vùng do mỗi bên kiểm soát.

5. Thành lập Ủy ban hòa hợp dân tộc ở tất cả các đơn vị hành chính.

6. Mỹ phải bồi thường chiến tranh và đóng góp vào việc khôi phục kinh tế ở hai miền bằng số tiền là 9 tỷ đôla Mỹ (4 tỷ rưỡi đôla Mỹ cho mỗi miền) trong thời hạn

năm năm theo nguyên tắc không hoàn lại và không kèm theo điều kiện gì.

7. Ngừng bắn tại chỗ ở miền Nam Việt Nam có kiểm soát và giám sát quốc tế. Ủy ban kiểm soát và giám sát quốc tế gồm đại diện năm nước. Ngoài Ấn Độ, Ba Lan, Canađa, mỗi bên sẽ đề nghị thêm một nước do cả hai bên thỏa thuận.

8. Có bảo đảm quốc tế đối với việc tôn trọng các quyền cơ bản của nhân dân miền Nam Việt Nam. Các thành phần sau đây sẽ tham gia bảo đảm quốc tế: Lào, Campuchia, Liên Xô, Trung Quốc, Pháp, Anh, năm nước trong Ủy ban quốc tế, Tổng thư ký Liên hợp quốc và bốn bên tham gia Hội nghị Pari về Việt Nam. Các thành phần kể trên sẽ họp một hội nghị quốc tế để thông qua một văn kiện bảo đảm quốc tế.

Cuộc gặp riêng ngày 26 và 27-9-1972:

Trong cuộc gặp này, ta lại mở đợt tấn công mới lần thứ ba bằng cách hoàn chỉnh và bổ sung đề nghị 10 điểm. Trong đề nghị 10 điểm mới, ta có thêm một số điểm mềm dẻo hơn trước. Mỹ và chính quyền Sài Gòn rất sợ Chính phủ hòa hợp dân tộc có nhiều quyền hạn. Do đó, trong đề nghị 10 điểm mới, ta lược bớt nhiều nhiệm vụ của Chính phủ hòa hợp dân tộc, mà chỉ còn nhấn mạnh một số quyền hạn như:

- Chỉ đạo và giám sát hai bên Nam Việt Nam thi hành các hiệp định đã được ký kết, thực hiện tự do dân

chủ, hòa hợp dân tộc; định ra luật lệ và thể thức tổng tuyển cử; dự thảo hiến pháp của miền Nam Việt Nam để trình quốc hội lập hiến thông qua; giám sát hai bên Nam Việt Nam thực hiện chính sách hòa bình, trung lập; Chính phủ hòa hợp dân tộc gồm 12 ủy viên, có một đoàn chủ tịch gồm ba người đại diện của ba thành phần. Chính phủ hòa hợp dân tộc lâm thời làm việc theo nguyên tắc nhất trí. Trực thuộc Chính phủ hòa hợp dân tộc lâm thời có năm ủy ban:

1. Ủy ban quân sự liên hợp, chuyên trách việc thi hành các điều khoản của Hiệp định đã được ký kết.

2. Ủy ban chính trị bảo đảm việc thực hiện tự do, dân chủ và hòa hợp dân tộc.

3. Ủy ban tổng tuyển cử.

4. Ủy ban dự thảo hiến pháp.

5. Ủy ban chính sách đối ngoại.

Trong 10 điểm mới, ta vẫn nhấn mạnh từ khi hòa bình lập lại đến khi có chính phủ chính thức ở miền Nam Việt Nam thì ở miền Nam Việt Nam vẫn tồn tại hai chính quyền, hai vùng, hai quân đội. Một điểm mới khác so với trước (trong 10 điểm ngày 01-8-1972, ta đòi Mỹ chấm dứt viện trợ quân sự cho chính quyền Sài Gòn khi bắt đầu thực hiện ngừng bắn ở miền Nam Việt Nam) là ta đề nghị hai bên Nam Việt Nam không nhận bất kỳ viện trợ quân sự nào, không nhận bất kỳ sự tăng viện nào về quân đội, cố vấn, nhân viên quân sự và kỹ thuật, vũ khí đạn dược và dụng cụ chiến tranh

vào miền Nam Việt Nam. Việc này thể hiện sự mềm dẻo của ta.

Về Ủy ban kiểm soát và giám sát quốc tế lần này ta đề nghị bốn nước. Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ mỗi bên giới thiệu hai nước.

Trong cuộc gặp riêng ngày 26 và 27-9-1972, Kítxinhgiơ cũng đưa ra 10 điểm trong đó có một số nhượng bộ đáng chú ý. *Về quân sự,* Kítxinhgiơ đưa ra thời gian rút quân ba tháng; về thành phần rút thì ngoài quân đội, cố vấn quân sự Mỹ, còn ghi thêm rút cả nhân viên kỹ thuật quân sự Mỹ. *Về chính trị,* Kítxinhgiơ cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam là độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ như đã ghi trong Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954, nhưng không nói công nhận thống nhất. Tuy nhiên, điểm 6 (trong 10 điểm) của Mỹ cũng có nói việc thống nhất Việt Nam sẽ thực hiện từng bước bằng biện pháp hòa bình trên cơ sở thảo luận và thỏa thuận giữa hai miền Việt Nam.

Kítxinhgiơ không tán thành chủ trương thành lập Chính phủ hòa hợp dân tộc lâm thời ở miền Nam mà chỉ đề nghị thành lập Ủy ban hòa giải dân tộc gồm ba thành phần với chức năng chủ yếu là tổ chức bầu cử. Cũng trong 10 điểm, Kítxinhgiơ đưa ra một số đề nghị về thành phần Ủy ban kiểm soát và giám sát quốc tế và thành phần tham gia Hội nghị bảo đảm quốc tế, gần giống với những đề nghị của ta.

Có một điểm đáng chú ý là Kítxinhgiơ đưa ra đề nghị cố đi đến thỏa thuận giải quyết vấn đề Việt Nam trước ngày 15-10-1972. Đề nghị này phản ánh quan điểm của một số phái trong chính quyền Mỹ đi theo sự lựa chọn giải quyết vấn đề Việt Nam trước cuộc bầu cử ở Mỹ. Đề nghị này cũng phản ánh việc Kítxinhgiơ thừa nhận trên thực tế là những đề nghị mới của ta đã tạo ra khả năng có thể đi đến giải quyết vấn đề Việt Nam bằng đàm phán hòa bình.

Chương VII

ĐỢT ĐÀM PHÁN THÁNG 10-1972: BƯỚC NGOẶT CĂN BẢN ĐI ĐẾN GIẢI PHÁP VỀ VẤN ĐỀ VIỆT NAM

Những cuộc gặp riêng tháng 9-1972, và đặc biệt là đề nghị 10 điểm của ta đã giúp cho cuộc đàm phán có những bước chuyển đáng kể. Tuy nhiên, còn nhiều tồn tại về nội dung giải pháp. Đối chiếu 10 điểm của ta ngày 26-9-1972 với 10 điểm ngày 27-9-1972 của Mỹ, thì giữa lập trường, giải pháp của hai bên còn tồn tại những vấn đề chính sau đây:

1. Về quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam: Mỹ chưa chịu ghi nhận việc *thống nhất* của Việt Nam.

2. Về chính trị ở miền Nam Việt Nam: còn chưa gặp nhau ở một số vấn đề:

a) Bầu cử quốc hội lập hiến hay bầu tổng thống.

b) Nội dung cụ thể về các quyền tự do dân chủ.

c) Cơ quan quyền lực chung toàn miền Nam: Tên gọi là gì? Quyền hạn và chức năng của nó? Hệ thống tổ chức của nó?

d) Thời gian Thiệu từ chức.

e) Viết hay không viết rõ tên của Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam trong các văn bản chính thức.

3. Về quân sự:

a) Thời hạn rút hết quân Mỹ (ta nói 45 ngày, Mỹ nói 3 tháng).

b) Viện trợ quân sự cho chính quyền Sài Gòn, Mỹ vẫn gắn với "viện trợ quân sự từ bên ngoài vào Đông Dương".

c) Vấn đề quân đội miền Bắc ở miền Nam.

d) Thời điểm chấm dứt ném bom và phong tỏa miền Bắc.

4. Việc bồi thường: hai bên khác nhau về số tiền và hình thức cam kết của Mỹ.

5. Về kiểm soát, giám sát quốc tế và bảo đảm quốc tế:

a) Thành phần Ủy ban quốc tế, chức năng và nhiệm vụ của Ủy ban, Ủy ban chịu trách nhiệm trước ai.

b) Thành phần Hội nghị quốc tế bảo đảm, nội dung bảo đảm quốc tế, chức năng của Hội nghị.

6. Về Đông Dương: Mỹ vẫn giữ chủ trương giải quyết mặt quân sự chung toàn Đông Dương; thả tù binh toàn Đông Dương; ngừng bắn toàn Đông Dương; các lực lượng vũ trang các nước Đông Dương ở trong biên giới quốc gia của mình; kiểm soát và giám sát quốc tế, bảo đảm quốc tế đối với Đông Dương.

Ba vấn đề gay cấn nhất là vấn đề chính trị ở miền Nam Việt Nam, vấn đề quân miền Bắc ở miền Nam Việt Nam, ở Lào và Campuchia và vấn đề bồi thường chiến tranh.

Như các phần trên đã nói, năm 1972 là năm có ý nghĩa quyết định đối với đối phương và đối với ta. Vấn đề đặt ra là phải chủ động tạo ra khả năng buộc Mỹ đi đến giải pháp. Làm thế nào để đạt được khả năng đó trong khi vấn đề chưa thống nhất còn rất nhiều, mà thời gian lại rất gấp trước bầu cử tổng thống ở Mỹ.

Thực hiện Nghị quyết 20 của Trung ương Đảng, từ cuối tháng 9 đến đầu tháng 10, Bộ Chính trị đã họp, phân tích tình hình và đề ra chủ trương mới về đàm phán. Ngày 04-10-1972, Ban lãnh đạo Đảng và Nhà nước điện cho các đồng chí lãnh đạo đoàn đàm phán ở Pari, đại ý như nhau: Ta cần tranh thủ khả năng chấm dứt chiến tranh trước ngày bầu cử Tổng thống Mỹ (ngày 07-11-1972), đánh bại âm mưu kéo dài đàm phán để vượt qua bầu cử của Mỹ. Ta cần ép Mỹ ký hiệp định chính thức, thực hiện ngừng bắn, rút quân Mỹ và quân đồng minh của Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam, thả tù binh. Muốn vậy, ta cần chủ động về yêu cầu giải pháp, nội dung hiệp định, thời điểm, cách đàm phán, cách ký, cách đấu tranh trong cuộc gặp mấy ngày tới...

Yêu cầu lớn nhất của ta là chấm dứt chiến tranh của Mỹ ở miền Nam, rút hết quân Mỹ và quân đồng minh của Mỹ ra khỏi miền Nam, chấm dứt dính líu quân sự của Mỹ ở miền Nam Việt Nam; chấm dứt chiến tranh

bằng không quân, thả mìn xuống miền Bắc. Việc chấm dứt dính líu quân sự của Mỹ và ngừng bắn ở miền Nam đưa đến việc công nhận trên thực tế hai chính quyền, hai quân đội, hai địa bàn ở miền Nam Việt Nam. Đạt được yêu cầu này là thắng lợi có ý nghĩa quan trọng trong điều kiện so sánh lực lượng lúc đó ở miền Nam, tạo ra một tình hình so sánh lực lượng mới rất có lợi cho ta. Ngoài yêu cầu cơ bản đó, ta đòi tự do dân chủ và đòi bồi thường chiến tranh.

Để tập trung mũi nhọn đấu tranh, ta cần gác một số yêu cầu khác về nội bộ miền Nam, những vấn đề chưa thể đạt được trong hiệp định này, do tình hình chưa cho phép đạt được.

Thực hiện chủ trương mới này, Bộ Chính trị thông qua hai văn bản. Văn bản thứ nhất là dự thảo hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Văn bản thứ hai là dự thảo những điều thỏa thuận về việc thực hiện những quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam.

Ta trao hai văn bản này cho Kítxinhgiơ trong cuộc gặp riêng ngày 08 và 09-10-1972.

Chủ trương mới của ta là một quyết sách chiến lược táo bạo làm cho cuộc đàm phán có biện chứng bước ngoặt căn bản đi tới giải pháp thương lượng về vấn đề Việt Nam. Mục đích là thực hiện trước khẩu hiệu "đánh cho Mỹ cút", tạo điều kiện cơ bản tiến lên "đánh cho ngụy nhào".

Nếu đối phương thực hiện đúng cam kết thì ngày 26-10-1972, Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam đã được ký kết, hòa bình đã được lập lại ở Việt Nam từ ngày 27-10-1972, là ngày ngừng bắn bắt đầu có hiệu lực. Nhưng do sự tráo trở của đối phương, chiến tranh vẫn tiếp tục và ác liệt hơn trước, hiệp định hòa bình mãi đến ngày 27-01-1973 mới được chính thức ký kết.

Đợt đàm phán tháng 10-1972 là đợt đàm phán có nhiều đột biến và đầy kịch tính. Đợt đàm phán này diễn ra dưới nhiều hình thức: đàm phán trực tiếp, mặt đối mặt giữa hai bên; đàm phán qua một loạt công hàm. Đợt đàm phán tháng 10-1972 càng cho ta thấy rõ nội bộ chính quyền Mỹ có rất nhiều mâu thuẫn và chủ trương trái ngược nhau, thấy rõ sự xảo quyệt và tàn bạo cao độ của chính quyền Níchxơn. Rõ ràng là Mỹ - ngụy vừa thống nhất với nhau, vì ngụy là con đẻ của Mỹ, lại vừa mâu thuẫn gay gắt với nhau.

Dưới đây là một số nét chính về đợt đàm phán tháng 10-1972.

Tình hình đàm phán từ ngày 08 đến 12-10-1972

Ngày 08-10-1972 được coi là mốc đánh dấu bước chuyển biến căn bản của cuộc đàm phán. Buổi sáng, Kítxinhgiơ đưa ra 10 điểm mới để trả lời 10 điểm của ta đưa ra ngày 26-9-1972. Mười điểm mới của Mỹ có một số nhân nhượng.

1. Mỹ nói tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Như vậy Mỹ đồng ý ghi *thống nhất.*

2. Nói về việc rút quân Mỹ, Mỹ rút ngắn thời gian rút quân từ 3 tháng xuống 2 tháng rưỡi.

Về vấn đề chính trị, Mỹ đề ra việc lập Ủy ban hòa giải dân tộc mà không tán thành Chính phủ hòa hợp dân tộc. Mỹ chủ trương bầu cử tổng thống tiến hành trong vòng năm tháng, sau khi ký hiệp định. Trước khi bầu cử tổng thống, thì tổng thống và phó tổng thống đương chức sẽ từ chức, chủ tịch thượng nghị viện sẽ tạm thời điều hành chính quyền. Vào một thời gian do hai bên thỏa thuận, sẽ tổ chức bầu cử quốc hội mới.

Mỹ nhìn nhận giới tuyến quân sự ở vĩ tuyến 17 không phải là một ranh giới chính trị vĩnh viễn, như Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đã xác nhận. Việc thống nhất Việt Nam sẽ được thực hiện từng bước theo nguyên tắc hòa bình, thời gian thống nhất sẽ do Bắc và Nam Việt Nam thỏa thuận. Ngừng bắn chung sẽ được thực hiện trên khắp Đông Dương dưới sự kiểm soát và giám sát quốc tế.

Mười điểm của Mỹ ngày 08-10-1972 cũng đề cập vấn đề lực lượng vũ trang Việt Nam ở Nam Việt Nam sẽ do các bên Việt Nam giải quyết trên tinh thần hòa giải dân tộc và nhằm giảm bớt gánh nặng của nhân dân.

Tóm lại, 10 điểm mới của Mỹ tập trung giải quyết những vấn đề quân sự, còn vấn đề chính trị thì nói

chung chung và đề ra giải pháp giải quyết trong khuôn khổ thể chế của chế độ Sài Gòn. Khi gặp gỡ và trao đổi với ta, Kítxinhgiơ nhận xét 10 điểm ngày 26-9-1972 của ta là muốn xóa bỏ cơ cấu hiến pháp của chế độ Sài Gòn, gạt tổng thống của chế độ Sài Gòn ngay sau khi ký hiệp định, lập cơ quan giống như cơ quan Chính phủ từ trên xuống dưới; Mỹ phải rút nhanh chóng còn quân miền Bắc vẫn ở lại miền Nam. Kítxinhgiơ nói nhiều về sự có mặt của quân miền Bắc ở Lào và Campuchia. Tuy nhiên, Kítxinhgiơ cũng thừa nhận 10 điểm ngày 26-9-1972 của ta có những yếu tố tích cực.

Kítxinhgiơ giải thích 10 điểm mới của Mỹ đưa ra ngày 08-10-1972. Về vấn đề chính trị, Kítxinhgiơ nói: "Chúng tôi không thể gán ép một giải pháp cho đồng minh của chúng tôi, tuy nhiên giữa chúng ta có thể giải quyết thỏa đáng những vấn đề khác, nhất là vấn đề quân sự thì tôi tin chắc rằng đôi bên có thể định ra một cách sắp xếp cho một quá trình chính trị chính thức và các điều khác trong hiệp định"[1].

Trong cuộc gặp này, Kítxinhgiơ nhấn mạnh đến bốn vấn đề: ngừng bắn; sự có mặt của các lực lượng Bắc Việt Nam ở Lào và Campuchia; vấn đề quân miền Bắc thâm nhập Nam Việt Nam qua Lào và Campuchia; việc thả tù binh Mỹ ở Lào và Campuchia.

---

1. Trích *Biên bản cuộc gặp riêng giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ,* ngày 08-10-1972.

Kítxinhgiơ đề nghị thương lượng và giải quyết đồng thời các vấn đề quân sự ở mỗi nước Đông Dương như ngừng bắn, rút quân nước ngoài, thay thế vũ khí, giám sát và kiểm soát quốc tế.

Về các lực lượng miền Bắc Việt Nam ở miền Nam Việt Nam, tuy Kítxinhgiơ không đòi hỏi phải rút ra khỏi miền Nam nhưng khi ngừng bắn phải đưa ra bảng kê khai các đơn vị miền Bắc ở miền Nam. Kítxinhgiơ nói không thể để cho bên nào giành được lợi thế "áp đảo và bất công". Kítxinhgiơ nói thêm rằng, ông ta được Níchxơn cho phép đưa ra một số bảo đảm như sau: sẵn sàng đồng ý ký hiệp định ở cấp Bộ trưởng Ngoại giao; sau khi Mỹ hoàn thành việc rút hết quân đội ra khỏi miền Nam Việt Nam, thì trong vòng hai tháng Mỹ sẽ rút hết tất cả các lực lượng tăng viện bố trí ở ngoài biển và ở các nước láng giềng của Đông Dương từ hồi Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mở cuộc tiến công mùa Xuân, cuối tháng 3-1972 cho đến nay.

Buổi chiều ngày 08-10-1972, đồng chí Lê Đức Thọ đưa bản dự thảo hiệp định về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình cho Kítxinhgiơ. Đồng chí giải thích cặn kẽ từng điểm của dự thảo hiệp định.

Dự thảo hiệp định gồm 10 chương và 20 điều. Đáng chú ý là lời mở đầu viết rằng Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với sự thỏa thuận của Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam, Chính phủ Mỹ với sự thỏa thuận của chính phủ

Việt Nam cộng hòa... đã thỏa thuận cam kết thi hành những điều khoản của hiệp định. Lời mở đầu viết như vậy là để giải quyết cách ký giữa hai bên, nhằm tránh những phức tạp của vấn đề chính trị của miền Nam Việt Nam.

Chương I nói về các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân miền Nam Việt Nam, Mỹ tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, và thống nhất của Việt Nam như Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Việt Nam đã xác định.

Chương II nói về chấm dứt chiến sự, rút quân, trong đó có các nội dung: Mỹ chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam, rút hết quân đội, chấm dứt mọi sự dính líu quân sự của Mỹ ở miền Nam Việt Nam và không can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

Mỹ chấm dứt chiến tranh bằng không quân và hải quân, chấm dứt ném bom, bắn phá, thả mìn và mọi hành động xâm phạm chủ quyền an ninh của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Thực hiện ngừng bắn trên toàn miền Nam Việt Nam kể từ giờ H. Bắt đầu từ khi ngừng bắn, quân Mỹ và quân các nước ngoài đồng minh của Mỹ ở nguyên vị trí của mình trong lúc chờ đợi kế hoạch rút quân. Các lực lượng vũ trang của hai bên miền Nam Việt Nam ở nguyên vị trí của mình trong vùng do mỗi bên kiểm soát. Việc rút hoàn toàn mọi quân đội, nhân viên quân sự, vũ khí và dụng cụ chiến tranh của Mỹ và các nước ngoài đồng minh của Mỹ, sẽ hoàn thành trong thời gian 60 ngày kể từ ngày ký hiệp định.

Hủy bỏ toàn bộ các căn cứ quân sự của Mỹ và các nước ngoài đồng minh của Mỹ ở miền Nam Việt Nam. Vấn đề nhận viện trợ quân sự sau này cho miền Nam Việt Nam thuộc thẩm quyền của chính phủ chính thức thành lập sau tổng tuyển cử ở miền Nam Việt Nam.

Chương III nói về việc trao trả những người của các bên bị bắt và giam giữ, trong đó có những nội dung chính sau đây:

Việc trao trả những người của các bên bị bắt và giam giữ ở Việt Nam, quân sự cũng như dân sự sẽ tiến hành song song và hoàn thành cùng ngày với việc rút quân. Các bên sẽ giúp đỡ nhau tìm kiếm tin tức về những người của các bên bị mất tích.

Chương IV nói về việc thực hiện quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam, trong đó có các nội dung chính sau đây: Thành lập ở miền Nam Việt Nam chính quyền hòa hợp dân tộc các cấp gồm ba thành phần ngang nhau; vấn đề lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam Việt Nam sẽ do các bên miền Nam Việt Nam giải quyết trên tinh thần hòa hợp dân tộc, bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau không có sự can thiệp của nước ngoài, phù hợp với tình hình sau chiến tranh nhằm làm giảm nhẹ sự đóng góp của nhân dân.

Chương V nói về vấn đề thống nhất nước Việt Nam và vấn đề quan hệ giữa hai miền Việt Nam.

Chương VI nói về việc hàn gắn những vết thương chiến tranh và khôi phục kinh tế ở hai miền Nam Bắc

Việt Nam, trong đó nhấn mạnh Chính phủ Mỹ có trách nhiệm đóng góp vào việc hàn gắn những vết thương chiến tranh và khôi phục nền kinh tế bị tàn phá ở hai miền Bắc và Nam Việt Nam không kèm theo điều kiện và không hoàn lại.

Chương VII nói về Ban liên hợp, Ủy ban quốc tế kiểm soát và giám sát, Hội nghị quốc tế bảo đảm, trong đó nêu rõ nhiệm vụ của Ủy ban quốc tế, về việc Ủy ban quốc tế chịu trách nhiệm trước hai bên miền Nam Việt Nam, về việc kiểm soát và giám sát những điều khoản mà hai bên thi hành.

Chương VIII nói về những liên quan đến Campuchia và Lào, trong đó có những nội dung chính sau đây: Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam, Chính phủ Mỹ và chính phủ Việt Nam cộng hòa triệt để tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Campuchia và Lào, cam kết không dùng lãnh thổ Campuchia và lãnh thổ Lào để xâm phạm chủ quyền và an ninh của các nước khác; công việc nội bộ của Campuchia và của Lào do nhân dân mỗi nước đó tự giải quyết, các nước ngoài không được can thiệp vào. Các nước ngoài phải chấm dứt các hành động chiến tranh và mọi hành động khác xâm lược chủ quyền và an ninh của ba nước Đông Dương, rút hết quân đội và nhân viên quân sự của họ ra khỏi ba nước Đông Dương. Các vấn đề liên quan giữa ba nước Đông Dương sẽ do các bên Đông Dương

giải quyết trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

Chương IX nói về quan hệ giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ: Việc chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam và việc thực hiện nghiêm chỉnh hiệp định này tạo điều kiện xây dựng những quan hệ mới bình đẳng và cùng có lợi giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, đồng thời bảo đảm hòa bình vững chắc ở Việt Nam, góp phần gìn giữ hòa bình lâu dài ở Đông Dương và Đông Nam Á.

Chương X nói về việc hiệp định bắt đầu có hiệu lực kể từ khi ký; hiệp định làm bằng ba thứ tiếng Việt Nam, Anh, Pháp; bản tiếng Việt và bản tiếng Anh là những bản chính và có giá trị như nhau.

Đồng chí Lê Đức Thọ nói thêm đại ý như sau: trong khi đưa ra đề nghị mới này, chúng tôi đã không để vấn đề chính trị miền Nam Việt Nam là vấn đề khó khăn nhất kéo dài cuộc đàm phán giữa chúng ta, nhằm nhanh chóng sớm chấm dứt chiến tranh, đáp ứng nguyện vọng hòa bình của nhân dân hai nước. Đưa ra đề nghị mới này, chúng tôi chú ý đến những mối quan tâm của các ông mà Tổng thống Níchxơn gần đây đã nói nhiều lần là: ngừng bắn, thả tù binh, rút hết quân Mỹ về nước.

Nhận được bản dự thảo, Kítxinhgiơ và A. Haigơ trao đổi ý kiến với nhau. Theo Kítxinhgiơ, trước mắt Mỹ có ba sự lựa chọn:

- Bác bỏ về nguyên tắc bản dự thảo, lấy cớ là dự thảo chưa rõ ràng;

- Chấp nhận bản dự thảo về nguyên tắc và thương lượng để hoàn thiện nó;

- Tranh thủ thời gian bằng cách trở về Oasinhtơn để xin chỉ thị.

Kítxinhgiơ và Haigơ nhận định rằng tình hình Mỹ rất khó khăn, Mỹ đã tiến hành chiến tranh 10 năm, đã đưa hàng triệu lính Mỹ sang Việt Nam, đã chi hàng tỷ đôla vũ khí mà không giành được thắng lợi. Khó khăn ngày càng nhiều. Nước Mỹ đã "chảy máu cạn kiệt".

Càng kéo dài chiến tranh, nội bộ Mỹ càng chia rẽ, Mỹ càng không đảm đương được các trách nhiệm quốc tế của mình. Phân tích bản dự thảo hiệp định riêng với nhau, đoàn Mỹ cho là đáng "hài lòng". Họ thừa nhận dự thảo hiệp định của ta đã tách vấn đề quân sự với vấn đề chính trị, tập trung giải quyết vấn đề ngừng bắn, rút quân Mỹ, thả tù binh, không đòi lật đổ chính quyền Sài Gòn, không đòi Thiệu từ chức.

Về cơ bản thỏa mãn với bản dự thảo hiệp định, Kítxinhgiơ bàn trong nội bộ đoàn Mỹ rằng, còn có một số vấn đề phải bàn thêm. Kítxinhgiơ nhận định rằng ta đưa ra dự thảo hiệp định nhằm gây sức ép với Mỹ trước bầu cử tổng thống, cho nên Mỹ cũng tương kế tựu kế,

nghĩa là cũng dùng bầu cử tổng thống để gây sức ép lại với ta, đòi ta nhân nhượng càng nhiều càng tốt.

Sau khi nghiên cứu độ nửa giờ dự thảo hiệp định trong lúc giải lao. Kítxinhgiơ phát biểu khi họp trở lại: "Đây là văn kiện mở ra bước ngoặt trong đàm phán, đây là văn kiện rất cơ bản, rất quan trọng. Các ông đã mở ra một trang sử mới trong thương lượng và có khả năng chúng ta có thể giải quyết sớm"[1].

Trong hồi ký, Kítxinhgiơ viết rằng khi đọc bản dự thảo hiệp định, ông ta rất vui mừng và gọi đó là sự đột phá bế tắc đàm phán kéo dài mấy năm. Kítxinhgiơ viết, những người đàm phán Việt Nam khi đã thắt thì họ biết thắt rất chặt, và khi họ muốn mở thì cũng biết mở khéo để đi vào thương lượng thực chất.

Ngày 09-10-1972, hai bên gặp lại nhau trong hơn hai giờ đồng hồ, Kítxinhgiơ đưa ra bản dự thảo hiệp định sửa đổi bản dự thảo của ta. Dự thảo của Mỹ có chín chương, Mỹ bỏ chương bồi thường chiến tranh, đưa vấn đề ngừng bắn lên thành chương thứ nhất. Dự thảo của Mỹ dụng ý làm mờ hơn nữa những vấn đề chính trị, nhấn mạnh quyền của Mỹ viện trợ quân sự cho chính quyền Sài Gòn, nhấn mạnh vấn đề chấm dứt xâm nhập miền Nam; rút quân miền Bắc ở Lào và Campuchia. Khi trình bày, Kítxinhgiơ nêu những vấn đề chính sau đây:

---

1. Trích *Biên bản cuộc gặp riêng giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ, Tlđd.*

1. Ủy ban quốc tế kiểm soát và giám sát việc rút quân nước ngoài cả ở Lào và Campuchia.

2. Lập danh sách kê khai việc bố trí lực lượng vũ trang các bên Việt Nam ở miền Nam sau khi ký hiệp định.

3. Vấn đề viện trợ quân sự cho các bên ở miền Nam Việt Nam và vấn đề thay thế vũ khí hỏng trong từng thời kỳ.

4. Về vấn đề chính trị ở miền Nam, Kítxinhgiơ không tán thành lập chính quyền hòa hợp dân tộc ba thành phần mà chỉ nói đến việc thành lập Ủy hội hoặc Ủy ban hòa hợp dân tộc ba thành phần.

5. Kítxinhgiơ nói nhiều đến việc quân miền Bắc thâm nhập qua Lào vào miền Nam Việt Nam.

Phía Mỹ đề nghị lịch công tác như sau: Kítxinhgiơ họp đến ngày 10 hoặc 11 tháng 10 rồi về Mỹ xin chỉ thị của Níchxơn; ngày 14, 15 tháng 10 Kítxinhgiơ đi Sài Gòn bàn với Thiệu; ngày 19 tháng 10 Kítxinhgiơ đến Hà Nội; ngày 21 tháng 10 Kítxinhgiơ rời Hà Nội; ngày 22 hoặc 23 tháng 10 công bố hiệp định; ngày 25 hoặc 26 tháng 10 ký kết hiệp định do Bộ trưởng Ngoại giao hai nước ký.

Tối 09-10-1972, phía Mỹ gửi công hàm cho ta nêu những yêu sách: đòi rút số quân miền Bắc đưa vào Nam sau ngày 25-3-1972, đòi trao đổi danh sách bố trí lực lượng ở miền Nam, đòi giám sát các đường xâm nhập qua Lào.

Phát biểu của Kítxinhgiơ trong cuộc họp ngày 09 cũng như những yêu sách nêu trong công hàm tối 09-10-1972 cho thấy phía Mỹ có thái độ cứng rắn, hòng ép ta nhân nhượng thêm. Ngày 10-10-1972, hai bên họp tiếp trong bầu không khí khá căng thẳng. Ta phê phán Mỹ đưa ra những chướng ngại giả tạo để ngăn chặn đi đến giải pháp thương lượng nhanh chóng. Kítxinhgiơ trả lời khá găng và nêu ra ba khả năng:

1. Đi đến thỏa thuận nhanh.

2. Kítxinhgiơ về Mỹ xin chỉ thị của Níchxơn, sau 48 tiếng sẽ trả lời.

3. Không giải quyết được gì, tiếp tục xung đột.

Các đồng chí lãnh đạo đoàn ta trả lời cũng rất dứt khoát và nêu rõ chỉ có hai khả năng:

1. Đi đến giải quyết.

2. Tiếp tục chiến tranh.

Những vấn đề thảo luận gay go nhất là:

1. Mỹ đòi rút số quân miền Bắc vào Nam sau ngày 25-3-1972.

2. Mỹ đòi kiểm soát và giám sát quốc tế đường mòn Hồ Chí Minh.

3. Mỹ đòi đồng thời ngừng bắn ở Việt Nam, Lào và Campuchia.

4. Mỹ đòi tiếp tục viện trợ quân sự cho chính quyền Sài Gòn sau khi ký hiệp định.

5. Về vấn đề người bị bắt, Mỹ không chịu ghi "thả dân sự bị bắt".

6. Mỹ không chịu chấp nhận cụm từ "thành lập chính quyền hòa hợp dân tộc" mà chỉ tán thành ghi là "Ủy ban hòa giải dân tộc".

7. Mỹ muốn ủy ban kiểm soát và giám sát quốc tế có nhiều quyền, nhiều nhân viên. Mỹ còn đề nghị lập lực lượng "dã chiến" của Ủy ban quốc tế (về sau thôi không nêu vấn đề này).

8. Mỹ không chịu ghi vấn đề bồi thường chiến tranh vào hiệp định mà chỉ hứa chung chung là sẽ cử Mắc Namara, Chủ tịch Ngân hàng Thế giới, nguyên Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ, đến Việt Nam nghiên cứu tại chỗ, đánh giá thiệt hại, xem xét nhu cầu của Việt Nam, sau đó sẽ có kiến nghị.

Trong phiên họp này, ta đưa ra một số đề nghị mềm dẻo là sau khi ký hiệp định, các bên miền Nam Việt Nam sẽ giảm quân số và thực hiện phục viên tại chỗ ở miền Nam Việt Nam.

Ngày 11-10-1972 lại tiếp tục họp. Cuộc họp kéo dài từ 9 giờ 30 phút sáng 11 tháng 10 đến 2 giờ sáng 12 tháng 10. Cuộc họp sở dĩ kéo dài vì cả hai bên đều muốn giải quyết dứt điểm những vấn đề tồn tại. Sau cuộc họp, chỉ còn lại ba vấn đề chủ yếu: thay thế vũ khí; dân sự bị bắt; ngừng bắn ở Lào và Campuchia.

Trong cuộc họp ngày 11 và 12-10-1972, hai bên thỏa thuận lịch như sau:

- Ngày 18 tháng 10, Mỹ chấm dứt ném bom và thả mìn miền Bắc Việt Nam.

- Ngày 19 tháng 10, Kítxinhgiơ đến Hà Nội để ký tắt hiệp định với đồng chí Lê Đức Thọ, sau khi Kítxinhgiơ đã đến Sài Gòn trao đổi ý kiến với Nguyễn Văn Thiệu.

- Ngày 26 tháng 10, Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ ký chính thức hiệp định ở Pari.

- Ngày 27 tháng 10, ngừng bắn bắt đầu có hiệu lực.

Ngày 12 tháng 10, Kítxinhgiơ về Mỹ xin ý kiến của Níchxơn và hứa sẽ trả lời trong vòng 48 tiếng.

Nhìn lại đợt đàm phán từ ngày 08 đến 12 tháng 10, chúng ta thấy dự thảo hiệp định thể hiện phương án của ta đã phá vỡ được bế tắc của cuộc đàm phán kéo dài gần bốn năm, đẩy Mỹ phải giải quyết theo phương án của ta. Ngay ngày đầu tiên, phía Mỹ đã chấp nhận về căn bản phương án của ta. Nhưng Mỹ vẫn nêu ra nhiều chướng ngại. Thái độ đó của Mỹ bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân:

1. Căng thẳng để ép ta nhân nhượng thêm.

2. Nội bộ chính quyền Níchxơn còn chia rẽ về việc giải quyết như thế nào và bao giờ về vấn đề Việt Nam. Trong hồi ký, Kítxinhgiơ viết rằng, Níchxơn "muốn kéo dài đàm phán đến bầu cử, sau đó chơi canh bạc cuối cùng với Hà Nội cũng như với Sài Gòn"[1].

---

1. *Hồi ký Kítxinhgiơ: Những năm tháng ở Nhà Trắng, 1968-1973, Sđd,* tr. 1404.

Đấu tranh buộc đối phương phải chấp nhận "hoàn thành" hiệp định

Từ sau cuộc gặp ngày 08 đến 25 tháng 10 là thời gian hai bên hầu như ngày nào cũng gửi công hàm cho nhau, là thời gian có nhiều kịch tính, là thời gian ta mở hai cuộc tiến công ngoại giao về sách lược buộc đối phương phải thừa nhận "hiệp định hoàn thành" và buộc phải tuyên bố là Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã "thỏa mãn" tất cả các yêu cầu của Mỹ liên quan đến vấn đề Lào, Campuchia cũng như vấn đề tù binh Mỹ. Thời gian này cũng là thời gian đối phương bộc lộ những khó khăn cũng như những mưu đồ xảo trá của họ.

Ngày 13 tháng 10, phía Mỹ đã gửi một công hàm thông báo cho ta biết Tổng thống Mỹ chấp nhận dự thảo làm cơ sở cho một hiệp định chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam, trừ một số vấn đề kỹ thuật sẽ được Bộ trưởng Xuân Thủy và Tiến sĩ Kítxinhgiơ thảo luận ngày 17 tháng 10. Trong phiên họp này, Mỹ đưa ra một số dự thảo trong đó có các vấn đề như sau: Viện trợ quân sự cho miền Nam Việt Nam thuộc thẩm quyền của chính phủ chính thức được thành lập sau tuyển cử ở miền Nam; sau khi đình chỉ chiến sự, hai bên miền Nam Việt Nam sẽ không nhận đưa quân đội, cố vấn quân sự và nhân viên quân sự, kể cả nhân viên kỹ thuật quân sự, vũ khí, đạn dược và dụng cụ chiến tranh vào miền Nam Việt Nam; về nhiệm vụ của

Hội đồng hòa hợp, hòa giải dân tộc, Mỹ đưa ra những đề nghị nhằm giảm đến mức tối thiểu nhiệm vụ của Hội đồng.

Ngày 14 tháng 10, Mỹ lại gửi ta công hàm đề nghị một số sửa đổi trong đó có đề nghị không mời Lào và Campuchia tham gia Hội nghị quốc tế bảo đảm chấm dứt chiến tranh, duy trì hòa bình ở Việt Nam.

Đến 23 giờ ngày 14 tháng 10, Mỹ tiếp tục gửi ta công hàm vẫn duy trì ý kiến về vấn đề không thả cùng lúc nhân viên quân sự và dân sự bị bắt. Dự thảo của Mỹ về vấn đề dân sự bị bắt như sau: "hai bên Nam Việt Nam sẽ làm việc này (vấn đề thả dân sự bị bắt) càng sớm càng tốt và sẽ làm hết sức mình để giải quyết vấn đề này trong khoảng ba tháng sau khi ký hiệp định". Ngoài ra, phía Mỹ bảo đảm với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa rằng, phía Mỹ sẽ có những cố gắng tối đa ở Sài Gòn để giúp đem lại một giải pháp cho vấn đề này trong thời hạn nói trên.

Ngày 15-10-1972, Mỹ trao cho ta hai công hàm, một công hàm trình bày kỹ thêm về những sửa đổi của Mỹ, như đã có sự giảm hoạt động của không quân Mỹ ở miền Bắc Việt Nam.

Ngày 17-10-1972, diễn ra cuộc gặp riêng giữa Bộ trưởng Xuân thủy và Kítxinhgiơ tại Pari. Lúc này, đồng chí Lê Đức Thọ về Hà Nội báo cáo với Trung ương. Cuộc họp khá căng thẳng, nhưng cũng đã thỏa thuận trên 30 vấn đề thứ yếu về nội dung và chữ nghĩa.

Hai vấn đề không thỏa thuận được là vấn đề thay thế vũ khí và vấn đề dân sự bị bắt.

Về vấn đề thay thế vũ khí, quan điểm của ta là *thay bằng nhau,* nghĩa là chính quyền Sài Gòn thay bao nhiêu thì Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam thay bấy nhiêu. Quan điểm của Mỹ là hỏng một thay một với chất lượng như nhau.

Về vấn đề dân sự bị bắt, quan điểm của ta là phải theo đúng quy định của Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 về Việt Nam. Điều 21 (b) của Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 định nghĩa về dân sự bị bắt như sau: "Tất cả những người đã tham gia bất cứ dưới hình thức nào vào cuộc đấu tranh vũ trang và chính trị giữa hai bên và vì thế đã bị bên này hay bên kia bắt và giam giữ trong khi có chiến tranh. Những thường dân bị bắt về tội thường phạm thì không thuộc phạm vi điều này". Như vậy, theo quan niệm của ta, những "dân sự bị bắt" phải được trả lại tự do.

Quan điểm của Mỹ là không chịu giải quyết vấn đề này, xuất phát từ ý đồ thâm độc là không muốn thả những cán bộ của ta bị bắt. Đối phương lo ngại một khi cán bộ chính trị được thả sẽ tiếp tục lãnh đạo phong trào cách mạng lật đổ chính quyền Sài Gòn.

Như vậy, sau cuộc gặp ngày 17 tháng 10 còn tồn tại hai vấn đề quan trọng như trên. Ngoài ra, còn tồn tại vấn đề tuyên bố đơn phương về vấn đề Lào và Campuchia. Mỹ yêu cầu ta tuyên bố dùng ảnh hưởng

của ta tác động tới các bạn Lào và Campuchia để thực hiện ngừng bắn đồng thời và thả tù binh Mỹ ở cả Đông Dương.

Ngày 18 tháng 10, Mỹ gửi công hàm cho ta, thông báo Kítxinhgiơ không tới Hà Nội nếu không có thỏa thuận hoàn toàn hiệp định. Kítxinhgiơ đề nghị sẵn sàng gặp lại đồng chí Lê Đức Thọ hoặc đồng chí lãnh đạo nào đó của ta ở Viêng Chăn vào ngày 22, 23 hoặc 24 tháng 10 để đi tới thỏa thuận toàn bộ trong vài ba ngày. Kítxinhgiơ đồng thời đề nghị một lịch mới như sau: Ngày 25, 26 hoặc 27 tháng 10, Kítxinhgiơ đến Hà Nội thỏa thuận kế hoạch sau chiến tranh; ngày 28 hoặc 29 tháng 10 công bố thỏa thuận cuối cùng.

Từ lâu, chúng ta đã dự đoán trong năm 1972 có nhiều khả năng:

1. Mỹ phải giải quyết bằng thương lượng vấn đề Việt Nam.

2. Mỹ cố vượt qua bầu cử.

3. Mỹ tiếp tục chiến tranh.

Từ ngày 08-10-1972, các đồng chí lãnh đạo đoàn ta ở Pari đã nhận định tồn tại hai khả năng giải quyết và chưa giải quyết hòa bình vấn đề Việt Nam.

Thái độ lật lọng của Mỹ trong những ngày từ 13 đến 18-10-1972 cho chúng ta thấy rõ chính quyền Níchxơn muốn kéo dài đàm phán để vượt qua bầu cử.

Trước tình hình đó, ta chủ động tiến công, dồn đối phương vào thế hoàn toàn bị động.

Ngày 19-10-1972, đồng chí Phạm Văn Đồng, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, gửi công hàm cho Tổng thống Mỹ, với những nội dung chính như sau: Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiếp tục tỏ thiện chí của mình và thông báo cho phía Mỹ biết rằng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chấp nhận công thức của Mỹ về thay thế vũ khí và dân sự bị bắt (như công hàm ngày 13 tháng 10 của Mỹ đã nêu). Do đó, không có lý do để thay đổi lịch đã định. Công hàm của ta yêu cầu Mỹ đáp ứng thiện chí của ta, nếu không sẽ là phá vỡ đàm phán, Mỹ phải chịu trách nhiệm trước nhân dân Mỹ và nhân dân thế giới về việc chiến tranh tiếp tục kéo dài. Công hàm có đoạn viết: "Nếu phía Mỹ cứ tiếp tục mượn cớ này hoặc cớ khác trì hoãn việc thực hiện lịch mà hai bên đã thỏa thuận thì cuộc đàm phán nhất định sẽ hoàn toàn tan vỡ. Chiến tranh ở Việt Nam sẽ kéo dài và phía Mỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm về những việc xảy ra trước nhân dân Mỹ, nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới".

Ngày 20 tháng 10, Tổng thống Mỹ gửi công hàm cho Thủ tướng Phạm Văn Đồng trả lời công hàm ngày 19 tháng 10 của ta. Sau này, Níchxơn viết: *"Tôi gửi công hàm cho ông Phạm Văn Đồng nói rằng bây giờ có thể coi hiệp định là hoàn thành"*[1].

Trong hồi ký của mình, Kítxinhgiơ cũng viết: "Công hàm của Tổng thống Mỹ gửi Thủ tướng nước

1. *Hồi ký Níchxơn, Sđd,* tr. 512.

Việt Nam Dân chủ Cộng hòa coi văn bản hiệp định là hoàn thành"[1].

Công hàm của Tổng thống Mỹ nêu ba vấn đề còn tồn tại cần đi đến thỏa thuận: số lính Mỹ bị bắt ở Lào và Campuchia; chấm dứt chiến tranh ở Lào; chấm dứt chiến tranh ở Campuchia. Về vấn đề Lào, Mỹ đề nghị ngừng bắn trong 30 ngày sau khi thực hiện ngừng bắn ở Việt Nam. Về vấn đề Campuchia, Mỹ đề nghị Việt Nam dùng ảnh hưởng của mình tác động đến Campuchia nhằm chấm dứt chiến tranh; Mỹ đề nghị quân Bắc Việt Nam rút khỏi Lào, Campuchia và không thâm nhập hai nước này.

Cũng trong công hàm, phía Mỹ đề nghị một lịch mới (nếu đạt được thỏa thuận về các vấn đề): ngày 24 tháng 10 Kítxinhgiơ đến Hà Nội, ngày 26 tháng 10 Kítxinhgiơ rời Hà Nội, ngày 27 tháng 10 công bố thỏa thuận ở thủ đô hai nước, ngày 31 tháng 10 ký chính thức hiệp định ở Pari.

Ngày 21-10-1972, Thủ tướng Chính phủ ta gửi công hàm cho Tổng thống Mỹ trả lời về vấn đề Lào và Campuchia, về lịch công tác.

Về Lào, ta đã tham khảo ý kiến của các bạn Neo Lào Hắcxạt[2], đồng ý thả tù binh Mỹ trước tháng 12-1972. Neo Lào Hắcxạt đồng ý thực hiện ngừng bắn trong vòng một tháng sau khi ký Hiệp định Pari.

---

1. *Hồi ký Kítxinhgiơ: Những năm tháng ở Nhà Trắng, 1968-1973, Sđd,* tr. 1429.

2. Mặt trận Lào yêu nước.

Ta thông báo cho Mỹ biết ở Lào đang có cuộc đàm phán giữa Neo Lào Hắcxạt và chính quyền Viêng Chăn. Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ dùng ảnh hưởng của mình góp phần tích cực giải quyết vấn đề Lào.

Về Campuchia, ta nói với Mỹ là theo ta biết thì không có tù binh Mỹ ở Campuchia. Ta đề nghị Mỹ cùng với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa góp phần tích cực của mình vào việc giải quyết vấn đề Campuchia. Ta nhấn mạnh phải tôn trọng chủ quyền và các quyền dân tộc cơ bản của Lào và Campuchia như dự thảo hiệp định ngày 08-10-1972 của ta trao cho Mỹ đã ghi rõ.

Ngày 22-10-1972, Tổng thống Mỹ gửi công hàm cho Thủ tướng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với những nội dung chính như sau:

- Tổng thống Mỹ đánh giá cao công hàm của Thủ tướng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thỏa mãn mọi điểm yêu cầu của Mỹ liên quan đến Lào và Campuchia cũng như liên quan đến vấn đề tù binh Mỹ.

- Trong công hàm, Tổng thống Mỹ thanh minh rằng có sự chậm trễ là "không may", những khó khăn ở Sài Gòn đã phức tạp hơn dự kiến lúc đầu. Một số khó khăn đó liên quan đến những vấn đề mà phía Mỹ đã đề ra với phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa[1].

---

1. Đoạn này trong công hàm của Mỹ có nói đến thái độ tiêu cực và phá hoại của Thiệu trong chuyến đi thăm Sài Gòn của Kítxinhgiơ từ ngày 18 đến 23-10-1972, phía Mỹ vin vào những cái gọi là khó khăn đó nhằm sửa đổi hiệp định đã thỏa thuận và nhằm kéo dài thời gian vượt qua bầu cử (chúng tôi sẽ nói thêm về vấn đề này ở phần sau).

- Mưu toan trút trách nhiệm cho ta, trong công hàm, phía Mỹ vin cớ Thủ tướng ta trả lời phỏng vấn nhà báo Mỹ Boócsơgrêvơ làm tiết lộ bí mật khiến cho cuộc gặp Kítxinhgiơ - Thiệu vấp phải nhiều khó khăn.

Dự đoán là ta có thể công bố hiệp định, trong công hàm, phía Mỹ đề nghị ta không nên có hành động công khai hóa nào.

Trong công hàm phía Mỹ khẳng định lại sự cam kết đối với thực chất và những cơ sở của bản dự thảo hiệp định.

Ngày 23-10-1972, Thủ tướng Việt Nam Dân chủ Cộng hòa gửi công hàm trả lời công hàm ngày 22-10-1972 của Mỹ, phê phán Mỹ viện cớ không chính đáng để vi phạm một cách nghiêm trọng những điều mà hai bên đã thỏa thuận trong các buổi gặp riêng là, khi hai bên đã thỏa thuận hoàn toàn về nội dung hiệp định và về lịch trình thì không được thay đổi gì nữa.

"Thái độ của Mỹ như vậy là không thật sự nghiêm chỉnh. Phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa hoàn toàn không thể chấp nhận được những lý do mà phía Mỹ nêu ra. Mỹ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về những hậu quả do Mỹ gây ra. Nếu Mỹ nghiêm chỉnh thì Mỹ phải thực hiện lời cam kết về hiệp định và về lịch trình mà hai bên đã thỏa thuận".

Công hàm đó thực chất là một cảnh cáo nghiêm khắc đối với phía Mỹ.

Cùng ngày 23-10-1972, Tổng thống Mỹ gửi công hàm cho Thủ tướng của ta bào chữa về thái độ và việc làm sai trái của Mỹ, bằng cách nói rằng Mỹ "không áp đặt một giải pháp đơn phương lên các đồng minh của mình và Mỹ sẽ chỉ tiến hành trên cơ sở hiệp thương".

Trong công hàm, Tổng thống Mỹ nêu ra một số khó khăn giả tạo sau đây:

- Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã tìm cách làm việc với một tốc độ nhanh quá mức.

- Trả lời phỏng vấn của Thủ tướng Phạm Văn Đồng với nhà báo Boócsơgrêvơ có tác hại quyết định đến Sài Gòn.

- Vấn đề lực lượng vũ trang Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở miền Nam là vấn đề còn tồn tại. Tiến sĩ Kítxinhgiơ đã luôn luôn nói với ông Lê Đức Thọ về vấn đề này. (Vấn đề quân miền Bắc ở miền Nam là vấn đề khi thì Mỹ bỏ qua không nói, khi thì Mỹ nêu ra để mặc cả. Chúng ta sẽ có dịp trở lại vấn đề này).

- Công hàm của Tổng thống Mỹ còn nêu ra nhiều vấn đề kỹ thuật cần phải giải quyết.

Công hàm của Tổng thống Mỹ hứa rằng, những vấn đề đó có thể giải quyết, kể cả vấn đề quân đội miền Bắc ở miền Nam Việt Nam. Công hàm của Tổng thống Mỹ đề nghị Kítxinhgiơ gặp lại đồng chí Lê Đức Thọ tại Pari, và Kítxinhgiơ không đi Hà Nội.

Như trên đã nói, Mỹ rất sợ ta công khai hóa hiệp định, cho nên công hàm của Tổng thống Mỹ có đoạn viết:

"Phía Mỹ cần báo trước rằng bất cứ ý định nào về khai thác một cách công khai những khó khăn hiện tại có tính chất tạm thời sẽ chỉ đưa đến việc kéo dài thương lượng". Công hàm của Tổng thống Mỹ hứa sẽ sớm đi đến một giải pháp trên cơ sở thỏa thuận.

Ngày 23-10-1972, đoàn ta ở Pari nhận được điện của lãnh đạo Đảng và Nhà nước nhận định Mỹ kéo dài thời gian để vượt qua bầu cử và cho biết ngày 26 tháng 10, ta sẽ ra tuyên bố của Chính phủ, nêu lên những điểm chính của hiệp định mà hai bên đã thỏa thuận. Bộ Chính trị và Chính phủ chỉ thị cho hai đoàn đưa tuyên bố của Chính phủ ra Hội nghị bốn bên về Việt Nam tại trung tâm quốc tế Kléber, sau đó tổ chức họp báo.

Một điều cần chú ý là đi đôi với việc trì hoãn ký hiệp định và sửa căn bản những thỏa thuận đã đạt được, Mỹ ra sức tăng cường lực lượng vũ trang của ngụy quyền Sài Gòn bằng chiến dịch "tăng tốc" (ENHANCE PLUS) bắt đầu từ ngày 20-10-1972. Bằng chiến dịch này, Mỹ cấp tốc chở vũ khí, đạn dược cho ngụy quân để tăng cường ngụy quyền.

Công bố nội dung của hiệp định

Ngày 26-10-1972 (giờ Oasinhtơn là ngày 25 tháng 10), Chính phủ ta công bố nội dung chính của dự thảo hiệp định đã được Tổng thống Mỹ Níchxơn thừa nhận là *hoàn thành.* Hành động của ta nhằm mục đích công khai hóa những thỏa thuận đã đạt được, tỏ rõ thiện chí của

ta, phê phán hành động nói một đằng làm một nẻo của đối phương, vạch trần thái độ lật lọng của đối phương lảng tránh giải quyết bằng thương lượng, mặc dù đối phương đã thừa nhận hiệp định là hoàn thành và đã tuyên bố thỏa mãn. Ta nhấn mạnh trách nhiệm của đối phương tiếp tục kéo dài chiến tranh. Trong tuyên bố, ta phê phán đối phương, mặt khác bày tỏ thiện chí tiếp tục thương lượng.

Ngay trong ngày 26-10-1972, tại Pari, đoàn ta họp báo tại trụ sở của đoàn ở Soadi Lơroa công bố tuyên bố của Chính phủ ta. Người phát ngôn của đoàn ta nói: "hòa bình đã ở đầu ngọn bút", đáng lẽ hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam được ký kết tại Pari, trước sự chứng kiến của các nhà báo, của Chính phủ và nhân dân Pháp, của dư luận toàn thế giới, nhưng do sự tráo trở của chính quyền Mỹ, hiệp định chưa ký được, chiến tranh tiếp tục gây ra đau thương tang tóc cho nhân dân Việt Nam, nhân dân Mỹ nhiều hơn nữa. Chính quyền Mỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Cùng ngày, tại Oasinhtơn, Kítxinhgiơ tổ chức họp báo, bị động đối phó trước việc ta công bố nội dung chính của hiệp định. Kítxinhgiơ viết trong hồi ký, đêm 25 tháng 10 đang ngủ thì bị đánh thức dậy vì đài phát thanh và các hãng tin Mỹ đã đưa tin về tuyên bố của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Kítxinhgiơ vội vã chuẩn bị cuộc họp báo theo chỉ thị của Níchxơn. Kítxinhgiơ và Níchxơn đã dự kiến ta sẽ công bố hiệp định

thì Mỹ ở thế yếu. Trong họp báo, Kítxinhgiơ thừa nhận *"hòa bình đã ở trong tầm tay"* và phân bua rằng Mỹ gặp phải những phức tạp ở Sài Gòn. Nhằm kích động tinh thần sôvanh ở Mỹ, Kítxinhgiơ nói Mỹ không chịu bị áp đặt bởi một hiệp định có nhiều điều khoản chưa thể chấp nhận được.

Rõ ràng đây là một sự lừa dối dư luận Mỹ, vì chúng ta đều nhớ ngày 20 tháng 10, Tổng thống Mỹ đã thừa nhận hiệp định "đã hoàn thành" và ngày 22 tháng 10, Tổng thống Mỹ đã thừa nhận Mỹ *"hoàn toàn thỏa mãn".*

Kítxinhgiơ thú nhận rằng nhiều dư luận Mỹ nhận định cuộc họp báo của ông ta, nhất là câu nói "hòa bình đã ở trong tầm tay" là "tượng trưng của sự dối trá lừa bịp"[1].

Đứng trước sự tiến công và thiện chí của ta, phía Mỹ không dám hủy bỏ dự thảo hiệp định. Kítxinhgiơ nói, ông ta vẫn gắn bó với cơ sở của hiệp định.

Ngày 27-10-1972, Mỹ đề nghị gặp lại đồng chí Lê Đức Thọ vào ngày 01-11-1972 tại Pari. Ngày 30 tháng 10, ta trả lời đồng ý gặp lại sau ngày 09-11-1972, tức là sau ngày bầu cử ở Mỹ.

Ngày 04 tháng 11, Mỹ đề nghị gặp vào ngày 15 tháng 11. Cuối cùng hai bên thỏa thuận gặp lại nhau vào ngày 20 tháng 11 ở Pari.

---

1. *Hồi ký Kítxinhgiơ: Những năm tháng ở Nhà Trắng, 1968-1973, Sđd,* tr. 1459.

Vì sao Mỹ trì hoãn ký Hiệp định Pari?

Như phần trên đã nói, trong tháng 8-1972 chính quyền Mỹ có ba khuynh hướng đối với vấn đề Việt Nam:

1. Kéo dài đàm phán để vượt qua bầu cử, leo thang chiến tranh nhanh sau bầu cử; chơi con bài cuối cùng với Hà Nội và Sài Gòn. Theo hồi ký của Kítxinhgiơ, Níchxơn theo khuynh hướng này;

2. Đạt được giải pháp thương lượng trước bầu cử. Kítxinhgiơ xếp ông ta vào loại khuynh hướng này;

3. Tiếp tục chiến tranh, cuối cùng Hà Nội phải nhân nhượng. Khuynh hướng này thực chất cũng là khuynh hướng thứ nhất.

Chính vì muốn kéo dài đàm phán để vượt qua bầu cử và muốn leo thang chiến tranh sau bầu cử hòng giải quyết vấn đề Việt Nam trên thế mạnh nên Níchxơn đã lật lọng. Một nhà hoạt động chính trị Mỹ là Sácgiăng Sraivơ, nguyên Đại sứ Mỹ ở Pháp, nguyên ứng cử viên Phó Tổng thống trong liên doanh Mắc Gavơn, đã gọi Níchxơn là Dick - tên lừa bịp, Dick - tên gian dối.

Trong hồi ký của mình, Níchxơn kể rằng, ngày 03-10-1972, khi gặp Ngoại trưởng Liên Xô Grômưcô, Níchxơn thông báo Kítxinhgiơ sẽ gặp Lê Đức Thọ ngày 08 tháng 10 ở Pari, trong cuộc gặp đó Mỹ sẽ đưa ra một đề nghị mới (10 điểm như đã nêu ở phần trên) nếu Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ chối thì Mỹ sẽ chấm dứt đàm phán và sau bầu cử sẽ suy nghĩ những phương

pháp khác[1]. Níchxơn cũng cho biết ông ta không lạc quan về cuộc gặp ngày 08 tháng 10. Và ông ta cho biết "tôi quyết định chơi trò gây sức ép tối đa"[2].

Cũng trong hồi ký, Níchxơn viết: "Đồng thời với việc yêu cầu Thiệu chấp nhận hiệp định trước bầu cử tháng 11, tôi chuẩn bị cho ông ta lui thời hạn tới cuối tháng 12, để ông ta có thể tiến hành tất cả những biện pháp nội bộ mà ông ta thấy cần thiết trước khi đồng ý"[3].

Kítxinhgiơ cho biết, ông ta hiểu rõ Níchxơn muốn đàm phán kéo dài để vượt qua bầu cử, sau đó đánh canh bạc cuối cùng bằng cách leo thang chiến tranh[4].

Ông ta cũng cho biết thêm, Níchxơn không muốn có hiệp định trước bầu cử vì sợ mất sự ủng hộ của những cử tri bảo thủ. Nhưng chính quyền Níchxơn làm ra vẻ muốn có hòa bình để giành phiếu của cử tri cấp tiến và những cử tri trẻ.

Tóm lại, chính sách của chính quyền Níchxơn tiếp tục theo đuổi chiến tranh và thái độ lật lọng, lừa bịp của họ là nguyên nhân chính làm cho hiệp định không ký kết đúng thời gian như hai bên đã thỏa thuận.

Trong các công hàm gửi cho ta và trong các tuyên bố công khai trước dư luận Mỹ và thế giới, chính quyền Mỹ nói rằng họ gặp khó khăn ở Sài Gòn. Sự thật như thế nào? Đúng là Nguyễn Văn Thiệu chống đối hiệp định,

---

1, 2, 3. *Hồi ký Níchxơn, Sđd,* tr. 5, 508, 518.

4. *Hồi ký Kítxinhgiơ: Những năm tháng ở Nhà Trắng, 1968-1973, Sđd,* tr. 1404-1405.

chống đối việc đạt một giải pháp thương lượng để giải quyết chiến tranh ở Việt Nam và Kítxinhgiơ đã gặp một số khó khăn khi đến làm việc ở Sài Gòn trong năm ngày từ 18 đến 23-10-1972. Ngày 21-10-1972, Bộ trưởng Ngoại giao của Thiệu là Trần Văn Lắm đưa ra 23 điều sửa đổi hiệp định. Kítxinhgiơ chấp nhận ngay 16 điểm. Nhưng, ngày 22 tháng 10 Thiệu bác bỏ toàn bộ hiệp định. Như Kítxinhgiơ và Níchxơn nhận xét, thái độ của Thiệu bộc lộ sự kinh hoàng của ngụy quyền Sài Gòn trước triển vọng chủ Mỹ bỏ chúng ra đi.

Sở dĩ chính quyền Thiệu dám làm mình làm mẩy chính vì Níchxơn nương nhẹ chúng. Kítxinhgiơ kể rằng trong mấy ngày ở Sài Gòn, Kítxinhgiơ năm lần nhận được chỉ thị của Níchxơn đòi phải được *sự tán thành hoàn toàn* của Thiệu đối với hiệp định, nếu không thì không được ép. Trong hồi ký, Kítxinhgiơ trích khá dài nội dung bức điện Níchxơn gửi cho Kítxinhgiơ, trong đó có đoạn như sau: "Điều cốt yếu là phải được *sự tán thành hoàn toàn* của Thiệu, nếu chúng ta (chính quyền Mỹ) không muốn bị phê phán là đã ép Thiệu phải chấp nhận một giải pháp không nhằm ngăn cản cộng sản đặt chân lên một phần quan trọng lãnh thổ của miền Nam Việt Nam"[1].

Như vậy, chúng ta thấy rõ thái độ của chính quyền Thiệu không phải là lực cản chính đối với việc ký

1. *Hồi ký Kítxinhgiơ: Những năm tháng ở Nhà Trắng, 1968-1973, Sđd,* tr. 1434.

hiệp định theo đúng thời hạn. Chúng ta đều biết Níchxơn, Kítxinhgiơ và giới cầm quyền Mỹ không coi bọn Thiệu ra gì. Chính Níchxơn có lúc đã nói với Kítxinhgiơ: Nếu Thiệu không biết điều thì "không phải cái đuôi chó lại có thể vẫy được con chó"[1] và chính Níchxơn cũng đã căn dặn rằng, khi đã đạt được hiệp định với Hà Nội thì khi gặp Thiệu "hãy tống cái đó vào cổ họng Thiệu"[2].

Theo chúng tôi, một nguyên nhân khác làm cho hiệp định sắp được ký nhưng lại bị trì hoãn là do dụng ý của giới cầm quyền Mỹ chơi trò rập rình, nhằm làm cho ta bộc lộ lực lượng trước ngày ngừng bắn thực sự. Trong hồi ký của mình, Kítxinhgiơ kể rằng ngay trong đợt đàm phán từ ngày 08 đến 12-10-1972, từ Pari, Kítxinhgiơ gửi điện cho E. Bâncơ - Đại sứ Mỹ ở Sài Gòn - nhắc nhở phải đề phòng cộng sản giành những vị trí trọng yếu, nhất là những vị trí gần Sài Gòn trước ngày ngừng bắn. Khi đến Sài Gòn, Kítxinhgiơ lại bàn kỹ vấn đề này với Bâncơ và các giới khác. Trong khi đó tại Oasinhtơn, Oétmolen - nguyên Tư lệnh Mỹ ở miền Nam Việt Nam, Tham mưu trưởng lục quân Mỹ, đã nói với Níchxơn rằng, y không tán thành hiệp định, không tán thành ngừng bắn tại chỗ, và lưu ý Níchxơn phải làm thất bại "những mưu đồ của cộng sản" về đất đai trước khi ngừng bắn.

1, 2. *Hồi ký Kítxinhgiơ: Những năm tháng ở Nhà Trắng, 1968-1973, Sđd,* tr. 1434, 1396.

Chương VIII

ĐỢT ĐÀM PHÁN THÁNG 11-1972

Đợt đàm phán tháng 11-1972 kéo dài sáu ngày cho thấy rõ hơn nữa sự lật lọng cũng như thái độ hiếu chiến của chính quyền Níchxơn. Trong đợt đàm phán này, Mỹ đòi sửa đổi hầu hết các điều khoản của hiệp định mà từ ngày 20-10-1972 họ đã thừa nhận là hoàn thành. Trong đợt đàm phán này, phía Mỹ hầu như ngày nào cũng dọa dẫm chiến tranh, có ngày tới 3-4 lần. Đợt đàm phán này cho thấy chính quyền Níchxơn ngày càng lâm vào thế bí, nội bộ lục đục, mâu thuẫn Mỹ - ngụy ngày càng sâu sắc.

1. Phán đoán của ta trước khi bước vào đợt đàm phán mới

Ngày 08-11-1972, Bộ Chính trị điện cho đoàn đàm phán ở Pari nhận định chiều hướng là Mỹ muốn giải quyết sớm vấn đề Việt Nam, nhưng ta vẫn phải đề phòng khả năng Mỹ ngoan cố, chiến tranh vẫn tiếp tục.

Ngày 18-11-1972, hai đoàn đàm phán của ta ở Pari họp nhận định: Mỹ - ngụy có mâu thuẫn sâu sắc nhưng chúng không thể bỏ nhau. Mỹ muốn rút ra khỏi Việt Nam một phần vì chiến lược của chúng, một phần vì ta đưa ra những yêu cầu vừa phải mà Mỹ có thể chấp nhận được. Mỹ tiến hành chiến tranh đã 10 năm nhưng thất bại ngày càng nặng, không thể thắng nổi quân và dân ta. Ta tiến hành đấu tranh vũ trang cũng đã 10 năm; quân và dân ta đã giành thắng lợi to lớn nhưng chưa đánh đổ hoàn toàn được Mỹ - ngụy. Hai bên phải tìm ra lối thoát có lợi cho mình. Đối phương còn nhiều âm mưu nham hiểm.

Hai đoàn dự kiến những vấn đề đối phương sẽ đưa ra trong đợt đàm phán này:

- Đối phương đòi quân miền Bắc rút ra khỏi miền Nam.

- Hai miền tôn trọng khu phi quân sự, tập kết quân vào những khu vực nhất định, đòi hạ thấp vai trò của Hội đồng hòa hợp dân tộc; ngừng bắn đồng thời ở ba nước Đông Dương và đòi quân miền Bắc rút khỏi Lào, Campuchia; tổ chức và nhiệm vụ của Ủy ban kiểm soát và giám sát quốc tế; phương thức ký hiệp định (hai bên hay bốn bên)...

2. Một số cuộc tiếp xúc ngoại giao trước đợt đàm phán

Ngày 29-11-1972, đồng chí Xuân Thủy gặp Kiều Quán Hoa, Thứ trưởng Ngoại giao, kiêm Trưởng đoàn

đại biểu Trung Quốc tại Đại hội đồng Liên hợp quốc, vừa từ Mỹ tới Pari. Kiều Quán Hoa cho biết ông đã gặp Kítxinhgiơ. Theo ông, Mỹ muốn giải quyết nhanh, thời điểm là trước Nôen, hoặc trước khi Níchxơn nhậm chức. Nếu không giải quyết vào hai thời điểm ấy thì chiến tranh sẽ kéo dài. Theo Kiều Quán Hoa, Mỹ quan tâm đến hai vấn đề là, rút quân miền Bắc ra khỏi miền Nam và Hội đồng hòa hợp dân tộc không phải là một chính phủ.

Ngày 20-11-1972, Vụ trưởng Vụ Á - Úc Bộ Ngoại giao Pháp gặp đồng chí Võ Văn Sung, Tổng đại diện của Chính phủ ta ở Pháp, cho biết, theo ông ta thì Mỹ muốn giải quyết nhanh chóng. Sự khác nhau về Hội đồng hòa hợp, hòa giải dân tộc chỉ là vấn đề câu chữ. Theo Vụ trưởng Vụ Á - Úc Bộ Ngoại giao Pháp, vấn đề ngừng bắn ở Campuchia khó thực hiện, còn ở Lào thì tương đối dễ. Ông ta thăm dò vị trí của lực lượng thứ ba ở miền Nam trong Chính phủ liên hiệp sau này.

3. Tình hình nội bộ Mỹ và quan hệ Mỹ - ngụy trước đợt đàm phán

Níchxơn thắng trong cuộc bầu cử tổng thống. Nhưng ở hai viện, số nghị sĩ Đảng cộng hòa của Níchxơn bị giảm, phái "bồ câu" trong hai viện tăng lên. Níchxơn buộc phải thừa nhận rằng, sau bầu cử vấn đề đầu tiên là phải chấm dứt chiến tranh. Trong hồi ký, Kítxinhgiơ cũng viết: "Như tôi đã dự đoán trước, một khi những nét chính của hiệp định được công bố thì sự ủng hộ ở

Quốc hội đối với việc tiếp tục chiến tranh sẽ biến mất. Tôi luôn luôn nghĩ rằng đề nghị ngày 08 tháng 10 của Hà Nội nhất định tạo nên sự phản ứng như vậy... Chúng ta chắc chắn sẽ mất hẳn sự ủng hộ của công chúng và của Quốc hội nếu chúng ta từ chối không ký hiệp định"[1].

Sau bầu cử tổng thống, nội bộ chính quyền Níchxơn đầy rẫy mâu thuẫn. Giữa Níchxơn và Kítxinhgiơ có mâu thuẫn trong vấn đề Việt Nam. Mâu thuẫn Níchxơn - Kítxinhgiơ thể hiện rõ trong hồi ký. Níchxơn nhận định Kítxinhgiơ muốn tiếp tục đánh, ngược lại Kítxinhgiơ thì nhận định Níchxơn hiếu chiến. Thật ra cả hai đều chủ trương dùng sức mạnh để giành lợi thế trên bàn đàm phán.

Quan hệ Mỹ - ngụy cũng rất phức tạp. Ngày 10-11-1972, Haigơ gặp Thiệu tại Sài Gòn, mang theo bức thư của Níchxơn. Trong thư đó, Níchxơn cam kết bảo vệ chế độ ngụy và hứa, nếu Hà Nội không tôn trọng hiệp định thì Mỹ sẽ trả đũa nhanh và kịch liệt. Haigơ đề nghị với Níchxơn không nên thô bạo với Thiệu vì theo nhận định của Haigơ thì Thiệu có "uy tín". Tuy nhiên, Níchxơn viết trong hồi ký: "Tôi cho rằng lập trường của Thiệu là sai trái và hơn bao giờ hết, tôi tin rằng nếu chúng ta đạt được một hiệp định tốt

1. *Hồi ký Kítxinhgiơ: Những năm tháng ở Nhà Trắng, 1968-1973, Sđd,* tr. 1474-1475.

thì chúng ta sẽ ký và để Thiệu tùy ý muốn làm gì thì làm"[1].

Ngày 17 tháng 11, Thiệu gửi cho Mỹ một danh sách đề nghị sửa đổi 69 điểm trong hiệp định, tập trung vào những vấn đề sau đây: rút quân miền Bắc, khu phi quân sự, Hội đồng hòa hợp, hòa giải dân tộc.

4. Diễn biến của đợt đàm phán

Ngày 20-11-1972, các đồng chí Lê Đức Thọ, Xuân Thủy và một số phụ tá gặp Kítxinhgiơ, Haigơ và một số phụ tá của họ. Kítxinhgiơ nói cả buổi. Đầu tiên, ông ta phân trần vì sao hiệp định chưa được ký vào tháng 10 như đã thỏa thuận. Ông ta nêu ra bốn lý do:

1. Những khó khăn của 10 năm chiến tranh;

2. Cuộc trả lời phỏng vấn nhà báo Mỹ Boócsơgrêvơ đã gây ra nhiều rắc rối, phức tạp;

3. Quân đội Bắc Việt Nam đã mở nhiều cuộc tiến công trước ngừng bắn;

4. Có nhiều khía cạnh của hiệp định chưa được nghiên cứu kỹ.

Về thời gian làm việc, Kítxinhgiơ đề nghị thống nhất ý kiến trong tuần, sau đó ông ta sẽ về Mỹ và đi Sài Gòn trao đổi ý kiến. Về lịch, Kítxinhgiơ dự kiến vào ngày 15 tháng 12, hiệp định sẽ được ký tắt tại Hà Nội. Có lúc Kítxinhgiơ nói hiệp định sẽ ký kết trước ngày 20-01-1973.

---

1. *Hồi ký Níchxơn, Sđd,* tr. 527.

Kítxinhgiơ đưa ra một dự thảo hiệp định mới và trình bày dài dòng những sửa đổi. Theo văn bản mới của Kítxinhgiơ so với văn bản ngày 20-10-1972, thì phía Mỹ sửa tất cả 69 điểm, trong đó ít nhất có 30 điểm sửa thực chất, còn lại là sửa về kỹ thuật và từ ngữ. Trong hồi ký, Kítxinhgiơ viết rằng ông ta đã mắc sai lầm về sách lược khi đưa ra tất cả 69 điều sửa đổi của chính quyền Sài Gòn.

Theo nhận định của ta, những sửa đổi của đối phương tập trung vào những vấn đề sau đây: Xóa tất cả những chỗ nói đến tên Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam; đòi rút quân miền Bắc một cách rất tập trung, thể hiện ở nhiều điều và dưới nhiều hình thức; xóa bỏ khu vực do các bên kiểm soát; sửa căn bản Chương IV nói về quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam, đặc biệt tập trung vào vấn đề giảm chức năng, quyền hạn của Hội đồng hòa hợp, hòa giải dân tộc, xóa bỏ cơ cấu ba thành phần của Hội đồng; vấn đề ngừng bắn đồng thời ở toàn Đông Dương; bỏ cách ký hai bên và yêu cầu ký bốn bên, v.v..

Ngày 21-11-1972, cuộc đàm phán tiếp tục. Đồng chí Lê Đức Thọ thay mặt đoàn phát biểu nhận xét về văn bản hiệp định của Mỹ và phát biểu của Kítxinhgiơ. Đồng chí nói đại ý: phía Mỹ đã sửa đổi thực chất văn bản hiệp định ngày 20 tháng 10, sửa những nguyên tắc quan trọng, không phải chỉ sửa về kỹ thuật như Mỹ nói. Đồng chí nêu một số vấn đề nguyên tắc mà Mỹ đã sửa đổi:

1. Không có chỗ nào ghi tên Chính phủ Cách mạng lâm thời.

2. Mỹ xóa bỏ đoạn ghi các vùng do các bên kiểm soát.

3. Mỹ đòi rút quân miền Bắc ra khỏi miền Nam. Về vấn đề này đồng chí nói: Mỹ xâm lược thì nhân dân cả nước Việt Nam đứng lên chiến đấu, do đó không có vấn đề rút quân miền Bắc.

4. Mỹ sửa hầu như toàn bộ Chương IV mà hai bên đã thỏa thuận, Mỹ bỏ "cơ cấu chính quyền" của Hội đồng hòa hợp, hòa giải dân tộc; bỏ ba thành phần của Hội đồng.

Sau khi nói những vấn đề thuộc về nguyên tắc, đồng chí phát biểu về từng điều. Ta vừa thể hiện sách lược mềm dẻo, tán thành một số đề nghị sửa đổi của Mỹ, đồng thời cương quyết giữ vững những vấn đề thuộc về nguyên tắc. Để phản kích, ta đưa ra 57 điểm sửa đổi hiệp định. Ta đòi Mỹ phải rút cả những nhân viên dân sự có liên quan đến quân sự. Đây là một vấn đề mới và kịp thời, vì từ tháng 10-1972 Mỹ đưa nhiều nhân viên dân sự làm cố vấn hay chuyên gia cho quân đội ngụy.

Ta đưa vào vấn đề tù chính trị ở miền Nam mà ngày 19 tháng 10 ta đã nhân nhượng bỏ ra, đòi giải quyết vấn đề này cùng với vấn đề tù binh. Ta đòi Thiệu từ chức hai tháng trước tổng tuyển cử ở miền Nam mà trong tháng 9 và tháng 10 ta đã thôi không yêu cầu. Ta đòi giữ nguyên cơ cấu chính quyền gồm ba thành phần. Ta vẫn giữ chủ trương Hội đồng hòa hợp, hòa giải dân tộc

có cấp dưới. Về khu phi quân sự, văn bản hiệp định do đối phương chuyển cho ta ngày 20 tháng 11, nhấn mạnh "khu phi quân sự được mỗi bên tôn trọng". Ý đồ của đối phương muốn biến khu phi quân sự thành ranh giới của hai quốc gia. Ngày 21 tháng 11, ta đưa ra đề nghị sửa đổi văn bản của đối phương về vấn đề này. Dự thảo của ta viết: Như Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đã quy định, giới tuyến quân sự ở vĩ tuyến 17 chỉ có tính chất tạm thời, không phải là ranh giới về chính trị và lãnh thổ. Trong khi chờ đợi thống nhất, hai miền tôn trọng khu phi quân sự, sẽ thỏa thuận một quy chế khu phi quân sự và quy chế qua lại giới tuyến quân sự tạm thời.

Về Lào và Campuchia, trong văn bản hiệp định ngày 20 tháng 11 của đối phương, đối phương sửa "các nước Đông Dương" thành "các quốc gia Đông Dương" nhằm thực hiện ý đồ chia cắt Việt Nam, do đó ta không đồng ý sửa văn bản hai bên đã thỏa thuận ngày 20 tháng 10 về vấn đề này.

Kítxinhgiơ nói ta đã rút đi gần hết những nhượng bộ tháng 10-1972. Về vấn đề tù chính trị, thái độ của Kítxinhgiơ rất ngoan cố. Ông ta đưa ra yêu cầu có rút đáng kể quân miền Bắc thì mới giải quyết dễ dàng vấn đề tù chính trị. Kítxinhgiơ nói: "Nếu các ông giải quyết thỏa đáng vấn đề lực lượng quân sự thì vấn đề tù chính trị sẽ được giải quyết một cách dễ dàng hơn".

Trong cuộc hội đàm ngày 21 tháng 11, Kítxinhgiơ đã hăm dọa rằng: "Nếu muốn hòa bình thì nên thực hiện

càng sớm càng tốt. Nhưng nếu muốn tiếp tục chiến tranh thì cũng nên cho biết sớm".

Ngày 22 tháng 11, hai bên lại tiếp tục họp. Phía Mỹ có một số nhân nhượng, ví dụ như không xóa các vùng do mỗi bên kiểm soát. Ta cũng có một vài nhân nhượng, thí dụ như đồng ý cho Mỹ được thay thế những vũ khí đã dùng hết ở miền Nam, đây là một sự nhân nhượng thực chất. Kítxinhgiơ vẫn khăng khăng đòi gắn vấn đề rút quân miền Bắc với vấn đề thả tù chính trị.

Cũng trong cuộc họp ngày 22 tháng 11, Kítxinhgiơ đưa ra ý kiến thăm dò ta là sau khi hòa bình lập lại, sau khi tù binh của Mỹ được thả hết, Mỹ sẽ sẵn sàng lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Kítxinhgiơ đưa ra lịch công tác: Từ ngày 03 đến 07 tháng 12, Kítxinhgiơ đi Sài Gòn, ngày 08 và 09 tháng 12 đi Hà Nội, ngày 10 tháng 12 rời Hà Nội về Mỹ, ngày 11 tháng 12 có thể công bố thỏa thuận về hiệp định. Hiệp định sẽ được ký không muộn hơn ngày 15 tháng 12. Trong phiên họp này, Kítxinhgiơ vẫn dọa dẫm chiến tranh.

Ngày 22 tháng 11, lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta gửi hai bức điện cho đoàn đàm phán, phân tích thái độ của đối phương sau hai ngày đó, nhận định đối phương còn rất ngoan cố. Đối phương bị sức ép mạnh của công chúng Mỹ và Quốc hội Mỹ. Lãnh đạo ta nêu quyết tâm nếu đối phương vẫn ngoan cố thì ta kiên quyết đánh cho tới khi giành thắng lợi cuối cùng. Lãnh đạo ta chỉ thị cho đoàn giữ tên Chính phủ Cách mạng lâm thời trong

văn bản hiệp định, giữ vùng do các bên kiểm soát; giữ cơ cấu ba thành phần trong Hội đồng hòa hợp, hòa giải dân tộc; kiên quyết không nhượng bộ về vấn đề quân đội miền Bắc ở miền Nam, kiên quyết đấu tranh đòi thả tù chính trị.

Ngày 23 tháng 11, hai bên tiếp tục họp. Đây là một cuộc họp khá căng thẳng, kéo dài từ 10 giờ 30 phút đến 16 giờ 30 phút. Ta lên án Mỹ tăng cường ném bom miền Bắc bằng B.52 và đề nghị phía Mỹ chuyển lời phản kháng của ta tới Tổng thống Mỹ.

Lãnh đạo đoàn ta nói rằng: Phía Việt Nam đã rất cố gắng, rất thiện chí, nếu vấn đề không được giải quyết đúng đắn thì cuộc đàm phán sẽ đi đến bế tắc. Việt Nam mong muốn hòa bình nhưng không phải là hòa bình với bất cứ giá nào. Hòa bình hay chiến tranh là hoàn toàn phụ thuộc vào phía Mỹ. Nếu vấn đề Việt Nam không được giải quyết thì phía Mỹ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm...

Kítxinhgiơ phải công nhận rằng phía Việt Nam đã có cố gắng lớn. Nếu thương thuyết thất bại, cuộc chiến tranh tiếp tục sẽ không có lợi cho cả hai bên. Tuy nhiên, trong phiên họp, Kítxinhgiơ vẫn hai lần dọa dẫm chiến tranh.

Trong phiên họp này, phía Mỹ có nhân nhượng vài điểm, như bỏ một trong những chỗ hàm ý về việc rút quân miền Bắc; đoàn Mỹ đồng ý bỏ cụm từ "các quốc gia Đông Dương" và lấy lại cụm từ cũ "các nước Đông Dương".

Ta cũng có một sự nhân nhượng đáng kể. Ta nói sẽ có sự hiểu biết bằng việc ta sẽ đề nghị với Chính phủ Cách mạng lâm thời sẽ có điều chỉnh quân ở phía Bắc. Về ngừng bắn ở Lào, ta thông báo cho đối phương biết là Neo Lào Hắcxạt đồng ý có thể có ngừng bắn sớm.

Mặc dù có những nhân nhượng đó, phía Mỹ vẫn còn rất căng về vấn đề quân miền Bắc. Phía Mỹ đòi số quân phục viên phải trở về sinh quán và số quân giảm 1 đổi 1 (phương án của ta là quân phục viên có thể về sinh quán, có thể tùy ý về nơi lựa chọn; về số quân giảm thì giảm theo tỷ lệ).

Về việc điều chỉnh một số quân ở phía bắc, Kítxinhgiơ nói: Việc bố trí lại một số quân nào đó sẽ làm dễ dàng việc đi đến hiệp định, con số đó khác với số quân rút đi trong thực tế. Số quân rút đi trong thực tế sẽ làm dễ dàng cho việc giải quyết vấn đề "thường dân" (ý nói tù chính trị) bị giam giữ.

Về số quân miền Bắc ở miền Nam, có lúc Kítxinhgiơ nói, ta có tới từ 200.000 đến 300.000 người. Có lúc Kítxinhgiơ gợi ý ta rút 100.000 người trên thực tế.

Cũng như các lần trước, ta bác bỏ thẳng thừng cái gọi là "rút quân miền Bắc".

Một số vấn đề gay go khác là quy chế của khu phi quân sự. Phía Mỹ đề nghị trong khi chờ đợi thống nhất, hai bên tôn trọng *lãnh thổ* của nhau. Ta phản đối và đề nghị ghi "tôn trọng ranh giới tạm thời". Vấn đề tù chính trị vẫn giẫm chân tại chỗ, không tiến được một bước nào.

Đối phương vẫn không chịu nhân nhượng về cơ cấu ba thành phần của Hội đồng hòa hợp, hòa giải dân tộc, cũng như không chịu nhân nhượng về hội đồng có các cấp dưới.

Điều đáng chú ý trong phiên họp ngày 23 tháng 11 là đối phương tiếp tục thăm dò ta về ý kiến lập quan hệ ngoại giao giữa Mỹ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đây là một con bài của đối phương. Kítxinhgiơ nói: "Bảo đảm tốt nhất cho hòa bình ở Việt Nam là có quan hệ ngoại giao bình thường giữa chúng ta. Cách bảo đảm tốt thứ hai là công cuộc hợp tác kinh tế giữa chúng ta. Chúng tôi thấy hai nước đều có lợi nếu như chúng ta cùng tham gia vào công cuộc xây dựng kinh tế ở nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa". Kítxinhgiơ nói rằng nhiều cơ quan của Mỹ đã nghiên cứu toàn bộ vấn đề rồi, dĩ nhiên là còn thiếu số liệu. Tuy nhiên, một số vấn đề đã nghiên cứu thấu đáo. Mỹ sẽ tham gia rất tích cực vào công cuộc xây dựng kinh tế ở Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và sẽ bàn vấn đề này khi đến Hà Nội.

Tối 23 tháng 11, Kítxinhgiơ vội vã gặp riêng đồng chí Lê Đức Thọ, và gặp đồng chí Xuân Thủy vào trưa 24 tháng 11.

Đến dự phiên họp ngày 24-11-1972, về phía Mỹ có Kítxinhgiơ và Haigơ, phía Việt Nam có đồng chí Lê Đức Thọ và đồng chí Xuân Thủy. Mở đầu phiên họp, Kítxinhgiơ đọc bức điện ngày 22 và bức điện ngày 23 của Níchxơn gửi riêng cho Kítxinhgiơ. Bức điện ngày 22

tháng 11 có đoạn viết: "Tổng thống rất bực mình về giọng nói và thực chất của cuộc họp vừa qua với Lê Đức Thọ. Trong hoàn cảnh như vậy, nếu phía bên kia không cùng chúng ta tỏ ra biết điều, tôi ra lệnh cho ông ngừng đàm phán và chúng ta sẽ tiếp tục những hoạt động quân sự cho đến khi những người đối thoại của chúng ta sẵn sàng đàm phán. Phải cho họ thấy là họ đã lầm, nếu họ tưởng rằng chúng ta không có sự lựa chọn nào khác ngoài việc phải chấp nhận một giải pháp theo ý muốn của họ. Ông phải thông báo thẳng cho họ mà không mập mờ gì cả rằng, chúng ta có sự lựa chọn. Nếu họ ngạc nhiên rằng tổng thống thi hành thế mạnh mà tổng thống đã dùng trước cuộc gặp cấp cao ở Mátxcơva (tháng 5-1972) và trước bầu cử thì họ sẽ thấy rằng dù bầu cử đã qua rồi, tổng thống không ngần ngại tiến hành những biện pháp mà ông ta cho là cần thiết để bảo vệ những lợi ích của Mỹ". Rõ ràng đây là một điện văn đầy tính chất đe dọa và hiếu chiến.

Bức điện ngày 23 tháng 11 của Níchxơn gửi Kítxinhgiơ có đoạn viết: "... Bây giờ bầu cử đã qua, chúng ta phải chú ý đến những hy sinh của không biết bao nhiêu người từ trước tới nay và phải làm những gì cần phải làm dù có buộc chúng ta phải trả giá rất đắt trước dư luận".

Cả hai bức điện đó nhằm dọa dẫm những người yếu bóng vía. Sau khi đọc hai bức điện, Kítxinhgiơ nói đại ý bây giờ sự lựa chọn là thực sự tùy thuộc vào phía ta. Việt Nam có nguyên tắc của mình, Mỹ có nguyên tắc

của Mỹ. Kítxinhgiơ tiếp tục dồn ta về vấn đề rút quân miền Bắc. Lãnh đạo đoàn ta biểu thị quyết tâm sắt đá của quân và dân ta chống xâm lược và quyết không bao giờ lùi bước. Lãnh đạo đoàn ta nói: Chúng tôi biết giờ phút này là quyết định lắm. Chúng tôi có trách nhiệm với nhân dân, với Tổ quốc chúng tôi. Chúng tôi biết nếu chiến tranh tiếp tục nữa thì tổn thất rất lớn, nhưng nhân dân chúng tôi không thể chấp nhận một hiệp định đầu hàng trá hình. Nếu không giải quyết được thì tất nhiên chúng tôi phải chiến đấu dù muốn hay không muốn...

Phiên họp ngày 24 tháng 11 được đánh dấu bằng hai bức điện của Níchxơn gửi Kítxinhgiơ, bằng ba lần Kítxinhgiơ dọa sẽ tiếp tục chiến tranh, và bằng những lời nói đanh thép của lãnh đạo đoàn ta kiên quyết chống chiến tranh xâm lược, bất chấp những lời dọa dẫm. Phiên họp kết thúc mà không đi đến kết quả gì ngoài sự thỏa thuận họp lại vào ngày 25 tháng 11.

Phiên họp ngày 25-11-1972 mở đầu bằng việc Kítxinhgiơ vu cáo ta để lộ tin họp bí mật với phóng viên báo *Bưu điện Oasinhtơn.* Đây là một sự bịa đặt hoàn toàn với dụng ý xảo quyệt và nham hiểm. Trong cuộc họp, Kítxinhgiơ thông báo, ông ta về Mỹ để báo cáo với Níchxơn và đề nghị gặp lại vào ngày 04-12-1972.

Ta nói rõ thiện chí của ta đồng thời nêu lại quyết tâm bảo vệ các quyền dân tộc cơ bản của mình. Ta đồng ý họp lại vào ngày 04-12-1972.

5. Nhìn lại cuộc đàm phán từ ngày 20 đến 25-11-1972

Như trên đã nói, trong ngày 20 tháng 11, phía Mỹ đã đưa ra văn bản dự thảo hiệp định mới có sửa 69 điểm, trong đó có 30 điểm sửa về thực chất. Trong ngày 21 tháng 11 và những ngày sau ta phản kích lại và đưa ra 57 điểm sửa, bao gồm những chỗ sửa mới và những điểm rút lại nhượng bộ của ta trong tháng 10-1972.

Qua 6 ngày đàm phán, hai bên đã đi đến thỏa thuận sửa khoảng 22 chỗ, trong đó có một số chỗ thuộc về thực chất, còn đại bộ phận thuộc về kỹ thuật và từ ngữ. Trong hồi ký của mình, Kítxinhgiơ nói: Phía Mỹ đã đạt được 12 chỗ sửa đổi còn phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã đạt được 3 hoặc 4 chỗ sửa đổi thực chất. Những vấn đề lớn còn lại là:

- Vấn đề quân đội miền Bắc ở miền Nam;
- Vấn đề vị trí Chính phủ Cách mạng lâm thời (tức là vấn đề ghi tên Chính phủ Cách mạng lâm thời trong hiệp định);
- Vấn đề tù chính trị;
- Vấn đề cơ cấu ba thành phần của Hội đồng hòa hợp, hòa giải dân tộc, chức năng của Hội đồng và hệ thống các cấp của Hội đồng;
- Vấn đề bồi thường chiến tranh: Phía Mỹ vẫn giữ quan điểm như cũ và hứa khi đến Hà Nội sẽ bàn cụ thể.

Hai đoàn đàm phán của ta nhận định đối phương còn nhiều âm mưu thâm độc, ta phải cảnh giác nhưng

nhìn vào tình hình chung và tình hình thảo luận thì khả năng giải quyết hòa bình vấn đề Việt Nam vẫn tồn tại.

Trong đợt đàm phán, đối phương chuyển cho ta ngoài văn bản dự thảo hiệp định còn có dự thảo nghị định thư về Ủy ban kiểm soát và giám sát quốc tế. Theo dự thảo này của Mỹ, Ủy ban kiểm soát và giám sát quốc tế sẽ mạnh hơn rất nhiều so với Ủy ban kiểm soát và giám sát quốc tế theo quy định của Hiệp định Giơnevơ năm 1954. Văn bản của Mỹ dự kiến lập ra 300 tổ với số lượng gần 5.000 người, trang bị vũ khí đầy đủ. Ý đồ của Mỹ là biến Ủy ban kiểm soát và giám sát quốc tế thành một siêu quốc gia.

Ta chưa tán thành thảo luận dự thảo nghị định thư về Ủy ban quốc tế do Mỹ đưa ra và đề nghị gác lại để tập trung bàn về văn bản hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Ngày 01-12-1972, Bộ Chính trị gửi điện cho đoàn đàm phán của ta ở Pari, nêu mấy ý kiến sau đây:

1. Sau khi Mỹ lật lọng không chịu ký hiệp định đã thỏa thuận ngày 20 tháng 10, ta đã đấu tranh phê phán nghiêm khắc Mỹ trong đàm phán từ ngày 20 đến 25-11-1972. Nhưng trong vài ngày đầu, ta chưa kiên trì nguyên tắc giữ vững nội dung hiệp định mà đã sớm đưa ra một số nhân nhượng mềm dẻo.

2. Rõ ràng Mỹ ở thế phải rút ra khỏi Việt Nam, nhưng lại muốn kết thúc chiến tranh trên thế mạnh.

Mỹ còn ngoan cố đàm phán trên thế mạnh nhằm đạt một giải pháp càng có lợi cho Mỹ càng tốt.

3. Chủ trương của ta trong đợt đàm phán sắp tới, quan trọng bậc nhất vẫn là giữ vững văn bản hiệp định đã được thỏa thuận. Ta không vội vì ta không bị gò bó về thời gian. Ta sẵn sàng đối phó nếu Mỹ đánh phá miền Bắc Việt Nam.

Chương IX

ĐỢT ĐÀM PHÁN THÁNG 12-1972

Đợt gặp riêng giữa ta và Mỹ tháng 12-1972 kéo dài 10 ngày, là đợt gặp riêng dài nhất, có nhiều kịch tính và có nhiều mâu thuẫn. Trước cuộc gặp riêng, chỉ còn lại một vấn đề lớn cần giải quyết; như vậy cuộc gặp riêng có khả năng hiện thực đi đến giải quyết nhanh, nhưng cuộc gặp riêng lại kéo dài và đi đến gián đoạn. Đối phương áp dụng chiến thuật nước đôi: trên bàn đàm phán vừa mềm mỏng vừa cứng rắn, áp dụng chiến thuật "mạo hiểm làm ngừng đàm phán"; đi liền với chiến thuật này là trắng trợn dùng sức ép quân sự mà đỉnh cao là cuộc tập kích chiến lược bằng B.52. Đợt gặp riêng tháng 12-1972 càng cho thấy tính chất xảo quyệt, lật lọng, hiếu chiến và thế bí của chính quyền Níchxơn.

1. Thế chiến lược và chủ trương đàm phán của ta trong đợt gặp riêng tháng 12-1972

Đồng chí Nguyễn Cơ Thạch (lúc đó là Thứ trưởng Bộ Ngoại giao, Phó Trưởng đoàn Việt Nam Dân chủ

Cộng hòa tại cuộc đàm phán Pari từ mùa Thu năm 1972) từ trong nước sang, thông báo với đoàn nhận định về thế chiến lược của ta trong cuộc họp ngày 29 tháng 11 của Bộ Chính trị như sau: Về tình hình quân sự, ta giữ vững thế chiến lược; tình hình chiến trường tốt hơn trước. Ở Quảng Trị, địch âm mưu đánh chiếm Cửa Việt và Triệu Phong nhưng thất bại. Ở khu V, các vùng giải phóng Hoài Nhơn, Ba Tơ vẫn giữ vững; ở Tây Nguyên, tình hình tốt. Địch bị tiêu diệt ở đường 19, ở Plâycu, hai liên đoàn biệt động địch bị đánh tan. Ở Nam Bộ, tình hình khá hơn trước, ở miền Đông Nam Bộ, ta vẫn bao vây An Lộc và giữ vững Hớn Quản. Ở vùng Đồng Tháp Mười, tình hình cũng khá; thế và lực của ta ở Bến Tre tốt, Kiến Phong và Kiến Tường tốt. Tình hình ở Mỹ Tho và khu VIII nói chung có nhiều tiến bộ, binh vận tốt. Ở khu IX, thế và lực của ta ở Chương Thiện tốt. Tình hình ở Cà Mau đang khá lên. Ở Campuchia, tình hình chiến sự phát triển tốt. Ở Lào, thế và lực của bạn phát triển tốt. Bạn đang bao vây Luông Prabăng.

Mỹ đang ào ạt đổ vũ khí vào miền Nam. Máy bay các loại của ngụy quân lên đến 2.000 chiếc. Quân số ngụy vẫn là 63 vạn, không đạt được mức đề ra là 67 vạn, vì khó bắt lính. Số lính ngụy đào ngũ trong tháng 10 năm 1972 lên gần 2 vạn rưỡi.

Về đối ngoại, các nước bạn bè hiểu rõ hơn lập trường và chủ trương của ta, do đó ủng hộ ta khá hơn trước. Chủ trương đối ngoại của ta là tích cực tranh thủ

các nước xã hội chủ nghĩa, các nước không liên kết, các nước yêu chuộng hòa bình và tất cả mọi người có lương tri trên thế giới.

Về chủ trương đàm phán, Bộ Chính trị nhận định ý đồ của Mỹ là rút ra khỏi Việt Nam, nhưng cố giữ ngụy mạnh, không sụp đổ trong nhiệm kỳ mới của chính quyền Níchxơn. Bộ Chính trị nhận định những vấn đề còn lại rất phức tạp, do còn nhiều vấn đề quan trọng không thể giải quyết trong một phiên mà có thể phải nhiều phiên. Bộ Chính trị nhận định văn bản hiệp định ngày 20-10-1972 là thế mạnh của ta, ta phải giữ vững văn bản hiệp định ấy. Ta không bị sức ép về thời gian, còn đối phương thì bị sức ép của thời gian. Về sách lược đàm phán, nếu đối phương dây dưa mặc cả thì ta cũng đưa ra những điều kiện của mình.

Ngày 03-12-1972, Bộ Chính trị và Chính phủ điện cho lãnh đạo của đoàn đàm phán, nhận định có hai khả năng: giải quyết và chưa giải quyết. Cuộc đấu tranh giữa ta và đối phương còn gay go phức tạp, nhất là trên các vấn đề về rút quân miền Bắc, tù chính trị, khu phi quân sự, chức năng, nhiệm vụ và thành phần của Ủy ban quốc tế. Có thể phải họp vài lần mới đi đến thỏa thuận được hiệp định và đi đến ký kết, nhưng có thể phải kéo dài thêm nữa. Do đó, ta cần phải đi từng bước vững chắc, kiên trì đấu tranh giữ vững văn bản hiệp định đã thỏa thuận tháng 10-1972, giữ vững yêu cầu của ta.

Từ sau ngày 03 đến 12 tháng 12, đoàn đàm phán của ta ở Pari nhận được ít nhất tám bức điện của lãnh đạo trong nước gửi tới nhắc nhở một số vấn đề sau đây: (1) Giữ vững nội dung văn bản hiệp định ngày 20-10-1972; (2) Nhân nhượng ngày 23 tháng 11 không có lợi cho ta, do đó ta phải chống lại việc Mỹ ép ta chấp nhận văn bản ngày 23 tháng 11; (3) Kiên quyết đấu tranh đòi thả tù chính trị; (4) Kiên quyết đòi rút hết nhân viên dân sự Mỹ phục vụ trong các ngành quân sự (số này lên tới 2 vạn tên); (5) Không nói gì thêm nữa về điều chỉnh quân ở phía bắc miền Nam Việt Nam như đã nói ngày 23-11-1972; không nói về số lượng cũng như thời gian điều chỉnh; (6) Kiên quyết bác bỏ việc đòi rút quân miền Bắc; (7) Không ghi thêm gì nữa về vấn đề khu phi quân sự so với văn bản tháng 10-1972; (8) Về phương thức ký, ghi tên bốn chính phủ tham gia Hiệp định Pari; (9) Không ghi vấn đề gì, câu chữ gì để có thể hiểu lầm miền Nam Việt Nam là một quốc gia riêng rẽ; (10) Về vấn đề Lào và Campuchia, tránh để bạn hiểu lầm, cần tích cực đấu tranh đòi đối phương ghi công thức: các bên triệt để tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Lào và Campuchia là độc lập, thống nhất, chủ quyền đầy đủ và toàn vẹn lãnh thổ của Lào và Campuchia đã được Hiệp nghị Giơnevơ năm 1954 và Hiệp nghị Giơnevơ năm 1962 công nhận; (11) Trong đàm phán không nên vội vã, phải nắm vững bốn yêu cầu cơ bản về giải pháp của ta là: a) Các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam

phải được tôn trọng; b) Mỹ phải chấm dứt dính líu quân sự ở Việt Nam; c) Thừa nhận có hai chính quyền, hai quân đội và hai vùng kiểm soát ở miền Nam Việt Nam; d) Về bồi thường chiến tranh. Nhiều bức điện của lãnh đạo trong nước nhắc nhở đoàn đàm phán không nên vội; ký sớm hay muộn đối với ta không thành vấn đề.

2. Thế chiến lược và chủ trương của đối phương

Thực hiện chiến lược *Việt Nam hóa chiến tranh* trong thế bị động, tính đến tháng 12-1972 Mỹ đã buộc phải rút trên dưới 50 vạn quân Mỹ. Số quân Mỹ còn lại ở miền Nam Việt Nam tính đến ngày 01-12-1972 chỉ còn 27.000 tên. Quân ngụy tuy đông nhưng không mạnh, tinh thần lại sa sút nghiêm trọng, hiện tượng đào ngũ, rã ngũ tương đối phổ biến.

Nhân dân Mỹ ngày càng chán ghét chiến tranh, thúc ép chính quyền Níchxơn phải rút nhanh ra khỏi Việt Nam. Quốc hội Mỹ họp ngày 03-01-1973, chắc chắn sẽ có những quyết định đi theo hướng đòi chính quyền phải chấm dứt chiến tranh. Trong hồi ký, Kítxinhgiơ viết: "Sự tiếp tục chiến tranh không được bất cứ sự ủng hộ nào của quần chúng". Muarơ - Chủ tịch Hội đồng tham mưu của Mỹ - dự đoán chắc chắn Quốc hội Mỹ sẽ cắt mọi chi phí cho chiến tranh ở Việt Nam từ sau ngày 30-6-1973. Vì thế chính quyền Níchxơn bị dồn vào tình thế phải nhanh chóng đi đến giải pháp thương lượng về vấn đề Việt Nam. Nhưng chính quyền Níchxơn vẫn rất

ngoan cố, hiếu chiến, tuy đã bị dồn vào thế bí nhưng vẫn nuôi ảo tưởng đàm phán trên thế mạnh. Níchxơn và Kítxinhgiơ đều theo sách lược đàm phán "Mạo hiểm làm vỡ đàm phán" phối hợp với sách lược tăng cường sức ép quân sự đối với ta.

3. Cuộc gặp riêng ngày 04-12-1972

Mở đầu phiên họp, lãnh đạo đoàn ta phê phán đối phương đã làm gián đoạn thương lượng, không đáp ứng những vấn đề quan trọng mà ta đã nhân nhượng, lại còn đe dọa. Lãnh đạo đoàn ta nói: nếu không giải quyết được bằng đàm phán thì chúng ta sẽ tiếp tục chiến đấu, bất chấp B.52, bất chấp sự đe dọa dùng bom nguyên tử như Níchxơn đã nói hồi năm 1953-1954 trong chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất. Vì độc lập, tự do, chúng ta quyết tâm chiến đấu dù khó khăn đến đâu.

Lãnh đạo đoàn ta phê phán Mỹ tăng cường vũ khí cho quân ngụy, đưa nhiều nhân viên dân sự vào các ngành quân sự. Ta nhấn mạnh Việt Nam đã có cố gắng lớn, bây giờ đến lượt Mỹ phải có cố gắng lớn.

Kítxinhgiơ trả lời đại ý như sau: Cuộc chiến tranh này xét về lịch sử thì không có mục đích nào cả, không có lợi cho các ông và không có lợi cho chúng tôi. Đó là một sự thật rất rõ ràng, đó là lý do tại sao phải lập lại hòa bình. Nếu chiến tranh tiếp tục thì sẽ rất khó khăn cho cả hai bên. Mỹ có hai kế hoạch, kế hoạch chiến tranh và kế hoạch hòa bình. Nếu chiến tranh tiếp tục

thì Mỹ sẽ rất quyết tâm. Nhưng Mỹ không bàn kế hoạch chiến tranh ở đây. Ở đây chỉ bàn kế hoạch hòa bình. Đây là dịp tốt nhất để lập lại hòa bình vì chỉ có 4 hay 5 vấn đề tồn tại mà thôi. Có lúc Kítxinhgiơ nói rằng Mỹ là một trong những nước chính được lợi nếu hòa bình được lập lại, nếu Việt Nam được độc lập và phồn vinh. Kítxinhgiơ nói thêm, Mỹ không để người ta nghi ngờ gì nữa rằng Mỹ quyết tâm đi tới một hiệp định với Việt Nam trong tuần này (tuần từ ngày 04 đến 10-12-1972) nếu hiệp định đó phù hợp với những nguyên tắc của Mỹ. Một lần nữa, Kítxinhgiơ lại đưa ra lịch ký kết và lần này Kítxinhgiơ đưa ra ngày cụ thể là trước ngày 22 tháng 12. Cuộc thương lượng ngày 04 tháng 12 có lúc diễn ra rất căng thẳng.

Trong ngày 04 tháng 12 và trong cả đợt đàm phán tháng 12, phía Mỹ đã đòi sửa đổi 51 chỗ trong dự thảo hiệp định. Ta yêu cầu sửa 48 điểm, trong đó có 28 điểm là sửa thực chất. Những vấn đề thảo luận gay gắt nhất là: cách ký, vấn đề quân đội miền Bắc ở miền Nam, vấn đề khu phi quân sự, vấn đề giảm lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam, vấn đề tù chính trị, vấn đề nhân viên dân sự Mỹ có liên quan đến quân sự, vấn đề Hội đồng hòa hợp, hòa giải dân tộc, v.v..

Sang buổi họp ngày 04 tháng 12, quan điểm của hai bên về những vấn đề kể trên vẫn rất xa nhau; hai bên hẹn gặp lại nhau ngày 05 tháng 12, nhưng hôm sau Kítxinhgiơ đề nghị hoãn họp.

Trong hồi ký, Kítxinhgiơ nói ông ta "thất vọng" sau phiên họp. Trong báo cáo gửi Tổng thống Níchxơn, ông ta viết: "Đã đi đến chỗ đàm phán gần như chắc chắn bị phá vỡ... "Chúng ta (Mỹ) phải sẵn sàng phá vỡ đàm phán". Kítxinhgiơ đề nghị Níchxơn đẩy nhanh và tăng cường ném bom.

Níchxơn có ý định triệu hồi Kítxinhgiơ về Oasinhtơn sau phiên họp ngày 04 tháng 12, nhưng thấy chưa tiện lại thôi.

Cuối phiên họp riêng ngày 04 tháng 12, hai bên thỏa thuận gặp lại ngày 05 tháng 12, nhưng đến sáng 05 tháng 12 phía Mỹ đề nghị không họp để "hai bên xem xét đầy đủ hậu quả do lập trường hai bên ngày 04 tháng 12 gây ra". Đây là một thủ thuật của sách lược "Mạo hiểm phá vỡ đàm phán", nhằm gây sức ép với ta. Kítxinhgiơ hoạt động ráo riết trong ngày 05 tháng 12. Một mặt, ông ta điện cho Tổng thống Mỹ đề nghị một màn cảnh như sau: nếu đàm phán vỡ thì tăng cường ném bom miền Bắc. Tổng thống đọc diễn văn trước vô tuyến truyền hình kêu gọi nhân dân Mỹ đoàn kết. Đòi quân miền Bắc rút khỏi miền Nam, nói là theo yêu cầu của Nguyễn Văn Thiệu nhằm mục đích kích phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tức giận và chủ động phá vỡ đàm phán. Kítxinhgiơ sẽ về Mỹ, Mỹ sẽ ném bom trở lại miền Bắc từ 6 đến 8 tháng, cho đến khi nào miền Bắc Việt Nam trả hết tù binh Mỹ.

Cùng ngày, Níchxơn chỉ thị cho Kítxinhgiơ phải khôn khéo tránh trách nhiệm làm vỡ đàm phán, và phải đẩy đối phương vào chỗ phải gánh lấy trách nhiệm phá vỡ đàm phán. Về phía Mỹ chỉ nên đề nghị ngừng đàm phán để về nước xin chỉ thị. Khi về Oasinhtơn, Kítxinhgiơ sẽ họp báo. Trong họp báo cần nói ôn hòa. Điều này thể hiện bản chất nham hiểm. Níchxơn chủ trương càng nói ôn hòa thì càng tốt, nhưng hành động càng mạnh thì càng hay. Níchxơn không đồng ý với đề nghị của Kítxinhgiơ về việc Níchxơn phát biểu trước truyền hình, vì cho rằng chủ trương đó là dại dột. Trái lại, Níchxơn chủ trương tăng cường ném bom mà không thông báo với quần chúng.

Cũng trong ngày 05 tháng 12, Kítxinhgiơ gặp Đại sứ Trung Quốc Hoàng Chấn ở Pari, đổ trách nhiệm cho Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã rút lại những điều đã thỏa thuận trong đợt đàm phán tháng 11-1972. Mỹ không chấp nhận đề nghị của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trở lại văn bản hiệp định ngày 20-10-1972. Kítxinhgiơ dọa: hành động của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa có hậu quả rất nghiêm trọng, đàm phán không tránh khỏi bị phá vỡ. Mỹ sẽ có hành động kiên quyết để bảo vệ những nguyên tắc của Mỹ.

Tích cực tác động đến Liên Xô và Trung Quốc với hy vọng các nước này gây sức ép với Việt Nam rõ ràng là chủ trương có tính toán của chính quyền Mỹ. Tiếp theo sau việc Kítxinhgiơ gặp Đại sứ Hoàng Chấn, ngày 06 tháng 12, Tổng thống Mỹ Níchxơn gọi điện thoại cho

Đại sứ Liên Xô Đôbrưnhin, dọa nếu đàm phán bị phá vỡ thì Mỹ sẽ thi hành những biện pháp nghiêm trọng đối với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, quan hệ Mỹ - Xô sẽ có nhiều khó khăn.

4. Cuộc gặp riêng ngày 06-12-1972

Mỹ dùng thủ thuật rất nham hiểm. Mở đầu cuộc nói chuyện, Kítxinhgiơ làm ra vẻ quan tâm đạo lý. Ông ta nói rằng tiếp tục chiến tranh thì không có lợi. Ông ta trình bày phía Mỹ có nhiều khó khăn: khó khăn ở Mỹ, khó khăn với Sài Gòn. Đồng chí Lê Đức Thọ bày tỏ thiện chí của ta và đưa ra hai cách đàm phán: a) Giữ nguyên văn bản hiệp định ngày 20-10-1972; b) Trên cơ sở văn bản ngày 20-10-1972 có một số sửa đổi nhỏ.

Đồng chí nêu ra hai khả năng: chiến tranh có thể kết thúc hoặc chiến tranh vẫn tiếp tục. Kítxinhgiơ thừa nhận phát biểu của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là xây dựng, thông cảm khó khăn của nhau, Kítxinhgiơ cho rằng có khả năng Tổng thống Mỹ không chấp nhận văn bản hiệp định ngày 20 tháng 10. Trong cuộc họp này, Kítxinhgiơ nêu ra nhiều vấn đề ép ta chấp nhận.

Kítxinhgiơ nói rất nhiều về quân miền Bắc ở miền Nam. Kítxinhgiơ nói, nếu không rút nhiều quân miền Bắc ra khỏi miền Nam thì không thể thả nhiều tù chính trị bị bắt. Như vậy, Kítxinhgiơ gắn chặt vấn đề rút quân miền Bắc với thả tù chính trị.

Về vấn đề Mỹ đòi rút quân miền Bắc, ngay trong cuộc gặp riêng ngày 04 tháng 12, lãnh đạo đoàn ta đã

nói dứt khoát rằng, vấn đề gọi là "rút quân miền Bắc" không những không được ghi trong hiệp định mà trong thực tế về nguyên tắc vấn đề này cũng không thể được đặt ra. Trong ngày 06 tháng 12, ta lại một lần nữa tỏ thái độ kiên quyết về vấn đề này.

Một số vấn đề khác được thảo luận trong ngày 06 tháng 12 là vấn đề khu phi quân sự, vấn đề tù chính trị, vấn đề cơ cấu chính quyền ở miền Nam Việt Nam. Quan điểm hai bên về những vấn đề đó vẫn còn trái ngược nhau.

Trong cuộc gặp, Kítxinhgiơ ba lần đe dọa rằng nếu thương lượng tan vỡ thì chiến tranh sẽ tiếp diễn và chắc chắn cường độ chiến tranh sẽ tăng nhiều. Khi đó chiến tranh sẽ thay đổi tính chất và thương lượng cũng hoàn toàn thay đổi tính chất; khi đó Mỹ sẽ không bàn bạc hiệp định này nữa.

Phía ta đã bác bỏ những lời dọa dẫm của phía Mỹ, vạch rõ rằng chính Mỹ đã làm cho cuộc đàm phán bị bế tắc.

Phía Mỹ nhận định lập trường của phía Việt Nam vẫn không chuyển sau cuộc họp ngày 06 tháng 12. Kítxinhgiơ điện về Mỹ đề nghị ngừng đàm phán đi liền với ném bom trở lại và tăng cường ném bom. Tổng thống Mỹ Níchxơn điện trả lời và chỉ thị cho Kítxinhgiơ thông báo cho phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa biết rằng Tổng thống Mỹ bực dọc vì sự "ngoan cố quá mức" của Bắc Việt Nam và về việc Bắc Việt Nam rút lại

những nhân nhượng. Ngoài ra, Níchxơn còn chỉ thị cho Kítxinhgiơ liệt kê các vấn đề Mỹ đã đề nghị, chất vấn xem Bắc Việt Nam có chịu ghi gì về việc rút quân miền Bắc trong hiệp định. Níchxơn còn chỉ thị phải khôn khéo đừng nói quá cứng rắn, vẫn "giữ cầu" đàm phán. Níchxơn một lần nữa thông báo cho Kítxinhgiơ biết chính quyền Mỹ sẽ ném bom miền Bắc thật mạnh, nhưng không thông báo cho công chúng biết trước.

5. Cuộc gặp riêng ngày 07-12-1972

Kítxinhgiơ đề nghị giữ nguyên những điều đã sửa và đã thỏa thuận trong đợt gặp riêng tháng 11-1972.

Về cách ký, cũng như ngày 04 tháng 12, phía Mỹ đề nghị ký bốn văn bản, trong đó ba văn bản giống nhau hoàn toàn (văn bản do phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký, văn bản do Mỹ ký, văn bản do Chính phủ Cách mạng lâm thời ký); còn văn bản do Sài Gòn ký thì khác về lời nói đầu nhưng giống về nội dung.

Điều 13, trong dự thảo hiệp định nói về giảm lực lượng vũ trang ở miền Nam Việt Nam, phía Mỹ đồng ý bỏ yêu cầu giảm theo tỷ lệ 1/1 và bỏ yêu cầu đòi bộ đội phục viên trở về sinh quán. Điều 15, nói về khu phi quân sự, Kítxinhgiơ đồng ý bỏ đoạn nói về hai miền tôn trọng lãnh thổ của hai bên mà Mỹ đưa ra ngày 04 tháng 12 và trong đợt tháng 11-1972, nhưng Mỹ lại đề nghị bổ sung câu "hai miền không dùng vũ lực với nhau". Về ngừng bắn ở Lào, phía Mỹ đề nghị ngừng bắn trong

vòng 10 ngày sau khi ký kết hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam.

Trong cuộc gặp riêng này, phía ta đã đáp ứng chín điểm đề nghị do Mỹ yêu cầu.

Trong cuộc gặp riêng ngày 07 tháng 12, phía Mỹ tiếp tục theo đuổi chiến thuật nhấn mạnh khó khăn của Mỹ. Kítxinhgiơ đề nghị ta nghiên cứu khó khăn của Mỹ không những đối với Sài Gòn mà còn chú ý tới khó khăn của Mỹ đối với giới bảo thủ ở Mỹ. Kítxinhgiơ nói: Hiệp định này phải có một số điều khoản đáp ứng những yêu cầu tối thiểu của các đối tượng kể trên, phải thuyết minh cho đồng minh của Mỹ (chế độ Sài Gòn) và cho nhân dân Mỹ là đã có 5 vạn người chết. Đó là khó khăn lớn của Mỹ.

Trong phiên họp này, Mỹ một lần nữa lại đưa ra lời dọa dẫm như miền Nam (chế độ Sài Gòn) có thể đánh miền Bắc. Cũng trong phiên họp này, Kítxinhgiơ đã để lộ ý là nếu đàm phán tiếp tục khó khăn thì ông ta sẽ về Mỹ để tham khảo ý kiến của Chính phủ Mỹ.

Nhìn chung, trong cuộc họp ngày 07 tháng 12 ta và Mỹ đều có một số nhân nhượng, nhưng vẫn còn tồn tại nhiều vấn đề lớn.

Cũng ngày này, tại trại Đavít, Tổng thống Mỹ Níchxơn họp với Muarơ, Chủ tịch Hội đồng tham mưu, và nhiều quan chức dân sự và quân sự khác của Mỹ để bàn việc đẩy mạnh hoạt động quân sự chống Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Cuộc họp riêng ngày 08-12-1972

Vào đầu cuộc họp, hai bên thống nhất với nhau rằng chỉ còn 6,7 vấn đề. Cuộc thương lượng rất ráo riết. Ta đề nghị nếu Mỹ đồng ý cách ký có đầy đủ tên của bốn Chính phủ thì ta đồng ý bỏ cụm từ *cơ cấu chính quyền* trong mệnh đề "Hội đồng hòa hợp, hòa giải dân tộc là cơ cấu chính quyền". Phía Mỹ đặc biệt quan tâm đến vấn đề khu phi quân sự, do đó họ đề nghị nếu trong hiệp định ghi miền Nam, miền Bắc tôn trọng khu phi quân sự và tôn trọng lãnh thổ của nhau: hoặc nếu ta đồng ý ghi ở Điều 20 (d) một câu như sau: "Những vấn đề liên quan giữa *bốn quốc gia Đông Dương*", thì Mỹ sẽ thuyết phục chính quyền Sài Gòn chấp nhận hiệp định và ký theo như đề nghị của ta. Ý đồ của Mỹ rõ ràng là tìm mọi cách để chia cắt Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành một quốc gia riêng rẽ. Các nhà thương lượng của ta đã bác bỏ sự mặc cả đó của phía Mỹ.

Vấn đề nhân viên dân sự Mỹ tiếp tục là vấn đề tranh cãi trong cuộc họp riêng ngày 08 tháng 12. Kítxinhgiơ nói có 1.300 nhân viên dân sự Mỹ là người của Chính phủ Mỹ, còn 5.000 người khác là của các công ty tư nhân Mỹ không có liên quan gì tới Chính phủ Mỹ. Kítxinhgiơ nói rằng theo dự thảo hiệp định cũ thì những nhân viên dân sự có liên quan đến quân sự được ở lại miền Nam không thời hạn. Kítxinhgiơ nói tiếp, vấn đề nhân viên dân sự Mỹ là một trong hai vấn đề

phía Mỹ không thể đi xa hơn (vấn đề kia là vấn đề khu phi quân sự).

Về Điều 1 (nói về Mỹ và các nước cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Nhân dân Việt Nam), phía Mỹ không đồng ý để ở đầu hiệp định cho là xúc phạm danh dự Mỹ. Họ đề nghị chuyển xuống Chương IV hoặc xóa tên Mỹ. Họ cũng đề nghị bỏ Điều 4 nói về việc quy định Mỹ sẽ không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

Thủ thuật của Kítxinhgiơ trong cuộc họp ngày 08 tháng 12 là kết hợp thuyết phục với dọa dẫm. Kítxinhgiơ thuyết phục ta phải nhìn cái lớn, không nên mặc cả hơn thiệt, trong khi đó phía Mỹ mặc cả từng chữ, từng dấu phẩy. Kítxinhgiơ còn nài: yêu cầu các ông nhân nhượng vì lợi ích chung của các ông và của chúng tôi; chúng tôi yêu cầu các ông giúp đỡ chúng tôi và ghi công thức của chúng tôi trong vấn đề khu phi quân sự.

Như trên đã nói, Kítxinhgiơ kết hợp chặt chẽ thuyết phục với dọa dẫm. Trong ngày 08 tháng 12, ít nhất Kítxinhgiơ đã bốn lần dọa dẫm, dọa ngừng đàm phán, dọa chiến tranh kéo dài ác liệt, dọa bị lôi cuốn vào những chuyển biến không lường trước được...

Cuộc họp riêng ngày 09 tháng 12

Hai vấn đề được tiếp tục thảo luận, mất nhiều thời gian nhất trong cuộc họp riêng ngày 09 tháng 12 là vấn đề khu phi quân sự và nhân viên dân sự Mỹ. Vấn đề

khu phi quân sự rõ ràng vẫn là trung tâm thương lượng. Kítxinhgiơ nói rằng đây là yêu cầu khẩn thiết của chính quyền Sài Gòn. Kítxinhgiơ đề nghị công thức đại thể như sau: Hai miền tôn trọng khu phi quân sự và sẽ thỏa thuận về *thể thức đi lại của dân thường qua giới tuyến quân sự tạm thời.* Như Kítxinhgiơ đã viết trong hồi ký: Ý đồ của phía Mỹ là chặt đứt sự tiếp viện quân sự của miền Bắc cho miền Nam.

Về vấn đề nhân viên dân sự Mỹ có liên quan đến quân sự, phía Mỹ vẫn giữ lập trường cũ nhưng đồng ý ghi thêm trong "thỏa thuận không chính thức"[1] là Mỹ sẽ rút trong 15 tháng. Kítxinhgiơ lập luận rằng nếu rút hết và rút ngay nhân viên dân sự Mỹ có liên quan đến quân sự thì sẽ làm tê liệt bộ máy kỹ thuật quân sự của Sài Gòn. Ta đòi Mỹ phải rút hết trong vòng sáu tháng.

Về cách ký, phía Mỹ đề nghị giữ lời mở đầu như trong dự thảo hiệp định ngày 08-10-1972, còn về cách ký thì Mỹ đề nghị như sau: Mỹ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký hiệp định, còn Chính phủ Cách mạng lâm thời và chính quyền Sài Gòn gửi thư tham gia. Ta đòi hai bên ký và bốn Chính phủ ký, không tán thành thư tham gia. Về Điều 4 như đã nói, trong ngày 08 tháng 12, Mỹ đòi bỏ, ta kiên quyết đòi giữ lại.

---

1. Tiếng Anh là *Understanding,* có nghĩa là "hiểu biết". Ở đây chúng tôi dùng là "thỏa thuận không chính thức" hay gọi tắt là "thỏa thuận" cho dễ hiểu *(BT).*

Cuộc họp ngày 09 tháng 12 tuy gay go, nhưng cũng đi đến được một số thỏa thuận, như: đồng ý bỏ cụm từ "cơ cấu chính quyền" mà trước đó hai bên thảo luận rất gay gắt; đồng ý phục viên số quân giảm ở miền Nam càng sớm càng tốt (trước Mỹ đòi hoàn thành việc đó trong ba tháng, nay Mỹ thôi).

Lúc này lãnh đạo trong nước gửi điện chỉ thị cho đoàn phản đối công thức của Mỹ về khu phi quân sự, chỉ thị phải đấu tranh đòi hai bên ký, và bốn bên ký, không đồng ý thư tham gia.

Điện của lãnh đạo trong nước cũng lưu ý đoàn chú ý đến năm vấn đề dưới đây:

1. Kiên quyết chống việc Mỹ đòi ghi rút quân miền Bắc trong hiệp định.

2. Đòi sớm thành lập Hội đồng hòa hợp, hòa giải dân tộc.

3. Đòi Mỹ rút nhanh, rút hết nhân viên dân sự liên quan đến quân sự ở miền Nam Việt Nam.

4. Đòi Mỹ phải thả nhanh tù chính trị ở miền Nam.

5. Đòi Mỹ phải cam kết bồi thường chiến tranh.

Điện trong nước gửi cho đoàn ta chỉ thị phải đẩy mạnh tuyên truyền công khai, vạch trần âm mưu Mỹ thay đổi hiệp định, ồ ạt đưa vũ khí và nhân viên dân sự liên quan đến quân sự vào miền Nam.

Ngày 10 tháng 12, đoàn ta đề nghị nghỉ họp vì đồng chí Lê Đức Thọ mệt. Phía Mỹ vu cáo ta dùng thủ đoạn trì hoãn.

Trong cuộc gặp riêng ngày 11 tháng 12, vấn đề khu phi quân sự vẫn là vấn đề trung tâm chú ý của phía Mỹ. Phía ta thông báo cho phía Mỹ biết, ta đang đợi chỉ thị của Chính phủ ta về vấn đề này.

Về cách ký, ta nhắc lại là không tán thành hình thức thư tham gia. Cách làm như vậy không có sự ràng buộc trách nhiệm của các bên, buộc họ phải thi hành một cách nghiêm chỉnh hiệp định. Chỉ khi bốn bên cùng ký thì mới bảo đảm nghiêm chỉnh, chặt chẽ, để bên nào cũng có trách nhiệm thi hành nghiêm chỉnh hiệp định. Phía Mỹ không thể bác bỏ được lập luận đó của ta và buộc phải thừa nhận ký theo cách của ta đề nghị.

Về vấn đề tù chính trị ở miền Nam, ta vẫn đòi phải thả hết trong thời hạn hai tháng, nhưng Mỹ vẫn không chịu cam kết gì.

Về vấn đề nhân viên dân sự Mỹ liên quan đến quân sự, Mỹ vẫn chủ trương rút trong 15 tháng.

Trong cuộc họp, ta thúc Mỹ phải có hiểu biết về vấn đề bồi thường chiến tranh nhưng phía Mỹ vẫn tìm cách lẩn tránh không cam kết dứt khoát.

Trong ngày 11 tháng 12, hai bên thỏa thuận chuyên viên hai bên sẽ họp sáng 12 tháng 12 để rà lại văn bản hiệp định và thảo luận về các hiểu biết. Cuộc họp riêng của lãnh đạo hai đoàn sẽ họp vào chiều 12 tháng 02.

Cuối buổi họp ngày 11 tháng 12, đồng chí Lê Đức Thọ thông báo cho phía Mỹ biết đồng chí sẽ về Hà Nội báo cáo.

Như trên đã nói, phía Mỹ vu cho ta trì hoãn, kéo dài đàm phán. Ta vạch rõ chính phía Mỹ phải chịu trách nhiệm về việc đàm phán kéo dài, nhùng nhằng và Mỹ đã sửa đổi rất nhiều văn bản hiệp định ngày 20-10-1972 mà hai bên đã thỏa thuận. Đồng chí Lê Đức Thọ nói: Ông (Kítxinhgiơ) đổ cho tôi mỗi lần gặp lại gây thêm khó khăn, điều đó không đúng... Ông cứ giữ yêu cầu cao quá thì làm sao mà mau được... Ông đến đây gây ra không biết bao vấn đề. Chính điều đó đã gây ra nhiều chậm trễ nhất.

Phía ta cũng nghiêm khắc phê phán Kítxinhgiơ nhiều lần hứa hoàn thành hiệp định nhưng rồi lại tìm cách trì hoãn, kéo dài.

Cuộc gặp riêng ngày 12-12-1972

Cũng như những cuộc gặp riêng trước, trong cuộc gặp riêng ngày 12 tháng 12, vẫn nổi cộm hai vấn đề lớn: vấn đề khu phi quân sự và cách ký hiệp định. Mở đầu cuộc họp, lãnh đạo đoàn ta thông báo cho phía Mỹ biết chỉ thị của Chính phủ ta về vấn đề khu phi quân sự, toàn văn như sau: "Miền Bắc và miền Nam Việt Nam sẽ tôn trọng khu phi quân sự ở hai bên giới tuyến quân sự tạm thời. Miền Bắc và miền Nam Việt Nam sẽ sớm bắt đầu thương lượng lập lại quan hệ bình thường về nhiều mặt. Trong các vấn đề sẽ được thương lượng có vấn đề thể thức qua lại giới tuyến quân sự tạm thời".

Ta nói rõ đó là công thức của Mỹ đưa ra trước đây. Phía Mỹ không chấp nhận, lập luận rằng Mỹ đã rút công thức này. Mỹ đòi phải ghi thể thức qua lại của dân thường như Mỹ đã đề nghị ngày 09-12-1972. Mỗi bên giữ lập trường riêng của mình, do đó cuộc thương lượng về vấn đề khu phi quân sự vẫn bế tắc.

Vấn đề nổi cộm thứ hai trong cuộc gặp riêng ngày 12 tháng 12 là cách ký hiệp định. Trong ngày 11 tháng 12 ta đề nghị ký ba văn bản: một văn bản do Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ cùng ký; một văn bản do Chính phủ Cách mạng lâm thời ký; một văn bản do chính quyền Sài Gòn ký. Cả ba văn bản nội dung hoàn toàn giống nhau. Trong cuộc gặp riêng ngày 12 tháng 12 ta rút đề nghị này và nêu lại đề nghị ký hai bên và bốn bên (hai bên là Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ. Bốn bên là Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Mỹ, Chính phủ Cách mạng lâm thời và chính quyền Sài Gòn). Đồng chí cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ nói: "Ký hai bên xong rồi ký bốn bên. Ký bốn bên cũng là phản ánh thực tế Hội nghị bốn bên từ mấy năm nay. Bây giờ kết thúc chiến tranh, không những các ông và chúng tôi ký mà cả bốn bên đều ký... Cả bốn bên ký thì sẽ có quan hệ chặt chẽ giữa bốn bên để thi hành hiệp định...". Ta đề nghị hiệp định phải do Bộ trưởng Ngoại giao bốn bên ký. Kítxinhgiơ nói văn kiện như vậy sẽ gặp rất nhiều khó khăn không thể vượt qua được, nhưng Kítxinhgiơ cũng không bác bỏ bằng cách cho rằng hôm nay không có điều kiện để

thỏa thuận về cách ký kết như vậy. Kítxinhgiơ đề nghị sẽ trao đổi công hàm với nhau về vấn đề này.

Vấn đề ngừng bắn ở Lào và Campuchia là vấn đề được trao đổi nhiều trong cuộc gặp riêng ngày 12 tháng 12. Về vấn đề ngừng bắn ở Lào, Kítxinhgiơ đề nghị thực hiện 10 ngày sau cuộc ngừng bắn ở Việt Nam, sau đó Kítxinhgiơ lui lại hai tuần. Ta nói vấn đề này do Lào quyết định. Trước đây Lào đã đồng ý sẽ thực hiện ngừng bắn một tháng sau ngừng bắn ở Việt Nam. Kítxinhgiơ cũng yêu cầu có ngừng bắn ở Campuchia. Ta nói: Vấn đề Campuchia rất phức tạp. Trong công hàm ngày 21 tháng 10 của Thủ tướng Phạm Văn Đồng gửi Tổng thống Mỹ đã có sự hiểu biết với phía Mỹ và Tổng thống Mỹ đã trả lời ngày 22-10-1972 là thỏa mãn, do đó không có gì phải bàn thêm. Tuy nhiên, Mỹ vẫn cố tình làm cho tình hình rắc rối thêm.

Hai bên bàn về chức năng của Hội đồng hòa hợp, hòa giải dân tộc. Dự thảo hiệp định viết: Hội đồng quốc gia hòa hợp và hòa giải dân tộc có nhiệm vụ *đôn đốc* hai bên miền Nam Việt Nam thi hành hiệp định... Hai bên nhất trí dùng từ *promote* trong bản dự thảo tiếng Anh. Ta dịch là *đôn đốc.* Mỹ không đồng ý, nói phải dịch là *khuyến khích.* Hai bên thảo luận mãi nhưng không nhất trí được về cách dịch.

Trong cuộc gặp riêng ngày 12 tháng 12, ta đã trao cho phía Mỹ dự thảo nghị định thư về Ủy ban quốc tế, về Ủy ban liên hợp quân sự hai bên và bốn bên, về tháo

gỡ mìn. Hai bên cũng bàn về một số hiểu biết. Cuối buổi gặp riêng, đồng chí Lê Đức Thọ nhắc lại là đồng chí sẽ về nước xin chỉ thị.

Cuộc gặp riêng ngày 13 tháng 12

Đây là lần gặp cuối cùng trong đợt gặp riêng tháng 12-1972. Ta đề nghị bỏ tám trong tổng số chín chỗ kể tên chính quyền Sài Gòn trong văn bản hiệp định, để cân đối với Chính phủ Cách mạng lâm thời (vì trong hiệp định chỉ có một chỗ nói đến Chính phủ Cách mạng lâm thời). Đầu tiên, phía Mỹ phản ứng kịch liệt, nhưng vì đuối lý, cuối cùng họ phải chấp nhận.

Về vấn đề thay thế vũ khí, cuộc thương lượng cũng không đi đến nhất trí. Mỹ đề nghị thay thế những vũ khí bị phá hủy, ta không đồng ý và đề nghị chỉ thay thế những vũ khí đã hư hỏng. Ta lập luận rằng, sau khi chấm dứt chiến tranh thì không còn vũ khí bị phá hủy nữa mà chỉ có vũ khí hư hỏng.

Đối với vấn đề Campuchia và Lào, Điều 20 (a) của dự thảo hiệp định viết: Các bên tham gia Hội nghị Pari về Việt Nam triệt để tôn trọng Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương và Hiệp định Giơnevơ năm 1962 về Lào đã công nhận những quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Campuchia và Lào. Phía Mỹ đề nghị thêm từ *sẽ* trong câu: "Các bên sẽ triệt để tôn trọng hiệp định". Ý đồ sâu xa và thâm độc của Mỹ là vu cáo ta vi phạm Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương

và Hiệp định Giơnevơ năm 1962 về Lào từ trước tới nay và buộc từ nay trở đi *sẽ* phải tôn trọng hiệp định. Ta bác bỏ lập luận sai trái của Mỹ và đề nghị thay từ *sẽ* bằng từ *phải* (các bên tham gia Hội nghị Pari về Việt Nam *phải* triệt để tôn trọng hiệp định...).

Trong cuộc họp riêng ngày 13 tháng 12, Kítxinhgiơ đã nhiều lần tỏ ra mất bình tĩnh, dùng lời lẽ rất thô bạo.

Trong ngày 13 tháng 12, Kítxinhgiơ lại nhiều lần dọa dẫm chiến tranh. Kítxinhgiơ nói: Tôi không muốn cường điệu sự nóng lòng ở Oasinhtơn về việc làm của chúng ta trong tuần trước và tuần này,... Tôi không thể giấu ông cố vấn đặc biệt là ở Oasinhtơn, người ta không thể kiên nhẫn được nữa và ngày càng không kiên nhẫn,... Ông cố vấn đặc biệt có nói đến sự tin cậy để đi đến giải pháp, nhưng ở Oasinhtơn người ta đã mất đi nhiều sự tin cậy đó rồi. Ở Oasinhtơn người ta nghi ngờ nhiều về sự thành thật của các ông và khả năng đi tới một sự giải quyết của các ông,...".

Kítxinhgiơ cho rằng cuộc đàm phán đến ngày 13 tháng 12 đã bị "vỡ". Trong hồi ký, Kítxinhgiơ quy kết một cách sai trái rằng Hà Nội không chịu thỏa thuận về hiệp định, thì phải chịu trách nhiệm năm ngày sau đó về sự ném bom của Mỹ trong dịp Nôen[1].

Trong báo cáo gửi Níchxơn ngày 13 tháng 12, Kítxinhgiơ đưa ra hai đề nghị: (1) Có lập trường cứng

---

1. *Hồi ký Kítxinhgiơ: Những năm tháng ở Nhà Trắng, 1968-1973, Sđd,* tr. 1503.

rắn đối với Hà Nội và tăng cường đẩy mạnh áp lực của chúng ta bằng những cuộc ném bom hoặc bằng những phương tiện khác; (2) Giữ những hình thức bề ngoài bằng cách dự kiến một cuộc gặp mới với Lê Đức Thọ[1].

Tình hình đàm phán không bi quan như phía Mỹ đơn phương nhận định. Kítxinhgiơ cũng như ta đều nhất trí nhận định chỉ còn hai vấn đề lớn trong hiệp định, đó là vấn đề khu phi quân sự và cách ký kết, đồng thời còn một số hiểu biết liên quan tới hiệp định như vấn đề nhân viên dân sự Mỹ liên quan đến quân sự và vấn đề tù chính trị ở miền Nam.

Kết thúc cuộc gặp, ta nhận xét: "Những vấn đề đó chúng tôi tin rằng nếu chúng ta cùng có thiện chí thì sẽ thảo luận với nhau và sẽ giải quyết được,... Bây giờ chúng ta đã đi gần tới hòa bình rồi thì chúng ta nhất định phải tiến tới, các ông cũng vậy mà chúng tôi cũng vậy". Ta đề nghị hai bên sẽ trao đổi công hàm với nhau.

Kítxinhgiơ trả lời một cách lấp lửng và hỏi nhiều về việc đồng chí Lê Đức Thọ phải đi mất mấy ngày mới về đến Hà Nội.

Chiều ngày 18 tháng 12, đồng chí Lê Đức Thọ về đến Hà Nội. Ngay đêm hôm đó, Mỹ tiến hành cuộc tập kích chiến lược bằng B.52 vào Hà Nội và Hải Phòng.

---

1. *Hồi ký Kítxinhgiơ: Những năm tháng ở Nhà Trắng, 1968-1973, Sđd,* tr. 1504.

Nhìn lại đợt đàm phán tháng 12-1972

Như trên đã nói, đợt gặp riêng tháng 12-1972 là đợt gặp riêng dài ngày nhất, phức tạp nhất, sít sao nhất và căng thẳng nhất. Đối phương đưa ra nhiều sửa đổi (trên 60 điểm trong đó có trên 30 điểm sửa đổi thực chất), phía ta phản kích lại và đưa ra gần 50 điểm sửa đổi trong đó có gần 30 điểm thuộc về thực chất. Sau khi thương lượng, hai bên đi đến thỏa thuận được 91 điểm nếu tính tổng cộng trong cả hai đợt tháng 11 và tháng 12 (trong đó có 27 điểm về thực chất). Đến ngày 13 tháng 12, về văn bản hiệp định, chỉ còn vài điểm chưa nhất trí trong đó có hai vấn đề quan trọng nhất là vấn đề khu phi quân sự và cách ký hiệp định. Một số vấn đề quan trọng khác đi đến nhất trí là vấn đề rút nhanh, rút hết nhân viên dân sự Mỹ liên quan đến quân sự và vấn đề Mỹ phải thả hết, thả nhanh tù chính trị ở miền Nam. Sở dĩ có những khác nhau về những vấn đề kể trên tuy đàm phán sít sao mà vẫn chưa đi đến thỏa thuận là do mỗi bên có những yêu cầu và chủ trương khác nhau.

Phía ta có bốn yêu cầu cơ bản là: Mỹ phải tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam; Mỹ phải thật sự chấm dứt mọi dính líu quân sự ở hai miền Việt Nam; Mỹ phải thừa nhận ở miền Nam Việt Nam có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát; Mỹ phải bồi thường chiến tranh cho Việt Nam.

Việc Mỹ khăng khăng đòi phải chấp nhận công thức của Mỹ về vấn đề khu phi quân sự, là nhằm thực

hiện ý đồ chia cắt Việt Nam, biến miền Nam Việt Nam thành một quốc gia riêng rẽ. Ý đồ này chống lại độc lập, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ là những quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam. Mỹ lẩn tránh việc bốn bên ký hiệp định tức là không thừa nhận có hai chính quyền ở miền Nam. Việc Mỹ không chịu ghi rút hết, rút nhanh nhân viên dân sự Mỹ liên quan đến quân sự là một bằng chứng cho thấy Mỹ chưa chịu chấm dứt mọi sự dính líu quân sự ở Việt Nam.

Tuy đợt đàm phán tháng 12 còn một số vấn đề lớn chưa thỏa thuận được nhưng không phải là giẫm chân tại chỗ, càng không phải là lùi lại phía sau. Như trên đã nói, đợt gặp riêng tháng 12 không những đã tiếp tục thương lượng về văn bản các nghị định thư mà còn thỏa thuận được mấy chục điểm lớn nhỏ,...

Sở dĩ đợt gặp riêng tháng 12 không đi đến kết quả hoàn toàn không phải là do phía ta áp dụng chiến thuật "không kết thúc, không phá vỡ" như Níchxơn nói, mà nguyên nhân duy nhất là do chính quyền Níchxơn thực hiện chiến thuật "Mạo hiểm làm vỡ đàm phán" đi đôi với chiến thuật tăng cường sức ép quân sự tối đa.

Trận tập kích chiến lược bằng B.52 vào Hà Nội và Hải Phòng là sự cụ thể hóa chiến thuật đó.

Nhằm che giấu và bào chữa cho chủ trương tội ác và lập trường sai trái của Mỹ, ngày 16-12-1972, Kítxinhgiơ họp báo ở Oasinhtơn đổ lỗi cho ta đã rút lại những

điều đã thỏa thuận. Kítxinhgiơ lặp lại những luận điệu đã nói trong cuộc họp báo ngày 26-10-1972, là Mỹ muốn chấm dứt chiến tranh, muốn chuyển từ đối địch sang bình thường, từ bình thường sang hợp tác nhưng đã không đạt được mục đích. Kítxinhgiơ đổ lỗi cho ta là cứ giải quyết xong vấn đề này thì lại gây ra vấn đề khác.

Ngay trong ngày 16-12-1972, đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ở Pari đã ra tuyên bố bác bỏ những luận điệu sai trái của phía Mỹ, vạch rõ Mỹ và chế độ Sài Gòn vẫn ra sức tăng cường chiến tranh, đưa thêm nhiều cố vấn quân sự đội lốt dân sự vào miền Nam. Ta cũng nêu rõ Mỹ đã đòi sửa đổi 126 điểm trong văn bản hiệp định trong hai đợt đàm phán. Ta đòi Mỹ phải giữ đúng nội dung hiệp định ngày 20 tháng 10. Ta nêu rõ thái độ nghiêm chỉnh và thiện chí của ta. Trở ngại duy nhất cho việc ký kết hiệp định là thái độ ngoan cố của Mỹ - Thiệu. Báo chí phương Tây ra ngày 17 tháng 12 đăng song song tuyên bố của Kítxinhgiơ và tuyên bố của đoàn ta.

Trong khi khẩn trương xúc tiến cuộc tập kích chiến lược bằng B.52, Mỹ vẫn giữ cầu đàm phán. Ngày 18-12-1972, Mỹ gửi công hàm cho ta đề nghị mấy điểm sau đây: (1) Hai bên trở lại văn bản hiệp định ngày 23-11-1972 (có sửa một số điểm); (2) Về thủ tục ký kết hiệp định có thể tiến hành ký theo đề nghị của Việt Nam Dân chủ

Cộng hòa đưa ra ngày 11-12-1972 (ký ba văn bản). Ngày 12 tháng 12 ta đã rút lại đề nghị này; (3) Phải nhanh chóng đạt được những nghị định thư nhằm thi hành hiệp định; (4) Tiến sĩ Kítxinhgiơ sẵn sàng gặp lại ông Lê Đức Thọ vào bất kỳ lúc nào sau ngày 26-12-1972.

Cùng ngày, W. Pôtơ, trưởng đoàn Mỹ tại hội nghị công khai, gặp đồng chí Xuân Thủy, trưởng đoàn ta tại hội nghị công khai, trình bày quan điểm của Mỹ về ngừng bắn, về các ban liên hợp quân sự, về nhiệm vụ của Ủy ban quốc tế.

Chương X

TRẬN TẬP KÍCH CHIẾN LƯỢC BẰNG B.52 CUỐI NĂM 1972 VÀ THẤT BẠI NẶNG NỀ CỦA MỸ

Níchxơn lên cầm quyền năm 1969 đúng vào lúc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam ngày càng thất bại nặng nề. Nhân dân Mỹ và Quốc hội Mỹ ngày càng đẩy mạnh đấu tranh đòi chấm dứt dính líu quân sự của Mỹ ở Việt Nam, rút hết quân Mỹ về nước. Trong thế hình đó, chính quyền Níchxơn thực hiện chiến lược *Việt Nam hóa chiến tranh* nhằm dùng quân ngụy thay thế cho quân Mỹ, rút dần quân Mỹ về nước. Đây là một chiến lược đầy mâu thuẫn và không thực tế. Nó chứng tỏ chính quyền Níchxơn vẫn rất hiếu chiến tuy không thể tiếp tục dùng đại quân Mỹ để xâm lược Việt Nam, nhưng lại nuôi ảo tưởng tăng cường ngụy quân, ngụy quyền để thực hiện chính sách thực hiện mới của Mỹ. Từ khi lên cầm quyền, hòng cứu vãn tình thế ngày càng bi đát của Mỹ - ngụy, chính quyền Níchxơn đã liều lĩnh mở rộng chiến tranh ra toàn Đông Dương cả trên không và trên bộ, biến ba nước Đông Dương thành một chiến trường.

Tháng 4-1970, Mỹ - ngụy sử dụng tới 50.000 quân ngụy và 50.000 quân ngụy tiến công vùng Đông Bắc Campuchia hòng phá căn cứ đầu não và hậu cần của ta, song cuộc hành quân lớn này của địch đã bị chặn đánh quyết liệt. Tính đến tháng 6-1970, ta và bạn đã loại khỏi vòng chiến đấu 17.000 quân Mỹ - ngụy, phá hủy hàng nghìn xe quân sự trong đó có 750 xe tăng và xe bọc thép, giải phóng hoàn toàn năm tỉnh ở Đông Bắc Campuchia và phần lớn nông thôn của 10 tỉnh khác, hình thành một vùng giải phóng rộng lớn. Chính quyền Níchxơn đã thất bại nặng nề trong cuộc chiến tranh xâm lược Campuchia.

Hòng cứu vãn tình thế của Mỹ - ngụy ngày càng khó khăn ở miền Nam Việt Nam, ngày 08-02-1971, Mỹ - ngụy mở cuộc hành quân Lam Sơn 719, đánh lên khu vực đường 9 - Nam Lào, đưa đại bộ phận lực lượng dự bị chiến lược quân chủ lực ngụy có sự chi viện mạnh mẽ của hỏa lực không quân và pháo binh Mỹ vào tham chiến. Chủ mưu của địch là cắt đứt hành lang vận chuyển chiến lược của ta, lập tuyến ngăn chặn cắt đôi Đông Dương. Cuộc hành quân này cũng nhằm thực nghiệm công thức bộ binh ngụy cộng với hỏa lực Mỹ trong chiến lược *Việt Nam hóa chiến tranh* của Mỹ. Chiến dịch phản công của ta ở đường 9 - Nam Lào đã làm phá sản hoàn toàn âm mưu và tham vọng của địch. Ta đã loại khỏi vòng chiến đấu 23.000 tên địch, phá hủy

và bắn rơi gần 500 máy bay, phá hủy và thu gần 600 xe quân sự và 150 pháo.

Tháng 5-1972, chính quyền Níchxơn tiếp tục thể hiện những hành động liều lĩnh và tàn bạo về quân sự bằng cách tăng cường đánh phá miền Bắc, thả mìn các hải cảng và đường sông ở miền Bắc.

Chúng âm mưu đẩy mạnh và mở rộng chiến tranh hòng cứu vãn tình thế ngày càng xấu của Mỹ - ngụy, cứu vãn chiến lược *Việt Nam hóa chiến tranh.* Cuộc tập kích chiến lược bằng B.52 chủ yếu vào Hà Nội, Hải Phòng trong 12 ngày đêm cuối năm 1972 nằm trong một loạt những hành động hiếu chiến có hệ thống của chính quyền Níchxơn. Nó phản ánh rõ rệt sự tráo trở, sự tàn bạo, sự vô liêm sỉ của tập đoàn cầm quyền Níchxơn. Trong hồi ký, Kítxinhgiơ đã thú nhận trận đánh Nôen là sự tàn phá điên cuồng, vô nghĩa về mục tiêu, ác độc về quan niệm.

Hòng biện hộ cho sự đánh phá điên cuồng và dã man trong 12 ngày đêm, Kítxinhgiơ đổ lỗi cho ta là thực hiện chiến lược kéo dài chiến tranh, phá hoại đàm phán và tìm kiếm chiến thắng vô điều kiện.

Đây là một sự ngụy biện, một sự xuyên tạc trắng trợn sự thật. Những lời nói và việc làm của chính quyền Níchxơn từ tháng 8 đến tháng 12-1972 đã chứng minh chính quyền Níchxơn đã có dụng ý và tích cực chuẩn bị trận tập kích chiến lược này.

Níchxơn sau này đã viết rằng, ngày 25 tháng 11 khi từ Pari về Oasinhtơn gặp Níchxơn, Kítxinhgiơ đã đề nghị phá vỡ đàm phán với Hà Nội và đề nghị ném bom trở lại[1].

Ngày 30 tháng 11, Níchxơn đã họp với Kítxinhgiơ, Haigơ, Létđơ và Chủ tịch Hội đồng tham mưu Mỹ để bàn biện pháp đẩy mạnh chiến tranh trong trường hợp cuộc đàm phán bị phá vỡ thì sẽ ném bom từ 3 đến 6 ngày.

Ngày 04 tháng 12, Kítxinhgiơ điện về Oasinhtơn đề nghị "xúc tiến và tăng cường ném bom"[2]. Ngày 05 tháng 12 Níchxơn lại nhận được điện của Kítxinhgiơ đề nghị ném bom, nếu vỡ đàm phán[3].

Ngày 06 tháng 12, Kítxinhgiơ lại điện cho Níchxơn nhắc lại những đề nghị ngày 04 và 05 tháng 12.

Ngày 13 tháng 12, Kítxinhgiơ từ Pari về Oasinhtơn bàn bạc với Haigơ, Haigơ chủ trương: "Chỉ có một sức ép quân sự ồ ạt mới có thể khắc phục được sự cản trở của Hà Nội". Và, Haigơ chủ trương ném bom ồ ạt bằng B.52[4].

Ngày 14-12-1972, Níchxơn, Kítxinhgiơ và Haigơ đã họp với nhau đưa ra nhận định và chủ trương như sau:

1. Nếu Mỹ không làm gì thì khi đàm phán trở lại sẽ tiếp tục thảo luận nhùng nhằng.

1, 2, 3. *Hồi ký Níchxơn, Sđd,* tr. 528, 529, 530.

4. *Hồi ký Kítxinhgiơ: Những năm tháng ở Nhà Trắng, 1968-1973, Sđd,* tr. 1506.

2. Trong Chính phủ Mỹ hầu như không có ai ủng hộ việc ném bom trở lại. Létđơ - Bộ trưởng Quốc phòng - phản đối ra mặt. Muarơ - Chủ tịch Hội đồng tham mưu - cũng không tán thành.

3. Có hai sự lựa chọn: a) Tiến hành một biện pháp ồ ạt, tập trung, gây chấn động để áp đặt ý muốn của Mỹ và chấm dứt nhanh chóng chiến tranh; b) Để cho tình hình cứ kéo dài trong một loạt cuộc đàm phán không có kết thúc, làm kéo dài chiến tranh, tiếp tục gây chia rẽ trong nước Mỹ và làm cho tổn thất của Mỹ tiếp tục tăng lên.

4. Về cách đánh, Níchxơn chủ trương đánh ồ ạt, đánh thật mạnh bằng B.52, nhằm gây hiệu quả chấn động.

Níchxơn quyết định bắt đầu thả mìn ở miền Bắc từ ngày 17 tháng 12 và ném bom từ ngày 18-12-1972.

Ngày 18-12-1972, Mỹ mở cuộc tập kích chiến lược, dùng 729 lần chiếc máy bay B.52 cùng gần 2.000 lượt chiếc máy bay chiến thuật, liên tục 12 ngày đêm đánh phá ác liệt Hà Nội, Hải Phòng và một số điểm khác ở Bắc vĩ tuyến 20.

Những tư liệu kể trên cùng với những dọa dẫm của Kítxinhgiơ trong đợt đàm phán tháng 11 và tháng 12-1972, chứng tỏ rằng chính quyền Níchxơn đã chủ tâm và tích cực chuẩn bị cuộc tập kích chiến lược đầy tội ác, phi pháp, phi nghĩa, phi lý này. Mục đích của trận tập kích chiến lược bằng B.52 là nhằm *áp đặt ý muốn của Mỹ* trong khi thế mặc cả của Mỹ ngày càng yếu và sự bị động của chính quyền Níchxơn ngày càng tăng.

Chúng ta đã có nhiều kinh nghiệm trong những năm từ 1969 đến 1972 về bản chất xảo quyệt, tráo trở, ngoan cố của chính quyền Níchxơn. Lãnh đạo Đảng ta luôn luôn nhắc nhở phải không ngừng đề cao cảnh giác. Ngày 03 tháng 12, Bộ Chính trị điện cho đoàn chú ý đến tình hình đấu tranh còn gay go phức tạp, cần phải tiếp tục nêu cao cảnh giác. Điện của Bộ Chính trị ngày 08 tháng 12 nhắc nhở đoàn phải cảnh giác đối với âm mưu tăng cường hoạt động quân sự của đối phương. Điện ngày 17 tháng 12 của Bộ Chính trị gửi cho đoàn đàm phán ở Pari cho biết Mỹ - ngụy đã và đang tăng cường chiến tranh ở cả hai miền. Được sự chỉ đạo của Bộ Chính trị và Chính phủ, hai đoàn đàm phán của ta ở Pari luôn luôn lưu ý dư luận quốc tế về những âm mưu quân sự đầy tội ác của Mỹ và chính quyền Sài Gòn. Ta lên án kịp thời và mạnh mẽ cuộc tập kích chiến lược bằng B.52 của Mỹ, biểu dương chủ nghĩa anh hùng cách mạng của quân và dân ta, nhanh chóng báo tin những chiến thắng vang dội của ta cho dư luận quốc tế.

Ở trong nước, lần đầu tiên ta đã mở rộng chiến dịch phòng không hiện đại quy mô lớn. Nhờ chuẩn bị tốt về tư tưởng và tổ chức, sáng tạo trong nghệ thuật quân sự, biết phát huy vai trò của các lực lượng phòng không, đặc biệt là các lực lượng tên lửa phòng không với tư cách là binh chủng chủ yếu, ta đã đánh bại các đòn tập kích của B.52, giành thắng lợi vẻ vang, bắn rơi 81 máy bay trong đó có 31 máy bay B.52, bắt sống gần 100 giặc lái.

Cuộc tập kích chiến lược bằng B.52 của chính quyền Níchxơn thất bại nhục nhã. Chiến công oanh liệt của ta làm nức lòng quân dân cả nước, được dư luận toàn thế giới nhiệt liệt ca tụng.

Trong khi chuẩn bị cuộc tập kích bằng B.52, chính quyền Níchxơn nhận định rằng: "Chơi *quân cờ cuối cùng* này, nếu thành công thì thật là bổ ích, nếu thất bại thì cũng cho phái hữu ở Mỹ biết là Níchxơn đã làm tất cả những gì mà ông ta có thể làm được"[1]. Sự đánh trả kiên quyết của ta đã giáng cho chính quyền hiếu chiến Níchxơn một đòn nặng nề và làm cho họ phải nối lại đàm phán tại Pari ngày 08-01-1973.

Phản ứng ở Mỹ và trên thế giới về trận tập kích chiến lược bằng B.52

Như Kítxinhgiơ đã thú nhận trong hồi ký: "Cuộc tập kích chiến lược bằng B.52 đã làm cho chính quyền Mỹ mau chóng chìm ngập dưới làn sóng thịnh nộ"[2]... "Không có một sự kiện nào trong chính sách đối ngoại của nhiệm kỳ Tổng thống Níchxơn lại gây ra sự phẫn nộ cao độ như cuộc ném bom Nôen"[3]. Đông đảo nhân dân Mỹ thuộc nhiều giới khác nhau đã míttinh, biểu tình gửi kiến nghị lên án chính quyền Níchxơn. Thượng nghị sĩ Menphin gọi cuộc tập kích là "đại họa", Thượng nghị sĩ Xabi cho Níchxơn là đã mất lý trí, Thượng nghị sĩ Giavít

1, 2, 3. *Hồi ký Kítxinhgiơ: Những năm tháng ở Nhà Trắng, 1968-1973, Sđd,* tr. 1508, 1511, 1518.

dọa cắt ngân sách quân sự, một thượng nghị sĩ khác gọi cuộc ném bom là "Chiến thuật đồ đá", và Thượng nghị sĩ Kennơđi gọi cuộc ném bom là "Sự xúc phạm lương tâm mọi người Mỹ".

Báo chí Mỹ lên án cực kỳ nghiêm khắc đợt tập kích chiến lược bằng B.52. Tờ *Thời báo Niu Oóc* viết: "Đây là một sự ô nhục trên trái đất" và gọi Níchxơn là "tên bạo chúa đã hóa điên". Tờ *Tin điện Xanhlui* viết, đây là "một sự điên cuồng mới". Kítxinhgiơ cho biết ông ta nhận được nhiều thư lên án "sự vô đạo đức" và "dã man".

Dư luận Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác lên án trận tập kích chiến lược là *một tội ác dã man* khi cuộc đàm phán đang đi đến kết thúc. Bộ trưởng Ngoại giao Pháp cũng phê phán sâu sắc cuộc tập kích chiến lược. Nhiều nước Bắc Âu, Trung Âu ra tuyên bố kịch liệt phê phán cuộc ném bom; Chính phủ Thụy Điển ví hành động của Mỹ giống như hành động của bọn Đức quốc xã. Không một đồng minh nào của Mỹ trong khối Bắc Đại Tây Dương bênh vực Mỹ. Báo chí các nước phương Tây ra nhiều số đặc biệt lên án hành động dã man của Mỹ. Một tờ báo Pháp của phái hữu dành cả một trang báo lên án chính quyền Níchxơn và gọi cuộc tập kích chiến lược là "sự chạy trốn về phía trước".

Tóm lại, trận tập kích chiến lược bằng B.52 đã làm cho chính quyền Níchxơn và bọn hiếu chiến Mỹ bị một đòn đau về quân sự, bị lên án về đạo đức và cô lập về chính trị.

Chương XI

ĐỢT GẶP RIÊNG CẤP CAO THÁNG 01-1973: ĐỢT ĐÀM PHÁN CUỐI CÙNG DẪN ĐẾN CHẤM DỨT CHIẾN TRANH, LẬP LẠI HÒA BÌNH Ở VIỆT NAM

I. BỐI CẢNH CỦA ĐỢT GẶP RIÊNG THÁNG 01-1973

1. Tình hình và chủ trương của ta

Khi ta bước vào đợt gặp riêng tháng 01-1973, thế và lực về chính trị, quân sự, ngoại giao của ta tăng lên rõ rệt so với trước. Về quân sự, từ tháng 01 đến tháng 11-1972, quân và dân ta ở miền Nam diệt hơn 100.000 địch, bắn rơi hơn 100 máy bay, phá hủy hơn 600 xe quân sự (trong đó có 200 xe tăng). Ở miền Bắc, chúng ta hạ hàng trăm máy bay địch. Trận Điện Biên Phủ trên không diễn ra 12 ngày đêm cuối tháng 12-1972 đã giáng cho địch một đòn chí tử. Chưa bao giờ trong một thời gian ngắn như vậy mà quân và dân ta lại hạ nhiều máy bay chiến lược, bắt nhiều giặc lái như thế. Thắng lợi

vang dội này đã làm rách nát con bài cuối cùng của chính quyền Níchxơn.

Lập trường đúng đắn, thái độ thiện chí của ta trong đàm phán được dư luận rộng rãi trên thế giới, kể cả ở Mỹ ngày càng đồng tình ủng hộ.

Từ ngày 23-12-1972 đến đầu tháng 01-1973, Bộ Chính trị họp nhiều phiên nhận định tình hình, cho ý kiến đối với đoàn đàm phán ở Pari. Bộ Chính trị nêu ra yêu cầu đạt được một hiệp định đáp ứng bốn yêu cầu đã đề ra. Về văn bản, cố gắng đạt hiệp định trên cơ sở văn bản ngày 20 tháng 10 và ngày 13-12-1972. Về khu phi quân sự, Bộ Chính trị và Chính phủ cho ý kiến có thể ghi "thể thức đi lại dân sự" vì không có vấn đề gì đáng ngại. Về cách ký, Bộ Chính trị và Chính phủ cho ý kiến cần ghi tên Chính phủ Cách mạng lâm thời và cần có chữ ký của chính quyền Sài Gòn. Về Ủy ban quốc tế kiểm soát và giám sát ngừng bắn số lượng có thể là 800-1.000 người.

Bộ Chính trị nêu ra phương hướng đấu tranh là: tranh thủ hòa bình; miền Bắc có thời gian để củng cố lực lượng mọi mặt; miền Nam có hai vùng, hai chính quyền, hai quân đội. Tình hình ở miền Nam có khả năng là vừa không có hòa bình vừa không có chiến tranh lớn. Có hai khả năng ở miền Nam: khả năng đấu tranh chính trị, khả năng chiến tranh.

Bộ Chính trị nhận định thắng lợi oanh liệt làm thất bại trận tập kích chiến lược trên không bằng B.52 của địch đã tạo ra *thời cơ tốt* cho đàm phán.

2. Tình hình và chủ trương của chính quyền Níchxơn

Níchxơn, Kítxinhgiơ khoe khoang rằng họ đã thắng lớn trong trận tập kích chiến lược bằng B.52, thậm chí họ còn bịa đặt rằng thắng lợi đó đã buộc ta phải "đầu hàng". Đó chỉ là sự lừa dối của những kẻ bị dồn vào thế bí. Như ta đã biết, trong cả năm 1972, Mỹ đã gặp nhiều thất bại nặng nề trong chiến lược *Việt Nam hóa chiến tranh*. Trận tập kích chiến lược bằng B.52 cực kỳ dã man không mang lại kết quả như chính quyền Níchxơn mong muốn, trái lại đã mang lại thất bại nhục nhã chưa từng có cho họ về quân sự, cô lập cao độ về chính trị, bị lên án kịch liệt về ngoại giao.

Ngày 06-01-1973, Níchxơn gặp Kítxinhgiơ ở trại Đavít trước khi Kítxinhgiơ lên đường đi Pari để bàn về hai sự lựa chọn: thứ nhất là chấp nhận một hiệp định với những điều kiện tốt nhất nếu có thể được; thứ hai là đoạn tuyệt với Thiệu và tiếp tục ném bom miền Bắc cho đến khi nào Bắc Việt Nam trao hết tù binh để đổi lấy việc Mỹ rút hết quân. Sau này Níchxơn đã viết trong hồi ký: "Sự chán chường chiến tranh đã lên tới điểm mà sự lựa chọn thứ hai đã trở thành quá nặng nề, chúng tôi không thể kham nổi"[1]. Kítxinhgiơ thuật lại rằng trong cuộc gặp ở trại Đavít, Níchxơn "nhấn mạnh để tôi phải chấp nhận một giải pháp dù điều kiện do đối phương

1. *Hồi ký Níchxơn, Sđd,* tr. 539.

nêu ra như thế nào đi nữa... Tổng thống còn nói ông ta sẵn sàng chấp nhận những điều khoản của văn bản hiệp định tháng 10-1972"[1].

Điều đó cho thấy rõ chính quyền Níchxơn đã bị dồn vào một tình thế vô cùng khó khăn không thể tiếp tục chiến tranh xâm lược được nữa. Chính quyền Níchxơn chỉ còn một sự lựa chọn duy nhất là đi tới một giải pháp nhằm chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam. Chính quyền Níchxơn càng bị buộc phải đi theo sự lựa chọn này sau khi nhóm dân biểu dân chủ ở Hạ nghị viện Mỹ ngày 02-01-1973 biểu quyết với tỷ số 154/75 và ngày 04-01-1973, nhóm Thượng nghị sĩ Dân chủ biểu quyết với tỷ số 36/12,chủ trương cắt mọi chi phí cho chiến tranh Đông Dương miễn là đưa được tù binh Mỹ về. Đây là một sự cảnh cáo nghiêm khắc, một sự khóa tay đối với chính quyền Níchxơn. Vì thế, Níchxơn hối hả chủ trương phải đi trước Quốc hội Mỹ trong vấn đề lập lại hòa bình ở Việt Nam. Níchxơn liên tục viết thư thúc bách Nguyễn Văn Thiệu phải ký hiệp định trong khoảng thời gian từ giữa tháng 12-1972 đến giữa tháng 01-1973. Ngày 19-12-1972, Níchxơn cử Haigơ đi Sài Gòn trao cho Nguyễn Văn Thiệu một bức thư, nội dung như sau: "Sứ mệnh của tướng Haigơ lần này là một cố gắng cuối cùng của tôi để nói với ông về sự cần thiết phải có hành động chung và truyền đạt tới ông ý

1. *Hồi ký Kítxinhgiơ: Những năm tháng ở Nhà Trắng, 1968-1973, Sđd,* tr. 1529.

định không thể đảo ngược của tôi là tiến tới, tốt nhất là với sự hợp tác của ông, nhưng nếu cần thì tôi sẽ đi một mình... Tôi đã yêu cầu tướng Haigơ có được trả lời của ông về đề nghị tuyệt đối cuối cùng này của tôi để chúng ta cùng làm việc chung trong việc tìm kiếm một giải pháp theo đường lối mà chúng ta đã phê chuẩn, hoặc là chúng ta sẽ đi theo con đường riêng biệt".

II. NHỮNG CÔNG HÀM TRAO ĐỔI VÀ NHỮNG CUỘC HỌP CHUYÊN VIÊN TRƯỚC KHI CUỘC GẶP RIÊNG CẤP CAO ĐƯỢC NỐI LẠI

Như đã nói ở Chương IX, ngày 18-12-1972, phía Mỹ gửi công hàm cho ta đề nghị cuộc gặp Kítxinhgiơ - Lê Đức Thọ sẽ tiến hành vào ngày 26 tháng 12. Ngày 20-12-1972, cuộc họp của chuyên viên hai đoàn diễn ra ở Pari. Ta kịch liệt lên án cuộc tập kích chiến lược bằng B.52 của Mỹ và đề nghị họp chuyên viên vào ngày 23 tháng 12. Ngày 23 tháng 12, chuyên viên hai đoàn họp lại. Trong cuộc họp, ta lại kịch liệt lên án Mỹ ném bom Hà Nội, Hải Phòng, tuyên bố hoãn họp mà không định ngày họp lại. Ngày 22-12-1972, Mỹ gửi công hàm cho ta đề nghị Kítxinhgiơ và Lê Đức Thọ họp vào ngày 03-01-1973, và hứa chấm dứt ném bom vào ngày 31-12-1972. Ngày 26 tháng 12, ta gửi công hàm cho Mỹ kịch liệt tố cáo những tội ác man rợ của Mỹ do trận tập kích chiến lược trên không bằng B.52 gây ra, đòi Mỹ trở lại tình hình trước ngày 18-12-1972. Ta đề nghị cuộc gặp Kítxinhgiơ - Lê Đức Thọ tổ chức vào ngày 08-01-1973. Ta nhắc lại

cuộc gặp sẽ giải quyết hai vấn đề còn lại trong văn bản hiệp định (khu phi quân sự và cách ký). Ngày 27-12-1972, Mỹ gửi công hàm trả lời đồng ý và đề nghị chuyên viên hai đoàn gặp nhau ngày 02-01-1973. Mỹ cho biết sẽ chấm dứt ném bom và thả mìn phía bắc vĩ tuyến 20, 36 giờ sau khi nhận được công hàm trả lời của ta.

Sau khi nhận được công hàm trả lời của ta đồng ý đề nghị của Mỹ, ngày 29-12-1972, Mỹ công bố chấm dứt ném bom và thả mìn phía bắc vĩ tuyến 20 kể từ 19 giờ (giờ Oasinhtơn) ngày 29-12-1972, tức 7 giờ sáng ngày 30 tháng 12 (giờ Hà Nội).

Ngày 02-01-1973, nhóm chuyên viên của đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do đồng chí Nguyễn Cơ Thạch dẫn đầu và nhóm chuyên viên đoàn Mỹ do Sulivan dẫn đầu đã họp. Từ ngày 02-01-1973 đến trước ngày 08-01-1973, chuyên viên hai đoàn gặp nhau nhiều lần bàn về nghị định thư. Ta đưa ra sáu dự thảo nghị định thư sau đây: Nghị định thư về ngừng bắn; Nghị định thư về Ủy ban liên hợp quân sự hai bên và bốn bên; Nghị định thư về rút quân Mỹ và các nước ngoài thuộc phe Mỹ; Nghị định thư về trao trả tù binh; Nghị định thư về Ủy ban quốc tế giám sát ngừng bắn; Nghị định thư về trách nhiệm của Mỹ hàn gắn vết thương chiến tranh. Phía Mỹ tán thành năm Nghị định thư, không đồng ý Nghị định thư về trách nhiệm của Mỹ hàn gắn vết thương chiến tranh. Đến ngày 08-01-1973, hai bên chưa thỏa thuận được về bất cứ một nghị định thư nào.

III. ĐỢT GẶP RIÊNG CẤP CAO TỪ NGÀY 08 ĐẾN 13-01-1973

1. Cuộc gặp riêng ngày 08-01-1973

Từ tháng 12-1972, hai bên thỏa thuận những cuộc gặp riêng lần lượt diễn ra ở địa điểm do ta bố trí và ở địa điểm do Mỹ bố trí. Cuộc gặp riêng ngày 08-01-1973 diễn ra ở Gípxuya Yvét (Gift sur Yvette), tại một biệt thự ở ngoại ô Pari của Đảng Cộng sản Pháp cho ta mượn.

Trong các cuộc gặp riêng trước đây, lễ tân vẫn ra đón Kítxinhgiơ và đoàn Mỹ ngay từ ngoài cổng và đưa họ vào phòng họp. Lần này để tỏ thái độ phẫn nộ của ta trước những hành động chiến tranh tàn bạo của chính quyền Níchxơn, lễ tân không ra đón đoàn Mỹ. Kítxinhgiơ và đoàn Mỹ đi qua cổng, bước vào sân rồi đẩy cửa bước vào phòng họp. Lúc đó, đồng chí Lê Đức Thọ, đồng chí Xuân Thủy và đoàn ta mới gặp họ. Mở đầu cuộc họp, đồng chí Lê Đức Thọ nói đại ý: Hành động của Mỹ là rất trắng trợn và thô bạo. Mỹ tưởng rằng như vậy sẽ khuất phục được chúng tôi. Các ông đã lầm. Các ông phải hiểu rằng chúng tôi đã trải qua tù đày, bị tra tấn, chém giết dưới ách đế quốc và phong kiến nhưng chúng tôi không chịu khuất phục. Bom đạn Mỹ ném trên đất nước chúng tôi nhiều không kể xiết, nhân dân chúng tôi không hề khiếp sợ. Vậy thì mục đích của các ông là khuất phục và ép chúng tôi là vô ích. Trái lại các ông đã bị quân và dân chúng tôi kiên quyết đánh trả quyết liệt. Các ông

đã thất bại thảm hại. Trên 10 năm nay, chưa bao giờ chúng tôi bắn rơi nhiều máy bay, giết và bắt sống nhiều phi công Mỹ đến thế trong vòng chỉ hơn 10 ngày. Các ông đã làm danh dự nước Mỹ bị hoen ố. Nhân dân thế giới đã phản đối hết sức kịch liệt những hành động rất dã man và vô nhân đạo của các ông. Các chính phủ, các nhân vật, các nhà báo và dư luận đã phê phán những hành động của các ông là điên cuồng.

Các ông cần rút ra những kết luận cần thiết và chấm dứt những hành động cực kỳ vô nhân đạo đó đối với nhân dân chúng tôi. Chúng ta đang đi đến gần một sự thỏa thuận thì cần phải đi vào đàm phán nghiêm chỉnh. Bây giờ nếu các ông muốn giải quyết hòa bình thì chúng tôi sẽ giải quyết hòa bình. Nếu các ông tiếp tục chiến tranh thì chúng tôi tiếp tục đánh. Các ông muốn giải quyết nhanh chóng thì chúng tôi sẵn sàng giải quyết nhanh chóng. Nếu các ông muốn kéo dài thì chúng tôi cũng kéo dài. Các ông muốn làm cách nào thì chúng tôi cũng sẵn sàng đáp ứng. Bây giờ đến lúc tùy thuộc vào các ông. Có thể nói là chúng tôi đã cố gắng rất lớn, cho nên bây giờ có giải quyết được vấn đề hay không là trách nhiệm ở phía các ông. Chúng tôi một lần nữa kết luận rằng những hành động của các ông vừa qua là bội tín những lời mà ông đã hứa. Ông nói nhiều lần trong các cuộc đàm phán rằng chúng ta phải tự tạo lấy sự tin cậy, sự hiểu biết nhưng ngay sau đó ông lại làm cho sự tin cậy đó không còn giá trị gì. Có lúc,

đồng chí Lê Đức Thọ vừa nói vừa cầm bút chỉ về hướng Kítxinhgiơ.

Kítxinhgiơ chống đỡ yếu ớt trước lời tố cáo mạnh mẽ của ta và đánh trống lảng bằng cách nói rằng ông ta đến họp mà không chuẩn bị sẵn một lời tuyên bố nào cả, vì không muốn để mất thời gian vào việc hai bên tố cáo lẫn nhau. Kítxinhgiơ nói có hai khả năng: Khả năng thứ nhất là giải quyết nhanh chóng; khả năng thứ hai là tiếp tục chiến tranh. Đến giờ, số vấn đề còn tồn tại đã giảm xuống đến con số rất nhỏ. Kítxinhgiơ hy vọng khi kết thúc đợt họp này sẽ đem lại hòa bình ở Việt Nam và Đông Dương.

Trong cuộc gặp ngày 08-01-1973, Kítxinhgiơ đưa ra đề nghị xem xét lại Điều 1 của văn bản hiệp định đã thỏa thuận. Ta kịch liệt phản đối và nhấn mạnh hai bên đã thỏa thuận chỉ còn hai vấn đề trong văn bản hiệp định (vấn đề khu phi quân sự và vấn đề cách ký). Ta vạch rõ đề nghị của Mỹ là trái với sự thỏa thuận ngày 13-12-1972 và trái với các công hàm mà hai bên trao đổi vào những ngày cuối tháng 12-1972. Cuộc tranh luận kéo dài hai giờ rưỡi về vấn đề thủ tục. Cuộc thảo luận trên hai vấn đề còn tồn tại của văn bản hiệp định kéo dài hơn một giờ.

Về cách ký, ta nhắc lại chủ trương của ta là Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ ký vào một văn bản và bốn bên ký vào một văn bản có ghi tên cả bốn chính phủ.

Kítxinhgiơ nêu ra ba khả năng: *Khả năng thứ nhất* là chỉ có Mỹ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ký như công thức tháng 10-1972. *Khả năng thứ hai* là cả bốn bên cùng ký. Trong trường hợp này thì không thể có tên Chính phủ Cách mạng lâm thời hoặc tên chính phủ Việt Nam cộng hòa (chính quyền Sài Gòn) ở bất cứ chỗ nào trong văn bản và cũng không thể có chức vụ ở trong mục ký kết. *Khả năng thứ ba* là Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ ký toàn văn bản. Văn bản này ghi tên Chính phủ Cách mạng lâm thời và chính phủ Việt Nam cộng hòa trong lời mở đầu. Chính phủ Cách mạng lâm thời và chính phủ Việt Nam cộng hòa sẽ ký vào một văn bản của hiệp định mà không có lời mở đầu nào cả, nhưng văn bản hiệp định đó có tất cả điều khoản của hiệp định. Chính phủ Cách mạng lâm thời và chính phủ Việt Nam cộng hòa mỗi bên ký một văn bản riêng biệt. *Khả năng thứ ba* do Kítxinhgiơ nêu lên là bước mở đầu của việc đi tới thỏa thuận về cách ký trong phiên họp sau.

Ta đòi ký hai bên và bốn bên theo như đề nghị của ta ngày 12 và 13-12-1972.

Về vấn đề khu phi quân sự hai bên vẫn giữ quan điểm như trong đợt gặp riêng tháng 12-1972.

Tóm lại, trong cuộc gặp riêng ngày 08-01-1993, hai bên căn bản vẫn giữ lập trường, quan điểm đã phát biểu trong tháng 12-1972. Tuy nhiên, hai bên đều dụng ý để ngỏ cửa cho những sự thỏa thuận sau này.

2. Cuộc gặp riêng ngày 09-01-1973

Do sự chủ động của đoàn ta, cuộc gặp ngày 09-01-1973 có chuyển biến tốt, mở đường đi đến giải quyết hòa bình vấn đề Việt Nam. Hai bên đều ngả bài trên hai vấn đề lớn còn tồn tại là vấn đề khu phi quân sự và cách ký. Sau này, Kítxinhgiơ nhận định cuộc đàm phán đã có bước đột phá, đã trở lại phong thái và sự nghiêm chỉnh như tháng 10-1972.

Mở đầu phiên họp, lãnh đạo đoàn ta nói đàm phán tất nhiên phải có những sự nhân nhượng lẫn nhau, có đi, có lại mới giải quyết được. Nếu mỗi bên cứ giữ ý kiến của mình thì tất nhiên sẽ không bao giờ giải quyết được. Kítxinhgiơ đồng ý với cách đặt vấn đề như vậy.

Về vấn đề khu phi quân sự, ta đồng ý ghi vấn đề thể thức đi lại của nhân dân qua giới tuyến quân sự tạm thời. Kítxinhgiơ đề nghị thay từ "nhân dân" bằng từ "dân sự". Ông ta còn đề nghị đưa thêm một đoạn dài nữa như sau: "Thể thức của dân sự qua lại giới tuyến quân sự tạm thời phù hợp với tính chất đặc biệt của khu phi quân sự và với các điều khoản của hiệp định này và các nghị định thư kèm theo hiệp định này". Ta đề nghị bỏ đoạn "phù hợp với tính chất đặc biệt của khu phi quân sự và với các điều khoản của hiệp định này". Kítxinhgiơ mặc cả nếu ta chấp nhận từ "dân sự" thay cho từ "nhân dân", thì Mỹ đồng ý bỏ đoạn theo đề nghị của ta. Kítxinhgiơ còn đề nghị thay dấu chấm phẩy (;)

trước từ "trong" bằng dấu chấm (.) trong câu sau đây: Miền Bắc và miền Nam Việt Nam sẽ sớm bắt đầu thương lượng nhằm lập lại quan hệ bình thường về nhiều mặt; trong các vấn đề sẽ được thương lượng có vấn đề thể thức đi lại dân sự qua giới tuyến quân sự tạm thời. Ta chấp nhận đề nghị của Kítxinhgiơ. Sau khi nhất trí về khu phi quân sự, Kítxinhgiơ thừa nhận chỉ còn một vấn đề tồn tại. Ông ta nói bây giờ đã đi đến đoạn đường cuối cùng của hiệp định vì thực chất hai đoàn đã thỏa thuận với nhau về hầu hết mọi vấn đề. Chỉ còn lại vấn đề về cách ký mà thôi.

Về cách ký, Kítxinhgiơ nói phía Mỹ sẵn sàng ký kết một hiệp định có ghi rõ tên Chính phủ Cách mạng lâm thời. Kítxinhgiơ còn nói, nếu cần gây áp lực với Sài Gòn thì Mỹ cũng sẵn sàng làm. Ta kiên quyết đòi ký hai bên và bốn bên. Ta đưa ra đề nghị sau đây: Mỹ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẽ ký hiệp định có nêu tên bốn chính phủ trong lời mở đầu và tên bốn chính phủ trong Điều 23, Chính phủ Cách mạng lâm thời và chính phủ Việt Nam cộng hòa ký hai văn kiện riêng có tên của bốn chính phủ.

Kítxinhgiơ đề nghị trong văn bản do Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ ký thì có tên Chính phủ Cách mạng lâm thời trong lời nói đầu và trong Điều 23. Còn trong văn bản do chính phủ Việt Nam cộng hòa ký hoặc do Chính phủ Cách mạng lâm thời thời ký thì không nêu tên các chính phủ nữa. Sau khi thảo luận hằng giờ,

lãnh đạo đoàn ta đưa ra một đề nghị mới: Trong văn bản do Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ ký, có ghi tên bốn chính phủ ở lời mở đầu và Điều 23. Còn về văn bản do bốn bên ký, ta đề nghị không để tên chính phủ nào cả, cụ thể là trong lời mở đầu ghi rõ bốn bên tham gia Hội nghị Pari về Việt Nam và khi ký thì ghi rõ chức vụ và tên của bốn Bộ trưởng Ngoại giao.

Kítxinhgiơ rất quan tâm đến đề nghị này và đề nghị giải thích thêm cho rõ. Kítxinhgiơ hỏi có bắt buộc phải ký ở cùng một nơi không. Ta trả lời bốn bên ký trong cùng một phòng. Kítxinhgiơ hứa sẽ nghiên cứu thêm đề nghị của ta và đề nghị thảo luận lại vấn đề này trong cuộc gặp riêng ngày 10-01-1973. Nhưng rõ ràng là Kítxinhgiơ đã thỏa mãn với đề nghị của ta. Ông ta đề nghị Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nghiên cứu nghi lễ của việc ký, còn Mỹ sẽ nghiên cứu kỹ thuật ký. Lãnh đạo đoàn ta nhận định cuộc thảo luận có tiến bộ nhiều, Kítxinhgiơ đồng ý với nhận định đó và nói thêm: "Chúng ta đã hoàn thành văn bản hiệp định".

Trong cuộc gặp riêng ngày 09 tháng 01, hai bên còn thảo luận và nhất trí được một số vấn đề. Kítxinhgiơ đề nghị nếu ta đồng ý ghi từ "phá hủy" trong câu sau đây: "hai bên miền Nam Việt Nam được phép từng thời gian thay thế vũ khí đạn dược, dụng cụ chiến tranh đã bị *phá hủy,* hư hỏng, hao mòn hoặc dùng hết từ sau khi ngừng bắn, v.v." thì, Mỹ sẽ đồng ý để lại từ *phải* trong Điều 20 (a) nói về nhiệm vụ của các bên tham gia

Hội nghị Pari về Việt Nam *phải* triệt để tôn trọng Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương và Hiệp định Giơnevơ năm 1962 về Lào. Ta đồng ý với đề nghị đó của Mỹ. Hai bên cũng nhất trí thông qua thỏa thuận về chấm dứt trinh sát bằng máy bay Mỹ kể từ khi hiệp định có hiệu lực. Hai bên tiếp tục thảo luận về một số thỏa thuận khác như thỏa thuận về tàu sân bay Mỹ, thỏa thuận về nhân viên dân sự Mỹ có liên quan đến quân sự, thỏa thuận về dân sự bị bắt ở miền Nam Việt Nam v.v.. Cuộc thảo luận có tiến bộ nhưng chưa dứt điểm.

Trong hai ngày 08 và 09-01-1973, chuyên viên của hai đoàn tiếp tục bàn về nghị định thư.

Không khí trong cuộc gặp riêng ngày 09-01-1973 là hòa dịu, đôi khi bên này, bên kia còn pha trò vui.

3. Cuộc gặp riêng ngày 10-01-1973

Trong cuộc gặp riêng ngày 10-01-1973, vấn đề nổi cộm lên là vấn đề ngừng bắn ở Campuchia. Kítxinhgiơ khăng khăng đòi thực hiện ngừng bắn trên toàn Đông Dương. Ta chỉ nói chung chung rằng khi chiến tranh ở Việt Nam đã chấm dứt, hòa bình được lập lại ở Lào, thì ta sẽ tích cực góp phần vào việc lập lại hòa bình ở Campuchia.

Kítxinhgiơ không thỏa mãn với giải thích của chúng ta, và để lộ ý đồ xấu của Mỹ khi nói: "Nếu trên thực tế một khi có hòa bình ở Việt Nam và ở Lào mà chiến tranh vẫn tiếp tục ở Campuchia thì chúng tôi thấy là chúng tôi khó mà thực hiện đúng đắn các điều khoản

khác về hiệp định". Ta phê phán luận điệu sai trái đó của Kítxinhgiơ và vạch rõ rằng đây là hiệp định chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, cho nên Kítxinhgiơ nói như vậy là không đúng; khi đã ký kết với nhau thì phải thi hành nghiêm chỉnh.

Cuộc đàm phán về ngừng bắn ở Campuchia kéo dài hơn một giờ mà không đi đến kết quả, sau đó, hai bên chuyển sang trao đổi ý kiến về một số hiểu biết và về vấn đề nhân viên dân sự Mỹ liên quan đến quân sự. Mỹ đưa ra đề nghị rút phần lớn trong 12 tháng. Số còn lại rút hết trong 15 tháng. Ta đề nghị rút trong 6 tháng, sau đó ta nâng lên 8 tháng và 10 tháng. Kítxinhgiơ đề nghị ngày 11 sẽ bàn tiếp vấn đề này.

Về vấn đề tù chính trị ở miền Nam Việt Nam, Kítxinhgiơ đề nghị trao trả đa số trong vòng 60 ngày, nhưng lại kèm theo nhiều điều kiện như mức độ của việc bố trí lại lực lượng vũ trang thuộc quyền chỉ huy của Chính phủ Cách mạng lâm thời và mức độ tiến bộ của việc phục viên lực lượng vũ trang ở miền Nam Việt Nam. Ta kịch liệt phản đối và bác bỏ đề nghị đó của Mỹ. Kítxinhgiơ phải rút những điều kiện này. Kítxinhgiơ hứa trong ngày 11 tháng 01 sẽ đưa ra một đề nghị mới về dân sự bị bắt ở miền Nam.

Thảo luận vấn đề về tàu sân bay, ta tiếp tục đòi các tàu sân bay Mỹ phải đậu cách xa bờ biển Việt Nam 300 hải lý trừ trường hợp quá cảnh. Sau khi tranh luận nửa giờ về vấn đề này phía Mỹ đề nghị sẽ nghiên cứu thêm.

Trong cuộc họp ngày 10-01-1973, Kítxinhgiơ đề nghị một lịch công tác như sau: Ký tắt hiệp định ở Pari ngày 22 tháng 01. Ký chính thức ở Pari ngày 25 hoặc 26 tháng 01. Nếu đi Hà Nội thì ký tắt ở Hà Nội ngày 25 hoặc 26 và ký chính thức hiệp định hai, ba ngày sau đó. Ngày 15-01-1973 sẽ chấm dứt ném bom và thả mìn ở toàn miền Bắc Việt Nam. Vào gần cuối cuộc họp ngày 10-01-1973, Kítxinhgiơ cho biết dự định của ông ta sau khi ký hiệp định một tuần sẽ đi Hà Nội. Kítxinhgiơ đề nghị giữ sự tiếp xúc giữa hai bên để bảo đảm thi hành đúng hiệp định và để thảo luận việc bình thường hóa quan hệ giữa Mỹ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Trong hai ngày 09 và 10-01-1973, cuộc họp chuyên viên hai đoàn tiến hành song song với cuộc gặp riêng cấp cao. Cuộc họp của chuyên viên bàn về các nghị định thư. Hai bên nhất trí rút lại còn bốn nghị định là: Nghị định thư về ngừng bắn, rút quân và Ủy ban liên hợp hai bên và bốn bên; Nghị định thư về Ủy ban quốc tế; Nghị định thư về trao trả tù binh; Nghị định thư về gỡ mìn. Phía Mỹ không đồng ý có nghị định thư về bồi thường. Phía Mỹ đề nghị thay thế bằng một công hàm.

4. Cuộc họp riêng cấp cao ngày 11-01-1973

Vấn đề đầu tiên thảo luận trong cuộc họp riêng ngày 11 là tiếp tục bàn về cách ký hiệp định. Kítxinhgiơ nói phía Mỹ đồng ý ký hai bên rồi ký bốn bên. Về cách ký bốn bên, Mỹ đề nghị mỗi bên trong bốn bên ký trong

một tờ giấy riêng biệt, nhưng bốn tờ giấy riêng biệt đó là những bộ phận cấu thành của một văn kiện chung. Có ghi chức vụ người ký và ký cùng một nghi lễ. Kítxinhgiơ đề nghị ký tại Trung tâm Hội nghị quốc tế ở phố Kléber, nơi họp của cuộc đàm phán công khai về Việt Nam từ tháng 5-1968. Lãnh đạo đoàn ta phát biểu về vấn đề ký kết như sau: Về văn bản hiệp định do Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ ký, ta chủ trương trong lời mở đầu hiệp định viết: Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với sự thỏa thuận của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Chính phủ Hoa Kỳ với sự thỏa thuận của chính phủ Việt Nam cộng hòa. Điều 23 của hiệp định, ta đề nghị ghi rõ như sau: Văn bản hiệp định này do Bộ trưởng Ngoại giao Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Bộ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ ký và văn bản hiệp định cùng nội dung như văn bản hiệp định này do Bộ trưởng Ngoại giao Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Bộ trưởng Ngoại giao Chính phủ Hoa Kỳ, Bộ trưởng Ngoại giao Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam cộng hòa ký cùng ngày hợp thành một hiệp định quốc tế lấy tên là *"Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Việt Nam"*. Hiệp định quốc tế này bắt đầu có hiệu lực kể từ khi hai văn bản hiệp định nói trên được ký kết. Tất cả các bên có liên quan sẽ thi hành triệt để hiệp định quốc tế này và các nghị định thư kèm theo.

Kítxinhgiơ đồng ý với cách viết của ta về lời mở đầu hiệp định do hai bên ký. Về Điều 23, Kítxinhgiơ đề nghị thay cụm từ *Bộ trưởng Ngoại giao* bằng cụm từ *người đại diện,* vin lý do là không thể bắt buộc Sài Gòn phải cử Bộ trưởng Ngoại giao đến ký. Ta yêu cầu là trong văn bản do Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ ký thì phải ghi là Bộ trưởng Ngoại giao. Ta cũng đòi văn bản hiệp định do bốn bên ký cũng phải ghi rõ Bộ trưởng Ngoại giao của mỗi bên. Kítxinhgiơ không chịu ghi như vậy. Sau khi trao đổi ý kiến qua lại nhiều lần ta đưa ra đề nghị mới như sau: trong văn kiện do hai bên ký ghi rõ bốn Bộ trưởng Ngoại giao, còn trong văn bản hiệp định do bốn bên ký thì không ghi tên Bộ trưởng Ngoại giao mà ghi do *đại diện* của bốn bên tham gia Hội nghị Pari ký. Phía Mỹ đồng ý với đề nghị của ta. Hai bên nhất trí hai lễ ký hiệp định đều làm ở Kléber trong cùng một ngày.

Sau khi thỏa thuận về cách ký, hai bên tiếp tục bàn về các thỏa thuận không chính thức.

Bàn về vấn đề nhân viên dân sự Mỹ liên quan đến quân sự, hai bên nhất trí là rút đại bộ phận nhân viên dân sự liên quan đến quân sự trong vòng 10 tháng, số còn lại sẽ rút hết trong vòng 12 tháng.

Về vấn đề thả tù chính trị ở miền Nam, Mỹ đưa ra đề nghị thả phần lớn tù chính trị trong 60 ngày, số còn lại thả hết trong vòng 90 ngày. Ta đồng ý.

Đối với vấn đề ngừng bắn ở Lào, sau khi tham khảo và được sự thỏa thuận của các bạn Lào, ta thỏa thuận là

ngừng bắn ở Lào sẽ có hiệu lực 15 ngày sau khi ngừng bắn ở Việt Nam (trên thực tế ngừng bắn ở Lào có hiệu lực ngày 15-02-1973).

Phía Mỹ cố ép ta đồng ý về một thỏa thuận liên quan đến ngừng bắn ở Campuchia. Ta nói đây là vấn đề thuộc chủ quyền của Campuchia. Kítxinhgiơ bộc lộ ý đồ xấu khi nói: "... Nếu chiến tranh ở Campuchia tiếp tục sau khi chiến tranh đã chấm dứt ở Việt Nam và ở Lào thì điều đó sẽ ảnh hưởng không tốt tới quan hệ giữa Mỹ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa... Chắc chắn Mỹ phải có những hoạt động quân sự ở Campuchia". Ta phê phán ý đồ xấu đó của Mỹ.

Thảo luận về thỏa thuận liên quan đến tàu sân bay Mỹ, Kítxinhgiơ đưa ra một thỏa thuận viết và hai thỏa thuận miệng. Trong thỏa thuận viết, phía Mỹ đề nghị sau khi rút lực lượng vũ trang của Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam, Mỹ có ý định đưa các tàu sân bay đậu cách xa bờ biển Bắc Việt Nam ít nhất 300 hải lý. Về thỏa thuận miệng, Kítxinhgiơ nói sẽ không đóng các tàu sân bay của Mỹ cách bờ biển Nam Việt Nam gần hơn 100 hải lý. Thỏa thuận miệng thứ hai của Mỹ là sau khi Mỹ ký kết hiệp định thì Mỹ sẽ di chuyển các tàu sân bay của Mỹ ra khỏi Vịnh Bắc Bộ. Hai bên thỏa thuận không công bố các thỏa thuận. Sau giờ nghỉ giải lao buổi sáng, Kítxinhgiơ nói trong phiên họp buổi sáng hai bên đã làm xong hiệp định và các thỏa thuận. Ông ta đề nghị trong lễ ký bốn bên có hai trang ký kết; một

trang là Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam ký, còn trang kia là Chính phủ Hoa Kỳ và chính phủ Việt Nam cộng hòa ký.

Gần cuối giờ, lãnh đạo hai đoàn nghe chuyên viên hai đoàn thông báo về thảo luận các nghị định thư. Phía Mỹ nêu những lý do để không chấp nhận có nghị định thư về đóng góp của Mỹ trong việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam. Lý do thứ nhất là việc đóng góp hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam chưa được Quốc hội Mỹ thông qua, lý do thứ hai là Mỹ không thể nào ký kết một văn bản mang tính chất bồi thường.

Ngày 11-01-1973, phiên họp công khai thứ 173 của Hội nghị Pari về Việt Nam vẫn tiến hành như thường lệ tại phố Kléber. Trong phiên này, đồng chí Đinh Bá Thi (Phó Trưởng đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời) và đồng chí Nguyễn Minh Vỹ (Phó Trưởng đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa) đã lên án chính quyền Sài Gòn và Mỹ tiếp tục chiến tranh Việt Nam.

5. Cuộc gặp riêng cấp cao ngày 12-01-1973

Hai bên nhất trí về thỏa thuận liên quan đến tàu sân bay như đã trao đổi trong ngày 11 tháng 01. Hai bên cùng thỏa thuận nhanh nghị định thư nói về ngừng bắn, về Ủy ban liên hợp quân sự hai bên và bốn bên. Kítxinhgiơ cố nài là phải nêu rõ vị trí đóng quân, phiên

hiệu đơn vị quân đội của hai bên miền Nam Việt Nam sau khi ngừng bắn. Ý đồ của Mỹ là nhằm buộc ta phải bộc lộ lực lượng. Ta không đồng ý với đề nghị của phía Mỹ và nói hiệp định đã nói rõ về việc quy định vùng kiểm soát và quy định về thể thức trú quân, do đó không cần phải nói thêm gì nữa. Cuối cùng Kítxinhgiơ phải rút ý kiến.

Hai bên trao đổi ý kiến về Ủy ban quốc tế kiểm soát và giám sát ngừng bắn. Đầu tiên phía Mỹ đưa ra số nhân viên của Ủy ban là 5.000-6.000 người sau rút còn 2.000 người. Về phía ta, đầu tiên ta đưa ra con số 300-400 người, sau nâng lên 500 rồi 600 người. Cuối cùng, hai bên thỏa thuận Ủy ban quốc tế sẽ gồm 1.160 người.

Về số lượng nhân viên của Ủy ban liên hợp quân sự bốn bên, đầu tiên ta đưa con số 4.000 người, sau cùng hai bên thỏa thuận con số 3.300 người.

Vấn đề nổi bật nhất trong cuộc gặp riêng ngày 12-01-1973 là vấn đề trách nhiệm của Mỹ trong việc hàn gắn vết thương chiến tranh (Điều 21 của Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam đã ghi rõ vấn đề này). Ta đòi Mỹ phải đền bù 5 tỷ đôla Mỹ vì trước đây Kítxinhgiơ đã hứa đền bù 3 tỷ đôla Mỹ. Nay ta nâng lên 5 tỷ đôla Mỹ vì Mỹ gây ra tàn phá rất lớn trong cuộc ném bom, bắn phá hồi tháng 12-1972. Ta đòi có một nghị định thư về vấn đề hàn gắn vết thương chiến tranh do ngoại trưởng hai nước ký đồng thời với việc ký hiệp định. Phía Mỹ khăng khăng không chịu có

nghị định thư về hàn gắn vết thương chiến tranh. Họ nói là sẽ ra một tuyên bố đơn phương. Kítxinhgiơ đề nghị khi ông ta vào Hà Nội thì sẽ bàn việc thành lập một Ủy ban kinh tế hỗn hợp Việt - Mỹ; sau khi nghiên cứu tình hình, Ủy ban này sẽ đề nghị một khoản tiền cụ thể theo ước tính của Ủy ban. Kítxinhgiơ thề rằng "không lừa Việt Nam trong vấn đề này". Ông ta nói đi nói lại rằng "không còn nghi ngờ gì nữa là Mỹ sẽ đóng góp vào công cuộc xây dựng lại nền kinh tế của Việt Nam, phía Mỹ xin nhắc lại một cách nghiêm chỉnh là Mỹ có ý định sẽ có cố gắng lớn trong việc hàn gắn vết thương chiến tranh", "tôi (Kítxinhgiơ) có thể đảm bảo với ông (Lê Đức Thọ) rằng, kế hoạch xây dựng kinh tế sẽ được tiến hành đầy đủ, một cách thỏa đáng vào một số tháng sau khi ký hiệp định". Có lúc Kítxinhgiơ gắn vấn đề xây dựng lại kinh tế với vấn đề ổn định trong tương lai của Đông Dương.

Trong cuộc gặp riêng ngày 12-01-1973, hai bên xác định lại rằng sẽ ký tắt hiệp định và các nghị định thư ngày 23-01-1973 và ký chính thức hiệp định vào ngày 27-01-1973.

6. Cuộc gặp riêng cấp cao ngày 13-01-1973

Cuộc họp do Mỹ bố trí địa điểm tại Xanh Nông La Brơtétsơ. Trong cuộc họp riêng này, hai bên đã nhất trí về văn bản hiệp định. Hai bên cũng nhất trí thông qua các thỏa thuận, nhất trí về những nguyên tắc cơ bản

của các nghị định thư. Hai bên nhất trí về lịch hoạt động: ngày 15-01-1973, sẽ chấm dứt ném bom và thả mìn miền Bắc kể từ 8 giờ sáng, giờ Oasinhtơn (tức 8 giờ tối, giờ Hà Nội); ngày 18 tháng 01, đưa tin đồng chí Lê Đức Thọ và Kítxinhgiơ sẽ gặp nhau ngày 23 tháng 01 để hoàn thành văn bản hiệp định. Ngày 19 tháng 01, hai bên sẽ thông báo cho Chính phủ Pháp biết là hai bên sẽ gặp nhau ở Kléber. Ngày 23 tháng 01, đồng chí Lê Đức Thọ và Kítxinhgiơ sẽ gặp nhau ở Kléber từ 9 giờ 30 phút và sẽ ký tắt vào 12 giờ 30 phút. Ngày 24 tháng 01, hai bên sẽ công bố toàn văn hiệp định bao gồm văn bản do hai bên ký và văn bản do bốn bên ký, đồng thời cũng công bố các nghị định thư. Ngày 27 tháng 01, sẽ tiến hành lễ ký chính thức tại Trung tâm Hội nghị quốc tế ở Kléber. Buổi sáng 27 sẽ tiến hành lễ ký của bốn bên, buổi chiều sẽ tiến hành lễ ký của hai bên. Hai nghi lễ tiến hành long trọng như nhau. Kể từ 0 giờ (giờ GMT) ngày 28 tháng 01 sẽ thực hiện ngừng bắn trên toàn miền Nam Việt Nam.

Trong cuộc gặp ngày 13 tháng 01, hai bên tiếp tục bàn về trách nhiệm của Mỹ trong việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam. Kítxinhgiơ hứa ngày 30 tháng 01 Mỹ sẽ trao cho ta một công hàm, trong đó đề cập những nguyên tắc sau đây:

a) Mỹ cam kết đóng góp vào việc xây dựng kinh tế ở Việt Nam không kèm theo điều kiện nào.

b) Mỹ và Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sẽ thành lập Ủy ban kinh tế hỗn hợp.

c) Ủy ban kinh tế hỗn hợp sẽ nắm các yếu tố sau đây:

1. Nhu cầu của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

2. Khả năng tiếp thu viện trợ của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

3. Ngân quỹ do Quốc hội Mỹ duyệt hằng năm.

4. Mỹ hứa sẽ giúp Việt Nam 3 tỷ đôla Mỹ trong năm năm. Con số này có thể được tính lại.

Ngày 23-01-1973, trước khi ký tắt hiệp định ta lại nhấn mạnh trách nhiệm của Mỹ trong việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở Việt Nam.

Như lịch đã dự kiến, 12 giờ 30 phút ngày 23-01-1973, đồng chí Lê Đức Thọ và Kítxinhgiơ đã long trọng ký tắt hiệp định và các nghị định thư.

Sáng 27-01-1973, cũng tại Trung tâm Hội nghị quốc tế Kléber, đồng chí Nguyễn Duy Trinh, Bộ trưởng Ngoại giao Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đồng chí Nguyễn Thị Bình, Bộ trưởng Ngoại giao Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, W. Rôgiơ, Bộ trưởng Ngoại giao Chính phủ Hoa Kỳ, Trần Văn Lắm, Bộ trưởng Ngoại giao Chính phủ Việt Nam Cộng hòa đã ký văn bản hiệp định

Chiều 27 tháng 01, đồng chí Nguyễn Duy Trinh, Bộ trưởng Ngoại giao Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và W. Rôgiơ, Bộ trưởng Ngoại giao Chính phủ Hoa Kỳ đã ký hiệp định và các nghị định thư. Hai lễ

ký kết được tiến hành với sự chứng kiến của đại diện Chính phủ Pháp và đông đảo các nhà báo quốc tế. Sau mỗi lễ ký đều có nâng cốc sâmpanh chúc mừng hòa bình đã được lập lại ở Việt Nam.

Sau khi cuộc đàm phán ở Pari kết thúc, Kítxinhgiơ đã tới Hà Nội từ ngày 10 đến 13-02-1973. Hai bên đã bàn về những vấn đề sau đây:

a) Thi hành hiệp định.

b) Trách nhiệm của Mỹ trong việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở hai miền Việt Nam; quan hệ hai nước.

c) Hội nghị quốc tế về Việt Nam.

d) Lào và Campuchia.

Vấn đề thi hành hiệp định chiếm phần lớn thời gian của cuộc gặp. Mỹ đưa ra một tài liệu thống kê vu cáo ta vi phạm hiệp định. Ta kiên quyết bác bỏ và đưa ra những số liệu cụ thể nêu rõ Mỹ và chính quyền Sài Gòn vi phạm ngừng bắn, lấn chiếm vùng kiểm soát của Chính phủ Cách mạng lâm thời, đàn áp tự do dân chủ trong các vùng do Mỹ - ngụy chiếm đóng.

Về vấn đề hàn gắn vết thương chiến tranh, Mỹ đã nhận ghi viện trợ không hoàn lại là 3.250 triệu đôla Mỹ trong năm năm. Hai bên thỏa thuận thành lập Ủy ban kinh tế hỗn hợp vào ngày 04-3-1973.

Về hội nghị quốc tế, hai bên thỏa thuận là hội nghị sẽ có một văn kiện cuối cùng lấy tên là định ước.

Về vấn đề Lào và Campuchia, Mỹ yêu cầu có ngừng bắn và sớm rút quân nước ngoài ra khỏi Lào và Campuchia.

Sau khi tham khảo ý kiến và được sự thỏa thuận của các bạn Lào, ta bàn với phía Mỹ và hai bên thỏa thuận ngừng bắn ở Lào có hiệu lực từ ngày 15-02-1973. Các bạn Lào cũng đồng ý là trong khoảng 30 ngày sau ngừng bắn ở Lào, hai bên ở Lào sẽ ký hiệp định toàn bộ và lập Chính phủ liên hiệp lâm thời. Theo đề nghị của Xuvana Phuma, quân đội nước ngoài sẽ rút ra khỏi Lào 30 ngày sau khi ký hiệp định toàn bộ ở Lào, còn Neo Lào Hắcxạt đề nghị thời hạn là 90 ngày.

Về vấn đề Campuchia, hai bên không có bất cứ thỏa thuận nào.

Đúng như đã dự kiến, Hội nghị quốc tế về Việt Nam đã họp từ ngày 27 tháng 02 đến ngày 02-3-1973 gồm đại diện 12 chính phủ là Canađa, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Hoa Kỳ, Pháp, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Hunggari, Inđônêxia, Ba Lan, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Anh, Việt Nam cộng hòa, Liên Xô. Tổng thư ký Liên hợp quốc dự với tư cách là khách mời. Hội nghị quốc tế đã thông qua một văn kiện gọi là định ước, trịnh trọng ghi nhận, tuyên bố tán thành và ủng hộ Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam và bốn nghị định thư của hiệp định. Các bên ký định ước trịnh trọng công nhận và triệt để tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam.

Chương XII

NHÌN LẠI CUỘC ĐÀM PHÁN PARI VỀ VIỆT NAM

Cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam ta cũng như cuộc đàm phán Pari về Việt Nam từ năm 1968 đến 1973 là trung tâm chú ý của dư luận thế giới, vì cuộc đấu tranh chính trị, quân sự, ngoại giao giữa Việt Nam và Mỹ là tụ điểm của những mâu thuẫn cơ bản của thời đại. Việc ký kết Hiệp định Pari nhằm chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam là sự cởi nút cho cuộc chiến tranh ác liệt nhất kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai, cho nên nhận được sự quan tâm chú ý đặc biệt của toàn thế giới.

Tính đến ngày 27-01-1973, Hội nghị đã họp 174 phiên công khai, 24 đợt gặp riêng bí mật ở cấp cao. Đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã tổ chức khoảng 250 cuộc họp báo. Nếu tính cả đoàn Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (sau này là Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam) thì

có đến gần 500 cuộc họp báo của cả hai đoàn. Hai đoàn đã trả lời phỏng vấn của các nhà báo gần 1.000 lần.

Với việc ký kết hiệp định, cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã giành thắng lợi vẻ vang. Đó là thắng lợi rất to lớn của một trong những cuộc kháng chiến oanh liệt nhất trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta chống lại kẻ thù mạnh nhất của phe đế quốc và phản động quốc tế. Đó là thắng lợi rực rỡ của tình đoàn kết dân tộc từ Bắc chí Nam, của tình đoàn kết quân dân rắn như thép, vững như đồng dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu. Đó là thắng lợi vĩ đại của sự đoàn kết ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia mấy chục năm kề vai, sát cánh chống kẻ thù chung.

Việc ký Hiệp định Pari có ý nghĩa thời đại vì đó là thắng lợi to lớn của các nước xã hội chủ nghĩa, của phong trào đấu tranh giành và củng cố độc lập dân tộc, dân chủ và hòa bình của nhân dân trên toàn thế giới, trong đó có nhân dân tiến bộ Mỹ đã dành cho nhân dân Việt Nam sự ủng hộ to lớn và quý báu.

Theo Hiệp định Pari, các nghị định thư, các thỏa thuận, công hàm của Tổng thống Mỹ Níchxơn gửi Thủ tướng Phạm Văn Đồng ngày 30-01-1973 về việc Mỹ cam kết viện trợ không hoàn lại 3,25 tỷ đôla Mỹ, chúng ta đạt được bốn yêu cầu chính là: Mỹ phải tôn trọng độc lập, thống nhất của Việt Nam; Mỹ phải chấm dứt xâm lược Việt Nam; Mỹ phải thừa nhận ở miền Nam Việt Nam

có hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát; Mỹ phải đóng góp vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh ở hai miền Việt Nam.

Các yêu cầu chính kể trên thể hiện tư tưởng chiến lược kiên định, sách lược mềm dẻo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Chính phủ ta là, trong cuộc chiến đấu chống một kẻ thù mạnh hơn ta gấp bội, ta phải biết đánh đổ địch từng bộ phận, giành thắng lợi từng bước, tạo điều kiện thuận lợi tiến lên đánh đổ địch toàn diện, giành thắng lợi hoàn toàn.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào. Vận dụng lời dạy đó của Người vào đàm phán, ta đã đưa ra phương án thích hợp không đòi đồng thời giải quyết hai yêu cầu Mỹ cút và ngụy nhào, mà tập trung đòi Mỹ cút trước, nhờ vậy làm cho đàm phán chuyển nhanh từ tháng 10-1972.

Kinh nghiệm của bản thân chúng ta qua Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương cũng như kinh nghiệm quốc tế cho thấy rõ dù đã ký kết, nhưng vẫn phải cảnh giác với đế quốc Mỹ, cũng như các đế quốc khác. Thực tế cho thấy rõ Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn đã phá hiệp định ngay từ khi hiệp định chưa ráo mực. Một thí dụ cụ thể: Từ ngày 26-01-1973 đến 26-02-1973, phía Mỹ và ngụy quyền Sài Gòn đã vi phạm hiệp định 23.560 vụ.

Kítxinhgiơ đã nói toạc ra ý đồ của Mỹ là "kiên quyết thực hiện mọi biện pháp để tăng cường an ninh

và thịnh vượng của chính quyền Sài Gòn, để làm cho chính quyền Sài Gòn đứng vững và thắng lợi trong bất cứ cuộc đấu tranh chính trị nào".

Một bằng chứng khác thể hiện sự lật lọng của chính quyền Mỹ là họ đã lẩn tránh việc thực hiện cam kết hàn gắn vết thương chiến tranh.

Nhìn lại, chúng ta thấy Hiệp định Pari không giải quyết được mọi vấn đề, nhưng như lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta và Chính phủ ta ngày 27-01-1973 đã nhận định, những thắng lợi đàm phán ở Pari là cơ sở để nhân dân ta tiếp tục tiến lên giành những thắng lợi mới nhằm hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước. Lời kêu gọi cũng nêu rõ cuộc đấu tranh của nhân dân ta ở miền Nam còn phải vượt qua nhiều khó khăn gian khổ. Những thế lực quân phiệt, phát xít, công cụ của chủ nghĩa thực dân mới, đi ngược lại nguyện vọng của dân tộc ta, vẫn chưa chịu từ bỏ những âm mưu phá hoại hiệp định, ngăn trở con đường độc lập, tự do của dân tộc ta. Lời kêu gọi nêu lên nhiệm vụ trước mắt của hai miền Nam Bắc là tăng cường đoàn kết, luôn luôn nâng cao cảnh giác, ra sức phấn đấu để củng cố thắng lợi đã giành được, hoàn thành độc lập, dân chủ ở miền Nam, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc.

Lời kêu gọi của Đảng và Chính phủ ngày 27-01-1973 là văn kiện rất quan trọng chỉ đạo tư tưởng và hành động của quân và dân cả nước ta, nhờ đó mới có cuộc

tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, nhờ đó mới có chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử dẫn đến chiến thắng huy hoàng ngày 30-4-1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Một số đặc điểm của cuộc đàm phán Pari về Việt Nam

Trong cuộc đấu tranh giữ nước và cứu nước suốt hàng chục thế kỷ, cha ông ta có truyền thống kết hợp chặt chẽ đấu tranh chính trị, quân sự với đấu tranh ngoại giao. Từ khi thành lập chế độ mới sau Cách mạng Tháng Tám, đấu tranh ngoại giao chiếm vị trí rất quan trọng. Những sự kiện liên tiếp xảy ra từ tháng 8-1945 đến tháng 12-1946 trên mặt trận ngoại giao đã thể hiện rất rõ điều đó.

Trong cuộc chiến đấu chống đế quốc Mỹ, cứu nước, Đảng và nhân dân ta sớm thấy vai trò quan trọng của đấu tranh ngoại giao. Ngay từ những ngày đầu, tháng đầu, Mỹ chuyển từ Chiến tranh đặc biệt sang Chiến tranh cục bộ, từng bước leo thang chiến tranh phá hoại miền Bắc, ta đã đề ra những điều cơ bản làm cơ sở cho đàm phán, đó là lập trường năm điểm ngày 22-3-1965 của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam và tuyên bố bốn điểm ngày 08-4-1965 của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, như Nghị quyết 12 (tháng 12-1965), Nghị quyết 13 (tháng 01-1967), Nghị quyết 14

(tháng 01-1968) ngày càng nhấn mạnh đến vị trí quan trọng của đấu tranh ngoại giao trong sự nghiệp chống đế quốc Mỹ, cứu nước.

Đánh giá cuộc đấu tranh ngoại giao ở Pari, nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 21 (tháng 10-1973) viết: "Cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao ở Pari kéo dài năm năm, phối hợp chặt chẽ với đấu tranh quân sự và chính trị trong nước, gây ảnh hưởng chính trị rộng lớn trên thế giới, đã kết thúc thắng lợi". Nghị quyết 21 viết tiếp: "Hiệp định Pari đã ghi lại những thắng lợi rất to lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đánh dấu một bước ngoặt trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta".

Cuộc đàm phán ở Pari giữa ta và Mỹ có một số đặc điểm như sau:

1. Cuộc đàm phán diễn ra tại Pari, ở sâu trong lòng thế giới tư bản chủ nghĩa, là trận địa rất quan trọng, có thể nói là trận địa chủ yếu của đấu tranh ngoại giao. Cuộc đàm phán diễn ra ở Pari tạo cho ta một vị trí tiền tiêu để ta tác động mạnh và kịp thời tới dư luận Mỹ và dư luận phương Tây, giải thích lập trường chính nghĩa của ta, phê phán và bóc trần những luận điểm sai trái, phi nghĩa của đối phương.

2. Khác với Hội nghị Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương (các nước lớn trực tiếp đàm phán với nhau, tiếng nói của ta không mạnh), cuộc đàm phán ở Pari là cuộc

đàm phán trực tiếp giữa Việt Nam và Mỹ, không qua trung gian. Ta độc lập, tự chủ quyết định mọi vấn đề trong đàm phán. Trong quá trình đàm phán ta tích cực tranh thủ sự ủng hộ và giúp đỡ của Liên Xô, Trung Quốc, các nước xã hội chủ nghĩa khác, của bạn bè trên thế giới, nhưng tự ta quyết định nội dung đàm phán, hình thức đàm phán, bước đi của đàm phán. Cũng cần chỉ ra rằng Hội nghị Pari về Việt Nam đã diễn ra trong hoàn cảnh mâu thuẫn Xô - Trung rất gay gắt. Mỹ đã lợi dụng tình hình này hòng cô lập ta.

3. Đàm phán ở Pari là cuộc đàm phán dài ngày nhất kể từ khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cuộc đàm phán kéo dài vì những nguyên nhân sau đây:

- Khi hai bên ngồi vào đàm phán, thế ta ngày càng mạnh, thế địch ngày càng yếu, nhưng thế mạnh và thế yếu ấy là tương đối, không phải tuyệt đối.

- Trong khi đàm phán, ta và đối phương vẫn tìm mọi cách làm thay đổi so sánh lực lượng tại chiến trường. Chính quyền Níchxơn buộc phải rút quân từng phần, buộc phải phi Mỹ hóa chiến tranh, thực hiện *Việt Nam hóa chiến tranh.* Nhưng chính quyền Níchxơn lại mở rộng chiến tranh sang Campuchia và Lào, tăng cường đánh phá miền Bắc Việt Nam bằng B.52 và thả mìn ở các cửa biển, cửa sông. Chính quyền Níchxơn âm mưu cô lập ta về ngoại giao, nuôi ảo tưởng dùng thế mạnh để ép ta nhân nhượng trên bàn hội nghị.

Ta đã từng bước làm thất bại chiến lược *Việt Nam hóa chiến tranh.* Cùng với các lực lượng cách mạng ở Lào và Campuchia, ta đã giáng những đòn nặng nề làm thất bại những chiến dịch của đối phương mở rộng chiến tranh sang Campuchia và Lào. Cuối năm 1972, ta đã giáng cho đối phương những đòn chí tử, làm thất bại cuộc tập kích chiến lược bằng B.52 của đế quốc Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng.

Quá trình đàm phán là quá trình ta dần dần mạnh lên. Quá trình đàm phán cũng là quá trình địch đi xuống.

Đàm phán đi đến kết thúc khi đối phương không còn con bài nào nữa và khi ta đưa ra những yêu cầu phải chăng, thể hiện chiến lược và sách lược đánh đổ địch từng bước, giành thắng lợi từng phần.

4. Cuộc đàm phán ở Pari kết hợp nhiều hình thức đấu tranh phong phú, trong đó có những hình thức chính sau đây:

- Đấu tranh trong các phiên họp công khai tại Trung tâm Hội nghị quốc tế ở Kléber (28 phiên họp giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ để xác định việc Mỹ phải chấm dứt không điều kiện ném bom, 174 phiên họp của Hội nghị bốn bên).

- Đàm phán trong các cuộc gặp riêng bắt đầu bằng các cuộc gặp riêng ở cấp thấp rồi tiến lên các cuộc gặp riêng ở cấp cao (21 cuộc gặp riêng trong giai đoạn đòi chấm dứt ném bom miền Bắc Việt Nam, 24 đợt gặp riêng cấp cao trong giai đoạn Hội nghị bốn bên).

- Đấu tranh trong các cuộc họp báo và trả lời phỏng vấn các nhà báo.

- Đấu tranh với đối phương bằng cách vận động và tranh thủ sự ủng hộ của các tổ chức, các đoàn thể, các cá nhân thuộc những khuynh hướng chính trị, tôn giáo khác nhau ở Mỹ, ở các nước phương Tây, ở các nước xã hội chủ nghĩa và các nước khác.

Đàm phán trong các cuộc gặp riêng là hình thức đấu tranh quan trọng nhất. Trong các cuộc gặp riêng, ta và đối phương tìm hiểu lập trường, quan điểm của nhau đối với vấn đề giải quyết chiến tranh. Các cuộc gặp riêng là nơi hai bên nhân nhượng và thỏa thuận với nhau.

5. Cuộc đàm phán ở Pari đầu tiên là cuộc đàm phán giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ chỉ có một nội dung là nhằm xác định việc Mỹ phải chấm dứt hoàn toàn, không điều kiện việc ném bom và các hành động chiến tranh khác chống Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Từ tháng 01-1969, cuộc đàm phán Pari trở thành cuộc đàm phán giữa bốn bên nhằm giải quyết cả gói. Trên thực tế đó là cuộc đàm phán giữa hai phía. Phía Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (từ tháng 6-1969 là Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam) hoàn toàn đồng tâm nhất trí, tuy hai mà là một. Phía đối phương (Mỹ và chính quyền Sài Gòn) thống nhất trong việc chống lại độc lập, thống nhất của Việt Nam,

nhưng giữa Mỹ và chính quyền Sài Gòn có rất nhiều mâu thuẫn.

6. Trong đàm phán Pari, ta ngày càng thấy rõ đấu tranh ngoại giao là một khoa học và một nghệ thuật. Khoa học và nghệ thuật này đòi hỏi ta phải nắm vững so sánh lực lượng ở chiến trường, phải nắm vững địch tình; phải biết rõ chiến lược, sách lược và âm mưu của đối phương; phải tính đường đi nước bước cho khéo và chính xác; phải nắm vững thời cơ.

Khoa học và nghệ thuật đàm phán đòi hỏi phải biết giành thắng lợi từng phần và phải biết ngả bài đúng lúc. Sớm quá hoặc muộn quá đều không có lợi.

Đàm phán, nhất là đàm phán với Mỹ, tên đầu sỏ của chủ nghĩa đế quốc, không thể bắt đối phương chấp nhận mọi điều kiện của ta. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy: Dùng lối nói chuyện thì phải nhân nhượng nhau đúng mức.

7. Trong quá trình đàm phán ở Pari, ta đã phối hợp nhịp nhàng đấu tranh chính trị, quân sự với đấu tranh ngoại giao. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 và cuộc tiến công ngoại giao ngày 03-4-1968 cũng như cuộc tiến công chiến lược đầu năm 1972 và cuộc tiến công ngoại giao tháng 10-1972 là những thí dụ điển hình về sự phối hợp chặt chẽ giữa chiến trường với bàn đàm phán. Chiến đấu và thắng lợi tại chiến trường có ý nghĩa quyết định, vì không thể giành được ở bàn đàm phán những gì không giành được

ở chiến trường. Tuy nhiên, đấu tranh ở bàn đàm phán có tác dụng rất quan trọng. Đấu tranh ở bàn đàm phán có tính chủ động và tác động trở lại đến đấu tranh quân sự, chính trị.

Quá trình gần năm năm đàm phán ở Pari là quá trình phối hợp chặt chẽ, nhịp nhàng giữa đoàn đàm phán với lãnh đạo trong nước, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng, Trung ương Cục miền Nam và nhiều cơ quan khác. Khi cần thiết đồng chí lãnh đạo đoàn đàm phán về nước báo cáo và trình bày ý kiến, đồng thời tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, nhờ đó trong ngoài thông suốt, làm cho đợt đàm phán cuối cùng vào tháng 01-1973 tiến triển nhanh chóng và đạt kết quả tốt.

8. Phong trào chống chiến tranh ở Mỹ và trên thế giới đã góp phần đáng kể vào thành công của Hội nghị Pari về Việt Nam. Việc chính quyền Mỹ tăng cường và mở rộng chiến tranh ở Việt Nam, Lào, Campuchia cùng với sự ngoan cố của họ ở bàn đàm phán đã làm cho phong trào chống chiến tranh đòi hòa bình phát triển mạnh. Nhiều cuộc mít tinh, biểu tình, tuần hành đòi chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam đã diễn ra liên tiếp và ngày càng mạnh mẽ. Nhiều đoàn nhân dân Mỹ, nhiều dân biểu và thượng nghị sĩ Mỹ, nhiều nhà văn, nhà báo, nhà luật học Mỹ thuộc các chính kiến, dân tộc, tôn giáo khác nhau đã sang Pari gặp hai đoàn ta bày tỏ sự ủng hộ nhiệt tình. Họ cũng gặp đoàn Mỹ phê phán chính sách hiếu chiến của chính quyền Mỹ.

Phong trào chống chiến tranh phát triển ngay trong Quốc hội Mỹ. Quốc hội Mỹ đã nhiều lần thông qua nghị quyết cắt giảm chi phí chiến tranh, đòi rút quân Mỹ về nước.

Phong trào chống chiến tranh xâm lược của Mỹ cũng phát triển rộng rãi ở các nước khác trên thế giới, trong đó có nước Pháp là nơi diễn ra cuộc đàm phán giữa Việt Nam và Mỹ. Ngày 01-9-1966, Tổng thống Pháp Đờgôn đã đọc bài diễn văn quan trọng tại Phnôm Pênh, nghiêm khắc lên án việc Mỹ tăng quân ở miền Nam, leo thang chiến tranh ở miền Bắc Việt Nam. Tổng thống Pháp Đờgôn nói: "Cuộc chiến tranh của Mỹ ở Việt Nam là nguy cơ nghiêm trọng đe dọa hòa bình thế giới". Tổng thống Pháp đã đưa ra giải pháp là Mỹ phải rút hết quân về nước, nhân dân mỗi nước Đông Dương tự mình đảm đương toàn bộ trách nhiệm về công việc của mình.

Nhiều chính đảng, nhiều đoàn thể ở Pháp, các tầng lớp rộng rãi nhân dân Pháp đã dành cho Việt Nam sự ủng hộ quý báu.

Đảng Cộng sản Pháp, giai cấp công nhân và nhân dân lao động Pháp đã dành cho Việt Nam sự ủng hộ đặc biệt và chí tình. Đảng Cộng sản Pháp đã cho ta mượn trường đảng làm trụ sở của đoàn trong gần năm năm. Đảng Cộng sản Pháp còn cho ta mượn một số cơ sở làm nơi gặp riêng với Mỹ. Đảng Cộng sản Pháp đã cử nhiều đồng chí đến giúp đỡ đoàn trong việc đi lại, ăn ở.

Nhiều đồng chí công nhân Pháp, kể cả những đồng chí đã về hưu đã tình nguyện đến làm công tác bảo vệ suốt ngày đêm cho hai đoàn ta. Đảng Cộng sản Pháp đã cùng với 52 chính đảng và tổ chức chính trị - xã hội đã tổ chức ra phong trào 100 triệu phrăng để ủng hộ Việt Nam. Chúng ta không bao giờ quên tình nghĩa quốc tế vô sản sâu đậm đó của Đảng Cộng sản Pháp, giai cấp công nhân Pháp, nhân dân Pháp đối với Việt Nam.

Bà con Việt kiều tại Pháp thuộc nhiều thế hệ và ngành nghề khác nhau đã ủng hộ và tích cực phục vụ cuộc đấu tranh của hai đoàn ta. Điều đó thể hiện lòng yêu nước nồng nàn của đông đảo bà con Việt kiều mong muốn được góp phần vào sự nghiệp đấu tranh đòi hòa bình và thống nhất đất nước.

PHẦN PHỤ LỤC

Phụ lục 1

DANH SÁCH THÀNH VIÊN CÁC ĐOÀN ĐÀM PHÁN TẠI HỘI NGHỊ PARI

I. GIAI ĐOẠN ĐÒI CHẤM DỨT KHÔNG ĐIỀU KIỆN NÉM BOM VÀ CÁC HÀNH ĐỘNG CHIẾN TRANH KHÁC CHỐNG VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA (THÁNG 5-1968 ĐẾN THÁNG 10-1968)

1. Đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa:

- Xuân Thủy, Bộ trưởng, đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trưởng đoàn.

Các cố vấn (theo thứ tự a, b, c):

- Mai Văn Bộ
- Phan Hiền
- Hà Văn Lâu
- Nguyễn Thành Lê (kiêm phát ngôn báo chí)
- Trần Công Tường
- Nguyễn Minh Vỹ

2. Đoàn Mỹ:

- Averell Harriman, đại diện Tổng thống Mỹ
- Cyrus R. Vance, đại diện Tổng thống Mỹ

- Tướng A.y. Goodpasteur, Phó Tư lệnh Mỹ ở miền Nam Việt Nam

- Philip Habib

- W. Jorden (kiêm phát ngôn báo chí)

- D.I. Davidson

- H. Kaplan (kiêm phó phát ngôn báo chí)

II. GIAI ĐOẠN HỘI NGHỊ BỐN BÊN (THÁNG 01-1969 ĐẾN THÁNG 01-1973)

1. Đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa:

- Xuân Thủy, Bộ trưởng, trưởng đoàn

- Lê Đức Thọ, cố vấn đặc biệt

Các ủy viên (theo thứ tự a, b, c):

- Mai Văn Bộ

- Phan Hiền

- Hà Văn Lâu

- Nguyễn Thành Lê (kiêm phát ngôn báo chí)

- Trần Công Tường

- Nguyễn Minh Vỹ (từ giữa năm 1970 được đồng chí Xuân Thủy chỉ định làm phó đoàn)

Do Hội nghị Pari kéo dài, vì vậy trong thời gian hội nghị có một số đồng chí về nước nhận công tác khác. Có một số đồng chí từ trong nước sang bổ sung vào đoàn. Từ mùa Thu 1972, đồng chí Nguyễn Cơ Thạch từ trong nước sang, đảm đương trách nhiệm phó trưởng đoàn.

2. Đoàn Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam (từ tháng 6-1969 là đoàn Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam)

- Trần Bửu Kiếm, trưởng đoàn
- Nguyễn Thị Bình, Phó trưởng đoàn (từ tháng 6-1969 là Bộ trưởng Ngoại giao Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam, kiêm trưởng đoàn đàm phán)
- Trần Hoài Nam
- Nguyễn Văn Tiến
- Đỗ Thị Duy Liên
- Nguyễn Thị Chơn
- Đinh Bá Thi
- Trần Văn Tư
- Dương Đình Thảo (kiêm phát ngôn báo chí)
- Lý Văn Sáu (kiêm phát ngôn báo chí)
- Nguyễn Ngọc Dung
- Phan Nhẫn
- Đặng Ninh Đăng
- Phạm Thanh Vân
- Hoàng Huy Châu

3. Đoàn Mỹ:

- H. Cabot Lodge, trưởng đoàn
- Philip Habib
- Lawrence Wash
- Marshall Green

- David A. Engel
- Holbrook

Mỹ thay trưởng đoàn nhiều lần.

4. Đoàn chính quyền Sài Gòn

- Phạm Đăng Lâm, trưởng đoàn
- Nguyễn Xuân Phong, phó đoàn
- Nguyễn Thị Vui
- Vương Văn Bắc
- Nguyễn Ngọc Huy
- Nguyễn Phương Thiệp
- Nguyễn Triệu Đan
- Nguyễn Quốc Định

Trong quá trình đàm phán, đoàn chính quyền Sài Gòn cũng nhiều thay đổi.

Phụ lục 2

HIỆP ĐỊNH GIỮA CHÍNH PHỦ VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA VÀ CHÍNH PHỦ HOA KỲ

(Ký tại Pari ngày 27-01-1973)

HIỆP ĐỊNH VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH, LẬP LẠI HÒA BÌNH Ở VIỆT NAM

Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với sự thỏa thuận của Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam,

Chính phủ Hoa Kỳ với sự thỏa thuận của Chính phủ Việt Nam cộng hòa,

Nhằm mục đích chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam trên cơ sở tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam, góp phần củng cố hòa bình ở châu Á và thế giới,

Đã thỏa thuận, cam kết tôn trọng và thi hành những điều khoản sau đây:

Chương I

CÁC QUYỀN DÂN TỘC CƠ BẢN CỦA NHÂN DÂN VIỆT NAM

Điều 1

Hoa Kỳ và các nước khác tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam như Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Việt Nam đã công nhận.

Chương II

CHẤM DỨT CHIẾN SỰ - RÚT QUÂN

Điều 2

Một cuộc ngừng bắn sẽ được thực hiện trên khắp miền Nam Việt Nam kể từ hai mươi bốn giờ (giờ GMT), ngày 27-01-1973.

Cùng ngày giờ nói trên, Hoa Kỳ sẽ chấm dứt mọi hoạt động quân sự của Hoa Kỳ chống lãnh thổ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bằng mọi lực lượng trên bộ, trên không, trên biển, bất cứ từ đâu tới, và sẽ chấm dứt việc thả mìn tại vùng biển, các cảng và sông ngòi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Hoa Kỳ sẽ tháo gỡ, làm mất hiệu lực vĩnh viễn, phá hủy tất cả những mìn ở

vùng biển, các cảng và sông ngòi ở miền Bắc Việt Nam ngay sau khi Hiệp định này có hiệu lực.

Việc chấm dứt hoàn toàn chiến sự nói trong điều này là vững chắc và không thời hạn.

Điều 3

Các bên cam kết giữ vững ngừng bắn, bảo đảm hòa bình lâu dài và vững chắc.

Bắt đầu từ khi ngừng bắn:

a) Các lực lượng của Hoa Kỳ và của các nước ngoài khác đồng minh của Hoa Kỳ và của Việt Nam cộng hòa sẽ ở nguyên vị trí của mình trong lúc chờ đợi thực hiện kế hoạch rút quân. Ban liên hợp quân sự bốn bên nói trong Điều 16 sẽ quy định những thể thức.

b) Các lực lượng vũ trang của hai bên miền Nam Việt Nam sẽ ở nguyên vị trí của mình. Ban Liên hợp quân sự hai bên nói trong Điều 17 sẽ quy định vùng do mỗi bên kiểm soát và những thể thức trú quân.

c) Các lực lượng chính quy thuộc mọi quân chủng và binh chủng và các lực lượng không chính quy của các bên ở miền Nam Việt Nam phải ngừng mọi hoạt động tấn công nhau và triệt để tuân theo những điều quy định sau đây:

- Ngăn cấm mọi hoạt động vũ lực trên bộ, trên không và trên biển;

- Ngăn cấm mọi hành động đối địch, khủng bố và trả thù của cả hai bên.

Điều 4

Hoa Kỳ sẽ không tiếp tục dính líu quân sự hoặc can thiệp vào công việc nội bộ của miền Nam Việt Nam.

Điều 5

Trong thời hạn 60 ngày kể từ khi ký hiệp định này, sẽ hoàn thành việc rút hoàn toàn ra khỏi miền Nam Việt Nam mọi quân đội, cố vấn quân sự và nhân viên quân sự, kể cả nhân viên quân sự kỹ thuật, nhân viên quân sự liên quan đến chương trình bình định, vũ khí, đạn dược và dụng cụ chiến tranh của Hoa Kỳ và của các nước ngoài khác đã nói ở Điều 3 (a). Cố vấn của các nước nói trên cho tất cả các tổ chức bán quân sự và lực lượng cảnh sát cũng đã rút trong thời hạn đó.

Điều 6

Việc hủy bỏ tất cả các căn cứ quân sự ở miền Nam Việt Nam của Hoa Kỳ và của các nước ngoài khác đã nói ở Điều 3 (a) sẽ hoàn thành trong thời hạn 60 ngày kể từ khi ký hiệp định này.

Điều 7

Từ khi thực hiện ngừng bắn cho đến khi thành lập Chính phủ nói ở Điều 9 (b) và Điều 14 của hiệp định này, hai bên miền Nam Việt Nam sẽ không được nhận đưa vào miền Nam Việt Nam quân đội, cố vấn quân sự và nhân viên quân sự, kể cả nhân viên quân sự kỹ thuật, vũ khí, đạn dược và dụng cụ chiến tranh.

Hai bên miền Nam Việt Nam được phép từng thời gian thay thế vũ khí, đạn dược, dụng cụ chiến tranh đã bị phá hủy, hư hỏng, hao mòn hoặc dùng hết từ sau khi ngừng bắn, trên cơ sở một đổi một, cùng đặc điểm và tính năng, có sự giám sát của Ban liên hiệp quân sự hai bên miền Nam Việt Nam và Ủy ban quốc tế kiểm soát và giám sát.

Chương III
VIỆC TRAO TRẢ NHÂN VIÊN QUÂN SỰ BỊ BẮT, THƯỜNG DÂN NƯỚC NGOÀI BỊ BẮT VÀ NHÂN VIÊN DÂN SỰ VIỆT NAM BỊ BẮT VÀ GIAM GIỮ

Điều 8

a) Việc trao trả những nhân viên quân sự của các bên bị bắt và thường dân nước ngoài của các bên bị bắt sẽ tiến hành song song và hoàn thành không chậm hơn ngày hoàn thành việc rút quân nói trong Điều 5. Các bên sẽ trao đổi danh sách đầy đủ những nhân viên quân sự

và thường dân nước ngoài bị bắt nói trên vào ngày ký kết hiệp định này.

b) Các bên sẽ giúp đỡ nhau tìm kiếm tin tức về những nhân viên quân sự của các bên và thường dân nước ngoài của các bên bị mất tích trong chiến đấu, xác định vị trí và bảo quản mồ mả của những người bị chết, nhằm tạo điều kiện dễ dàng cho việc cất bốc và hồi hương hài cốt và có những biện pháp khác cần thiết để tìm kiếm tin tức những người còn coi là mất tích trong chiến đấu.

c) Vấn đề trao trả các nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ ở miền Nam Việt Nam sẽ do hai bên miền Nam Việt Nam giải quyết trên cơ sở những nguyên tắc của Điều 21 (b) của hiệp định đình chỉ chiến sự ở Việt Nam ngày 20-7-1954. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ làm việc đó trên tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc, nhằm chấm dứt thù hằn, giảm bớt đau khổ và đoàn tụ các gia đình. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ gắng hết sức mình để giải quyết vấn đề này trong vòng chín mươi ngày sau khi ngừng bắn có hiệu lực.

Chương IV
VIỆC THỰC HIỆN QUYỀN TỰ QUYẾT CỦA NHÂN DÂN MIỀN NAM VIỆT NAM

Điều 9

Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Hoa Kỳ cam kết tôn trọng những nguyên tắc thực

hiện quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam sau đây:

a) Quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam là thiêng liêng, bất khả xâm phạm và phải được tất cả các nước tôn trọng.

b) Nhân dân miền Nam Việt Nam tự quyết định tương lai chính trị của miền Nam Việt Nam thông qua tổng tuyển cử thật sự tự do và dân chủ, có giám sát quốc tế.

c) Các nước ngoài sẽ không được áp đặt bất cứ xu hướng chính trị hoặc cá nhân nào đối với nhân dân miền Nam Việt Nam.

Điều 10

Hai bên miền Nam Việt Nam cam kết tôn trọng ngừng bắn và giữ vững hòa bình ở miền Nam Việt Nam, giải quyết các vấn đề tranh chấp bằng thương lượng và tránh mọi xung đột bằng vũ lực.

Điều 11

Ngay sau khi ngừng bắn, hai bên miền Nam Việt Nam sẽ:

- Thực hiện hòa giải và hòa hợp dân tộc, xóa bỏ thù hằn, cấm mọi hành động trả thù và phân biệt đối xử với những cá nhân hoặc tổ chức đã hợp tác với bên này hoặc bên kia;

- Bảo đảm các quyền tự do dân chủ của nhân dân: tự do cá nhân, tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do tổ chức, tự do hoạt động chính trị, tự do tín ngưỡng, tự do đi lại, tự do cư trú, tự do làm ăn sinh sống, quyền tư hữu tài sản và quyền tự do kinh doanh.

Điều 12

a) Ngay sau khi ngừng bắn, hai bên miền Nam Việt Nam sẽ hiệp thương trên tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc, tôn trọng lẫn nhau và không thôn tính nhau để thành lập Hội đồng quốc gia hòa giải và hòa hợp dân tộc gồm ba thành phần ngang nhau. Hội đồng sẽ làm việc theo nguyên tắc nhất trí. Sau khi Hội đồng quốc gia hòa giải và hòa hợp dân tộc nhậm chức, hai bên miền Nam Việt Nam sẽ hiệp thương về việc thành lập các hội đồng cấp dưới. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ ký một hiệp định về các vấn đề nội bộ của miền Nam Việt Nam càng sớm càng tốt, và sẽ làm hết sức mình để thực hiện việc này trong vòng chín mươi ngày sau khi ngừng bắn có hiệu lực, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân miền Nam Việt Nam là hòa bình, độc lập và dân chủ.

b) Hội đồng quốc gia hòa giải và hòa hợp dân tộc có nhiệm vụ đôn đốc hai bên miền Nam Việt Nam thi hành hiệp định này, thực hiện hòa giải và hòa hợp dân tộc, bảo đảm tự do dân chủ. Hội đồng quốc gia hòa giải

và hòa hợp dân tộc sẽ tổ chức tổng tuyển cử tự do và dân chủ như đã nói trong Điều 9 (b) và quy định thủ tục và thể thức của cuộc tổng tuyển cử này. Các cơ quan quyền lực mà cuộc tổng tuyển cử đó sẽ bầu ra sẽ do hai bên miền Nam Việt Nam thông qua hiệp thương mà thỏa thuận. Hội đồng quốc gia hòa giải và hòa hợp dân tộc cũng sẽ quy định thủ tục và thể thức tuyển cử địa phương theo như hai bên miền Nam Việt Nam thỏa thuận.

Điều 13

Vấn đề lực lượng vũ trang Việt Nam ở miền Nam Việt Nam sẽ do hai bên miền Nam Việt Nam giải quyết trên tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc, bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau, không có sự can thiệp của nước ngoài, phù hợp với tình hình sau chiến tranh. Trong số những vấn đề hai bên miền Nam Việt Nam thảo luận có các biện pháp giảm số quân của họ và phục viên số quân đã giảm. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ hoàn thành việc đó càng sớm càng tốt.

Điều 14

Miền Nam Việt Nam sẽ thực hiện chính sách đối ngoại hòa bình, độc lập, miền Nam Việt Nam sẵn sàng thiết lập quan hệ với tất cả các nước không phân biệt

chế độ chính trị và xã hội trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau và nhận viện trợ kinh tế, kỹ thuật của bất cứ nước nào không kèm theo điều kiện chính trị. Vấn đề nhận viện trợ quân sự sau này cho miền Nam Việt Nam sẽ thuộc thẩm quyền của Chính phủ được thành lập sau tổng tuyển cử ở miền Nam Việt Nam nói trong Điều 9 (b).

Chương V
VẤN ĐỀ THỐNG NHẤT NƯỚC VIỆT NAM VÀ VẤN ĐỀ QUAN HỆ GIỮA MIỀN BẮC VÀ MIỀN NAM VIỆT NAM

Điều 15

Việc thống nhất nước Việt Nam sẽ được thực hiện từng bước bằng phương pháp hòa bình trên cơ sở bàn bạc và thỏa thuận giữa miền Bắc và miền Nam Việt Nam, không bên nào cưỡng ép hoặc thôn tính bên nào và không có sự can thiệp của nước ngoài. Thời gian thống nhất sẽ do miền Bắc và miền Nam Việt Nam thỏa thuận.

Trong khi chờ đợi thống nhất:

a) Giới tuyến quân sự giữa hai miền tại vĩ tuyến thứ mười bảy chỉ là tạm thời và không phải là một ranh giới về chính trị hoặc về lãnh thổ, như quy định trong đoạn 6 của tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Giơnevơ năm 1954.

b) Miền Bắc và miền Nam Việt Nam sẽ tôn trọng khu phi quân sự ở hai bên giới tuyến quân sự tạm thời.

c) Miền Bắc và miền Nam Việt Nam sẽ sớm bắt đầu thương lượng nhằm lập lại quan hệ bình thường về nhiều mặt. Trong các vấn đề sẽ được thương lượng, có vấn đề thể thức đi lại dân sự qua giới tuyến quân sự tạm thời.

d) Miền Bắc và miền Nam Việt Nam sẽ không tham gia bất cứ liên minh quân sự hoặc khối quân sự nào và không cho phép nước ngoài có căn cứ quân sự, quân đội, cố vấn quân sự và nhân viên quân sự trên đất mình, như Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Việt Nam quy định.

Chương VI
CÁC BAN LIÊN HỢP QUÂN SỰ, ỦY BAN QUỐC TẾ KIỂM SOÁT VÀ GIÁM SÁT, HỘI NGHỊ QUỐC TẾ

Điều 16

a) Các bên tham gia Hội nghị Pari về Việt Nam sẽ cử ngay đại diện để thành lập Ban liên hợp quân sự bốn bên có nhiệm vụ bảo đảm sự phối hợp hành động của các bên trong việc thực hiện các điều khoản sau đây của hiệp định này:

- Đoạn đầu của Điều 2 về việc thực hiện ngừng bắn trên khắp miền Nam Việt Nam;

- Điều 3 (a) về việc ngừng bắn của lực lượng của Hoa Kỳ và của các nước ngoài khác nói trong điều này;

- Điều 3 (c) về việc ngừng bắn giữa tất cả các bên ở miền Nam Việt Nam;

- Điều 5 về việc rút ra khỏi miền Nam Việt Nam quân đội của Hoa Kỳ và quân đội của các nước ngoài khác đã nói ở Điều 3 (a);

- Điều 6 về việc hủy bỏ các căn cứ quân sự ở miền Nam Việt Nam của Hoa Kỳ và của các nước ngoài khác đã nói ở Điều 3 (a);

- Điều 8 (a) về việc trao trả những nhân viên quân sự của các bên bị bắt và thường dân nước ngoài của các bên bị bắt;

- Điều 8 (b) về việc các bên giúp đỡ nhau tìm kiếm tin tức về những nhân viên quân sự của các bên và thường dân nước ngoài của các bên bị mất tích trong chiến đấu.

b) Ban liên hợp quân sự bốn bên sẽ làm việc theo nguyên tắc hiệp thương và nhất trí. Những vấn đề bất đồng sẽ chuyển cho Ủy ban quốc tế kiểm soát và giám sát.

c) Ban liên hợp quân sự bốn bên sẽ bắt đầu hoạt động ngay sau khi ký kết hiệp định này và chấm dứt hoạt động trong thời hạn sáu mươi ngày, sau khi việc rút quân của Hoa Kỳ và quân của các nước ngoài khác

đã nói ở Điều 3 (a) và việc trao trả nhân viên quân sự của các bên bị bắt và thường dân nước ngoài của các bên bị bắt đã hoàn thành.

d) Bốn bên sẽ thỏa thuận ngay về tổ chức, thể thức làm việc, phương tiện hoạt động và chi phí của Ban liên hợp quân sự bốn bên.

Điều 17

a) Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ cử ngay đại diện để thành lập Ban liên hợp quân sự hai bên có nhiệm vụ bảo đảm sự phối hợp hành động của hai bên miền Nam Việt Nam trong việc thực hiện các điều khoản sau đây của hiệp định này:

- Đoạn đầu của Điều 2 về việc thực hiện ngừng bắn trên khắp miền Nam Việt Nam, sau khi Ban liên hợp quân sự bốn bên chấm dứt hoạt động của mình;
- Điều 3 (b) về việc ngừng bắn giữa hai bên miền Nam Việt Nam;
- Điều 3 (c) về việc ngừng bắn giữa tất cả các bên ở miền Nam Việt Nam, sau khi Ban liên hợp quân sự bốn bên chấm dứt hoạt động của mình;
- Điều 7 về việc không được đưa quân đội vào miền Nam Việt Nam và tất cả những điều khoản khác của điều này;
- Điều 8 (c) về vấn đề trao trả các nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ ở miền Nam Việt Nam;

- Điều 13 về việc giảm số quân của hai bên miền Nam Việt Nam và phục viên số quân đã giảm.

b) Những vấn đề bất đồng sẽ chuyển cho Ủy ban quốc tế kiểm soát và giám sát.

c) Sau khi hiệp định này được ký kết, Ban liên hợp quân sự hai bên sẽ thỏa thuận ngay những biện pháp và tổ chức nhằm thực hiện ngừng bắn và giữ gìn hòa bình ở miền Nam Việt Nam.

Điều 18

a) Sau khi ký kết hiệp định này, thành lập ngay Ủy ban quốc tế kiểm soát và giám sát.

b) Cho đến khi Hội nghị quốc tế nói ở Điều 19 có những sắp xếp dứt khoát, Ủy ban quốc tế kiểm soát và giám sát sẽ báo cáo với bốn bên những vấn đề về việc kiểm soát và giám sát việc thi hành những điều khoản sau đây của hiệp định này:

- Đoạn đầu của Điều 2 về việc thực hiện ngừng bắn trên khắp miền Nam Việt Nam;

- Điều 3 (a) về việc ngừng bắn của lực lượng của Hoa Kỳ và của các nước ngoài khác nói trong điều này;

- Điều 3 (c) về việc ngừng bắn giữa tất cả các bên ở miền Nam Việt Nam;

- Điều 5 về việc rút ra khỏi miền Nam Việt Nam quân đội của Hoa Kỳ và quân đội của các nước ngoài khác đã nói ở Điều 3 (a);

- Điều 6 về việc hủy bỏ các căn cứ quân sự ở miền Nam Việt Nam của Hoa Kỳ và của các nước ngoài khác đã nói ở Điều 3 (a);

- Điều 8 (a) về việc trao trả những nhân viên quân sự của các bên bị bắt và thường dân nước ngoài của các bên bị bắt.

Ủy ban quốc tế kiểm soát và giám sát lập những tổ kiểm soát để làm những nhiệm vụ của mình. Bốn bên sẽ thỏa thuận ngay về chỗ đóng và sự hoạt động của các tổ đó. Các bên sẽ làm dễ dàng cho hoạt động của các tổ đó.

c) Cho đến khi Hội nghị quốc tế có những sắp xếp dứt khoát, Ủy ban quốc tế kiểm soát và giám sát sẽ báo cáo với hai bên miền Nam Việt Nam những vấn đề về việc kiểm soát và giám sát việc thi hành những điều khoản sau đây của hiệp định này:

- Đoạn đầu của Điều 2 về việc thực hiện ngừng bắn trên khắp miền Nam Việt Nam, sau khi Ban liên hợp quân sự bốn bên chấm dứt hoạt động của mình;

- Điều 3 (b) về việc ngừng bắn giữa hai bên miền Nam Việt Nam;

- Điều 3 (c) về việc ngừng bắn giữa tất cả các bên ở miền Nam Việt Nam, sau khi Ban liên hợp quân sự bốn bên chấm dứt hoạt động của mình;

- Điều 7 về việc không được đưa quân đội vào miền Nam Việt Nam và tất cả các điều khoản khác của điều này;

- Điều 8 (c) về vấn đề trao trả các nhân viên dân sự Việt Nam bị bắt và giam giữ ở miền Nam Việt Nam;

- Điều 9 (b) về tổng tuyển cử tự do và dân chủ ở miền Nam Việt Nam;

- Điều 13 về việc giảm số quân của hai bên miền Nam Việt Nam và phục viên số quân đã giảm.

Ủy ban quốc tế kiểm soát và giám sát lập những tổ kiểm soát để làm nhiệm vụ của mình. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ thỏa thuận ngay về chỗ đóng và sự hoạt động của các tổ đó. Hai bên miền Nam Việt Nam sẽ làm dễ dàng cho hoạt động của các tổ đó.

d) Ủy ban quốc tế kiểm soát và giám sát sẽ gồm đại diện của bốn nước: Ba Lan, Canađa, Hunggari, Inđônêxia. Các thành viên của Ủy ban quốc tế sẽ luân phiên làm Chủ tịch trong từng thời gian do Ủy ban quốc tế quy định.

e) Ủy ban quốc tế kiểm soát và giám sát thi hành nhiệm vụ của mình theo nguyên tắc tôn trọng chủ quyền của miền Nam Việt Nam.

f) Ủy ban quốc tế kiểm soát và giám sát làm việc theo nguyên tắc hiệp thương và nhất trí.

g) Ủy ban quốc tế kiểm soát và giám sát sẽ bắt đầu hoạt động khi ngừng bắn có hiệu lực ở Việt Nam. Đối với các điều khoản liên quan đến bốn bên nói trong Điều 18 (b), Ủy ban quốc tế kiểm soát và giám sát chấm dứt hoạt động của mình khi nhiệm vụ kiểm soát và giám sát của Ủy ban đối với các điều khoản đó đã hoàn thành. Đối với các điều khoản liên quan đến hai bên miền Nam Việt Nam nói ở Điều 18 (c), Ủy ban quốc tế

kiểm soát và giám sát chấm dứt hoạt động của mình theo yêu cầu của Chính phủ được thành lập sau tổng tuyển cử ở miền Nam Việt Nam nói ở Điều 9 (b).

h) Bốn bên thỏa thuận ngay về tổ chức, phương tiện hoạt động và chi phí của Ủy ban quốc tế kiểm soát và giám sát. Mối quan hệ giữa Ủy ban quốc tế và Hội nghị quốc tế sẽ do Ủy ban quốc tế và Hội nghị quốc tế thỏa thuận.

Điều 19

Các bên thỏa thuận về việc triệu tập một Hội nghị quốc tế trong vòng ba mươi ngày kể từ khi ký hiệp định này để ghi nhận các hiệp định đã ký kết; bảo đảm chấm dứt chiến tranh, giữ vững hòa bình ở Việt Nam, tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam; góp phần vào hòa bình và bảo đảm hòa bình ở Đông Dương.

Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hoa Kỳ, thay mặt các bên tham gia Hội nghị Pari về Việt Nam, sẽ đề nghị các bên sau đây tham gia Hội nghị quốc tế này: Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, Cộng hòa Pháp, Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết, Liên hiệp Vương quốc Anh, bốn nước trong Ủy ban quốc tế kiểm soát và giám sát và Tổng thư ký Liên hợp quốc, cùng với các bên tham gia Hội nghị Pari về Việt Nam.

Chương VII

ĐỐI VỚI CAMPUCHIA VÀ LÀO

Điều 20

a) Các bên tham gia Hội nghị Pari về Việt Nam phải triệt để tôn trọng Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Campuchia và Hiệp định Giơnevơ năm 1962 về Lào đã công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Campuchia và nhân dân Lào: Độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của các nước đó. Các bên phải tôn trọng nền trung lập của Campuchia và Lào.

Các bên tham gia Hội nghị Pari về Việt Nam cam kết không dùng lãnh thổ của Campuchia và lãnh thổ của Lào để xâm phạm chủ quyền và an ninh của nhau và của các nước khác.

b) Các nước ngoài sẽ chấm dứt mọi hoạt động quân sự ở Campuchia và Lào, rút hết và không đưa trở lại vào hai nước đó quân đội, cố vấn quân sự và nhân viên quân sự, vũ khí, đạn dược và dụng cụ chiến tranh.

c) Công việc nội bộ của Campuchia và Lào phải do nhân dân mỗi nước này giải quyết, không có sự can thiệp của nước ngoài.

d) Những vấn đề liên quan giữa các nước Đông Dương sẽ do các bên Đông Dương giải quyết, trên cơ sở tôn trọng

độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

Chương VIII
QUAN HỆ GIỮA VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA VÀ HOA KỲ

Điều 21

Hoa Kỳ mong rằng hiệp định này sẽ mang lại một thời kỳ hòa giải với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cũng như với tất cả các dân tộc ở Đông Dương. Theo chính sách truyền thống của mình, Hoa Kỳ sẽ đóng góp vào việc hàn gắn vết thương chiến tranh và công cuộc xây dựng sau chiến tranh ở Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và toàn Đông Dương.

Điều 22

Việc chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam và việc thực hiện triệt để hiệp định này sẽ tạo điều kiện thiết lập quan hệ mới, bình đẳng và cùng có lợi giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hoa Kỳ, trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau và không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau. Đồng thời, những việc đó sẽ bảo đảm hòa bình vững chắc ở Việt Nam và góp phần giữ gìn hòa bình lâu dài ở Đông Dương và Đông Nam Á.

Chương IX

NHỮNG ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 23

Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam sẽ có hiệu lực khi văn kiện này được Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Hoa Kỳ ký và khi một văn kiện cùng nội dung và lời văn được Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Chính phủ Hoa Kỳ và Tổng trưởng Ngoại giao chính phủ Việt Nam cộng hòa ký. Tất cả các bên có liên quan sẽ thi hành triệt để hiệp định này và các nghị định thư của hiệp định.

Làm tại Pari ngày 27-01-1973 bằng tiếng Việt Nam và tiếng Anh. Bản tiếng Việt Nam và bản tiếng Anh đều là những bản chính thức và có giá trị như nhau.

Thay mặt Chính phủ	*Thay mặt Chính phủ*
Việt Nam Dân chủ Cộng hòa	*Hoa Kỳ*
BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO	BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO
NGUYỄN DUY TRINH	WILLIAM P. ROGERS

Phụ lục 3

HIỆP ĐỊNH GIỮA CÁC BÊN THAM GIA HỘI NGHỊ PARI VỀ VIỆT NAM

(Ký tại Pari ngày 27-01-1973)

(Trích)

HIỆP ĐỊNH VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH, LẬP LẠI HÒA BÌNH Ở VIỆT NAM*

Các bên tham gia Hội nghị Pari về Việt Nam,

Nhằm mục đích chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam trên cơ sở tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam, góp phần củng cố hòa bình ở châu Á và thế giới,

Đã thỏa thuận, cam kết tôn trọng và thi hành những điều khoản sau đây:

---

* *Chú thích:* Các chương I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII nội dung như Hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Hoa Kỳ đã ký.

Chương IX

NHỮNG ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 23

Hiệp định này sẽ có hiệu lực khi đại diện toàn quyền của các bên tham gia Hội nghị Pari về Việt Nam ký. Tất cả các bên có liên quan sẽ thi hành triệt để hiệp định này và các nghị định thư của hiệp định.

Làm tại Pari ngày 27-01-1973, bằng tiếng Việt Nam và tiếng Anh. Bản tiếng Việt Nam và bản tiếng Anh đều là những bản chính thức và có giá trị như nhau.

Thay mặt Chính phủ *Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*	*Thay mặt* *Chính phủ Cách mạng lâm thời* *Cộng hòa miền Nam Việt Nam*
BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO NGUYỄN DUY TRINH	BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO NGUYỄN THỊ BÌNH
Thay mặt Chính phủ Hoa Kỳ BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO WILLIAM P. ROGERS	Thay mặt Chính phủ Việt Nam cộng hòa TỔNG TRƯỞNG NGOẠI GIAO TRẦN VĂN LẮM

Phụ lục 4

ĐỊNH ƯỚC CỦA HỘI NGHỊ QUỐC TẾ VỀ VIỆT NAM

(Ký tại Pari ngày 02-3-1973)

Chính phủ Canađa,

Chính phủ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa,

Chính phủ Hoa Kỳ,

Chính phủ Cộng hòa Pháp,

Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam,

Chính phủ Cộng hòa nhân dân Hunggari,

Chính phủ Cộng hòa Inđônêxia,

Chính phủ Cộng hòa nhân dân Ba Lan,

Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa,

Chính phủ Vương quốc Anh và Bắc Ái Nhĩ Lan[1]*,*

Chính phủ Việt Nam cộng hòa và Chính phủ Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết,

Với sự có mặt của ông Tổng thư ký Liên hợp quốc,

---

1. Bắc Ailen.

Nhằm mục đích ghi nhận các hiệp định đã ký kết, bảo đảm chấm dứt chiến tranh, giữ vững hòa bình ở Việt Nam, tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam, góp phần vào hòa bình và bảo đảm hòa bình ở Đông Dương.

Đã thỏa thuận, cam kết tôn trọng và thi hành những điều khoản sau đây:

Điều 1

Các bên ký kết định ước này trịnh trọng ghi nhận, tuyên bố tán thành và ủng hộ Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam ký tại Pari ngày 27-01-1973 và bốn nghị định thư của hiệp định ký kết cuối cùng vào ngày đó (sau đây gọi là hiệp định và các nghị định thư).

Điều 2

Hiệp định đáp ứng các nguyện vọng và các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam, quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam, và đáp ứng nguyện vọng tha thiết về hòa bình của tất cả các nước trên thế giới. Hiệp định là một cống hiến to lớn đối với hòa bình, quyền tự quyết, độc lập

dân tộc và việc cải thiện quan hệ giữa các nước. Hiệp định và các nghị định thư phải được tôn trọng triệt để và phải được thi hành nghiêm chỉnh.

Điều 3

Các bên ký định ước này trịnh trọng ghi nhận những cam kết của các bên ký kết hiệp định và các nghị định thư, tôn trọng triệt để và thi hành nghiêm chỉnh hiệp định và các nghị định thư.

Điều 4

Các bên ký định ước này trịnh trọng công nhận và triệt để tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam cũng như quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam. Các bên ký kết định ước này triệt để tôn trọng hiệp định và các nghị định thư bằng cách không có bất cứ hành động nào trái với các điều khoản của hiệp định và các nghị định thư.

Điều 5

Vì sự nghiệp hòa bình lâu dài ở Việt Nam, các bên ký kết định ước này kêu gọi tất cả các nước triệt để tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam

là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam, triệt để tôn trọng hiệp định và các nghị định thư bằng cách không có bất cứ hành động nào trái với các điều khoản của hiệp định và các nghị định thư.

Điều 6

a) Bốn bên ký kết hiệp định hoặc hai bên miền Nam Việt Nam mỗi bên có thể tự mình, hoặc bằng hoạt động thống nhất, thông báo cho các bên khác ký kết định ước này về tình hình thi hành hiệp định và các nghị định thư. Vì các báo cáo và ý kiến của Ủy ban quốc tế kiểm soát và giám sát về việc kiểm soát và giám sát việc thực hiện các điều khoản của hiệp định và các nghị định thư thuộc nhiệm vụ của Ủy ban sẽ gửi đến bốn bên ký hiệp định và hai bên miền Nam Việt Nam, nên các bên đó có trách nhiệm mỗi bên tự mình, hoặc bằng hành động thống nhất, nhanh chóng chuyển các báo cáo và ý kiến đó đến các bên khác ký kết định ước này.

b) Bốn bên ký hiệp định hoặc hai bên miền Nam Việt Nam cũng sẽ, mỗi bên tự mình, hoặc bằng các hành động thống nhất, chuyển những thông báo, báo cáo và ý kiến nói trên cho bên khác tham gia Hội nghị quốc tế về Việt Nam để biết.

Điều 7

a) Trong trường hợp xảy ra một sự vi phạm hiệp định và các nghị định thư, đe dọa hòa bình, độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam, quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam, các bên ký kết hiệp định và các nghị định thư, mỗi bên sẽ tự mình, hoặc bằng hành động thống nhất, trao đổi ý kiến với các bên khác ký kết định ước này để xác định những biện pháp cần thiết để giải quyết.

b) Hội nghị quốc tế về Việt Nam sẽ được họp lại khi Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Hoa Kỳ, thay mặt các bên ký kết hiệp định, cùng yêu cầu, hoặc khi có sáu hoặc hơn sáu bên ký kết định ước yêu cầu.

Điều 8

Để góp phần vào hòa bình và bảo đảm hòa bình ở Đông Dương, các bên ký kết định ước này ghi nhận lời cam kết của các bên ký kết hiệp định tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, và nền trung lập của Campuchia và của Lào như hiệp định đã quy định. Các bên ký kết định ước cũng thỏa thuận tôn trọng các điều trên và sẽ không có bất cứ hành động nào trái với các điều trên, và kêu gọi các nước khác cũng làm như thế.

Điều 9

Định ước này sẽ có hiệu lực từ khi đại diện toàn quyền của tất cả mười hai bên ký kết và sẽ được tất cả các bên thi hành triệt để. Việc ký kết vào định ước này không phải là sự công nhận bất cứ một bên nào trong trường hợp mà trước đây chưa có sự công nhận đó.

Làm thành 12 bản bản tại Pari, ngày 02-3-1973 bằng tiếng Việt Nam, tiếng Anh, tiếng Trung Quốc, tiếng Pháp và tiếng Nga. Tất cả các bản đều có giá trị như nhau.

Thay mặt Chính phủ Canađa
BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO
Thay mặt Chính phủ Cộng hòa nhân dân Trung Hoa
BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO
Thay mặt Chính phủ Hoa Kỳ
BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO
Thay mặt Chính phủ Cộng hòa Pháp
BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO
Thay mặt Chính phủ Cách mạng lâm thời
Cộng hòa miền Nam Việt Nam
BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO
Thay mặt Chính phủ Cộng hòa nhân dân Hunggari
BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO
Thay mặt Chính phủ Cộng hòa Inđônêxia
BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO

Thay mặt Chính phủ Cộng hòa Nhân dân Ba Lan

BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO

Thay mặt Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO

Thay mặt Chính phủ Vương quốc Anh và Bắc Ái Nhĩ Lan

BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO

Thay mặt chính phủ Việt Nam cộng hòa

TỔNG TRƯỞNG NGOẠI GIAO

Thay mặt Chính phủ

Liên bang Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xôviết

BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO

Phụ lục 5

MỘT SỐ BÀI VIẾT CỦA TÁC GIẢ ĐĂNG TRÊN BÁO *NHÂN DÂN* VỀ HỘI NGHỊ PARI

NHỮNG NGÀY, THÁNG CUỐI NĂM 1972 Ở PARI*

Tháng 10-1972

Cuộc thương lượng giữa ta và Mỹ bắt đầu từ ngày 10-5-1968, kéo dài 4 năm 10 tháng tính đến khi bế mạc Hội nghị quốc tế về Việt Nam (02-3-1973), trải qua 248 cuộc họp công khai, vài chục lần họp riêng với Hariman, Venxơ, 24 đợt họp riêng với Kítxinhgiơ, hơn 300 cuộc họp báo, chỉ kể những lần đi lại của đồng chí Lê Đức Thọ từ Hà Nội đến Pari và từ Pari trở về Hà Nội đã dài hơn đường từ quả đất lên cung trăng!

Theo các giới gần các đoàn, những thời kỳ đàm phán sôi nổi nhất là khi mới bắt đầu hội nghị (tháng 5,

* Bài đăng trên Báo *Nhân dân,* số ra ngày 19-12-1973.

tháng 6-1968), tháng 8, 9, 10-1968 và đặc biệt là những tháng cuối năm 1972.

Ngày 08-10-1972 đánh dấu một bước ngoặt trong cuộc đàm phán. Từ khi lên cầm quyền, tập đoàn Níchxơn nham hiểm thực hiện "Việt Nam hóa chiến tranh", ồ ạt đưa quân xâm lược Campuchia, đánh vào cái mà chúng gọi là "đất thánh của cộng sản". Đầu năm 1971, chúng mở phản công lớn ở đường 9 - Nam Lào với ý đồ cắt đứt chi viện, cô lập miền Nam. Từ tháng 5-1972, chúng thả mìn phong tỏa bờ biển, tiến hành trở lại chiến tranh phá hoại với quy mô lớn, dùng cả máy bay chiến lược B.52 tàn phá miền Bắc nước ta. Những cuộc phiêu lưu quân sự của đế quốc Mỹ đã bị quân và dân ta ở cả hai miền, nhân dân Lào, nhân dân Campuchia anh em giáng trả những đòn đích đáng. Tình hình đó buộc Níchxơn phải đi vào đàm phán thật sự.

Những ngày cuối tháng 9, đầu tháng 10-1972 là những ngày đấu tranh rất khẩn trương, mỗi ngày họp chín, mười giờ. Phiên họp riêng chiếm kỷ lục về họp dài là phiên ngày 11 và 12 bắt đầu từ 9 giờ rưỡi sáng 11 đến mãi 2 giờ sáng 12-10-1972; các đại biểu ta và đối phương tranh luận cả trong lúc ăn.

Ngày 08-10-1972, ta đưa ra bản dự thảo Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam, chủ trương giải quyết toàn bộ vấn đề Việt Nam trong hai bước: trước hết, chấm dứt chiến tranh trên toàn cõi Việt Nam, thực hiện ngừng bắn ở miền Nam

Việt Nam, chấm dứt mọi sự dính líu quân sự của Mỹ ở miền Nam Việt Nam, rút hết quân Mỹ và chư hầu, trao trả hết những người bị bắt của các bên, thỏa thuận về những nguyên tắc thực hiện quyền tự quyết của nhân dân miền Nam nước ta.

Sau đó, trong bước thứ hai, hai bên miền Nam Việt Nam cùng nhau giải quyết những vấn đề nội bộ trong vòng ba tháng, kể từ khi ngừng bắn.

Khi nhận được bản dự thảo, phía Mỹ xin ngừng họp để trao đổi ý kiến riêng với nhau. Sau đó họ tuyên bố tán thành những nguyên tắc và những nội dung chủ yếu của dự thảo hiệp định. Sáng kiến đó của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được sự thỏa thuận của Chính phủ cách mạng đã đưa cuộc đàm phán về vấn đề Việt Nam kéo dài từ hơn bốn năm đi vào con đường giải quyết. Những ngày 9, 10, 11 và sáng 12 tháng 10, hai bên đi vào thảo luận cụ thể và có thể coi như hai bên đã thỏa thuận toàn bộ, vào lúc giao điểm giữa ngày 11 và 12, trừ vài vấn đề cần phải thảo luận thêm.

Chiều và tối 12 tháng 10, chuyên viên hai đoàn họp lại đối chiếu văn bản tiếng Việt và tiếng Anh. Các nhà báo phương Tây phát hiện được cuộc họp này và đăng ảnh trên tuần báo *Nhanh* của Pháp. Cuộc họp kỹ thuật cũng đạt được kết quả tốt.

Trên cơ sở đó, hai bên thỏa thuận gặp nhau lại ngày 17 tháng 10 tại Gípxuya Yvéttơ, một thị xã nhỏ ở cách Pari khoảng 30 kilômét, tại một biệt thự do Đảng

Cộng sản Pháp cho mượn. Biệt thự nho nhỏ, xinh xinh này trước là xưởng vẽ của họa sĩ nổi tiếng Phécnăng Lêgiê, gia đình tặng Đảng Cộng sản Pháp sau khi họa sĩ mất.

Đồng chí Lê Đức Thọ về nước, đồng chí Xuân Thủy là đại diện chính của ta trong phiên họp với tiến sĩ Kítxinhgiơ ngày 17 tháng 10.

Theo các nguồn tin ngoại giao có thẩm quyền, trong cuộc họp này thật ra chỉ còn vài vấn đề, vấn đề lớn nhất là vấn đề những người dân thường bị bắt. Chính quyền Níchxơn có chủ tâm xấu trong vấn đề này từ lâu. Trong cái gọi là kế hoạch năm điểm ngày 05-10-1970, Níchxơn tách vấn đề những người dân thường bị bắt thành hai: "Dân sự vô tội" và "dân sự có tội"; để lộ ý đồ giam giữ những người kháng chiến hoặc không đồng tình với bọn Thiệu.

Cuộc họp ngày 17-10-1972 kéo dài từ 10 giờ sáng đến khuya không đạt kết quả, điểm 8c về trao trả dân thường bị bắt hoàn toàn bế tắc. Phía Mỹ khăng khăng không chịu trả lại tự do cho toàn bộ những người dân thường bị bắt, họ ngụy biện rằng "dân thường có tội" gây ra những vụ bắn súng, ném lựu đạn... thì không được trả lại tự do, phải coi là "thường phạm". Đại biểu ta kiên quyết bác bỏ lập luận phi lý của đối phương; ta nhắc lại quy định của Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về "dân thường bị bắt" là những người tham gia dưới bất cứ hình thức nào vào cuộc đấu tranh vũ trang và

chính trị giữa hai bên. Đối phương đuối lý, nhưng vẫn không nhượng bộ.

Ngày 18-10-1972, nhân dịp ta hạ chiếc máy bay thứ 4.000, Đoàn đại biểu ta họp báo nêu rõ thắng lợi to lớn và quyết tâm chống Mỹ, cứu nước của quân và dân cả nước.

Các nhà báo Mỹ và phương Tây đến họp rất đông để tìm hiểu và moi tin về những cuộc gặp riêng. Ta khẳng định rằng chính quyền Níchxơn, tuy thất bại rất nặng nề, nhưng vẫn còn rất ngoan cố và xảo quyệt, cuộc đàm phán vẫn bế tắc.

Sau cuộc gặp riêng ngày 17 tháng 10, hai bên tiếp tục trao đổi thông điệp thảo luận về những vấn đề còn lại. Nhờ thiện chí của ta, ngày 20 tháng 10, trong thông điệp gửi Thủ tướng nước ta, Tổng thống Mỹ hoan nghênh Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và xác nhận rằng văn bản hiệp định "coi như đã hoàn thành"; Mỹ đề nghị ký hiệp định ngày 31 tháng 10, chấm dứt ném bom trên toàn miền Bắc ngày 23 tháng 10 và ngừng bắn ở miền Nam ngày 28 tháng 10. Nhưng cũng trong thông điệp ấy, Mỹ lại nêu ra một số vấn đề phức tạp. Ta giải thích rõ, vì thế trong thông điệp ngày 22 tháng 10, Tổng thống Mỹ đánh giá cao thông điệp trả lời của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và tỏ ý thỏa mãn.

Nhưng sau đó, Mỹ lại đưa ra nhiều điều vô lý để lật lọng. Cuối tháng 10 và đầu tháng 11, Mỹ ào ạt

chuyên chở vũ khí vào miền Nam Việt Nam, nhất là máy bay. Chúng chuyển máy bay F.5, C.130 và nhiều loại bay khác từ Thái Lan, Đài Loan, Iran,... vào Sài Gòn.

Trước thái độ tráo trở của chính quyền Níchxơn, ngày 26-10-1972, Chính phủ ta ra tuyên bố về tình hình cuộc đàm phán, công khai nêu ra chín vấn đề chủ yếu của hiệp định đã được thỏa thuận.

Ngay ngày 26 tháng 10, trong phiên họp thứ 164 Hội nghị Pari về Việt Nam, Đoàn đại biểu ta vạch mặt chính quyền Níchxơn, tố cáo Mỹ tiếp tục chiến tranh và đòi Mỹ thực hiện ngay những điều đã thỏa thuận.

Trong cuộc họp báo sau phiên họp đó, do đồng chí Xuân Thủy chủ trì, rất sôi nổi, các nhà báo tranh nhau hỏi.

Báo chí phương Tây và dư luận ngoại giao, dư luận quốc tế nhận định việc Chính phủ ta công bố chín điểm thỏa thuận là một đòn rất mạnh đánh vào Níchxơn, một đòn bạc thầy, dồn Mỹ vào chân tường.

Lúc ta công bố tuyên bố chín điểm, ở Oasinhtơn là đêm khuya. Nhân viên Nhà trắng phải dựng Níchxơn, Kítxinhgiơ dậy nghe đài *Tiếng nói Việt Nam*. Ngay sáng hôm đó (giờ Oasinhtơn), Kítxinhgiơ hối hả họp báo, buộc phải thừa nhận những điều ta công bố là đúng. Ông ta nói "hòa bình ở tầm với tay", chỉ cần "một lần họp độ ba bốn ngày" để giải quyết khoảng "sáu, bảy vấn đề cụ thể" là xong cả.

Ngày 27 tháng 10, Đoàn đại biểu ta họp báo bác bỏ những lý lẽ của Mỹ và nhấn mạnh rằng hòa bình đã ở đầu ngòi bút; vì Mỹ phá hoại cho nên dự thảo hiệp định đã làm xong mà vẫn không ký kết được, Mỹ phải chịu trách nhiệm về chiến tranh kéo dài.

Tháng 11-1972

Việc ta công bố những điều đã thỏa thuận làm cho Níchxơn hết sức lúng túng, nhất là ngày bầu tổng thống đến nơi. Báo chí Mỹ, và báo chí các nước phương Tây kịch liệt công kích chính quyền Mỹ. Các tuyên bố của ta trong mấy ngày liền chiếm trang nhất các báo, là chủ đề chủ yếu của các đài phát thanh và các hãng thông tấn. Hàng trăm nhà báo viết, báo nói, vô tuyến truyền hình tới tấp xin phỏng vấn hai đoàn ta ở Pari.

Ngày 02 tháng 11, Níchxơn buộc phải lên tiếng thừa nhận đã đạt thỏa thuận cơ bản về phần lớn các điều khoản của một giải pháp, nhưng lại nói còn một số điều khoản cần phải làm rõ để "xóa bỏ mọi sự mập mờ". Chính Níchxơn đề nghị ký hiệp định ngày 31 tháng 10 nay lại bù lu bù loa "kiên quyết chống lại thời hạn độc đoán ngày 31 tháng 10"!

Bối rối trước sự bất bình của dư luận. Níchxơn đầu nói một đằng, đuôi nói một nẻo. Đoạn trên Níchxơn nói chỉ còn những chi tiết, đoạn dưới lại bịa đặt còn

"những vấn đề trung tâm phải làm sáng tỏ để không có hiểu lầm có thể phá vỡ giải pháp chiến tranh có thể lại bùng nổ". Sự mâu thuẫn đó phản ánh thói chuyên nói dối của tập đoàn Níchxơn, biểu hiện rõ rệt trong vấn đề Việt Nam và vụ Oatơghết.

Vì Mỹ nói dối, trì hoãn ký kết mà chúng ta buộc phải thông báo những điều đã thỏa thuận để nhân dân ta, nhân dân thế giới, nhân dân Mỹ biết sự thật. Chúng ta khẳng định việc thông tháo không ảnh hưởng gì đến các cuộc đàm phán.

Cuối tháng 10 và đầu tháng 11, Mỹ gửi nhiều thông điệp đề nghị gặp lại. Ta đồng ý. Giữa tháng 11-1972, đồng chí Lê Đức Thọ trở lại Pari. Ngày 20 tháng 11, đợt gặp riêng lần thứ 22 tiếp tục và kéo dài đến ngày 25.

Như ta dự đoán trước, phía Mỹ nêu lại nhiều vấn đề, trong đó có nhiều vấn đề lớn đã thỏa thuận. Họ còn dọa kéo dài chiến tranh xâm lược. Đại biểu ta kiên quyết bác bỏ các luận điệu và dọa nạt của địch. Ta vừa nêu thiện chí vừa tỏ rõ quyết tâm chống Mỹ, cứu nước.

Do thái độ ngang ngạnh, xảo trá của Mỹ, sau sáu ngày họp, đàm phán sa lầy sâu hơn; tuy nhiên, hai bên vẫn hẹn gặp nhau lại vào ngày 04 tháng 12.

Ngày 25-11-1972, các nhà báo Mỹ và Pháp lần đầu tiên mò đúng chỗ hai đoàn họp. Họ xô nhau chụp

ảnh, quay phim; từ đó những cuộc gặp riêng, bí mật trở thành những cuộc họp được thông báo công khai.

Tháng 12-1972

Tháng 12-1972, học thuyết Níchxơn phơi bày trần trụi nhất những đặc điểm và mâu thuẫn của nó: phải tìm đường rút ra khỏi Việt Nam nhưng vẫn cứ muốn ở lại; thua, phải đàm phán nhưng cứ mưu giành thế mạnh; buộc phải xuống thang nhưng vẫn cố leo thang; thế suy, lực giảm, nhưng tìm mọi cách phô trương lực lượng;...

Các mâu thuẫn và đặc điểm ấy như sợi chỉ đen xuyên qua toàn bộ hành động của chính quyền Níchxơn trong đợt gặp riêng thứ 23 cũng như trong trận tập kích bằng không quân chiến lược vào Hà Nội, Hải Phòng.

Ngày 04 tháng 12, các đồng chí lãnh đạo đoàn ta gặp Kítxinhgiơ. Nhiều nhà báo đi ô tô, mô tô chực sẵn trước cửa trụ sở đoàn ta từ 5 giờ sáng, hễ có người ra khỏi cổng là họ bám sát. Dụng ý trêu và đánh lạc hướng nhà báo, một đồng chí lái xe người Pháp, phóng xe chạy vào một bệnh viện; nhà báo đuổi theo, khi biết bị lừa, họ lại vội quay trở lại, tìm kỳ được nơi họp mới. Khi phát hiện được nơi họp, các phóng viên liền tổ chức bao vây chặt. Có người thuê thang cao để quay phim, chụp ảnh, có người leo lên cây giống như bộ đội cố "chiếm lĩnh điểm cao" để quan sát. Họ ngồi trên cây suốt ngày, không quản tuyết rơi, gió lộng. Họ không phải chỉ là

dăm, ba người, mà là dăm, bảy chục người thuộc nhiều quốc tịch. Có nhiều ngày, họ đứng ngoài trời từ sáng sớm đến tối mịt để quan sát nét mặt của hai bên. Họ say mê với vấn đề Việt Nam, họ tận tụy với nghề nghiệp. Từ ngày 04 đến 13-12-1972, các phóng viên đưa tin những người đứng đầu hai đoàn nhiều ngày nét mặt rất nghiêm.

Các nhà báo nhận xét khá đúng. Sau mười ngày tranh luận đàm phán vẫn bế tắc, có thể nói bế tắc hơn tháng 11. Mỹ vu cáo ta kéo dài những cuộc thảo luận một cách "cố ý và vô ích". Thật ra, chính Mỹ cố tình phá bĩnh. Chuyên viên đoàn ta cộng sổ tính ra Mỹ đòi sửa tất cả 126 chỗ cả về thực chất lẫn kỹ thuật, nội dung và từ ngữ. Mỹ gây rắc rối trong vấn đề khu phi quân sự, không chịu thừa nhận thực tế có hai chính quyền, hai quân đội ở miền Nam Việt Nam, ngoan cố không chịu trả lại tự do cho tất cả những dân thường bị bắt. Mỹ cũng thụt lùi trong điều khoản nói về hòa hợp, hòa giải dân tộc mà họ đã thỏa thuận hồi tháng 10. Thành phần, số lượng, chức năng của Ủy ban kiểm soát và giám sát quốc tế là một vấn đề thảo luận gay go ngày 12 tháng 12.

Theo nhiều nguồn tin, trong đợt gặp riêng này, đại biểu Mỹ nhiều lần nói chán ngấy họp, không biết có nên họp nữa không. Trong suốt 10 ngày họp, ngày nào Mỹ cũng dọa không kiềm chế được tình hình; chiến tranh

tiếp tục thì không phải ở quy mô hiện tại. Có ngày Mỹ dọa đến bảy lần! Nhưng chúng ta đâu phải là những người dễ dọa. Các đồng chí lãnh đạo đoàn ta tỏ thái độ kiên quyết nhất.

Đợt họp không đạt kết quả. Hai bên không định ngày gặp lại nhau nhưng thỏa thuận không tiết lộ nội dung và tình hình đợt gặp, trao trách nhiệm cho chuyên viên hai đoàn tiếp tục trao đổi ý kiến về hiệp định và các nghị định thư.

Ngày 13, Kítxinhgiơ rời Pari về Mỹ. Ngày 15, đồng chí Lê Đức Thọ cũng từ Pari về nước.

Các sự kiện dồn dập diễn ra.

Vi phạm lời cam kết, ngày 16-12-1972, tại Oasinhtơn đại biểu Mỹ họp báo vu cáo ta xuyên tạc sự thật của quá trình đàm phán trong hai đợt tháng 11 và tháng 12, đổ trách nhiệm cho chúng ta "đưa hết vấn đề phù phiếm này đến vấn đề phù phiếm khác". Công khai nói lên sự ngoan cố của họ, đại biểu Mỹ quả quyết rằng chính phủ họ "sẽ không bị xô đẩy vào một thỏa hiệp... không bị quyến rũ vào một thỏa hiệp cho đến khi nào những điều khoản trong hiệp định là đúng đắn".

Tất cả chỉ là những cớ giả tạo mà bọn xâm lược Mỹ cố ý nặn ra để tiến hành trận đánh phản bội bằng máy bay chiến lược B.52 vào Hà Nội, Hải Phòng, hòng dùng vũ lực ép ta phải chấp nhận một giải pháp theo ý muốn của chúng.

Đồng chí Lê Đức Thọ về đến Hà Nội hồi 16 giờ ngày 18 thì bốn giờ sau tập đoàn Níchxơn trút bom xuống cách khu dân cư ở Hà Nội và Hải Phòng.

"Cố gắng chấm dứt chiến tranh" của chính quyền Níchxơn là như thế đấy! Chúng tàn nhẫn vung binh hỏa nhưng miệng chúng vẫn lem lém giả nhân giả nghĩa "thật là đau khổ khi nghĩ đến niềm hy vọng của hàng triệu người"!

Già đòn non nhẽ

Vô cùng cảm ơn Trung ương Đảng, Chính phủ, Bộ Tổng tư lệnh luôn luôn chỉ thị cho toàn dân, toàn quân ta phải không ngừng nâng cao cảnh giác cách mạng. Những khi đàm phán khẩn trương nhất là những lúc phải hết sức phòng và chống tư tưởng chủ quan, khinh địch, sơ hở. Kinh nghiệm những năm 1946, 1954 và 1972 chỉ rõ bọn đế quốc không bao giờ tôn trọng cam kết.

Những kinh nghiệm trước đây cộng với những bài học rút ra từ sự lật lọng tháng 10-1972 của tập đoàn Níchxơn rất cần thiết đối với chúng ta trong việc chuẩn bị ứng phó một cách kịp thời hồi 12 ngày đêm lịch sử cuối năm 1972.

Kẻ bị bất ngờ chính là Níchxơn và bè lũ, là Lầu Năm góc!

Ngày 18 tháng 12, các giới kiều bào ở Pháp hồi hộp, châu Âu hồi hộp, loài người tiến bộ hồi hộp.

Mọi người lo lắng hỏi: Hà Nội có thể đứng vững được không hay bị B.52 nghiền nát? Hà Nội chịu đựng được mấy ngày?

Sáng 19-12-1972, *Việt Nam thông tấn xã* truyền ra khắp thế giới bản tin VNA số 72-219 ghi rõ trả lời dõng dạc của Hà Nội: *Đêm qua, 18-12-1972, Hà Nội đại thắng: Hà Nội và Vĩnh Phú phối hợp nhịp nhàng, ngay từ phút đầu hạ hai máy bay chiến lược B.52. Nhiều giặc lái bị diệt hoặc bị bắt. Nghệ An cũng hạ được một B.52, Hải Phòng hạ một A.7.*

Đồng chí, đồng bào ở Pari, bạn bè khắp thế giới thở phào nhẹ nhõm, tin tưởng, phấn khởi.

Giắc Mađôn, một nhà văn Thiên chúa giáo, viết trên tờ *Thế giới:* Không kẻ nào có thể khuất phục được Việt Nam; nếu Việt Nam bị đẩy lùi thì cả thế giới bị bọn hung nô mới tràn ngập. Việt Nam muôn đời hiên ngang!

Ngày 23 tháng 12, các báo Pháp và phương Tây tường thuật lời tuyên bố của một tên sĩ quan không quân Mỹ thừa nhận Hà Nội là *"nơi được bảo vệ tốt nhất trong lịch sử chiến tranh".*

Đứng trước những thiệt hại của Mỹ, tờ *Thời báo Niu Óóc,* ngày 28 tháng 12, viết "Với tỷ lệ thiệt hại như hiện nay, người ta không biết chiến tranh còn có thể kéo dài được bao lâu nữa".

Hãng thông tin *Roitơ,* ngày 30 tháng 12, quả quyết rằng: với số thiệt hại trong những ngày vừa qua, *toàn bộ B.52 của Mỹ sẽ bị tiêu diệt nếu chiến tranh kéo dài ba tháng nữa.*

Tập đoàn Níchxơn vừa thất bại nặng nề, vừa bị dư luận toàn thế giới lên án, đặt ra ngoài vòng pháp luật. Tờ báo Anh *Người bảo vệ* hạch tội Níchxơn, gọi y là một kẻ giết người tàn nhẫn nhất, đẫm máu nhất trong lịch sử.

Thời báo *Niu Oóc* đau xót nhận định: "Trong hành động này, nước Mỹ có nguy cơ trở thành dã man, quay trở lại thời đại đồ đá, làm cho cả nền văn minh của Mỹ bị sụp đổ".

Tại Pari, hai đoàn đại biểu ta liên tiếp lên án chính quyền Níchxơn. Ngày 18 tháng 12, trong một cuộc họp chuyên viên, ta tuyên bố ngừng họp cho đến khi nào Mỹ chấm dứt ném bom. Ngày 19 tháng 12, đồng chí Xuân Thủy họp báo vạch tội Mỹ.

Thắng lợi vô cùng oanh liệt của quân và dân ta trong 12 ngày đêm quyết chiến quyết thắng, kết hợp với sức ép của dư luận toàn thế giới đã buộc tập đoàn Níchxơn phải chấm dứt ném bom từ vĩ tuyến 20 trở ra hồi 7 giờ sáng 30-12-1972, nối lại cuộc họp chuyên viên hai bên ngày 02-01-1973. Và đồng chí Lê Đức Thọ trở lại Pari gặp riêng lần thứ 24 với Kítxinhgiơ ngày 08-01-1973, ký tắt Hiệp định ngày 23 tháng 01 và ký chính thức ngày 27-01-1973.

HƯƠNG XUÂN

CHUYỆN HỘI NGHỊ PARI VỀ VIỆT NAM*

Năm nay, chúng ta kỷ niệm lần thứ 20 cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân và cũng kỷ niệm lần thứ 20 ngày khai mạc Hội nghị Pari về Việt Nam (13-5-1968) và lần thứ 15 ngày ký Hiệp định Pari về Việt Nam (23-01-1973, ký tắt, 27-01-1973, ký chính thức). Là một người có may mắn được tham gia Hội nghị, nhân dịp này, tôi xin mạo muội kể dăm ba mẩu chuyện về giai đoạn đầu và giai đoạn cuối của Hội nghị.

I. KỂ VỀ GIAI ĐOẠN ĐẦU

Lời hịch của Bác

Đã thành lệ, vào dịp Tết dương lịch và âm lịch, năm nào Bác Hồ cũng có thơ chúc mừng quân dân cả nước.

Ngày 01-01-1968, thơ chúc Tết của Bác như sau:

Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua,
Thắng trận tin vui khắp nước nhà,
Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ,
Tiến lên!
Toàn thắng ắt về ta!

Bài thơ thực chất là lời hịch của Bác kêu gọi quân và dân ta tích cực chuẩn bị cuộc tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt ở miền Nam chống Mỹ - ngụy.

---

* Bài đăng trên Báo *Nhân dân,* số ra từ ngày 23 đến 27-01-1988.

Báo *Nhân dân* số Tết Mậu Thân đề ngày 29-01-1968 còn đăng bài thơ *Bài ca xuân 68* của Tố Hữu, được ngâm trên Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam đúng vào đêm giao thừa. Bài thơ có đoạn viết:

Anh chị em ơi!
Hãy giương súng lên cao, chào xuân 68
Xuân của Việt Nam
Xuân của lòng dũng cảm
...

Theo mệnh lệnh của Đảng, của Tổ quốc, bắt đầu từ đêm giao thừa, quân và dân ta đã mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy đồng loạt ở khắp miền Nam, đánh cho địch những đòn trời giáng, làm cho chúng bối rối, kinh hoàng, làm cho đồng bào cả nước và bạn bè khắp năm châu hết sức tự hào, phấn khởi.

Lần đầu đưa tin về sự kiện lịch sử này, báo *Nhân dân* ngày 31-01-1968 dưới đầu đề chạy suốt trang nhất, viết: Trung Trung Bộ tiến công hàng loạt thành phố, thị xã, thị trấn và căn cứ Mỹ - ngụy, làm chủ hoàn toàn thị xã Buôn Ma Thuột và thị trấn Tân Cảnh.

Trang 1 báo *Nhân dân* ngày 23-3-1968 với đầu đề chạy suốt trang, đưa tin: 45 ngày đêm liên tục tiến công, nổi dậy, miền Nam anh hùng diệt và bắt gọn hơn 15 vạn tên địch, bắn rơi, phá hủy 2.200 máy bay, phá 2.500 xe quân sự, 1.750 xe bọc thép, 300 đại bác, san bằng 823 đồn bốt, phá 300 kho tàng.

Trang 1 báo *Nhân dân* ngày 27-4-1968 đưa tin: 75 ngày đêm chiến đấu, miền Nam anh hùng diệt và bắt sống hơn 20 vạn tên địch, trong đó có sáu vạn tên Mỹ và chư hầu, bắn rơi và phá hủy 2.500 máy bay, phá hủy hơn 2.380 xe tăng, xe bọc thép của địch.

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân đã làm chấn động nước Mỹ, giáng một đòn có ý nghĩa quyết định vào ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải tìm cách thoát ra khỏi con đường hầm bằng cách xuống thang chiến tranh, đề nghị đàm phán.

Chính trong hoàn cảnh bối rối, khó khăn, thất bại ấy và trong năm bầu cử Tổng thống Mỹ, ngày 31-3-1968, Giônxơn đọc diễn văn nêu ra mấy điểm: Hạn chế ném bom và bắn phá miền Bắc (chỉ ném bom, bắn phá từ vĩ tuyến 19, 20 trở vào); đề nghị nói chuyện với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để tìm giải pháp hòa bình cho vấn đề Việt Nam; không ra ứng cử tổng thống, v.v..

Tiến công ngoại giao

Chỉ ba ngày sau bài diễn văn ngày 31 tháng 3 của Giônxơn, ta đã lên tiếng. Tuyên bố ngày 03-4-1968 của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nghiêm khắc lên án Mỹ xâm lược Việt Nam, chà đạp các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam đã được Hiệp định Giơnevơ năm 1954 công nhận, nêu quyết tâm của quân và dân ta chiến đấu đến khi giành thắng lợi cuối cùng. Tuyên bố của Chính phủ ta phê phán những thủ đoạn xảo quyệt

của Giônxơn xoa dịu dư luận Mỹ như ném bom hạn chế miền Bắc. Tuyên bố có đoạn viết: Tuy nhiên, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyên bố "sẵn sàng cử đại diện của mình tiếp xúc với đại diện Mỹ nhằm xác định với phía Mỹ việc Mỹ chấm dứt ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để bắt đầu có thể nói chuyện. Tuyên bố cũng nêu rõ lập trường đàm phán của ta là bốn điểm của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa công bố năm 1965 và Cương lĩnh của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Có thể nói tuyên bố ngày 03-4-1968 mở đầu cuộc tiến công ngoại giao, đưa đấu tranh ngoại giao phát triển sang một giai đoạn mới, phối hợp nhịp nhàng với đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị.

Vai trò, nhiệm vụ của mặt trận ngoại giao trong công cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, cứu nước được Đảng và Nhà nước ta quan tâm từ lâu. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 12 (khóa III) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (tháng 12-1965) ghi: "Đẩy mạnh đấu tranh ngoại giao, tích cực tranh thủ sự ủng hộ của phe xã hội chủ nghĩa và của nhân dân thế giới". Nghị quyết Hội nghị lần thứ 13 (khóa III) tháng 01-1967 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhấn mạnh vai trò "quan trọng, tích cực và chủ động" của đấu tranh ngoại giao; nêu rõ nhiệm vụ của mặt trận ngoại giao là cần vận dụng sách lược ngoại giao một cách linh hoạt, khôn khéo nhằm

phân hóa nội bộ Mỹ, khoét mâu thuẫn giữa Mỹ và các đế quốc khác, cô lập bọn hiếu chiến nhất; buộc Mỹ phải thừa nhận lập trường của ta phải công nhận và thương lượng với Mặt trận Dân tộc giải phóng, phải rút quân Mỹ và quân chư hầu ra khỏi miền Nam. Nghị quyết 13 (khóa III) có đoạn ghi: "Trước mắt, chúng ta cần tập trung vào khẩu hiệu đòi Mỹ phải chấm dứt không điều kiện và vĩnh viễn việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa".

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 14 (khóa III) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp tháng 01-1968 nói cụ thể hơn về nhiệm vụ đấu tranh ngoại giao. "Công tác ngoại giao của ta phải nhằm tiến công địch trong lúc chúng đang lúng túng, bị động cả về quân sự và chính trị, đồng thời phải mở đường cho địch đi vào thương lượng theo hướng có lợi nhất cho ta. Phải chuẩn bị những phương án cần thiết để khi tình hình bắt buộc địch phải thương lượng với ta thì ta có thể luôn luôn giữ vững thế chủ động trong quá trình đàm phán".

Những tài liệu kể trên cho thấy ta rất chủ động trong việc buộc Mỹ phải ngồi vào đàm phán khi có điều kiện. Tuyên bố ngày 03-4-1968 thể hiện sự chủ động ấy của ta.

Lúc đầu, như tuyên bố ngày 03-4-1968 của Chính phủ ta đã nói, ta chủ trương cử đại diện cấp đại sứ tiếp xúc với đại diện Mỹ. Nhưng để nâng cao hơn nữa tầm quan trọng của đấu tranh ngoại giao, phát huy hơn nữa thế tiến công, tuyên bố ngày 03-5-1968 của Chính phủ

ta chủ trương tiến hành ngay cuộc nói chuyện chính thức giữa Hà Nội và Oasinhtơn, tuyên bố cử Bộ trưởng Xuân Thủy làm đại diện của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa "nói chuyện với đại diện Mỹ việc chấm dứt không điều kiện việc ném bom và mọi hành động chiến tranh khác chống Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, và sau đó nói chuyện về những vấn đề khác liên quan đến hai bên".

Cuộc tiến công ngoại giao này của ta làm cho chính quyền Giônxơn lúng túng, bối rối, phân hóa rõ rệt các giới cầm quyền Mỹ; khuyến khích mạnh mẽ phong trào phản chiến và đòi hòa bình ở Mỹ. Các nước anh em và dư luận rộng rãi trên thế giới nhiệt liệt hoan nghênh lập trường đúng đắn và thiện chí của ta.

Sự bối rối, lúng túng, cùng sự xảo quyệt của đối phương thể hiện rõ rệt ở chỗ họ tìm mọi cách trì hoãn cuộc gặp, ở chỗ từ chối nhiều địa điểm ta đề nghị như Phnôm Pênh, Vácsava. Chúng ta đều nhớ trước đây Giônxơn đã nhiều lần nói rằng Mỹ sẵn sàng đàm phán với Hà Nội bất cứ lúc nào, bất cứ nơi nào miễn là có một cái phòng, một cái bàn với mấy cái ghế! Việc Mỹ từ chối địa điểm Phnôm Pênh và Vácsava và việc Mỹ đưa ra mười địa điểm khác càng làm cho chính quyền Giônxơn bị lên án và cô lập.

Sau khi Mỹ từ chối Phnôm Pênh và Vácsava ta đề nghị lấy Pari làm địa điểm nói chuyện, phía Mỹ phải bị động chấp nhận. Cuộc thương lượng về địa điểm họp kéo dài hơn một tháng, báo hiệu cuộc đàm phán không dễ dàng.

Đoàn 37

Đầu tháng 4-1968, anh Xuân Thủy, lúc đó là Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, được cử làm đại diện của ta nói chuyện chính thức với Mỹ.

Ngày 12-4-1968, một số anh em, trong đó có tôi được các đồng chí lãnh đạo gọi đến phổ biến tình hình nhiệm vụ chống đế quốc Mỹ, cứu nước nhiệm vụ đấu tranh ngoại giao.

Các đồng chí lãnh đạo nói chủ trương của ta là họp cấp bộ trưởng, chủ yếu đòi Mỹ chấm dứt không điều kiện việc ném bom và các hành động chiến tranh khác chống miền Bắc Việt Nam. Việc giải quyết toàn bộ vấn đề Việt Nam phải có Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Cuộc họp nêu ra mấy khả năng: khả năng địch phải chấm dứt ném bom, khả năng nhùng nhằng. Cuộc họp phân tích chủ trương của Mỹ là giải quyết cả gói. Nói chung, anh em đều nhận định giai đoạn đầu cãi vã nhiều. Ta phải dùng diễn đàn Pari để nêu rõ lập trường chính nghĩa và thiện chí của ta, lên án địch, tranh thủ và thuyết phục dư luận, nói có tình, có lý, tích cực hỗ trợ cho cuộc chiến đấu của quân và dân ta ở miền Nam.

Bác Hồ thông qua các đồng chí lãnh đạo, dặn dò anh em: lên án mạnh mẽ bọn xâm lược Mỹ nhưng tránh xúc phạm tự ái, tự tôn dân tộc của nhân dân Mỹ; khi đàm phán cần căng thì phải căng nhưng tránh làm đứt.

Ngày 19-4-1968, nhiều anh em được chỉ định đi phục vụ cuộc nói chuyện với Mỹ được mời đến họp đoàn ở

nhà anh Xuân Thủy. Anh Xuân Thủy phổ biến thành phần của đoàn: Xuân Thủy, Bộ trưởng, đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Các cố vấn của bộ trưởng: Hà Văn Lâu, Nguyễn Minh Vỹ, Phan Hiền, Nguyễn Thành Lê (kiêm phát ngôn báo chí của đoàn) và một số anh chị em khác thuộc nhiều cơ quan, tổng cộng 37 người. Để giữ bí mật, đoàn đàm phán được gọi với bí danh là Đoàn 37. Về sau này, đoàn đàm phán đông hơn riêng đoàn miền Bắc lúc cao nhất (khi ký Hiệp định Pari) lên tới trên dưới một trăm người.

Trên đường đi Pari

Sáng 07-5-1968, đoàn ta đáp chuyên cơ đến Bắc Kinh. Anh Hà Văn Lâu đã đi Pari từ mấy hôm trước để chuẩn bị. Đại sứ quán ta ở Trung Quốc thuê phòng ở khách sạn Bắc Kinh để đoàn nghỉ ngơi ở đó. Tối 07 tháng 5, Thủ tướng Chu Ân Lai tiếp Bộ trưởng Xuân Thủy và các cố vấn của Bộ trưởng tại Đại lễ đường. Cuộc tiếp kéo dài ba, bốn giờ. Thủ tướng Chu Ân Lai thông báo thái độ của ban lãnh đạo Trung Quốc không hoan nghênh chủ trương của ta nói chuyện chính thức với Mỹ. Ban lãnh đạo Trung Quốc cho là ta lùi hết bước này đến bước khác, thí dụ như về địa điểm họp, về hình thức gặp, về điều kiện nói chuyện, v.v.. Anh Xuân Thủy thông báo với Thủ tướng Chu Ân Lai về quyết tâm chống đế quốc Mỹ, cứu nước của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta, lập trường đàm phán của ta. Anh cảm ơn sự giúp đỡ quan trọng của Đảng, Chính phủ và nhân dân Trung Quốc đối với

sự nghiệp chống đế quốc Mỹ, cứu nước của ta.

(Tiện đây cũng xin nói thêm là từ cuối năm 1968, do nhiều lý do, ban lãnh đạo Trung Quốc không những thôi không trách ta nói chuyện với Mỹ mà lại còn hoan nghênh, thí dụ như nói rằng các đồng chí Việt Nam không những nắm quy luật đấu tranh quân sự mà nắm cả quy luật đấu tranh ngoại giao).

Sáng 08 tháng 5, đoàn đáp máy bay đi Mátxcơva. Các đồng chí Liên Xô đưa đoàn về nghỉ ở một khu biệt thự nằm giữa một cánh rừng ở ngoại ô Mátxcơva.

Sáng 09 tháng 5, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô Côxưghin đến khu biệt thự thăm Bộ trưởng Xuân Thủy. Cùng dự cuộc tiếp có các cố vấn của bộ trưởng.

Bộ trưởng Xuân Thủy giới thiệu tình hình chiến đấu ở Việt Nam những thắng lợi to lớn của cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, quyết tâm của nhân dân ta giành thắng lợi cuối cùng, lập trường đàm phán của ta. Bộ trưởng cảm ơn sự giúp đỡ to lớn, quý báu của Đảng, Chính phủ và nhân dân Liên Xô đối với sự nghiệp chống đế quốc Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

Chủ tịch Côxưghin nhiệt liệt hoan nghênh những thắng lợi của quân và dân ta, hoan nghênh chủ trương của ta mở mặt trận đấu tranh ngoại giao. Đồng chí Côxưghin giới thiệu với đoàn một số kinh nghiệm đấu tranh ngoại giao của Liên Xô. Đồng chí cũng cho ta biết vài nét về Hariman, người sẽ đối thoại với ta.

Đến Pari

Trưa 09 tháng 5, đoàn rời Mátxcơva đi Pari, đầu buổi chiều thì đến. Vụ trưởng Vụ lễ tân Bộ Ngoại giao Pháp, anh Mai Văn Bộ Tổng đại diện của ta tại Pháp, đại diện Đảng Cộng sản Pháp, các đại sứ các nước xã hội chủ nghĩa và các nước có quan hệ ngoại giao với ta, hàng nghìn bà con Việt kiều và đông đảo bạn bè Pháp, hàng trăm nhà báo Pháp, Mỹ và quốc tế ra sân bay Buốcgiê đón Bộ trưởng Xuân Thủy. Quang cảnh nhộn nhịp khác thường. Cờ đỏ sao vàng phấp phới bay ở cột cờ sân bay, nở như hoa trên tay lớp lớp đồng bào và bầu bạn ra đón đoàn. Những tiếng hô "Việt Nam muôn năm!" vang lên như sấm.

Đông đảo nhà báo vây chặt Bộ trưởng Xuân Thủy trong phòng VIP của sân bay, các nhà nhiếp ảnh, các phóng viên truyền hình chen chúc nhau quay phim, chụp ảnh tới tấp. Bộ trưởng Xuân Thủy tuyên bố với các nhà báo lập trường đàm phán của ta. Bản tuyên bố này được phát cho nhà báo và được các hãng thông tấn phát đi rất sớm.

Nơi ở đầu tiên của đoàn là khách sạn Luytêxia, một khách sạn loại vừa ở trung tâm Pari. Khách sạn bị các nhà báo vây chặt. Mỗi khi gặp bất cứ anh em nào trong đoàn là họ "vây" lấy và phỏng vấn. Đoàn ở khách sạn Luytêxia khoảng mươi ngày thì chuyển đến ở tại trường đảng của Đảng Cộng sản Pháp ở Soadi lơ Roa, một thị xã ngoại ô Pari. Tại trường đảng này (trước là

nhà riêng của đồng chí M. Tôrê) Bác Hồ đã đến thăm đồng chí Môrixơ Tôrê, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Pháp, khi Bác sang thăm Pháp năm 1946.

Các đồng chí Pháp hết lòng giúp đỡ đoàn suốt thời gian năm năm đoàn ở Pháp. Các đồng chí cử người nấu nướng, giặt giũ, quét dọn, lái xe và bảo vệ đoàn. Những đồng chí bảo vệ phần nhiều đã cao tuổi, là công nhân về hưu. Các đồng chí thay phiên nhau bảo vệ đoàn cả ngày lẫn đêm. Sự giúp đỡ của các đồng chí Pháp thể hiện sâu sắc tình nghĩa "bốn phương vô sản đều là anh em".

Khi đoàn ta đến Pari thì tình hình Pari đang rất căng thẳng: công nhân bãi công, chiếm đóng xí nghiệp (piquet de grève); sinh viên nghỉ học, chiếm đóng trường. Một bộ phận sinh viên, thanh niên "tả" khuynh chặt cây, đào đường, lập chiến lũy ở một số khu phố. Công đoàn thợ điện ra lệnh cắt điện nhưng vẫn giữ dòng điện đối với nơi ở của các đoàn đàm phán và đối với nơi họp. Tình hình căng thẳng, tiền nội chiến này kéo dài suốt tháng 5 và tháng 6-1968.

Bắt đầu cuộc nói chuyện chính thức giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ

Trong hai ngày 10 và 11 tháng 5, các anh Hà Văn Lâu, Nguyễn Minh Vỹ họp với C. Vanxơ và Ph. Habip bàn và thỏa thuận về thủ tục. Phiên họp đầu tiên của "Cuộc nói chuyện chính thức giữa đại diện Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và đại diện Mỹ" được định vào

10 giờ 30 (giờ địa phương) ngày 13-5-1968 tại "Trung tâm các hội nghị quốc tế" của Chính phủ Pháp ở phố Klêbe (Kléber).

Phiên họp đầu tiên khai mạc đúng ngày giờ đã định. Mười phút đầu họp ở một phòng lớn có tính chất nghi lễ để các nhà báo chứng kiến và đưa tin. Sau đó, cuộc họp chuyển sang một phòng nhỏ hơn. Hai đoàn ngồi đối diện nhau và gật đầu chào xã giao nhau. Hariman giới thiệu Hariman và Vanxơ là những người lãnh đạo đoàn Mỹ. Trong đoàn Mỹ còn có Ph. Habip, người Mỹ gốc Libăng, tướng Gútpátxtơ, phó tư lệnh Mỹ ở Nam Việt Nam và nhiều cán bộ có tầm cỡ khác. Bên cạnh Ph. Habip là một chồng hồ sơ, tư liệu cao đến 50, 60cm.

Theo thủ tục đã được thỏa thuận, Bộ trưởng Xuân Thủy phát biểu ý kiến trước, anh nghiêm khắc lên án Mỹ xâm lược miền Nam, ném bom, bắn phá miền Bắc nước ta, nêu bật quyết tâm của nhân dân cả nước ta chiến đấu vì độc lập, thống nhất của Tổ quốc đã được Hiệp định Giơnevơ năm 1954 công nhận, đòi Mỹ rút quân Mỹ và quân chư hầu ra khỏi miền Nam, chấm dứt ủng hộ bọn Thiệu - Kỳ, tay sai của Mỹ, đòi Mỹ chấm dứt không điều kiện việc ném bom và các hành động chiến tranh khác chống nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Anh nêu rõ giải pháp cho vấn đề Việt Nam là lập trường bốn điểm của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và năm điểm của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Hariman chống đỡ không mạnh mẽ lắm

đối với sự buộc tội của ta, Hariman cố biện hộ cho sự xâm lược của chính quyền Mỹ, vu cáo "miền Bắc xâm lược miền Nam". Hariman đưa ra đề nghị hai bên "cùng xuống thang", "có đi có lại". Hariman gạ gẫm: sẽ dành cho Việt Nam một phần lớn trong số tiền một tỷ đôla dự định viện trợ cho các nước Đông Nam Á sau khi hòa bình lập lại ở Việt Nam.

Bộ trưởng Xuân Thủy bác bỏ các luận điệu đảo ngược phải, trái, trắng đen của đối phương. Một lần nữa, anh đòi Mỹ phải chấm dứt ném bom không điều kiện Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Sau phiên họp, khoảng 15 phút, đoàn ta tổ chức họp báo tại một phòng họp của Bưu điện Pháp. Phòng họp rộng, chứa được vài ba nghìn người. Khi người phát ngôn và các anh chị em phụ trách công tác báo chí của đoàn đến, phòng họp đã chật ních người; riêng Mỹ đã có hơn một nghìn nhà báo. Nhà báo Pháp có tới hàng trăm. Ngoài nhà báo, còn có tùy viên báo chí của các sứ quán.

Máy ảnh bấm lách tách hầu như liên tục, ánh chớp của phlatsơ sáng lòe; ngót trăm máy quay phim dàn hàng ngang như trận địa pháo cao xạ, tranh thủ ghi những hình ảnh cuộc họp báo. Cuộc họp báo rất sôi nổi, kéo dài hai giờ.

Mấy chục nhà báo đặt nhiều câu hỏi về lập trường chủ trương, chính sách của ta.

Có thể nói họp báo là sự kéo dài hội nghị, đưa hội nghị ra trước công luận nhằm tranh thủ sự đồng

tình của dư luận Mỹ và dư luận quốc tế, cô lập thế lực hiếu chiến, ngoan cố trong giới cầm quyền Mỹ. Từ ngày 13-5-1968 đến trước khi bước vào giai đoạn chính thức họp bốn bên, đoàn miền Bắc đã họp 57 cuộc họp báo, trả lời 200 cuộc phỏng vấn, thông báo nội bộ 40 lần cho các nhà báo các đảng các nước anh em.

Cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ đến Pari

Ngày 06-5-1968, khi còn ở Hà Nội, anh em trong đoàn đã được các đồng chí lãnh đạo thông báo là đồng chí Lê Đức Thọ, Ủy viên Bộ Chính trị, sẽ đi Pari để thay mặt Bộ Chính trị trực tiếp lãnh đạo cuộc đàm phán với Mỹ.

Ngày 03-6-1968, anh Lê Đức Thọ (anh em quen gọi là anh Sáu) đến Pari với danh nghĩa công khai là cố vấn đặc biệt của Bộ trưởng Xuân Thủy. Ngày 04-6-1968, anh Sáu họp với anh Xuân Thủy và các cố vấn. Trong cuộc họp, anh Sáu biểu dương nhiều việc làm được, góp ý kiến để sửa chữa những khuyết điểm, nhược điểm mà anh cho là không có gì lớn. Anh phổ biến những nhận định của Bộ Chính trị về tình hình chung, những chủ trương trước mắt. Anh dặn dò anh em phải tìm hiểu đối phương, tìm hiểu ý đồ chiến lược của họ. Anh nêu ý kiến đến lúc nào đó cần tiếp xúc với đối phương ở cấp lãnh đạo đoàn. Anh nói đại ý: Có tiếp xúc thì vấn đề mới mở ra, nếu án binh bất động thì không hiểu được địch. Anh Sáu nói thêm: Tiếp xúc là cần thiết nhưng không vội vã.

Nghỉ - uống chè, cà phê, những cuộc gặp riêng

Vào quãng cuối tháng 5, đầu tháng 6-1968, trong một phiên họp, Hariman đề nghị nghỉ giải lao để uống chè, uống cà phê mà nước chủ nhà đã có nhã ý chuẩn bị. Trưởng đoàn ta đồng ý. Nghỉ - uống chè, uống cà phê trở thành nếp trong nhiều phiên họp công khai. Đưa ra đề nghị nghỉ - uống chè, uống cà phê là đối phương có dụng ý:

1. Làm ra vẻ hội nghị có tiến bộ để tuyên truyền có lợi cho Giônxơn, cho Hămphrây, ứng cử viên tổng thống của Đảng Dân chủ. Đoàn Mỹ phao tin là "có cọng rơm trong gió" (một thành ngữ Mỹ có nghĩa là có tiến bộ ít nhiều).

2. Tiếp xúc trực tiếp với đồng chí Bộ trưởng Xuân Thủy và từng thành viên trong đoàn để tìm hiểu ý đồ của ta. Mỗi lần nghỉ - uống chè, uống cà phê thường kéo dài mấy chục phút, mỗi bàn có dăm ba người cả ta, cả đối phương.

Trong một lần nghỉ - uống chè, người phát ngôn của đoàn Mỹ ngỏ ý mời tôi ăn cơm. Tôi báo cáo với anh Xuân (anh em quen gọi anh Xuân Thủy như vậy) và sau khi được Bộ Chính trị điện đồng ý, tôi chính thức nhận lời mời. Đấy là cuộc tiếp xúc đầu tiên giữa ta và đối phương trong một khách sạn ở khu rừng Bulônhơ. Dự cuộc tiếp xúc này (ngày 17-6-1968) phía ta có hai, ba người, phía đối phương có hai người.

Tiếp sau cuộc tiếp xúc mở đầu này là một số cuộc gặp riêng giữa các anh Hà Văn Lâu, Nguyễn Minh Vỹ với C. Vanxơ và Ph. Habip.

Ngày 07-9-1968, diễn ra cuộc gặp riêng đầu tiên giữa các anh Lê Đức Thọ, Xuân Thủy với Hariman và Vanxơ, cuộc gặp này chỉ cách cuộc bầu cử tổng thống ở Mỹ chỉ có ngót hai tháng. Thời gian rất thúc bách đối với Giônxơn. Trong cuộc gặp, Hariman làm ra vẻ như là hai bên không khác ý kiến nhau về thực chất. Hariman nói: "Chúng tôi có cảm giác là sự khác biệt ý kiến hình như về hình thức nhiều hơn là về thực chất... cả hai bên hình như đã thỏa thuận về vấn đề chấm dứt ném bom miền Bắc Việt Nam và chuyển sang nói chuyện nghiêm chỉnh tìm giải pháp hòa bình. Hình như còn có sự khác biệt ý kiến về hoàn cảnh ném bom và về ý nghĩa của từ nghiêm chỉnh...". Đó là một cách nói của đối phương để che giấu luận điệu "chấm dứt ném bom miền Bắc có điều kiện", "có đi, có lại" "hai bên cùng xuống thang" mà đoàn ta đã nhiều lần phê phán, bác bỏ. Ta kiên quyết đòi Mỹ phải chấm dứt không điều kiện việc ném bom và các hành động chiến tranh khác chống Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Trong cuộc gặp riêng cấp cao lần đầu này, anh Sáu Thọ đã phát biểu ý kiến gần hai giờ, thực chất là đọc bản cáo trạng lên án cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ, nhắc lại cơ sở để giải quyết vấn đề Việt Nam

là bốn điểm của Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và năm điểm của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam.

Trong các ngày 12, 15 và 20 tháng 9, diễn ra các cuộc gặp riêng cấp cao lần thứ hai, thứ ba, thứ tư. Trong những cuộc gặp riêng đó, nhất là trong cuộc gặp riêng ngày 20-9-1968, đối phương đã nêu tương đối cụ thể "hoàn cảnh" để chấm dứt ném bom miền Bắc: giảm hoạt động quân sự ở khu phi quân sự, họ đặc biệt nhấn mạnh đến việc sau khi chấm dứt ném bom, triệu tập một hội nghị có chính quyền Sài Gòn và Mặt trận Dân tộc giải phóng tham gia cùng với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ. Việc mời Mặt trận Dân tộc giải phóng và chính quyền Sài Gòn tham gia không có nghĩa là Mỹ công nhận Mặt trận Dân tộc giải phóng, Việt Nam Dân chủ Cộng hòa công nhận chính quyền Sài Gòn.

Sau cuộc họp ngày 20 tháng 9, các đồng chí lãnh đạo đoàn ta nhận xét: đối phương "mót" lắm rồi. Việc đối phương đưa ra ý kiến mời ngụy quyền là để đỡ mất mặt, để ngụy quân, ngụy quyền đỡ tan rã.

Cần nhớ lại là đối phương chủ trương hội nghị hai bên. Ta bác bỏ quan điểm đó mà nhấn mạnh hội nghị là hội nghị bốn bên. Quan điểm của ta là đề cao Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, người đại diện chân chính duy nhất của nhân dân miền Nam. Cũng nên nhớ lại là từ đầu và từ lâu, ta đã chủ trương vấn đề miền Nam Việt Nam phải do nhân dân miền Nam Việt Nam giải quyết trên cơ sở Cương lĩnh của Mặt trận

Dân tộc giải phóng miền Nam. Điện ngày 08-10-1968 của Bộ Chính trị gửi cho đoàn ta nhấn mạnh: ta không tán thành hội nghị hai bên. Hội nghị phải là Hội nghị bốn bên.

Những cuộc gặp riêng kể trên và những cuộc gặp riêng tiếp theo đã đi đến thỏa thuận Mỹ phải chấm dứt không điều kiện việc ném bom và các hành động chiến tranh khác chống Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và thỏa thuận về nguyên tắc triệu tập Hội nghị Pari về Việt Nam.

1 giờ 30 sáng 30-10-1968, Hariman và Vanxơ gặp anh Sáu, anh Xuân, thông báo chính thức: Mỹ sẽ chấm dứt ném bom và bắn phá miền Bắc kể từ 24 giờ (giờ GMT) ngày 31-10-1968 (tức 7 giờ sáng ngày 01-11-1968) (giờ Hà Nội). Về ngày họp Hội nghị Pari về Việt Nam, họ đề nghị không sớm hơn ngày 06-11-1968.

Tóm lại, sau hơn năm tháng rưỡi đàm phán, với 28 phiên họp công khai, nhiều cuộc tiếp xúc và gặp riêng từ cấp thấp đến cấp cao, kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao, kết hợp đấu tranh trong hội nghị với đấu tranh ngoài hội nghị, tranh thủ dư luận, ta đã giành thắng lợi quan trọng, buộc đối phương phải chấm dứt ném bom và bắn phá miền Bắc mở ra một giai đoạn mới về đấu tranh ngoại giao với việc triệu tập Hội nghị Pari về Việt Nam.

Nhưng như ta biết, đế quốc Mỹ rất ngoan cố, xảo quyệt và tráo trở, dù chúng là Giônxơn hay Níchxơn.

Chính vì thế, đáng lẽ Hội nghị Pari về Việt Nam họp từ đầu tháng 11-1968. Đồng chí Nguyễn Thị Bình đến Pari ngày 04-11-1968, đồng chí Trần Bửu Kiếm đến Pari ngày 16-12-1968 nhưng đối phương gây ra khó khăn giả tạo về hình thù cái bàn, thực chất là vẫn bám vào luận điệu "hai bên" để trì hoãn họp Hội nghị bốn bên. Mãi đến ngày 25-01-1969, Hội nghị Pari bốn bên về Việt Nam mới họp được phiên đầu tiên và kéo dài mãi đến ngày 27-01-1973 mới đi đến ký kết được Hiệp định Pari về Việt Nam.

II. KỂ VỀ GIAI ĐOẠN CUỐI

Một tài liệu đặc biệt trong tửu két Nhà Trắng

Ngày 20-01-1969, Níchxơn chính thức nhậm chức Tổng thống Mỹ. Sáng 21 tháng 01, Níchxơn dậy rất sớm, đi loanh quanh từ phòng này đến phòng khác trong Nhà Trắng. Đến phòng mật, Níchxơn thấy một tủ két đồ sộ. Mở tủ thì thấy một tài liệu dày dăm, bảy trang, đó là bản báo cáo hằng ngày cuối cùng của Cục Tình báo Mỹ gửi Giônxơn. Bản báo cáo cho biết: Trong tuần kết thúc vào ngày 18-01-1969, có 185 lính Mỹ chết, 1.237 lính Mỹ bị thương ở Việt Nam. Từ ngày 01-01-1968 đến 19-01-1968 có 14.958 binh sĩ Mỹ chết trận, 95.798 bị thương ở Việt Nam.

Như vậy là ngay ngày đầu nhậm chức, Níchxơn dù muốn hay không đã phải đụng đầu với thực tế

phũ phàng: Mỹ thiệt hại nặng nề và sa lầy trong chiến tranh xâm lược Việt Nam. Vấn đề Việt Nam là vấn đề số một đè trĩu lên chính quyền Mỹ, lên cả nước Mỹ từ nhiều năm nay. Kítxinhgiơ gọi vấn đề Việt Nam là "cơn ác mộng" của nước Mỹ. Y tả tình thế của chính quyền Níchxơn là tình thế "trên đe, dưới búa": một phía là sự kháng chiến kiên cường của Việt Nam, một phía là phong trào phản chiến của nhân dân Mỹ ngày càng phát triển mạnh mẽ.

Đứng trước tình thế đó, đáng lẽ chính quyền Níchxơn phải sớm chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam, phải đàm phán nghiêm chỉnh với ta để sớm đạt được một giải pháp chính trị hợp tình, hợp lý cho vấn đề Việt Nam, trên cơ sở tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Nhân dân Việt Nam. Nhưng Níchxơn là một tên rất hiếu chiến. Y đã dính líu sâu vào vấn đề Việt Nam từ cuộc chiến tranh Đông Dương lần thứ nhất. Năm 1953, y đã đến Ninh Bình để trực tiếp cổ vũ quân đội viễn chinh Pháp. Khi quân viễn chinh Pháp bị vây chặt ở Điện Biên Phủ, y chủ trương dùng bom nguyên tử đánh ta để cứu bọn thực dân Pháp.

Chính trong tình thế thất bại nặng nề ở Việt Nam, bị chống đối kịch liệt ở trong nước và trên thế giới, nhưng vẫn theo đuổi ảo tưởng giành thế mạnh ở chiến trường và trên bàn đàm phán, trong những tháng đầu năm 1969, tập đoàn Níchxơn đã vạch ra chiến lược về vấn đề Việt Nam gồm ba điểm:

1. Cố gắng tối đa làm yếu đối phương bằng cách gây sức ép tối đa với đối phương về quân sự - ngoại giao - công luận.

2. Ra sức đẩy nhanh hiện đại hóa quân đội Sài Gòn.

3. Rút từng phần quân viễn chinh Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam, nhưng để lại lâu dài một bộ phận quan trọng quân đội Mỹ (dự tính khoảng mười vạn).

Thực hiện chiến lược đó, về mặt quân sự, chính quyền Níchxơn đã ném bom Campuchia bằng B.52 trong năm 1969; năm 1970, đưa quân Mỹ và quân ngụy Sài Gòn xâm lược Campuchia, lật đổ chính quyền Xihanúc, đưa Lon Non lên cầm quyền. Năm 1971, bọn Níchxơn mở cuộc hành quân đánh vào Đường 9 - Nam Lào. Tháng 4-1972, chúng dùng B.52 đánh Hà Nội, Hải Phòng; tháng 5-1972, chúng thả mìn phong tỏa Hải Phòng và các cảng ở miền Bắc. Tháng 12-1972, chúng đánh phá ác liệt Hà Nội và nhiều địa phương khác bằng B.52.

Về mặt ngoại giao, bọn Níchxơn hoạt động ráo riết nhằm cô lập Việt Nam. Kítxinhgiơ, Níchxơn đi thăm một số nước xã hội chủ nghĩa năm 1971 và 1972 chính là để thực hiện ý đồ thâm độc đó.

Về rút quân, trong năm 1969, Níchxơn đã phải rút hơn sáu vạn. Lúc đầu, Níchxơn định chỉ rút nhỏ giọt, tượng trưng để xoa dịu dư luận Mỹ, nhưng, như hồi ký của Kítxinhgiơ đã viết, đó là một quá trình không thể đảo ngược vì các gia đình Mỹ có con em còn ở Việt Nam càng hăng hái đấu tranh đòi con em về; các lực lượng

phản chiến, kể cả trong Quốc hội Mỹ, cho việc rút quân bộ phận là do đấu tranh của họ mà có, cho nên họ càng đấu tranh đòi rút hết. Đến mùa thu năm 1972, 90% quân viễn chinh Mỹ đã phải rút khỏi miền Nam nước ta.

Đồng thời với những hoạt động quân sự, ngoại giao kể trên, chính quyền Níchxơn tăng tốc trong việc củng cố ngụy quyền, ngụy quân. Ngày 08-6-1969, Níchxơn gặp Thiệu ở đảo Mítuây, ban phước cho Thiệu: "Chúng tôi - Níchxơn viết trong hồi ký - kiên quyết ủng hộ ông ta (Thiệu)".

Học thuyết Níchxơn

Thất bại nặng nề ở Việt Nam, chính quyền Giônxơn đã đề ra chủ trương "phi Mỹ hóa chiến tranh Việt Nam". Chính quyền Níchxơn thừa kế chủ trương này nhưng đến tháng 3-1969, M. Leđơ, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ, đề nghị đổi là "Việt Nam hóa chiến tranh".

Chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" được cụ thể hóa, được mở rộng, được nâng lên thành "học thuyết Níchxơn". Trong chuyến đi nam Thái Bình Dương tháng 7-1969, tại Guam, Níchxơn đã công bố "học thuyết Níchxơn", nội dung chính như sau:

- Là một cường quốc Thái Bình Dương, Mỹ kiên quyết ở lại Thái Bình Dương;

- Mỹ kiên quyết tôn trọng các cam kết của Mỹ đã ký với các bạn bè (tay sai);

- Mỹ sẽ không dính líu nếu các quyền lợi cơ bản của Mỹ không đòi hỏi;

- Từ nay Mỹ không đưa quân vào các nước châu Á - Thái Bình Dương mà chỉ giúp đỡ về vũ khí, cố vấn. Các nước bạn phải tự bảo vệ bằng quân đội của mình.

Níchxơn giải thích thêm, học thuyết Níchxơn không chủ trương rút Mỹ ra khỏi châu Á mà chủ trương Mỹ vẫn ở lại châu Á để giúp các nước châu Á tự vệ.

Học thuyết Níchxơn rõ ràng là tư tưởng chỉ đạo các chủ trương, chính sách và hành động của chính quyền Níchxơn về vấn đề Việt Nam trong suốt thời gian cầm quyền của Níchxơn.

Về phía ta, như Nghị quyết Hội nghị lần thứ 20 (ngày 04-4-1972) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã nêu, từ sau thắng lợi to lớn Tết Mậu Thân (1968), quân và dân cả nước ta phối hợp chặt chẽ với nhân dân Lào và nhân dân Campuchia, đã liên tiếp chiến thắng trên tất cả các chiến trường, gây tổn thất nặng nề cho đế quốc Mỹ và tay sai, nổi bật lên là chiến thắng Đường 9 - Nam Lào (mùa Xuân 1971), chiến thắng Đông Hà - Quảng Trị, An Lộc, chiến thắng Xnun, đường số 6 Campuchia, chiến thắng Cánh đồng Chum (1972) đã mở ra khả năng hiện thực đánh bại chính sách "Việt Nam hóa chiến tranh" và học thuyết Níchxơn ở Đông Dương.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 20 (khóa III) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng vạch rõ: Cuộc đấu tranh

giữa ta và địch trên cả ba mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao đang ở thời kỳ rất quan trọng. Lập trường cơ bản của nhân dân ta về việc giải quyết vấn đề Việt Nam là: Đế quốc Mỹ phải chấm dứt chiến tranh xâm lược ở miền Nam, chấm dứt chính sách "Việt Nam hóa" chiến tranh, chấm dứt các hoạt động không quân, hải quân và mọi hoạt động quân sự khác chống nhân dân ta ở cả hai miền, rút hết quân đội, cố vấn, nhân viên quân sự Mỹ và chư hầu ra khỏi miền Nam, hủy bỏ các căn cứ quân sự Mỹ ở miền Nam, phải thật sự tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân miền Nam, chấm dứt ủng hộ ngụy quyền tay sai, xóa bỏ bộ máy áp bức, kìm kẹp của chúng để mở đường cho việc thành lập một chính phủ hòa hợp dân tộc rộng rãi, có nhiệm vụ tổ chức tổng tuyển cử thật sự tự do và dân chủ ở miền Nam.

Nghị quyết 20 nhấn mạnh: Đế quốc Mỹ còn tiếp tục chiến tranh xâm lược và duy trì chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam nước ta thì nhân dân ta còn tiếp tục chiến đấu để giành kỳ được độc lập và tự do thật sự.

Những tài liệu của ta, của địch trích dẫn kể trên là để thấy rõ bối cảnh của những cuộc đàm phán trong giai đoạn cuối của Hội nghị Pari về Việt Nam.

Những cuộc gặp riêng trước tháng 10-1972

Trong giai đoạn đầu của cuộc đàm phán với Mỹ có 28 phiên họp công khai. Trong giai đoạn từ ngày 25-01-1969 đến cuối hội nghị, có 174 phiên họp công khai.

Níchxơn rất ớn những phiên họp công khai này vì "những phiên họp đó tạo cho những người Bắc Việt Nam một diễn đàn hằng tuần trên truyền hình và tác hại rất lớn đối với Mỹ ở tại ngay nước Mỹ" (hồi ký của Kítxinhgiơ).

Cũng như trong giai đoạn 1, trong thời kỳ họp hội nghị bốn bên, chúng ta có nhiều cuộc gặp riêng với Mỹ. Cuộc gặp riêng đầu tiên diễn ra ngày 22-3-1969 theo đề nghị của Cabốt Lốt, trưởng đoàn Mỹ.

Cuộc gặp riêng đầu tiên giữa Bộ trưởng Xuân Thủy với Kítxinhgiơ diễn ra ngày 04-8-1969 tại nhà ông J. Xanhtơny.

Cuộc gặp riêng đầu tiên giữa cố vấn đặc biệt Lê Đức Thọ với Kítxinhgiơ diễn ra ngày 21-02-1970.

Những cuộc gặp riêng mỗi năm một nhiều hơn, có cuộc kéo dài đến mười ngày (như cuộc gặp riêng tháng 12-1972) kéo dài từ ngày 04 đến 13-12-1972.

Mặc dù là kẻ thù không đội trời chung với chúng ta, nhưng Kítxinhgiơ không thể không kính trọng những người đàm phán với Mỹ. Kítxinhgiơ viết trong hồi ký: "Sự đường hoàng, lòng tự tin của những người đó gây ấn tượng sâu sắc đối với chúng tôi". Kítxinhgiơ viết tiếp: "Họ không bao giờ dao động; họ tinh tế, có kỷ luật, vô cùng kiên nhẫn. Họ uyển chuyển, có tài tuyệt diệu trong việc sử dụng nghệ thuật trình bày một cách tinh tế các công thức. Họ được vũ trang bằng chí kiên nhẫn vô tận".

Những cuộc gặp riêng trước tháng 10-1972 chưa đạt được thỏa thuận nào vì chính quyền Níchxơn vẫn nuôi ảo tưởng giải quyết vấn đề Việt Nam trên thế mạnh bằng phương pháp mạnh, vẫn theo đuổi chính sách duy trì ngụy quân, ngụy quyền để thực hiện chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ ở miền Nam nước ta.

Trong các cuộc gặp riêng từ đầu năm 1969 đến giữa năm 1972, ta đều nêu lên những yêu cầu cơ bản sau đây, đã được nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ 20 (khóa III) ghi rõ: Mỹ phải chấm dứt xâm lược Việt Nam, phải tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, phải rút hết quân Mỹ và quân chư hầu ra khỏi miền Nam Việt Nam, phải từ bỏ bọn Thiệu - Kỳ để mở đường cho việc thành lập một chính phủ hòa hợp dân tộc rộng rãi, v.v.. Phía Mỹ thì lặp đi, lặp lại luận điệu "hai bên cùng xuống thang", "rút quân ngoại nhập" (nghĩa là quân Mỹ và quân miền Bắc Việt Nam) ra khỏi miền Nam, v.v..

Những cuộc gặp riêng trước tháng 10-1972 chủ yếu là những cuộc thăm dò nhau, những cuộc đấu lý, đấu lẽ, đấu pháp. Những trận đấu lý, đấu lẽ, đấu pháp trong các cuộc gặp riêng kết hợp rất chặt chẽ với các cuộc đấu lực ở chiến trường.

Những tiền đề dẫn đến chuyển biến trong đợt gặp riêng tháng 10-1972

Trong các năm 1969, 1970, 1971 và cả nửa đầu năm 1972, chính quyền Níchxơn đã dùng sức ép tối đa

về quân sự, ngoại giao hòng làm yếu ta về mọi mặt, hòng buộc ta phải chấp nhận những điều kiện của chúng ở bàn đàm phán nhưng sự thật diễn ra lại đi ngược tham vọng của chúng. Thế của ta vẫn vững, lực của ta vẫn mạnh. Kítxinhgiơ phải than thở: Những người Bắc Việt Nam là những người cách mạng kiên cường!

Ở Mỹ, phong trào phản chiến không ngừng lên cao, Quốc hội Mỹ ngày càng đòi hỏi phải chấm dứt chiến tranh, rút hết quân Mỹ về nước, hồi hương tù binh.

Chỉ trong ba tháng 5, 6, 7-1972, hạ nghị viện và thượng nghị viện Mỹ đã thông qua 19 biểu quyết đòi chấm dứt chiến tranh.

Chính Níchxơn cũng đã thú nhận rằng sự chán ngấy chiến tranh đã đạt tới mức mà sự tiếp tục ném bom miền Bắc Việt Nam là không thể chống đỡ nổi (hồi ký của Níchxơn).

Năm 1972 là năm bầu cử Tổng thống Mỹ, Hạ nghị viện Mỹ và một phần Thượng nghị viện Mỹ. Vấn đề Việt Nam vẫn là "cơn ác mộng" đối với nhân dân Mỹ, đối với chính quyền Níchxơn. Không giải quyết được cơn ác mộng này thì dù có trúng cử tổng thống, Níchxơn vẫn bị bó chân, bó tay, nước Mỹ vẫn bị bao phủ bởi "cơn ác mộng". Do đó, giải quyết hòa bình vấn đề Việt Nam là một sự lựa chọn, một phương hướng của chính quyền Níchxơn, bên cạnh phương hướng dùng sức mạnh.

Về phía ta, trong năm bầu cử Tổng thống Mỹ, ta vận dụng sách lược khôn khéo để dồn đối phương vào thế

phải nhân nhượng, phải chấp nhận các điều kiện của ta. Yêu cầu của ta là giành thắng lợi bộ phận để tạo điều kiện sau này tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn, do đó từ mùa thu 1972, Bộ Chính trị đề ra bốn yêu cầu cụ thể là:

1. Bảo đảm các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân ta đã được Hiệp định Giơnevơ năm 1954 công nhận.

2. Chấm dứt sự dính líu quân sự của Mỹ ở Việt Nam, ngừng bắn, rút hết quân Mỹ và chư hầu của Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam.

3. Có hai chính quyền, hai quân đội, hai địa bàn ở miền Nam.

4. Mỹ phải bồi thường chiến tranh.

Yêu cầu thứ hai là yêu cầu cơ bản nhất.

Điện ngày 03-10-1972 của Bộ Chính trị gửi đoàn một lần nữa khẳng định những yêu cầu kể trên.

Hai con ngựa đua vượt vật chướng ngại

Những cuộc gặp riêng giữa ta và Mỹ trong quý III năm 1972, nhất là những cuộc gặp riêng trong tháng 9-1972 không còn là những cuộc cãi vã, những cuộc đấu khẩu suông mà đã đi vào thương lượng nhưng chưa có biến chuyển lớn, thực chất.

Ngày 07-11-1972, ngày bầu cử Tổng thống Mỹ, là một cột mốc mà cả ta và địch đều tính đến để vận dụng sách lược thích hợp nhằm gây sức ép với đối phương, tuy rằng cả hai bên đều dự liệu khả năng không đạt được giải pháp trước ngày đó và còn phải tiếp tục chiến tranh.

Trong bối cảnh đó, diễn ra đợt gặp riêng lần thứ 19 (từ ngày 08 đến 12-10-1972) giữa các đồng chí Lê Đức Thọ, Xuân Thủy, Nguyễn Cơ Thạch và một số đồng chí khác với Kítxinhgiơ, Haygơ và một số phụ tá của Kítxinhgiơ.

Mở đầu cuộc họp, Kítxinhgiơ nói một cách có hình ảnh rằng trong lần họp này hai bên giống như hai con ngựa đua cố vượt vật chướng ngại.

Trong cuộc họp ngày 08-10-1972, căn cứ vào những yêu cầu cơ bản mà Bộ Chính trị đã quyết, đoàn ta chủ động tiến công. Đồng chí Lê Đức Thọ đưa cho Kítxinhgiơ dự thảo "Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam". Dự thảo dài 12 trang, có 10 chương.

Chương I nói về các quyền dân tộc cơ bản của Nhân dân Việt Nam.

Chương II nói về chấm dứt chiến sự, rút quân (chỉ nói rút quân Mỹ và quân chư hầu của Mỹ).

Chương III nói về việc trao trả những người của các bên bị bắt và giam dữ.

Chương IV nói về việc thực hiện quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam (không đòi lật đổ Thiệu - Kỳ mà đưa ra chủ trương lập chính quyền hòa hợp dân tộc các cấp, gồm ba thành phần ngang nhau).

Chương V nói về vấn đề thống nhất nước Việt Nam và vấn đề quan hệ giữa hai miền Nam, Bắc.

Chương VI nói về việc hàn gắn vết thương chiến tranh và khôi phục kinh tế ở hai miền (trong chương này,

ta đòi Mỹ phải có trách nhiệm đóng góp vào việc hàn gắn những vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế ở hai miền, không kèm theo điều kiện và không hoàn lại).

Chương VII nói về việc lập Ban liên hợp, Ủy ban quốc tế kiểm soát - giám sát ngừng bắn, rút quân, v.v..

Chương VIII nói về tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Lào và nhân dân Campuchia, nhấn mạnh công việc nội bộ của Campuchia và Lào do nhân dân mỗi nước đó tự giải quyết, các nước ngoài không được can thiệp vào.

Chương IX nói về quan hệ giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ.

Chương X nói về hiệu lực của hiệp định bắt đầu từ khi ký.

Anh Lê Đức Thọ giải thích thêm, đại ý: Dự thảo hiệp định này thể hiện cố gắng lớn, thiện chí tối đa của Việt Nam nhằm sớm chấm dứt chiến tranh, đáp ứng những nguyện vọng hòa bình của nhân dân hai nước. Anh lần lượt nêu bật những điểm chính trong dự thảo hiệp định.

Sau khi nghiên cứu văn bản của ta độ nửa giờ, Kítxinhgiơ vui mừng ra mặt và phát biểu: Đây là văn kiện rất cơ bản, rất quan trọng. Các ông đã mở ra một trang sử mới trong đàm phán. Đây là một bước ngoặt trong đàm phán. Có khả năng chúng ta có thể giải quyết sớm.

Trong hồi ký, Kítxinhgiơ gọi dự thảo hiệp định của ta là "sự đột phá" bế tắc đàm phán kéo dài mấy năm. Kítxinhgiơ nhận xét:

Những người đàm phán Việt Nam khi họ đã úp thì họ biết úp rất chặt và khi họ muốn mở thì cũng biết mở khéo để đi vào thương lượng thực chất.

Với cuộc tiến công của ta bằng những đề nghị hợp tình, hợp lý, có mức độ, cuộc đàm phán trở nên sít sao, sôi nổi. Hai bên gặp lại nhau ngày 10 tháng 10. Ngày 11-10-1972 lại gặp nhau; cuộc họp kéo dài hơn 16 tiếng đồng hồ (từ 9 giờ 30 sáng 11 tháng 10 đến 2 giờ sáng 12-10-1972). Đây là một cuộc họp kéo dài chưa từng có. Kítxinhgiơ gọi đó là cuộc chạy maratông. Những vấn đề thảo luận gay go trong cuộc họp này là những vấn đề: thay thế vũ khí ở miền Nam; nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban quốc tế; chấm dứt chiến sự ở Lào và ở Campuchia; bồi thường chiến tranh (về vấn đề bồi thường chiến tranh, trong một cuộc gặp riêng tháng 9-1972, ta đòi 9 tỷ đôla Mỹ, chia đôi cho mỗi miền một nửa).

Qua thảo luận, quan điểm hai bên gần nhau, trừ hai vấn đề còn gay cấn nhiều là vấn đề nhân viên dân sự bị bắt ở miền Nam và vấn đề thay thế vũ khí của quân đội Sài Gòn. Kítxinhgiơ cũng một mực không chịu ghi vấn đề bồi thường chiến tranh trong hiệp định mà nói sẽ có tuyên bố riêng về vấn đề viện trợ để hàn gắn vết thương chiến tranh.

Căn bản thỏa mãn với kết quả đạt được trong đợt gặp riêng, từ ngày 08 đến 12-10-1972, Kítxinhgiơ

thỏa thuận với ta lịch công tác sau đây: ngày 12 tháng 10, Kítxinhgiơ về Mỹ báo cáo với Níchxơn; ngày 17 tháng 10 trở lại gặp ta ở Pari để giải quyết vài vấn đề còn lại; ngày 18 tháng 10, đi Sài Gòn gặp Nguyễn Văn Thiệu; ngày 22 tháng 10, đến Hà Nội ký tắt hiệp định; ngày 24 tháng 10 trở về Mỹ; ngày 26 tháng 10, công bố hiệp định; ngày 31 tháng 10 chính thức ký hiệp định.

Chính quyền Níchxơn lật lọng

Ngày 12 tháng 10, Kítxinhgiơ về Mỹ báo cáo với Níchxơn. Níchxơn tán thành những điều đã thỏa thuận, hoan nghênh dự thảo hiệp định của ta, nhưng Níchxơn chủ trương không ký vội. Theo hồi ký của Kítxinhgiơ, Níchxơn nói rằng trước bầu cử mà "ký hiệp định có thể làm cho cử tri bảo thủ không bằng lòng và do đó làm giảm khả năng thắng cử của Níchxơn" (Hồi ký của Kítxinhgiơ), bản dịch tiếng Pháp (Nxb. Fayard, trang 1.419).

Vì vậy, trong cuộc gặp riêng ngày 17-10-1972 với anh Xuân Thủy (lúc này anh Lê Đức Thọ đã về Hà Nội), Kítxinhgiơ gây nhiều khó khăn, đòi sửa một số điểm đã thỏa thuận.

Kítxinhgiơ đề nghị gặp anh Lê Đức Thọ ở Viêng Chăn hoặc ở Pari để giải quyết một số vấn đề mà y cho là tồn tại. Ta không đồng ý gặp lại nhưng đồng ý sửa một số điểm. Sau sự đồng ý này, Kítxinhgiơ thừa nhận "văn bản là hoàn chỉnh" (Hồi ký Kítxinhgiơ, trang 1.419).

Kítxinhgiơ ở Sài Gòn từ ngày 19 đến 23-10-1972, nhưng không đi Hà Nội để ký tắt hiệp định như đã

thỏa thuận. Y vin có "gặp khó khăn" với Thiệu để yêu cầu ta sửa đổi nhiều điểm đã thỏa thuận và trì hoãn việc ký.

Đứng trước sự lật lọng của chính quyền Níchxơn, ngày 26-10-1972, Chính phủ ta công bố hiệp định, phê phán sự tráo trở của chính quyền Mỹ, đòi Mỹ phải thực hiện nghiêm chỉnh những thỏa thuận và ký kết hiệp định đúng hạn.

Đoàn ta ở Pari họp báo, nêu rõ "hòa bình đã ở đầu ngòi bút", nhưng vì chính quyền Mỹ tráo trở, hiệp định chưa ký được, chiến tranh vẫn tiếp tục, chính quyền Mỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm.

Ngày 26 tháng 10, tại Oasinhtơn, Kítxinhgiơ cũng vội vã họp báo hòng xoa dịu dư luận Mỹ. Kítxinhgiơ thừa nhận "hòa bình đã ở trong tầm tay", nhưng lại đổ lỗi cho ta về việc chưa ký được hiệp định.

Trong các công hàm gửi cho ta và trong gặp riêng sau này, Kítxinhgiơ thanh minh là gặp khó khăn với Thiệu, nhưng thật ra đó không phải là nguyên nhân chính. Đúng là bọn Thiệu làm mình, làm mẩy với chủ Mỹ của chúng, cố níu đế quốc Mỹ tiếp tục dính líu quân sự, chính trị ở Việt Nam. Bọn Thiệu tìm cách phá hiệp định bằng việc nêu ra 69 điểm sửa đổi văn bản đã thỏa thuận. Nhưng sự cựa quậy của bọn Thiệu chẳng có tác dụng gì nếu tập đoàn Níchxơn - Kítxinhgiơ quyết tâm thực hiện lịch công tác đã thỏa thuận. Níchxơn đã có lần nói với Kítxinhgiơ rằng nếu Thiệu "không biết điều

thì không phải là cái đuôi chó lại có thể vẫy được con chó". Níchxơn dặn Kítxinhgiơ rằng "khi đã đạt được hiệp định với Hà Nội thì khi gặp Thiệu, hãy tống cái đó vào cổ họng Thiệu".

Tập đoàn Níchxơn - Kítxinhgiơ trì hoãn việc ký hiệp định và đòi sửa đổi văn bản đã thỏa thuận vì nhiều lý do, vì nhiều nguyên nhân sâu xa và trực tiếp:

1. Việt Nam là "ác mộng" đối với chính quyền Níchxơn, đối với nhân dân Mỹ. Chính quyền Níchxơn, phải tìm cách thoát khỏi "ác mộng" đó, nhưng lại vẫn theo đuổi ý đồ ở lại bằng cách củng cố, tăng cường ngụy quân, ngụy quyền. Chính vì vậy, tập đoàn Níchxơn tráo trở để tranh thủ thời gian hà hơi tiếp sức cho ngụy quân, ngụy quyền. Từ ngày 20-10-1972, chúng tiến hành chiến dịch "tăng cường hơn nữa" (Enhance plus) nhằm chuyên chở nhiều vũ khí cho ngụy.

2. Trước ngày bầu cử tổng thống, tập đoàn Níchxơn vừa tìm cách giành được nhiều phiếu của thanh niên các phái bồ câu, chủ hòa và vừa tìm cách giành được nhiều phiếu của các phái bảo thủ, diều hâu.

Níchxơn đã nói với Kítxinhgiơ ngày 16-10-1972 rằng "đạt được một giải pháp thì sẽ giành nhiều phiếu hơn nữa của những cử tri thanh niên... nhưng không nên vội vã, đừng để thời hạn tuyển cử bức bách". Chính vì thế Kítxinhgiơ tuyên truyền "hòa bình đã ở trong tầm tay", nhưng lại không chịu ký đúng ngày 31 tháng 10 như đã thỏa thuận.

Níchxơn e sợ ký hiệp định trước ngày bầu cử tổng thống (07 tháng 01) thì có thể mất sự ủng hộ của cử tri bảo thủ. Tập đoàn Níchxơn sửa đổi văn bản đã thỏa thuận cũng là để làm vừa lòng bọn diều hâu.

Sự lắt léo của chính quyền Níchxơn có nguyên nhân quan trọng là như vậy.

3. Tập đoàn Níchxơn thỏa thuận về văn bản hiệp định với ta và về lịch tiến hành các bước công tác, trong đó có ngừng bắn, nhưng lại tráo trở để làm cho ta "nhỡ tàu", bộc lộ lực lượng sớm trước giờ H. Về vấn đề này, Kítxinhgiơ kể lại trong hồi ký của y rằng "các lực lượng cộng sản đã ráo riết hoạt động nhằm giành được nhiều đất nhất trong thời gian trước ngừng bắn đã bị thiệt hại nặng nề" (Hồi ký Kítxinhgiơ, trang 1.465).

4. Tập đoàn Níchxơn đưa ra thời hạn ngày 31 tháng 10 để ký kết nhằm moi tối đa những nhân nhượng của ta, nhưng thật ra chúng không có ý định ký hiệp định ngày đó (xem *Hồi ký Kítxinhgiơ: Những năm tháng ở Nhà Trắng,* tiếng Pháp, tập II, trang 1474).

Những cuộc gặp riêng tháng 11, tháng 12-1972

Theo đề nghị của phía Mỹ, đợt gặp riêng lần thứ 21 lại nối lại và kéo dài từ ngày 20 đến 25-11-1972. Đợt gặp riêng lần thứ 22 kéo dài từ ngày 04 đến 13-12-1972.

Trong cả hai đợt, Mỹ đề nghị sửa đổi 120 chỗ trong đó có 60 chỗ thuộc về thực chất. (Ví dụ: trong dự thảo, Điều 1 viết: Mỹ tôn trọng độc lập, chủ quyền... của nước

Việt Nam. Kítxinhgiơ đề nghị sửa: "Nền độc lập, chủ quyền... của Việt Nam phải được tất cả các nước tôn trọng". Kítxinhgiơ đòi sửa lại thỏa thuận về thay thế vũ khí, về đi lại trong khu phi quân sự, v.v.). Riêng trong cuộc gặp riêng ngày 20 tháng 11, Kítxinhgiơ đưa ra 69 yêu cầu sửa đổi của Thiệu. Về sau này, Kítxinhgiơ thừa nhận đó là một sai lầm về sách lược.

Vào những ngày 20 tháng 10, văn bản hiệp định đã được coi là hoàn bị, chỉ chờ ký chính thức. Vì Mỹ tráo trở, đòi sửa chữa nhiều chỗ, cho nên ta cũng phản kích lại. Cả trong hai đợt gặp riêng tháng 11 và tháng 12, ta đề nghị sửa chữa 57 chỗ, trong đó có 44 chỗ về thực chất, riêng trong đợt gặp riêng tháng 12, ta đòi sửa 48 chỗ, trong đó có 28 chỗ thuộc về thực chất.

Qua đàm phán, trong cả hai đợt gặp riêng, hai bên đã thỏa thuận sửa 91 chỗ, trong đó có 27 chỗ về thực chất và 64 chỗ về kỹ thuật.

Những cuộc gặp riêng tháng 11 và tháng 12 diễn ra trong không khí nhiều khi căng thẳng.

Ngày 21-11-1972, Kítxinhgiơ dọa già, dọa non rằng, nếu muốn có hòa bình thì nên có sớm, càng sớm càng tốt, nhưng nếu phải tiếp tục chiến tranh thì cũng nên sớm cho biết điều đó.

Ngày 24-11-1972, Kítxinhgiơ đưa ra xem bức điện của Níchxơn gửi y. Bức điện có đoạn viết: Tôi ra lệnh cho ông (Kítxinhgiơ) cắt đứt nói chuyện và chúng ta phải hoạt động quân sự trở lại cho đến khi đối phương

chịu đàm phán nghiêm chỉnh. Đối phương không nên ảo tưởng rằng chúng ta không có cách nào khác hơn là phải giải quyết theo những điều khoản hiện nay.

Sự đe dọa của địch không lay chuyển được chúng ta.

Điện ngày 22-11-1972 của Bộ Chính trị gửi đoàn nhận định địch còn rất ngoan cố và khẳng định quyết tâm của ta: Nếu địch cứ ngoan cố thì ta tiếp tục kiên quyết đánh cho đến khi giành được thắng lợi.

Trong đợt gặp riêng tháng 12-1972, Kítxinhgiơ nói Mỹ có hai kế hoạch: kế hoạch chiến tranh và kế hoạch hòa bình.

Trong cuộc gặp ngày 13-12-1972, Kítxinhgiơ lại dọa rằng ở Oasinhtơn, người ta không thể kiên nhẫn được nữa và càng ngày càng không kiên nhẫn.

Trong bữa ăn cơm với anh Lê Đức Thọ, Kítxinhgiơ vẫn còn tiếp tục dọa dùng vũ lực.

Anh Sáu Thọ và anh Xuân nghiêm khắc lên án sự đe dọa của Mỹ, nói rõ nhân dân Việt Nam không bao giờ đầu hàng. Nếu đạt được giải pháp hòa bình thì có lợi cho cả hai bên, nhưng nếu chiến tranh tiếp tục thì dù Mỹ dùng B.52, hay bom nguyên tử cũng không thể khuất phục được Việt Nam.

Cuộc tập kích chiến lược trên không bằng B.52

Trong hồi ký, Kítxinhgiơ viết một câu thể hiện rõ bản chất của tập đoàn Níchxơn. Câu đó như sau: "Ông ta (Níchxơn) luôn luôn có tính hoài nghi hơn tôi về

khả năng đi đến kết quả trong đàm phán trước khi có một cuộc chạm trán quân sự quyết định".

Níchxơn muốn đạt một giải pháp trên thế mạnh bằng phương pháp mạnh. Sau khi thắng cử trong cuộc bầu tổng thống, Níchxơn lại càng thiên về dùng phương pháp mạnh.

Ngày 30-11-1972, Níchxơn họp với Kítxinhgiơ, Leđơ, Haygơ và bộ tham mưu chủ trương một đợt ném bom thật mạnh bằng B.52 đánh vào Hà Nội từ ba đến sáu ngày. Kítxinhgiơ đề nghị Níchxơn công bố trực tiếp cuộc tiến công quân sự này với công chúng bằng một bài diễn văn phát qua đài truyền hình, nhưng Níchxơn cho rằng không thể nào thuyết phục được nhân dân Mỹ bằng cuộc leo thang chiến tranh, cho nên Níchxơn chủ trương ném bom không tuyên bố.

Ngày 14-12-1972, Níchxơn chính thức thông qua quyết định về cuộc tập kích chiến lược trên không bằng B.52 sẽ bắt đầu từ ngày 17 tháng 12 (giờ Hà Nội là ngày 18 tháng 12).

Níchxơn chỉ thị cho Kítxinhgiơ họp báo ngày 16-12-1972 đổ lỗi cho ta không có thiện chí, ngoan cố, làm cho đàm phán bị gián đoạn. Cuộc họp báo rõ ràng là một thủ đoạn nhằm mở đường cho cuộc tập kích. Ngay ngày hôm đó, đoàn ta tại Pari đã ra tuyên bố bác bỏ luận điệu của Kítxinhgiơ, vạch trần trách nhiệm của Mỹ.

Cuộc tập kích chiến lược trên không bằng B.52 12 ngày đêm vào Hà Nội, Hải Phòng là một bộ phận

trong mưu đồ của chính quyền Níchxơn gây sức ép tối đa về quân sự, ngoại giao và công luận hòng làm yếu ta, hòng buộc ta phải chấp nhận điều kiện của Mỹ. Nhưng chúng đã tính toán sai. Trong hồi ký của y, Níchxơn thú nhận y rất lo lắng về những thiệt hại nặng nề của B.52. Theo Níchxơn ngày 18 tháng 12, ba chiếc B.52 bị hạ, ngày 20 tháng 12: sáu chiếc B.52 bị hạ, ngày 21 tháng 12 lại ba chiếc B.52 bị hạ. Đó là sự thừa nhận Mỹ thất bại trong mưu toan gây sức ép tối đa về quân sự đối với ta. Trên thực tế, ngày 18 tháng 12, ba chiếc B.52 đã bị hạ trên bầu trời Hà Nội; ngày 19 tháng 12: hai chiếc B.52 bị hạ; tổng cộng trong 12 ngày đêm chiến đấu đập tan cuộc tập kích trên không vào bầu trời Hà Nội, quân và dân ta đã bắn rơi 34 chiếc máy bay B.52, năm chiếc F111, 38 máy bay phản lực, chiến lược khác và bắt sống gần 100 tên lái máy bay Mỹ.

Sau này, Kítxinhgiơ nói toạc ra rằng cuộc tập kích chiến lược trên không bằng B.52 là lá bài cuối cùng của Mỹ. Nếu đạt kết quả thì ép được Việt Nam nhân nhượng thêm. Nếu thất bại thì cũng là một cách thanh minh với phái diều hâu rằng Níchxơn đã cố gắng đến mức tối đa.

Về công luận, cuộc tập kích trên không đã "dấy lên làn sóng công phẫn nhấn chìm" tập đoàn Níchxơn như Kítxinhgiơ đã thú nhận. Báo *Bưu điện Oasinhtơn* viết: "Hàng triệu người Mỹ cực kỳ xấu hổ và nghi ngờ về thần kinh không lành mạnh của tổng thống". *Thời báo Niu Óóc* gọi Níchxơn là "tên bạo chúa đã hóa điên".

Báo *Lơ Phigarô* (Pháp) một tờ báo của phái hữu cũng dành cả một trang báo lên án chính quyền Níchxơn và gọi cuộc tập kích là "một sự chạy trốn về phía trước".

Tóm lại, tập đoàn Níchxơn không những không ép được ta mà ngược lại, còn bị ép mạnh về quân sự và về công luận.

Đợt gặp riêng cuối cùng

Lá bài cuối cùng của chính quyền Níchxơn (cuộc tập kích chiến lược trên không 12 ngày đêm vào Hà Nội, Hải Phòng) bị xé nát tan tành. Chiến thắng "Điện Biên Phủ trên không" vô cùng oanh liệt đã giáng một đòn hết sức nặng nề vào chính sách dựa vào thế mạnh của tập đoàn Níchxơn.

Chính quyền Níchxơn không có con đường nào khác, là phải tiếp tục đàm phán. Ngay từ giữa năm 1972, chính quyền Níchxơn đã nhận ra rằng họ sẽ mất hẳn sự ủng hộ của công chúng và Quốc hội Mỹ nếu họ từ chối ký kết hòa bình.

Ngày 06-01-1973, Níchxơn nhắc đi nhắc lại với Kítxinhgiơ trước khi Kítxinhgiơ đi Pari là cần đạt được một giải pháp dù đối phương đưa ra những điều kiện khắt khe. Níchxơn còn nói thêm y sẵn sàng chấp nhận văn bản đã thỏa thuận tháng 10-1972.

Nỗi lo sợ của tập đoàn Níchxơn là phải đạt kết quả đàm phán trước khi quốc hội mới họp lại trong lúc chính quyền Níchxơn không còn có phương tiện nào mới để gây sức ép với ta.

Sự lúng túng và bối rối của chính quyền Níchxơn càng tăng trước việc ngày 02-01-1973 khối nghị sĩ Dân chủ tại hạ nghị viện Mỹ biểu quyết với số phiếu 154/75 chủ trương cắt toàn bộ chi phí quân sự ở Đông Dương. Ngày 04-01-1973, khối nghị sĩ Dân chủ ở thượng nghị viện biểu quyết với số phiếu 34/12 theo hướng kể trên.

Chính trong hoàn cảnh đó, Kítxinhgiơ bước vào đợt gặp riêng cuối cùng từ ngày 08 đến 13-01-1973. Công việc chạy băng băng. Ngày 13 tháng 01, Hiệp định đã xong hoàn toàn.

Ngày 23-01-1973, anh Lê Đức Thọ và Kítxinhgiơ ký tắt hiệp định. Ngày 27-01-1973, hiệp định được các bộ trưởng ngoại giao ký chính thức.

Đánh giá cuộc đấu tranh ngoại giao ở Pari, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 21 (khóa III) tháng 10-1973 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta viết: "Cuộc đấu tranh trên mặt trận ngoại giao ở Pari kéo dài năm năm, phối hợp chặt chẽ với đấu tranh quân sự và chính trị trong nước, gây ảnh hưởng chính trị rộng lớn trên thế giới, đã kết thúc thắng lợi". Nghị quyết viết tiếp: Hiệp định Pari "đã ghi lại những thắng lợi rất to lớn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đánh dấu một bước ngoặt trong cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta".

NGUYỄN THÀNH LÊ

MỤC LỤC

		Trang
Lời Nhà xuất bản		5
Lời nói đầu		7
Phần thứ nhất		
CUỘC ĐẤU TRANH TẠI BÀN ĐÀM PHÁN ĐÒI MỸ CHẤM DỨT NÉM BOM VÀ CÁC HÀNH ĐỘNG CHỐNG VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA (Từ ngày 10-5-1968 đến 31-10-1968)		9
Chương I:	Bối cảnh chính trị, quân sự dẫn đến cuộc đàm phán ở Pari	11
Chương II:	Cuộc đàm phán chính thức giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Mỹ (Từ ngày 10-1968 đến 31-10-1968)	20
Phần thứ hai		
HỘI NGHỊ BỐN BÊN VÀ HIỆP ĐỊNH PARI VỀ CHẤM DỨT CHIẾN TRANH LẬP LẠI HÒA BÌNH Ở VIỆT NAM (Từ ngày 18-01-1969 đến 27-01-1973)		29
Chương I:	Chuẩn bị Hội nghị bốn bên về Việt Nam	31
Chương II:	Đàm phán trong năm 1969	47

Chương III: Đàm phán trong năm 1970 56
Chương IV: Đàm phán trong năm 1971 63
Chương V: Tình hình và một số chủ trương lớn của ta và của đối phương trong thời kỳ năm 1972 - đầu năm 1973 73
Chương VI: Những cuộc đàm phán Hè - Thu năm 1972 86
Chương VII: Đợt đàm phán tháng 10-1972: Bước ngoặt căn bản đi đến giải pháp về vấn đề Việt Nam 99
Chương VIII: Đợt đàm phán tháng 11-1972 133
Chương IX: Đợt đàm phán tháng 12-1972 150
Chương X: Trận tập kích chiến lược bằng B.52 cuối năm 1972 và thất bại nặng nề của Mỹ 178
Chương XI: Đợt gặp riêng cấp cao tháng 01-1973: Đợt đàm phán cuối cùng dẫn đến chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam 186
Chương XII: Nhìn lại cuộc đàm phán Pari về Việt Nam 212

PHẦN PHỤ LỤC 225

Phụ lục 1: Danh sách thành viên các đoàn đàm phán tại Hội nghị Pari 227
Phụ lục 2: Hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Hoa Kỳ (Ký tại Pari ngày 27-01-1973) 231

Phụ lục 3: Hiệp định giữa các bên tham gia Hội nghị Pari về Việt Nam (Ký tại Pari ngày 27-01-1973) 251
Phụ lục 4: Định ước của Hội nghị quốc tế về Việt Nam (Ký tại Pari ngày 02-3-1973) 253
Phụ lục 5: Một số bài viết của tác giả đăng trên Báo *Nhân dân* về Hội nghị Pari 260

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT - Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080 49221, Fax: 080 49222, Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn

TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

GS.NGND. VŨ DƯƠNG NINH

- **CÁCH MẠNG VIỆT NAM TRÊN BÀN CỜ QUỐC TẾ - LỊCH SỬ VÀ VẤN ĐỀ**

EDWARD MILLER

- **LIÊN MINH SAI LẦM: NGÔ ĐÌNH DIỆM, MỸ VÀ SỐ PHẬN NAM VIỆT NAM**

TRẦN MAI HẠNH

- **BIÊN BẢN CHIẾN TRANH 1-2-3-4.75**

ISBN 978-604-57-3722-4
9 786045 737224
8935211199019

Giá: 81.000đ